92

物不能容

躶國欣然便脱衣
禮非亡也俗隨宜
金穿秃媪為懸杙
明鏡盲人作蓋巵
玉樸入琴牛不聽
花粧瓔珞象何知
吁嗟一曲玄中妙
合把黄金鑄子期。

VẬT BẤT NĂNG DUNG

Khỏa quốc hân nhiên tiện thoát y,
Lễ phi vô dã, tục tùy nghi.
Kim xuyên thốc ẩu vi huyền dặc[1*],
Minh kính manh nhân tác cái chi[2*].
Ngọc tháo nhập cầm ngưu bất thính,
Hoa trang anh lạc tượng hà tri.
Hu ta nhất khúc huyền trung diệu,
Hợp bả hoàng kim chú Tử Kỳ.

DỊCH NGHĨA :

VẬT KHÔNG THỂ TÙY THEO MỌI NGƯỜI

Đến xứ cởi trần (1) cứ vui vẻ mà bỏ áo,
Không phải là quên lễ, chỉ tùy theo thói tục mà thôi.
Chiếc thoa vàng đối với bà già đầu hói chỉ là chiếc móc để treo,
Tấm gương sáng đối với người mù chỉ là cái nắp đậy chén.
Dẫu tiếng ngọc nhập vào đàn cầm thì trâu cũng chẳng thèm nghe.
Bông hoa có trang sức thêm chuỗi ngọc thì voi cũng không biết đến.
Than ôi, một khúc mầu nhiệm trong huyền vi,
Nên đem vàng mà đúc Tử Kỳ (2).

DỊCH THƠ :

Vào xứ mình trần bỏ áo đi,
Phải đâu quên lễ, chỉ tùy nghi.
Trâm vàng, mụ hói treo làm móc,
Gương sáng, anh mù lấy úp ly.
Hoa giắt minh châu, voi chẳng biết,
Đàn gieo tiếng ngọc, trâu nghe chi!
Hỡi ôi! Một khúc huyền trong diệu,
Dồn hết vàng kia đúc Tử Kỳ.

Theo *TRÚC THIÊN*
(Bd. *TSNL*)

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN ; TSNL1, TSNL2

1° TSNL1 : 栈 : TSNL2 chú : *khủng dặc* 恐栈 nghĩa là : có lẽ chữ *dặc*. Ở đây sửa lại theo TSNL2.

2° TSNL1 : 㼛 . TSNL2 chú : 恐卮 ; nghĩa là : có lẽ chữ 卮 . Hai chữ trên đều không rõ nghĩa. Chúng tôi ngờ cả hai bản đều muốn viết chữ *chi* 卮 là cái chén mà khắc nhầm. Vì vậy, tạm chữa lại.

CHÚ THÍCH :

(1) *Xứ cởi trần* (khỏa quốc) : một nước trong truyền thuyết cổ đại Trung-quốc mà mọi người đều trần truồng. Theo *Triệu sách* 趙策 , *Chiến quốc sách* 戰國策 thì vua Vũ 禹 xưa kia khi vào nước này cũng phải ở trần.

(2) *Tử Kỳ* : tức Chung Tử Kỳ 鍾子期 , người thời Chiến quốc, rất sành âm luật, là bạn tri kỷ của Bá Nha 伯牙 . Nghe Bá Nha đánh đàn, ông biết trong lòng Bá Nha đang nghĩ đến non cao hay nước chảy. Sau khi Tử Kỳ chết, Bá Nha bỏ đàn không gảy nữa vì không còn ai là tri kỷ.

*

93 — 94

上福堂逍遙禪師并引

久違風彩
僑寄荒村
身雖天外之參商
意有鏡中之鸞鳳
聞唱無生之曲
用酧法乳之恩
濫札伽陀。上呈座下。

一

身雖肥遯寓鄉關
四重恩深未敢寒
意拙少逢滌意氣
心灰孤守寸心丹
春回虛對開桃蘂
風起空聞擊竹竿
當日到家參問罷
沒絃琴子請今彈。

THƯỢNG PHÚC-ĐƯỜNG TIÊU DAO THIỀN SƯ (TỊNH DẪN)

Cửu vi phong thái, kiều ký hoang thôn [1°]. Thân tuy thiên ngoại chi sâm thương, ý hữu kính trung chi loan phượng.

Nhàn xướng vô sinh chi khúc, dụng thù pháp nhũ chi ân.

Lạm trát già đà, thướng trình tòa hạ :

I

Thân tuy phì độn ngụ hương quan,
Tứ trọng ân thâm vị cảm hàn.
Ý chuyết thiểu phùng thiêm ý khí,
Tâm khôi cô thủ thốn tâm đan.
Xuân hồi hư đối khai đào nhị,
Phong khởi không văn kích trúc can.
Đương nhật đáo gia tham vấn bãi,
Một huyền cầm tử thỉnh kim đàn.

二	II
暫來省問古錐禪	Tạm lai tỉnh vấn cổ chùy thiền,
像貌期頤壯且堅	Tượng mạo kỳ di tráng thả kiên.
慧可身慚皮髓記	Tuệ Khả thân tàm bì tủy ký,
趙州天與鶴龜年	Triệu Châu thiên dữ hạc quy niên.
須知世有人中佛	Tu tri thế hữu nhân trung Phật,
休怪爐開火裏蓮	Hưu quái lò khai hỏa lý liên.
珍重伽陀隨興禮	Trân trọng già đà tùy hứng lễ,
幾多縵却紫茸檀。	Kỷ đa mạn khước tử nhung chiên.

DỊCH NGHĨA :

TRÌNH THIỀN SƯ TIÊU DAO Ở PHÚC-ĐƯỜNG (1)
(KÈM LỜI DẪN)

Lâu nay xa phong thái, kiều ngụ ở thôn hoang. Sâm thương (2) thân cách phương trời ; loan phượng (3) ý hằng chung bóng. Khúc hát « vô sinh » (4), thảnh thơi cất tiếng. Công ơn pháp nhũ (5), gọi chút đền bù. Lạm viết đôi lời (6) dưới tòa trình tiến :

I

Thân tuy quê kệch ở nơi xóm làng,
Tứ trọng (7) ơn sâu, lòng chưa dám lạnh.
Ý vụng về, nhờ gặp gỡ ít nhiều cũng đã tăng thêm ý khí,
Lòng như tro nguội, song riêng gìn giữ tấc son.
Xuân đến, lặng lẽ ngắm cây đào nẩy nhị,
Gió nổi lên, luống nghe khóm trúc khua vang.
Hôm nọ đến nhà tham vấn xong,
Giờ đây, xin gảy cây đàn không giây (8).

II

Tạm đến thăm hỏi vị Thiền sư hiếm hoi đạo cao đức trọng (9),
Tướng mạo thọ khảo, mạnh khỏe và kiên cường.
Tuệ Khả hổ thẹn với lời ghi được da, được tủy (10),
Triệu Châu trời trao cho cái tuổi thọ của rùa, của hạc (11).
Nên biết rằng đời có vị Phật trong đám người bình thường,
Thì đừng lạ gì đóa sen nở ra trong lò lửa.
Kính dâng lời kệ là cái lễ tùy hứng,
Có là bao, xin đừng từ khước điều nhỏ mọn.

DỊCH THƠ :

I

Thân tuy quê kệch chốn hương quan,
Nghĩa nặng ơn sâu dám chút sờn.
Ý vụng, đổi trao thêm ý mới,
Lòng băng, gìn giữ tấc lòng son.
Xuân về lặng ngắm hoa đào nở,
Gió nổi buồn nghe tiếng trúc dồn.
Buổi nọ qua nhà thăm viếng đoạn,
Không giây, xin dạo một cung đàn.

II

Tạm tới thăm nom bậc thượng phương,
Dung nhan thọ khảo lại kiên cường.
Thần Quang lòng thẹn lời xương tủy,
Tòng Thẩm trời trao tuổi thọ khang.
Nên biết trong đời sinh đức Phật,
Lạ chi giữa lửa nở sen vàng.
Kính dâng bài kệ câu tùy hứng,
Xin chớ từ chi chút lễ thường.

ĐỖ VĂN HỶ

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : TSNL1, TSNL2

1* TSNL2 chú : *cựu tài* 舊材 ; nghĩa là : bản cũ là chữ *tài*. Không rõ bản cũ là bản nào.

CHÚ THÍCH :

(1) *Phúc-đường* : xem Cht. 1, bài *Vấn Phúc Đường đại sư tật*, số 65, cùng tác giả.

(2) *Sâm thương* : sao Sâm ở phương Tây, sao Thương ở phương Đông, khi lặn cũng như khi mọc đều không nhìn thấy nhau. Do đó người ta dùng để ví với hai người xa cách.

(3) *Loan phượng* : thường dùng để chỉ lứa đôi, nhưng ở đây tác giả mượn nó để tượng trưng cho tình bạn.

(4) *Vô sinh* : xem Cht. 19, bài *Kim cương tam muội kinh tự*, số 4, của Trần Cảnh.

(5) *Pháp nhũ* : thuật ngữ nhà Phật : đem cái tư vị của chính pháp để nuôi dưỡng cái pháp thân của người học đạo, như người mẹ dùng sữa nuôi con.

(6) Nguyên văn là *già đà*, nghĩa là bài kệ, ở đây tạm dịch là đôi lời.

(7) *Tứ trọng* : công ơn của cha mẹ, của chúng sinh, của quốc vương, của Tam bảo. Xem thêm Cht. 17, bài *Thượng sĩ hành trạng* số 207, của Trần Khâm.

(8) *Cây đàn không giây* : xem Cht. 30, *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

(9) *Vị Thiền sư hiếm hoi đạo cao đức trọng* (cổ chủy thiền): cổ chủy là cái dùi xưa, tượng trưng cho hàng tiền bối đạo cao đức trọng.

(10) *Lời ghi được da được tủy*: theo Kinh *Đại tạng* 大藏經 thì khi Đạt Ma 達磨, tổ Thiền tông sắp tịch, các đạo phó như Nê Tổng Trì 尼総持 Đạo Dụ 道喻 và Tuệ Khả 慧可 (tức Thần Quang 神光) đều hầu ở bên cạnh, mỗi người nói lên chỗ sở đắc của mình. Riêng Tuệ Khả chỉ lạy ba lạy rồi trở về chỗ ngồi. Đạt Ma bảo: «Chỉ có ông là đạt được cốt tủy của ta, còn các ông kia người thì được xương, người thì được thịt, người thì được da mà thôi». Sau đó Tuệ Khả được trao y bát thành tổ thứ hai Thiền Tông.

(11) *Triệu Châu*: tức Tòng Thẩm 從諗, xem Cht. 6, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

*

95

福堂景物

福堂景致已郎當
賴有禪風習習涼
籬落蕭疎抽笋瘦
門庭幽邃閴松荒
未逢時泰賢人出
且喜林深瑞獸藏
早晚老天開佛日
通門桃李弄春光。

PHÚC-ĐƯỜNG CẢNH VẬT

Phúc-đường cảnh trí dĩ lang đang,
Lại hữu thiền phong tập tập lương.
Ly lạc tiêu sơ trừu duẩn sấu,
Môn đình u thúy tịch tùng hoang.
Vị phùng thì thái hiền nhân xuất,
Thả hỷ lâm thâm thụy thú tàng,
Tảo vãn lão thiên khai Phật nhật,
Thông môn đào lý lộng xuân quang

DỊCH NGHĨA:

CẢNH VẬT PHÚC-ĐƯỜNG

Phong cảnh Phúc-đường thật đã thoáng đãng,
Nhờ có ngọn gió thiền vi vu mát rợi.
Giậu đổ tiêu điều, nẩy chồi măng gầy,
Sân cổng thâm u kề gốc thông hoang.
Chưa gặp thời thịnh để cho người hiền xuất hiện.
Hãy mừng chốn rừng sâu có muông thú lành [1] ẩn.
Sớm muộn trời già cũng mở ra mặt trời Phật [2],
Suốt từ ngõ vào, đào mận đùa giỡn ánh xuân.

DỊCH THƠ :

Quang cảnh Phúc-đường thoáng đãng sao,
Gió thiền mát rợi thổi lao xao.
Rào xiêu, măng vỡ trời lưng giậu,
Sân rợp, thông hoang sát cổng vào.
Người giỏi đang chờ thay vận tốt,
Thú lành còn ẩn giữa non cao.
Trời già, sớm muộn phô vầng nhật,
Khắp ngõ, tia xuân ánh mận đào.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

(1) *Muông thú lành* (thụy thú) : đời xưa cho kỳ lân là con vật nhân hậu, mỗi khi nó xuất hiện thì thế nào cũng có người giỏi ra giúp đời. Ý câu này gắn với câu trên, muốn coi Thiền sư Tiêu Dao là bậc tài trí, nhưng vì chưa gặp thời nên còn ẩn ở Phúc-đường.

(2) *Mặt trời Phật* (Phật nhật) : thuật ngữ đạo Phật, một hình ảnh dùng để gọi tên đức Phật, coi đức Phật có ánh sáng rực rỡ giáo hóa chúng sinh như mặt trời xua tan bóng tối.

*

96

贈純一法師

法身寂滅色身存
夜靜三更入夢魂
縱未優遊禪祖域
也曾出入法王門
懶登賢聖無生路
甘結人天有漏根
若遇作家談妙旨
天津何處起猢猻。

TẶNG THUẦN NHẤT PHÁP SƯ

Pháp thân tịch diệt, sắc thân tồn,
Dạ tĩnh tam canh nhập mộng hồn.
Túng vị ưu du Thiền tổ vực,
Dã tằng xuất nhập Pháp vương môn.
Lãn đăng hiền thánh vô sinh lộ,
Cam kết nhân thiên hữu lậu côn (căn).
Nhược ngộ tác gia đàm diệu chỉ,
Thiên-tân hà xứ khởi hồ tôn.

DỊCH NGHĨA :

TẶNG PHÁP SƯ THUẦN NHẤT (1)

Pháp thân (2) đã tịch diệt mà sắc thân (3) thì còn đấy,
Đêm khuya yên tĩnh lúc canh ba đi vào hồn mộng.
Dẫu chưa rong chơi trong cõi Thiền tổ (4),
Nhưng cũng đã từng ra vào cửa Pháp vương (5).

Lười biếng bước lên đường vô sinh của thánh hiền (6).
Đành buộc với căn tính hữu lậu trong cõi nhân thiên (7).
Nếu gặp vị cao tăng đại đức để bàn về ý chỉ diệu huyền.
Thì đâu còn nổi lên trò con khỉ trên cầu Thiên-tân (8).

DỊCH THƠ :

Pháp thân tịch diệt sắc thân còn,
Đêm lặng, canh ba nhập mộng hồn.
Ví chửa rong chơi nơi Tổ vực,
Cũng từng qua lại chốn Thiền môn.
Vô sinh đường thánh, lười không khứng,
Hữu lậu chất phàm, cố giữ tròn.
Phỏng gặp thầy hay bàn diệu lý,
Dễ đâu bến nước dậy « hồ tôn » ?

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ ; TSNL

(1) *Thuần Nhất :* chưa rõ là ai, nhưng theo đại ý bài thơ thì là một Đạo gia có tham Thiền ít nhiều nhưng cuối cùng vẫn không theo Phật.

(2) *Pháp thân :* xem Cht. 8, bài *Phổ thuyết sắc thân,* số 6, của Trần Cảnh.

(3) *Sắc thân :* xem Cht. 1, bài *Phổ thuyết sắc thân,* số 6, của Trần Cảnh.

(4) *Thiền tổ :* nguyên văn là Tổ vực, ở đây muốn chỉ Phật Thích Ca, hoặc nơi Phật Thích Ca ra đời.

(5) *Pháp vương :* tức là Phật.

(6) *Đường vô sinh* (vô sinh lộ) : con đường không sinh không diệt, tức là con đường tu hành đạo Phật. Xem thêm Cht. 19, *bài Kim cương tam muội kinh tự,* số 4, của Trần Cảnh.

(7) *Căn tính hữu lậu : Căn tính :* xem Cht. 4, bài *Lục thì sám hối khoa nghi tự,* số 22, của Trần Cảnh. *Hữu lậu :* thuật ngữ đạo Phật, chỉ hiện tượng còn rỉ ra, còn cảm xúc, còn lưu thông giữa lục căn (trong cơ thể) với lục trần (sáu cảnh bên ngoài). Chưa dứt bỏ tham, sân, si, còn vấn vương trong tam giới, lục đạo, là còn căn tính hữu lậu, đối lập với vô lậu là đã dứt bỏ được tất cả những cái đó, đã thoát vòng phiền não.

(8) Câu này mượn ý từ câu nói của Pháp sư Đại Nhĩ Tam Tạng 大耳三藏 trả lời Quốc sư Tuệ Trung 慧忠 trong *Truyền đăng lục* 傳燈錄. Tuệ Trung người Chư-ky 諸暨, Việt-châu 越州, được vua Đại Tông 大宗 đón về Kinh khi vua lên ngôi. Gặp lúc Đại Nhĩ Tam Tạng từ Tây-thiên 西天 tới nói rằng : « Lão tăng có con mắt tuệ, nhìn thấu được lòng người khác ». Vua sai Quốc sư thử xem. Quốc sư hỏi : « Ông hãy nói hiện nay tôi đương ở chỗ nào ? ». Đại Nhĩ đáp : « Hòa thượng là một vị Quốc sư sao lại đến Tây-xuyên 西川 xem bơi chải ? ». Quốc sư lại hỏi lại. Đại Nhĩ đáp : « Hòa thượng là một vị Quốc sư sao lại đến cầu Thiên-tân 天津 xem trò con khỉ ? ». Quốc sư hỏi lần thứ ba, Đại Nhĩ lại nói như trước. Hồi lâu, Đại Nhĩ không biết trốn đằng nào cho thoát. Quốc sư liền mắng : « Loài chồn ranh mãnh kia, cái « tha tâm thông » của nhà ngươi ở chỗ nào ? » Đại Nhĩ im lặng. Tuệ Trung Thượng sĩ mượn câu chuyện đấu tranh giữa Phật gia và Đạo gia trên đây để khen Pháp sư Thuần Nhất là người có bản lĩnh chứ không phải tầm thường trong hàng đạo sĩ.

*

97

勸世進道

四序循環春復秋
駸駸已老少年頭
榮華肯顧一場夢
歲月空懷萬斛愁
苦趣輪迴如轉轂
愛河出沒等浮漚
逢場亦不摸來鼻
無限良緣只麼休。

KHUYẾN THẾ TIẾN ĐẠO

Tứ tự tuần hoàn xuân phục thâu (thu),
Xâm xâm dĩ lão thiếu niên đầu.
Vinh hoa khẳng cố nhất trường mộng.
Tuế nguyệt không hoài vạn hộc sầu.
Khổ thú luân hồi như chuyển cốc,
Ái hà xuất một đẳng phù âu.
Phùng trường diệc bất mô lai tị,
Vô hạn lương duyên chỉ má hưu.

DỊCH NGHĨA :

KHUYÊN ĐỜI VÀO ĐẠO

Bốn mùa tuần hoàn, hết xuân lại thu.
Nhanh sầm sập, chả mấy chốc đã già mái đầu con trẻ.
Chẳng chịu ngoảnh nhìn vinh hoa như một giấc mộng.
Năm tháng luống mang vào lòng muôn hộc sầu.
Nẻo «khổ»(1) cứ luân hồi như trục bánh xe quay mãi,
Sông «ái»(2) chìm nổi như bọt nước bập bềnh.
Nếu cứ buông trôi trong mọi thú vui (3) mà không tìm ra điểm bắt đầu,
Thì duyên lành vô hạn chỉ đến thế mà thôi.

DỊCH THƠ :

Năm tháng xoay vần, xuân đến thu,
Xăm xăm tuổi trẻ đã phơ đầu.
Giàu sang, mắt lóa cơn trường mộng,
Tuổi tác, lòng đong vạn hộc sầu.
Nẻo «khổ», bánh xe luân chuyển khắp,
Sông «yêu», bọt nước nổi chìm mau.
Mải vui nếu chẳng tìm ra gốc,
Nghìn thuở lương duyên chẳng đến đâu.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

(1) ***Nẻo khổ*** (khổ thú) : con đường khổ ải luân hồi của người trần thế.

(2) ***Sông yêu*** (ái hà) : xem Cht. 14, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.

(3) ***Buông trôi trong mọi thú vui*** : nguyên văn là *phùng trường*, gọi tắt của mấy chữ *phùng trường tác hý*, là câu nói của Đặng Ẩn Phong 鄧隱峰 trong *Truyền đăng lục* 傳燈錄 : 竿木隨身，逢場作戲 *Can mộc tùy thân, phùng trường tác hý* ; nghĩa là : «gậy gộc mang theo người, gặp chỗ thì chơi đùa». về sau trở thành thành ngữ, chỉ người sống buông trôi, gặp đâu vui đấy.

*

98

示眾

休尋少室與曹溪
體性明明未有迷
古月照無關遠近
天風吹不揀高低
秋光黑白隨緣色
蓮蕊紅香不著泥
妙曲本來須舉唱
莫尋南北與東西

THỊ CHÚNG

Hưu tầm Thiếu-thất dữ Tào-khê,
Thể tính minh minh vị hữu mê.
Cổ nguyệt chiếu phi quan viễn cận,
Thiên phong xuy bất giản cao đê.
Thu quang hắc bạch tùy duyên sắc,
Liên nhị hồng hương bất trước nê.
Diệu khúc bản lai tu cử xướng,
Mạc tầm Nam Bắc dữ Đông Tê (Tây).

DỊCH NGHĨA :

GỢI BẢO MỌI NGƯỜI

Đừng có tìm Thiếu-thất với Tào-khê (1),
Thể tính vằng vặc, chưa có mê lầm.
Mặt trăng xưa soi nào kể gì xa hay gần,
Gió trời thổi nào chọn nơi cao hay thấp.
Ánh sáng mùa thu lúc đen lúc trắng, tùy theo duyên sắc,
Nhị sen đỏ thơm, chẳng nhuốm bùn.
Khúc kỳ diệu « bản lai » (2) nên cất giọng hát,
Chẳng phải tìm ở Nam Bắc với Đông Tây.

DỊCH THƠ :

Thôi tìm núi Thiếu với khe Tào,
Tính sáng chưa mê lẫn chút nào.
Há quản gần xa, trăng cứ dọi,
Lo gì cao thấp, gió đều xao.
Thu trong, biếc hẳn tùy duyên sắc,
Sen ngát, hồng đâu bởi nước ao.
Khúc diệu « gốc nguồn » xin cứ hát,
Bốn phương thôi chớ hỏi nơi nao.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

(1) *Thiếu-thất* : xem Cht. 11, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.
Tào-khê : xem Cht. 2, bài *Thủ nê ngưu*, số 63, cùng tác giả.

(2) *Bản lai* : tức *bản lai diện mục*, xem Cht. 4, bài *Phổ thuyết sắc thân*, số 6, của Trần Cảnh.

*

99

柱杖子

日日杖持在掌中
忽然如虎又如龍
拈來却恐山河碎
卓起還妨日月籠
三尺雙林何處有
六環地藏快難逢
縱饒世道崎嶇甚
不奈從前勃窣翁

TRỤ TRƯỢNG TỬ

Nhật nhật trượng trì tại chưởng trung.
Hốt nhiên như hổ hựu như long.
Niêm lai khước khủng sơn hà toái,
Trác khởi hoàn phương nhật nguyệt lung.
Tam xích Song-lâm hà xứ hữu?
Lục hoàn Địa Tạng khoái nan phùng.
Túng nhiêu thế đạo kỳ khu thậm,
Bất nại tòng tiền bột tốt ông.

DỊCH NGHĨA:

CHIẾC GẬY

Ngày ngày cầm chiếc gậy trong tay,
Bỗng nhiên như cọp lại như rồng.
Nâng lên, chỉ sợ non sông vỡ nát,
Dựng thẳng, e rằng mặt trời mặt trăng bị che khuất.
Ba thước Song-lâm (1), biết tìm chốn nào được?
Sáu vòng Địa Tạng (2) thật khó mà gặp gỡ.
Dẫu cho đường đời gập ghềnh biết mấy,
Chẳng còn ngại gì như ông già trước đây đi lại lật đật.

DỊCH THƠ:

Ngày lại ngày qua tay vững gậy,
Thoắt nhanh như cọp dẻo như rồng.
Vung lên, sông núi e tan nát,
Dựng dậy, trời trăng sợ mịt mùng.
Ba thước Song-lâm tìm mỏi mắt,
Sáu vòng Địa Tạng kiếm hoài công.
Dẫu cho đường tục chông gai mấy,
Lão chẳng như xưa bước ngại ngùng.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

(1) *Ba thước Song lâm :* tức là Sa-la song thụ ; Sa-la phiên âm tiếng Phạn sàla, có nghĩa là kiên cố. Sa-la song thụ là cặp cây sa-la cao ba thước mọc trong một cánh rừng nhỏ bên con sông Airanyavati, gần thành Kuxinagara. Theo truyền thuyết, ông A Nan đã mắc võng giữa cặp cây ấy cho Phật Thích Ca nằm nghỉ trước khi vào Niết-bàn. Điền cố này về sau dùng để chỉ nơi Phật nhập diệt, chỉ cõi Phật.

(2) *Sáu vòng Địa Tạng*: Địa Tạng là một vị Bồ-tát, đại từ đại bi, làm Giáo chủ cõi u minh, có nhiều phép ứng hóa nên có sáu danh hiệu gọi là lục Địa tạng : 1. Đàn đà địa tạng ; 2. Bảo châu Địa tạng ; 5. Trừ cái chướng Địa tạng ; 6. Nhật quang Địa tạng. Vì phải dùng phép đối, nên tác giả đã thêm chữ « hoàn » thành « lục hoàn Địa tạng », để đối với « Tam xích Song lâm ».

*

100

自題

秋光有筆莫形容
激目山河處處同
一派曹溪寒湛湛
千年熊耳碧叢叢
燈籠撞破金剛圈
露柱渾吞栗棘蓬
欲識箇中端的意
新羅夜半日頭紅。

TỰ ĐỀ

Thu quang hữu bút mạc hình dung.
Khích mục sơn hà xứ xứ đồng.
Nhất phái Tào-khê hàn trạm trạm.
Thiên niên Hùng-nhĩ bích tùng tùng.
Đăng lung chàng phá kim cương quyền,
Lộ trụ hồn thôn lật cức bồng.
Dục thức cá trung đoan đích ý.
Tân-la dạ bán nhật đầu hồng.

DỊCH NGHĨA :

TỰ ĐỀ

Ánh sáng mùa thu không bút nào hình dung được,
Ngước nhìn non sông nơi nào cũng một vẻ.
Một dòng suối Tào-khê (1) lạnh ngăn ngắt,
Nghìn năm núi Hùng-nhĩ (2) vẫn xanh lớp lớp.
Đèn lồng đập vỡ vòng kim cương (3).
Cột trần nuốt trọn tấm phên gai góc (4).
Muốn biết cái ý xác thực trong đó,
Nửa đêm ở Tân-la (5), mặt trời đã ửng đỏ.

DỊCH THƠ :

Sắc thu, bút khó vẽ nên hình.
Sông núi nơi nơi một vẻ thanh.
Một giải Tào-khê ngăn ngắt lạnh,
Nghìn năm Hùng-nhĩ trập trùng xanh.
Kim cương vỡ nát trong đèn tuệ,
Gai góc trôi phăng trước Phật đình.
Tình thực bên trong như muốn biết,
Tân-la, vừng nhật nửa đêm sinh.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

(1) *Tào-khê :* xem Cht. 2, bài *Thủ nê ngưu*, số 63, cùng tác giả.

(2 *Hùng nhĩ :* ngọn núi ở phía Nam huyện Lư-thị 盧氏 tỉnh Hà-nam 河南, Trung-quốc, là nơi an táng sư tổ Đạt Ma

(3) *Đèn lồng :* tức *Thủy tinh đăng lung*, là đèn lồng bằng thủy tinh, danh hiệu mà người ta dùng để gọi Tông Lưu Tùy 宋流隨, làm chức Thông phán, là người sáng suốt thấu triệt (theo *Đông trai ký sự* 東齋記事). *Vòng kim cương* (kim cương quyển) : cái vòng rắn chắc không gì phá nổi. Tác giả mượn hình ảnh này để chỉ lòng dục của con người. Cả câu muốn nói : trí tuệ sáng suốt đã phá tan được lòng ham muốn là cái vòng xích buộc con người mãi mãi trong phiền não.

(4) *Cột trần* (lộ trụ) : tức là hai cây trụ gỗ trồng ở trước cửa Thiền. *Phên gai góc* (lật cức bồng) : là hình ảnh tượng trưng cho sự gian khổ mà người tu hành phải trải qua trong quá trình cầu đạo. *Vân khíp thất tiêm* 雲笈七籤 có đoạn ghi lời nói của một Thiền sư : « Ta mộ đạo đã lâu, dốc sức tu trì, ngày đêm suy nghĩ, như cõng trên lưng bó gai sắc nhọn ». Cả hai hình ảnh vòng kim cương ở câu trên, và bó gai nhọn sắc ở câu này xuất phát từ hai câu kệ của Thiền sư Dương Kỳ 楊奇, pháp danh Phương Hội 方會, (thế hệ thứ 11, dòng Thiền Lâm-tế — xem bảng Phả hệ).

透得金剛圈
呑得栗棘蓬

Thấu đắc kim cương quyển,
Thôn đắc lật cức bồng.
(Lọt được cái vòng kim cương,
Nuốt được bó gai lật cức).

Đại ý nói người tu hành khi đã giác ngộ được chân lý, thấu hiểu được chân không bát-nhã, thì mọi vọng niệm đều tan hết, đến như vòng kim cương rắn chắc cũng lọt qua, bó gai lật cức cũng nuốt được.

(5) *Tân-la :* tên một nước thời xưa là một trong Tam Hàn. Xem Cht. 51, bài *Niêm tụng kệ*, số 21, của Trần Cảnh. Nhưng ở đây hai chữ Tân-la chỉ có nghĩa là cái « xa xăm », cái « vô cùng ». Câu thơ của Tô Thức 蘇軾 : 坐者一念遊新羅 *Tọa giả nhất niệm du Tân-la ;* nghĩa là : Chỉ ngồi thiền một nháy mắt là có thể đi tới nước Tân-la.

*

101

頓省 — ĐỐN TỈNH

斷知空有不相差
生死元從一泒波
昨夜月明今夜月
新年花發故年花
三生倏忽真風燭
九界循環是蟻磨
或問如何為究竟
摩訶般若薩婆訶。

Đoán tri không hữu bất tương sa (sai),
Sinh tử nguyên tòng nhất phái ba.
Tạc dạ nguyệt minh kim dạ nguyệt,
Tân niên hoa phát cố niên hoa.
Tam sinh thúc hốt chân phong chúc,
Cửu giới tuần hoàn thị nghĩ ma.
Hoặc vấn như hà vi cứu cánh,
Ma-ha bát-nhã tát-bà-ha.

DỊCH NGHĨA :

CHỢT TỈNH

Đoán biết rằng «không» và «có» không cách nhau lắm,
Sống và chết vốn từ một đợt sóng.
Trăng sáng đêm qua vẫn là trăng đêm nay,
Hoa nở năm mới cũng là hoa năm cũ.
Ba sinh (1) thấm thoắt thực như ngọn đuốc trong gió,
Chín cõi (2) tuần hoàn, giống như cái kiến bò trên miệng cối xay bột.
Có người hỏi thế nào là cứu cánh,
Thì ta bảo : «Ma-ha bát-nhã, tát-bà-ha» (3).

DỊCH THƠ :

Biết rằng «không», «có» chẳng cách xa.
«Sống», «chết» nguyên từ đợt sóng ra.
Trăng rọi tối nay : trăng tối trước.
Hoa cười năm mới : hoa năm qua.
Ba sinh : gió thổi, đuốc lòe tắt,
Chín cõi : cối vần, kiến nhẫn nha.
Muốn hỏi thế nào là cứu cánh,
Ma-ha bát-nhã, tát-bà-ha !

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

(1) *Ba sinh* : thuật ngữ đạo Phật, theo *Truyền đăng lục* 傳燈錄 là ba kiếp luân hồi mà đời người phải trải qua : kiếp trước, kiếp này và kiếp sau.

(2) *Chín cõi* : cũng gọi là *cửu địa*, là chín cảnh giới phân ra từ trong *tam giới* : 1. Dục giới ngũ thú địa ; 2. Ly sinh hỷ lạc địa ; 3. Định sinh hỷ lạc địa ; 4. Ly hỷ diệu lạc địa ; 5. Xả niệm thanh tịnh địa : 6. Không vô biên xứ địa ; 7. Thức vô biên xứ địa ; 8. Vô sở hữu xứ địa ; 9. Phi tưởng phi phi tưởng xứ địa.

(3) *Ma-ha bát-nhã* : phiên âm tiếng Phạn mahâ prajnâ có nghĩa là trí tuệ rộng lớn. *Tát-bà-ha :* phiên âm tiếng Phạn swâha, là một từ ngữ đạo Phật, thường để cuối câu niệm chú, tạo thêm cảm giác linh thiêng.

*

102

退居

儻來禍福不單行
閑卜幽深寄此生
海國三春迷燕壘
煙村一雨隔農耕
多慚身濁逢時濁
小賴心清遇國清
夜夢觀音入荒草
秋江清淺露花橫。

THOÁI CƯ

Thảng lai họa phúc bất đơn hành,
Nhàn bốc u thâm ký thử sinh.
Hải quốc tam xuân mê yến lũy,
Yên thôn nhất vũ cách nông canh.
Đa tàm thân trọc phùng thì trọc,
Tiểu lại tâm thanh ngộ quốc thanh.
Dạ mộng Quan Âm nhập hoang thảo,
Thu giang thanh thiển lộ hoa hoành.

DỊCH NGHĨA :

LUI VỀ

Họa, phúc chợt kéo đến, chẳng khi nào đơn độc,
Nhàn rỗi chọn nơi xa vắng gửi tấm thân này.
Miền biển, ba xuân mịt mờ lũy yến (1),
Nơi thôn dã khói phủ, một trận mưa xuống, bỗng cách biệt việc nông tang.
Đã thẹn nhiều cho tấm thân nhơ đục, gặp thời buổi nhơ đục,
May còn nhờ có chút lòng trong sạch, gặp được nước nhà trong sạch.
Đêm mơ thấy phật Quan Âm (2) vào chốn cỏ hoang,
Sông mùa thu vừa trong vừa cạn, hoa sương bay khắp nơi.

DỊCH THƠ :

Xem cơ họa phúc nghĩ mà kinh.
Chọn chốn thanh u gửi gắm mình.
Ven biển xuân về mê lũy én,
Xóm quê mưa xuống khuất đồng xanh.

Thẹn cho thân đục, đời đang đục,
Vui với lòng thanh, nước cũng thanh.
Đêm mộng Quan Âm vào cỏ rậm,
Dòng thu trong vắt, móc long lanh.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

(1) *Lũy yến* : tổ chim én.
(2) *Qnan Âm* : xem Cht. 1. bài *Chí tâm phát nguyện*, số 37, của Trần Cảnh.

*

103

佛心歌

佛佛佛不可見
心心心不可說
若心生時是佛生
若佛滅時是心滅
滅心存佛是處無
滅佛存心何時歇
欲知佛心生滅心
直待當來彌勒決。

昔無心
今無佛
凡聖人天如電拂
心體無是亦無非
佛性非虛又非實
忽時起
忽時止
往古來今徒擬擬
豈惟埋沒祖宗乘
更起妖魔自家祟。

PHẬT TÂM CA

Phật Phật Phật bất khả kiến,
Tâm tâm tâm bất khả thuyết.
Nhược Tâm sinh thì thị Phật sinh,
Nhược Phật diệt thì thị Tâm diệt.
Diệt Tâm tồn Phật thị xứ vô,
Diệt Phật tồn Tâm hà thì yết.
Dục tri Phật Tâm sinh diệt Tâm,
Trực đãi đương lai Di Lặc quyết.

Tích vô Tâm,
Kim vô Phật ;
Phàm thánh nhân thiên như điện phất.
Tâm thể vô thị diệc vô phi,
Phật tính phi hư hựu phi thật (thực).

Hốt thì khỉ (khởi),
Hốt thì chỉ ;
Vãng cổ lai kim đồ nghĩ nghĩ.
Khởi duy mai một tổ tông thừa,
Cánh khởi yêu ma tự gia túy.

欲求心	Dục cầu tâm,
休外覔	Hưu ngoại mịch ;
本體如然自空寂	Bản thể như nhiên tự không tịch.
涅槃生死漫羅籠	Niết-bàn sinh tử mạn la lung,
煩惱菩提閑對敵。	Phiền não bồ-đề nhàn đối địch.
心卽佛	Tâm tức Phật,
佛卽心	Phật tức tâm,
妙旨靈明達古今	Diệu chỉ linh minh đạt cổ câm (kim).
春來自是春花笑	Xuân lai tự thị xuân hoa tiếu,
秋到無非秋水深。	Thu đáo vô phi thu thủy thâm.
捨妄心	Xả vọng tâm,
取真性	Thủ chân tính ;
似人尋影而忘鏡	Tự nhân tầm ảnh nhi vong kính.
豈知影現鏡中來	Khởi tri ảnh hiện kính trung lai,
不覺妄從真裏迸	Bất giác vọng tòng chân lý bính.
妄來非實亦非虛	Vọng lai phi thực diệc phi hư,
鏡受無邪亦無正。	Kính thụ vô tà diệc vô chính.
也無罪	Dã vô tội,
也無福	Dã vô phúc ;
錯比摩尼兼白玉	Thác tỷ ma-ni kiêm bạch ngọc.
玉有瑕兮珠有纇	Ngọc hữu hà hề, châu hữu loại,
性底無紅亦無綠。	Tính để vô hồng dã vô lục.
亦無得	Diệc vô đắc,
亦無失	Diệc vô thất ;
四十九來是七七	Tứ thập cửu lai thị thất thất.
六度萬行海上波	Lục độ vạn hạnh hải thượng ba,
三毒九情空裏日。	Tam độc cửu tình không lý nhật.
默默默	Mặc mặc mặc,
沉沉沉	Trầm trầm trầm ;
萬法之心卽佛心	Vạn pháp chi tâm tức Phật tâm.
佛心卻與我心合	Phật tâm khước dữ ngã tâm hợp.
法爾如然亙古今。	Pháp nhĩ như nhiên cắng cổ câm.

行亦禪	Hành diệc thiền,
坐亦禪	Tọa diệc thiền ;
一朵紅爐火裏蓮	Nhất đóa hồng lô hỏa lý liên.
沒意氣時添意氣	Một ý khí thì thiêm ý khí,
得安便處且安便。	Đắc an tiện xứ thả an tiện.
咦咦咦	Di di di,
咄咄咄	Đốt đốt đốt ;
大海中漚閑出沒	Đại hải trung âu nhàn xuất một.
諸行無常一切空	Chư hành vô thường nhất thiết không,
何處先師覓靈骨。	Hà xứ tiên sư mịch linh cốt.
醒醒著	Tỉnh tỉnh trước,
著醒醒	Trước tỉnh tỉnh ;
四稜踏地勿欹傾	Tứ lăng tạp địa vật khi[1*] khuynh.
阿誰於此信得及	A thùy ư thử tín đắc cập,
高步毗盧頂上行。	Cao bộ Tỳ-lư đính thượng hành.
喝。	Hát !

DỊCH NGHĨA :

BÀI CA TÂM VÀ PHẬT

Phật, Phật, Phật không thể thấy được,
Tâm, Tâm, Tâm không thể nói được.
Khi Tâm sinh thì Phật sinh,
Khi Phật diệt thì Tâm diệt.
Không có chỗ nào diệt Tâm mà còn Phật,
Diệt Phật mà còn Tâm thì bao giờ cho hết.
Muốn biết Tâm Phật và Tâm sinh diệt,
Phải đợi sau này Phật Di Lặc (1) mới giải đáp được.

Xưa không có Tâm,
Nay không có Phật ;
Phàm, thánh, người, trời nhanh như chớp giật.
Tâm thể (2) không phải cũng không trái,
Phật tính (3) không hư cũng không thực.

Chợt nổi lên,
Chợt ngừng lại ;
Xưa qua nay lại luống những bắt chước nhau.
Chẳng những chôn vùi mất giáo pháp của tổ tông,
Mà còn làm cho yêu ma nổi dậy, tự mình lại ám ảnh cả mình.

Muốn tìm Tâm,
Đừng tìm ở bên ngoài ;
Bản thể của nó cứ như thế và không tịch (4).
Niết-bàn (5) và sinh tử ràng buộc lổng lẻo thôi,
Phiền não (6) và bồ-đề (7) coi thường cả sự đối nghịch của chúng.

Tâm là Phật,
Phật là Tâm ;
Tính huyền diệu thì sáng, linh, và thông suốt xưa nay.
Mùa xuân tới, hoa xuân cười,
Mùa thu về, không chỗ nào là nước thu không sâu.

Bỏ vọng tâm,
Tìm chân tính ;
Giống như người tìm bóng quên gương.
Nào có biết bóng từ trong gương mà ra,
Nào có biết cái vọng dẫn đến từ trong cái thực.
Cái vọng đến thì chẳng thực cũng chẳng hư,
Cái gương tiếp nhận không tà cũng không chính.

Không có tội,
Không có phúc ;
Lẫn cả hạt trai và ngọc trắng.
Ngọc thì có vết mà hạt trai thì có tỳ,
Còn « tính » thì không đỏ cũng không xanh.

Cũng không được,
Cũng không mất ;
Bốn mươi chín là bảy nhân với bảy.
Lục độ (8) vạn hạnh (9) là sóng trên mặt bể,
Tam độc (10) cửu tình là mặt trời trên không.

Lặng, lặng, lặng !
Trầm, trầm, trầm !
Tâm của vạn pháp (11) là tâm của Phật.
Tâm Phật cũng phù hợp với Tâm ta,
Pháp là như thế đấy suốt xưa nay.

Đi cũng thiền.
Ngồi cũng thiền ;
Một đóa hoa sen trong lò lửa hồng (12).
Khi không có ý khí thì tăng thêm ý khí,
Được nơi an định hãy cứ an định.

Ôi, ôi, ôi !
Chà, chà, chà !
Bọt trong biển lớn lênh đênh ẩn hiện.
Mọi hiện tượng đều biến diệt không ngừng, hết thảy là không.
Biết tiên sư ở chỗ nào mà tìm linh cốt (13).

Tỉnh táo lên !
Tỉnh táo lên !
Bàn chân dẫm trên mặt đất chớ có ngả nghiêng.
Ấy ai tin được tới chỗ đó,
Cất cao bước đi trên đầu Tỳ-lư (14).
Hét.

DỊCH THƠ :

Phật ! Phật ! Phật ! Không bóng hình,
Tâm ! Tâm ! Tâm ! ngoài ngôn thuyết.
Nếu Tâm sinh là Phật sinh,
Bằng Phật diệt ấy Tâm diệt.
Diệt Tâm còn Phật, chuyện này không,
Diệt Phật còn Tâm, bao thuở hết.
Muốn biết tâm Phật, Tâm diệt sinh,
Hãy đợi về sau, Di Lặc quyết.

Trước không Tâm,
Nay không Phật ;
Phàm thánh trời người như chớp giật.
Thể Tâm không thị cũng không phi,
Tính Phật chẳng hư cũng chẳng thật.

Bỗng vụt dấy,
Bỗng ngừng nhanh;
Nay lại xưa qua luống quẩn quanh.
Đâu chỉ chôn vùi nếp tông tổ,
Còn gọi yêu ma về lộng hành

Muốn tìm Tâm,
Ngoài chớ hỏi;
Thể tính lặng không, không biến đổi.
Niết-bàn, sinh tử buộc ràng suông,
Phiền não, bồ-đề đối nghịch dối.

Lòng là Phật,
Phật là lòng;
Diệu chỉ sáng thiêng, kim cổ thông.
Xuân đến, tự nhiên hoa xuân nở,
Thu sang, đâu chẳng nước thu trong.

Bỏ vọng tâm,
Cầm chân tính;
Khác gì tìm bóng bỏ quên gương.
Nào biết gương kia lồng bóng nọ,
Không hay vọng vốn từ chân sinh.
Không thực không hư là vọng đó,
Chẳng tà chẳng chính gương in hình.

Cũng không tội,
Cũng không phúc;
Lầm vì hạt trai cùng bạch ngọc.
Ngọc thì có vết, trai có tỳ,
Tính vốn không hồng cũng không lục.

Cũng không được;
Cũng không mất!
Bảy bảy, bốn chín là đồng nhất.
Muôn hạnh sáu độ sóng trùng dương,
Ba độc chín tình là vầng nhật.

Lặng ! Lặng ! Lặng !
Trầm ! Trầm ! Trầm !
Tâm của muôn loài tức Phật tâm.
Tâm Phật tâm ta cùng khế hợp.
Pháp vẫn y nguyên suốt cổ kim.

Đi cũng thiền !
Ngồi cũng thiền !
Trong lò lửa đỏ một bông sen.
Ý khí mất đi thêm ý khí,
Được chốn ở yên hãy ở yên.

Chà ! Chà ! Chà !
Ối ! Ối ! Ối !
Bọt trong biển cả thấy chìm nổi.
Muôn pháp vô thường hết thảy không.
Linh cốt biết đâu tiên sư hỏi.

Tỉnh ! Tỉnh ! Thức !
Thức ! Tỉnh ! Tỉnh !
Bàn chân dẫm đất đứng chống chếnh.
Ai người tin tưởng ở nơi đây,
Bước trên đầu Phật trèo lên đỉnh.
Hét !

HUỆ CHI

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : TSNL1, TSNL2

1* TSNL1 : *ca* 歌, có lẽ nhầm. TSNL2 : *khí :* 欹, và chú : *cựu ca* 舊 歌. Ở đây, sửa lại theo TSNL2.

CHÚ THÍCH :

(1) *Di Lặc* : tên một trong tám vị đại Bồ-tát ; xem Cht. 15, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

(2) *Tâm thể* : thuật ngữ đạo Phật, chỉ thể lượng của tâm. Theo *Khởi tín luận* 起 信 論 thì thể lượng đó là bản giác hư không vô biên.

(3) *Phật tính* : thuật ngữ đạo Phật, chỉ cái tính chân giác của Phật. Theo kinh *Lăng nghiêm* 楞 嚴 thì đó là cái tính vô cùng trong sáng, không thiên lệch, không thay đổi.

(4) *Không tịch* : trống không, lặng lẽ, chỉ cái thực thể, cái bản chất của vạn vật theo quan niệm đạo Phật.

(5) *Niết-bàn* : xem Cht. 6, bài *Kim cương tam muội kinh tự*, số 4, của Trần Cảnh.

(6) *Phiền não* : xem Cht. 3, bài *Chí tâm phát nguyện*, số 42, của Trần Cảnh.

(7) *Bồ-đề* : thuật ngữ đạo Phật. Xem Cht. 1, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.

(8) *Lục độ* : thuật ngữ đạo Phật, cũng gọi là *Lục ba-la-mật-đa*. Tức là sáu điều kiện đưa người tu đạo đến bờ bên kia, bờ giác. Sáu « độ » đó là : 1. Bố thí ; 2. Trì giới ; 3. Nhẫn nhục ; 4. Tinh tiến ; 5. Thiền định ; 6. Trí tuệ.

(9) *Vạn hạnh* : thuật ngữ đạo Phật, chỉ tất cả các đức hạnh và việc làm thuộc về đạo pháp của người tu hành, nhằm đạt tới chỗ giác ngộ.

(10) *Tam độc* : xem Cht. 2, bài *Sám hối ý căn tội*, số 58, của Trần Cảnh.

(11) *Vạn pháp* : thuật ngữ đạo Phật, chỉ tất cả thế giới hiện tượng.

(12) Đây là một biểu tượng được dùng phổ biến trong kinh kệ Phật giáo, nhằm chỉ sự trường tồn của cái « tâm » ngộ đạo, cũng giống như một đóa hoa sen ném vào lò lửa mà vẫn tươi nguyên, không đổi sắc.

(13) *Linh cốt* : tức *xá lỵ*, là những hạt kết lại như hạt trai sáng chói và rắn, sau khi Phật được hỏa hóa (hóa bằng lửa).

(14) *Tỳ-lư* : thuật ngữ đạo Phật, tức Tỳ-lư-xá-na 毘盧舍那 (vairocana), là chân thân sáng chói của Phật.

*

104

放狂吟

天地眺望兮何茫茫
杖策優遊兮方外方
或高高兮雲之山
或深深兮水之洋
饑則喰兮和羅飯
困則眠兮何有鄉
興時吹兮無孔笛
靜處焚兮解脫香
倦小憩兮歡喜地
渴飽啜兮逍遙湯
潙山作鄰兮牧水牯
謝三同舟兮歌滄浪
訪曹溪兮揖盧氏
謁石頭兮儕老龐
樂吾樂兮布袋樂

PHÓNG CUỒNG NGÂM

Thiên địa diểu vọng hề hà mang mang,
Trượng sách ưu[2*] du hề phương ngoại phương.
Hoặc cao cao hề vân chi sơn,
Hoặc thâm thâm hề thủy chi dương.
Cơ tắc xan hề hòa la phạn,
Khốn tắc miên hề hà hữu hương.
Hứng thời xuy hề vô khổng địch,
Tĩnh xứ phần hề giải thoát hương.
Quyện tiểu phại hề hoan hỷ địa,
Khát bão xuyết hề tiêu dao thang.
Quy Sơn tác lân hề mục thủy cổ,
Tạ Tam đồng chu hề ca Thương-lương[3*].
Phỏng Tào-khê hề ấp[4*] Lư thị,
Yết Thạch-đầu hề sài Lão Bàng.
Lạc ngô lạc hề Bố Đại lạc,

狂吾狂兮普化狂
咄咄浮雲兮富貴
吁吁過隙兮年光
胡爲兮宦途險阻
叵耐兮世態炎涼
深則厲兮淺則揭
用則行兮捨則藏
放四大兮莫把捉
了一生兮休奔忙
適我願兮得我所
生死相逼兮於我何妨。

Cuồng ngô cuồng hề Phổ Hóa cuồng.
Đốt đốt phù vân hề phú quý,
Hu hu quá khích hề niên quang.
Hồ vi hề quan[5*] đồ hiểm trở,
Phả nại hề thế thái viêm lương.
Thâm tắc lệ hề thiển tắc yết,
Dụng tắc hành hề xả tắc tàng.
Phóng tứ đại hề mạc bả tróc,
Liễu nhất sinh hề hưu bôn mang.
Thích ngã nguyện hề đắc ngã sở,
Sinh tử tương bức hề ư ngã hà phương[6*].

DỊCH NGHĨA :

BÀI NGÂM CUỒNG PHÓNG

Ngẩm trông trời đất sao mà mênh mông,
Chống gậy nhởn nhơ ngoài thế gian.
Hoặc đến chỗ núi mây cao cao,
Hoặc đến chỗ biển nước sâu sâu.
Đói thì ăn cơm hòa-la (1),
Mệt thì ngủ làng « không có làng » (2).
Khi hứng thì thổi sáo không lỗ (3),
Nơi yên tĩnh thì thắp hương giải thoát (4).
Mệt thì nghỉ tạm ở đất hoan hỉ (5),
Khát thì uống no thang tiêu dao (6).
Láng giềng với Qui Sơn (7) đi chăn trâu nước,
Cùng thuyền với Tạ Tam (8) hát khúc Thương-lương (9).
Hỏi thăm đến suối Tào-khê (10) vái chào Lư thị (11),
Yết kiến Thạch Đầu (12) sánh cùng lão Bàng (13).
Vui niềm vui của ta niềm vui Bố Đại (14),
Cuồng cái cuồng của ta, cái cuồng Phổ Hóa (15).
Chà chà ! Cảnh giàu sang như mây nổi,
Ôi chao ! Thời gian thấm thoắt như bóng ngựa qua kẽ vách.
Con đường làm quan sao mà hiểm trở đến thế !
Thói đời nóng lạnh ta hãy tạm quen.
Sâu thì dấn mà nông thì vén,
Dùng thì làm mà bỏ thì cất đi.
Buông lỏng tứ đại (16) đừng có bó buộc,
Xong một đời rồi, không chạy chọt đó đây.
Thỏa ý muốn của ta và được đúng chỗ của ta,
Sống, chết dồn ép, ta có ngại gì đâu !

DỊCH THƠ :

Trời đất liếc trông chừ, sao mênh mang!
Chống gậy nhởn nhơ chừ, phương ngoài phương!
Hoặc cao cao chừ, mây đỉnh núi,
Hoặc sâu sâu chừ, nước trùng dương.
Đói thì ăn chừ, cơm tùy ý,
Mệt thì ngủ chừ, làng không làng!
Hứng lên chừ, thổi sáo không lỗ,
Lắng xuống chừ, đốt giải thoát hương!
Mỏi nghỉ tạm chừ, đất hoan hỉ,
Khát uống no chừ, nước thênh thang.
Láng giềng cùng Quy Sơn chừ, chăn con trâu nước,
Cùng thuyền với Tạ Tam chừ, hát khúc Thương-lương.
Thăm Tào-khê chừ, vái chào Lư thị,
Viếng Thạch Đầu chừ, sánh vai lão Bàng.
Vui cái ta vui chừ, Bố Đại vui,
Cuồng cái ta cuồng chừ, Phổ Hóa cuồng!
Ối ối! Giàu sang chừ, lưng trời mây nổi,
Chà chà! Năm tháng chừ, bóng ngựa lướt ngang!
Nói sao chừ, chông gai bể hoạn,
Tạm quen chừ, ấm lạnh thói thường!
Sâu thì dấn chừ, nông thì xắn vén,
Dùng thì làm chừ, bỏ thì ẩn tàng.
Buông hình hài chừ, đừng nắm bắt,
Tỉnh một đời chừ, chớ chạy quàng.
Thỏa ước nguyền ta chừ, được nơi ta muốn,
Sống chết thôi thúc chừ, lòng ta coi thường (17).

HUỆ CHI — ĐỖ VĂN HỶ

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : TSNL1, TSNL2, HVVT

1* **HVVT** : *Phóng cuồng ca* 放狂歌

2* **HVVT thiếu chữ** *ưu* 優

3* Hai câu 11 và 12, HVVT chép khác hẳn : *Vạn-niên thôn hề phú Khảo Bàn ; Cửu-khúc hà hề ca Thương lương* 萬年村兮賦考盤。九曲河兮歌滄浪 ; nghĩa là : « Thôn Vạn-niên chừ, ngâm thơ Khảo Bàn ; sông Cửu-khúc chừ, ca khúc Thương-lương ». Thôn Vạn-niên : theo Bùi Huy Bích 裴輝璧 chính là phong ấp của Tuệ Trung Thượng sĩ. Ở đây chúng tôi tạm lấy nguyên văn bản TSNL cho nhất quán.

4* TSNL1 : *tiếp* 楫 ; TSNL2 : *ấp* 揖, và chú : *cựu tiếp* 舊楫, nghĩa là : bản cũ là *tiếp*. Ở đây sửa lại theo TSNL2.

5* **HVVT** : ***hoạn*** 宦

6* **HVVT** : ***phương*** 妨

CHÚ THÍCH :

(1) *Cơm hòa-la* (hòa-la phạn) : thuật ngữ đạo Phật, tức là *bát-hòa-la-phạn* (pravarana), Trung-quốc trước đây dịch là « tự thú », sau này dịch là « tùy ý ». Theo luật nhà Phật thì cứ đến ngày cuối cùng của một khóa học (luật cũ là ngày 16 tháng Bảy ÂL, luật mới là ngày 16 tháng Tám ÂL hàng năm), tất cả mọi người đều được « tùy ý » nêu tội lỗi của mình để sám hối trước thầy tăng. Ở đây, tác giả chơi chữ, dùng chữ « phạn » với nghĩa là cơm, nên tạm dịch là « cơm hòa la » hay « cơm tùy ý ».

(2) *Làng « không có làng »* (hà hữu hương) : xem Cht. 4, bài *Kim cương tam muội kinh tự*, số 4, của Trần Cảnh.

(3) *Sáo không lỗ* (vô khổng địch) : xem Cht. 29, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

(4) *Hương giải thoát* (giải thoát hương) : theo *Lục tổ pháp bảo đàn kinh* 六祖法宝坛经 thì tự tâm không bám víu vào một chỗ nào, không suy nghĩ điều thiện, không suy nghĩ điều ác, tự tại, không có gì ngăn trở, đó gọi là « giải thoát hương ».

(5) *Đất hoan hỷ* (hoan hỷ địa) : hoan hỷ là một trong mười nết hạnh mà Bồ-tát trong khi tu hành cần phải đạt được để được « lợi tha » (lợi cho người khác, cho chúng sinh). Tác giả chơi chữ, dùng « hoan hỷ » như một địa danh để thống nhất về thủ pháp với toàn bài thơ.

(6) *Thang tiêu dao* (tiêu dao thang) : tiêu dao là một thuật ngữ bắt nguồn từ *Tiêu dao du* 逍遙遊 của Trang Tử 莊子, chỉ con người vươn mình ra giữa vũ trụ, rong chơi nhân hạ, mọi quan niệm về thời gian và không gian đều trở nên tương đối. Cũng như trên, Tuệ Trung đã dùng khái niệm « tiêu dao » với thủ pháp vật hóa, như một thứ nước giúp con người giải cơn khát trần tục.

(7) *Quy Sơn* : xem Cht. 13, bài *Niêm tụng kệ* số 21 của Trần Cảnh.

(8) *Tạ Tam* : nhân vật này đã gặp trong bài *Giang hồ tự thích*, số 91, của Trần Tung, nhưng chưa rõ là ai.

(9) *Thương-lang* : vốn là một tên khác của sông Hán-thủy 漢水 về sau có thêm một nghĩa tượng trưng : khúc hát của làng chài. Sách *Mạnh Tử, Ly lâu* 孟子, 离婁 có câu : 滄浪之水清兮可以濯我纓，滄浪之水濁兮可以濯我足。
Thương-lang chi thủy thanh hề khả dĩ trạc ngã anh ; Thương-lang chi thủy trọc hề khả dĩ trạc ngã túc : Nghĩa là : « Nước Thương-lang trong có thể giặt giải mũ của ta. Nước Thương-lang đục có thể rửa chân ta ».

(10) *Tào-khê* : xem Cht. 2, bài *Thả nê ngưu*, số 63, cùng tác giả.

(11) *Lư thị* : tức Lư Tuệ Năng, tổ thứ sáu Thiền tông Trung-hoa. Xem Cht. 2, bài *Thiền tông chỉ nam tự*, số 3, của Trần Cảnh.

(12) *Thạch Đầu* : biệt hiệu của Thiền sư Hy Thiên 希遷 (700 — 790), dựng am tu trên đầu một hòn đá lớn tại núi Hành-sơn 衡山. Nơi đây, Bàng cư sĩ thường đến hỏi đạo. Xem thêm Cht. 43, bài *Niêm tụng kệ*, số 21, của Trần Cảnh.

(13) *Lão Bàng* : xem Cht. 20, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.

(14) *Bố Đại* : nghĩa đen là cái túi vải. Theo *Truyền đăng lục* 傳燈錄, vào thời Ngũ đại có một nhà sư kỳ lạ hàng ngày mang cái túi vải đi xin ăn, và chia hết mọi thứ xin được cho con trẻ. Do đó, trẻ con theo ông chật đường sá. Người ta gọi ông là Bố Đại Hòa thượng.

(15) *Phổ Hóa* : xem Cht. 33, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.

(16) *Tứ đại* : xem Cht. 2, bài *Phổ thuyết tứ sơn*, số 5, của Trần Cảnh.

(17) Có tham khảo bản dịch Trúc Thiên.

*

105

生死閑而已 SINH TỬ NHÀN NHI DĨ

心之生兮生死生
心之滅兮生死滅
生死元來自性空
此幻化身亦當滅
煩惱菩提暗消磨
地獄天堂自枯竭
鑊湯爐炭頓清涼
劍樹刀山立摧折
聲聞生禪我無生
菩薩說法我實說。

生自妄生死妄死
四大本空從何起
莫為渴鹿趁陽燄
東走西馳無暫已
法身無去亦無來
真性無非亦無是
到家須知罷問程
見月安能苦尋指
愚人顛倒怖生死
智者達觀閑而已

愚人顛倒怖生死
智者達觀閑而已。

Tâm chi sinh hề sinh tử sinh,
Tâm chi diệt hề sinh tử diệt.
Sinh tử nguyên lai tự tính không,
Thử huyễn hóa thân diệc đương diệt.
Phiền não bồ-đề ám tiêu ma,
Địa ngục thiên đường tự khô kiệt.
Hoạch thang lô thán đốn thanh lương,
Kiếm [1a] thụ đao sơn lập tồi chiết.
Thanh văn tọa thiền ngã vô tọa,
Bồ-tát thuyết pháp ngã thực thuyết.

Sinh tự vọng sinh tử vọng tử,
Tứ đại bản không tòng hà khỉ (khởi)?
Mạc vi khát lộc sấn dương diễm,
Đông tẩu Tây trì vô tạm dĩ.
Pháp thân vô khứ diệc vô lai,
Chân tính vô phi diệc vô thị.
Đáo gia tu tri bãi vấn trình,
Kiến nguyệt an năng khổ tầm chỉ.
Ngu nhân điên đảo bố sinh tử,
Trí giả đạt quan nhàn nhi dĩ.

Ngu nhân điên đảo bố sinh tử,
Trí giả đạt quan nhàn nhi dĩ.

DỊCH NGHĨA :

SỐNG CHẾT LÀ LẼ THƯỜNG MÀ THÔI

Tâm sinh thì sống chết sinh,
Tâm diệt thì sống chết diệt.
Sống chết vốn là không có tự tính,
Cái thân do huyễn ảo hóa thành này rồi cũng phải diệt
Phiền não (1), bồ-đề (2) đều ngầm tiêu ma hết,
Địa ngục, thiên đường cũng tự khô kiệt.

Vạc dầu, lò lửa bỗng trở nên mát mẻ,
Rừng gươm, núi dao lập tức đổ gãy.
Thanh văn (3) ngồi thiền, ta không ngồi.
Bồ tát (4) thuyết pháp, ta nói thực.

Sinh từ cái căn rễ mà sinh ra, chết từ cái căn rễ mà chết đi.
Tứ đại (5) vốn là không thì còn từ đâu mà dấy lên được.
Đừng như con hươu khát chạy vào giữa ảo ảnh (6).
Chạy Đông chạy Tây không lúc nào dừng.
Pháp thân (7) không đi cũng không lại,
Chân tính (8) không trái cũng không phải.
Đến nhà thì nên thôi đừng hỏi đường nữa (9),
Thấy mặt trăng rồi sao còn vất vả đi tìm ngón tay (10) ?
Người ngu ngả nghiêng, sợ sống chết.
Bậc trí có cái nhìn thông đạt, xem sống chết là lẽ thường mà thôi.

Người ngu ngả nghiêng, sợ sống chết,
Bậc trí có cái nhìn thông đạt, xem sống chết là lẽ thường mà thôi.

DỊCH THƠ :

Khi tâm sinh chứ sinh tử sinh,
Khi tâm diệt chứ sinh tử diệt.
Sinh tử xưa nay tính vốn không,
Hư huyễn thân này rồi cũng hết.
Phiền não, bồ-đề dần tiêu mòn,
Địa ngục, thiên đường tự khô kiệt.
Lò lửa, vạc dầu, chợt êm ru,
Núi kiếm, rừng dao bỗng gãy tiệt.
Thanh văn ngồi thiền ta không ngồi,
Bồ-tát nói pháp ta nói thiệt.

Sống là sống đối, chết : chết đôi,
Tứ đại vốn không, từ đâu nổi ?
Đừng như hươu khát rượt « bóng sông »,
Chạy quàng không nghỉ, khắp Tây Đông.
Pháp thân không qua cũng không lại,
Chân tính không trái cũng không phải.
Đến nhà, thôi chớ hỏi con đường,
Thấy trăng, tìm gì ngón tay chỉ.
Người ngu, điên đảo tử và sinh,
Bậc trí, tử sinh thường thôi vậy.

Người ngu điên đảo tử và sinh,
Bậc trí, tử sinh thường thôi vậy.

HUỆ CHI

KHẢO ĐỊNH :

CÁC DỊ BẢN : TSNL1, TSNL2

1° TSNL1 : *nhận* 釰. TSNL2 chú : *khủng kiếm* 恐劍; nghĩa là : có lẽ là chữ *kiếm*. Ở đây sửa lại theo TSNL2.

CHÚ THÍCH :

(1) *Phiền não* : xem Cht. 3, bài *Chí tâm phát nguyện*, số 42, của Trần Cảnh.

(2) *Bồ-đề* : xem Cht. 1, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.

(3) *Thanh văn* : thuật ngữ đạo Phật, chỉ người tu đạo Phật, phái Tiểu thừa, nghe lời Phật dạy mà chứng được đạo quả. Nhưng từ Thanh văn còn phải tu mấy bậc nữa mới đến Bồ-tát.

(4) *Bồ-tát* : xem Cht. 2, bài *Sơ dạ chúc hương*, số 46, của Trần Cảnh.

(5) *Tứ đại* : xem Cht. 2, bài *Phổ thuyết tứ sơn* số 5, của Trần Cảnh.

(6) *Ảo ảnh* : nguyên văn là *dương diễm*, tức là cái ảo ảnh của người đi giữa sa mạc nhìn thấy đằng xa có một lùm cây xanh, có suối nước mát, cố đi đến lên cho tới, nhưng cuối cùng bị chết gục. *Kinh Duy-ma* 維摩經 nói : thân người như dương diễm, nương theo khát vọng mà chịu cái khổ của sự sinh.

(7) *Pháp thân* : xem Cht. 8 bài *Phổ thuyết sắc thân*, số 6, của Trần Cảnh.

(8) *Chân tính* : thuật ngữ đạo Phật, tương đương với *chân như*, *Phật tính*, là cái tính bản nguyên chân thật, hồn nhiên, không biến đổi, là tâm thể mà mọi chúng sinh đều sẵn có trong mình.

(9) *Đến nhà thì nên thôi đừng hỏi đường nữa* : một thành ngữ thường dùng trong kinh, luận nhà Phật. Phật giáo coi sự tu hành là một phương tiện làm cho con người giác ngộ. Khi đã giác ngộ rồi thì phải quên những cái đó đi, như người đi đường khi đã đến nhà thì thôi không cần hỏi lại con đường làm gì.

(10) *Kinh Viên giác* có câu : 一切修多羅教如標指月。若復見月了知所標畢竟非月. *Nhất thiết tu đa la giáo như tiêu chỉ nguyệt. Nhược phục kiến nguyệt liễu tri sở tiêu tất cánh phi nguyệt.* Nghĩa là : « hết thảy các giáo lý trong kinh điển như cái « tiêu » chỉ lên mặt trăng. Muốn thấy mặt trăng mà mới nhìn được cái « tiêu » rồi ngừng lại ở đấy, thì rốt cuộc chẳng phải trăng ». Cũng như câu trên, ở đây ý muốn nói giáo lý chỉ là phương tiện để đạt tới giác ngộ ; khi đã giác ngộ, không cần dừng lại ở giáo lý nữa.

*

106

凡聖不異

身從無相本來空
幻化分差成二見
我人似露亦似霜
凡聖如雷亦如電
功名富貴等浮雲
身世光陰若飛箭
暫起星兒憎愛情
似覓饅頭而棄麵
眉毛尖橫鼻孔垂
佛與眾生都一面

孰是凡兮孰是聖
廣劫搜尋沒根性
非心無是亦無非
無見非邪也非正
廣額屠兒果願王
慶喜比丘功德聖
覺他覺自拔迷途
遍界清涼甦熱病
君不見
前失者是阿誰
後得者又是誰
兩這般心一般命
到頭八萬四千陀羅尼之法門
同攝入如來廣大圓智之境
咄。

PHÀM THÁNH BẤT DỊ

Thân tòng vô tướng bản lai không,
Huyễn hóa phân sai thành nhị kiến.
Ngã nhân tự lộ diệc tự sương,
Phàm thánh như lôi diệc như điện.
Công danh phú quý đẳng phù vân,
Thân thế quang âm nhược phi tiễn.
Miết khởi tinh nhi tăng ái tình.
Tự mịch mạn đầu nhi khí miến.
Mi mao tiêm hoành tỵ khổng thùy,
Phật dữ chúng sinh đô nhất diện.

Thục thị phàm hề thục thị thánh?
Quảng kiếp sưu tầm một căn tính.
Phi tâm vô thị diệc vô phi,
Vô kiến phi tà dã phi chính.
Quảng ngạch đồ nhi Quả nguyện vương,
Khánh Hỷ tỳ khưu công đức thánh.
Giác tha giác tự bạt mê đồ,
Biến giới thanh lương tô nhiệt bệnh.
Quân bất kiến,
Tiền thất giả thị a thùy?
Hậu đắc giả hựu thị thùy?
Lưỡng giá ban tâm nhất ban mệnh.
Đáo đầu bát vạn tứ thiên đà-la-ni chi pháp môn,
Đồng nhiếp nhập Như Lai quảng đại viên trí chi kính.
Đốt!

DỊCH NGHĨA:

PHÀM THÁNH CHẲNG CÓ GÌ KHÁC NHAU

Thân từ «vô tướng» (1) vốn là không,
Vì huyễn hóa mà chia biệt thành nhị kiến (2).
Ta và người như móc cũng như sương,
Phàm và thánh, như sấm cũng như chớp.

Công danh và giàu sang đều như mây nổi,
Thân thế và tháng năm, tựa mũi tên bắn.
Bỗng vì hoa mắt mà nảy sinh tình yêu ghét,
Giống như tìm bánh bao mà bỏ bột.
Lông mày ngang, lỗ mũi dọc.
Phật và chúng sinh đều một bộ mặt mà thôi.

Ai là phàm, ai là thánh ?
Tìm tòi trong quảng kiếp (3) cũng không thấy căn tính (4).
« Phi tâm » (5) không phải cũng không trái.
« Vô kiến » (6) chẳng tà, cũng chẳng chính.
Anh đồ tể trán rộng (7) là vua Quả nguyện (8).
Tỳ-kheo Khánh Hỷ (9) là thánh công đức.
Giác ngộ mình và giác ngộ cho người vượt khỏi đường mê,
Khắp cõi mát mẻ và không bệnh tật.
Ngươi chẳng thấy.
Kẻ mất trước là ai ?
Kẻ được sau là ai ?
Hai cái « tâm » sai khác và một cái « mệnh » như nhau.
Rút cục cửa pháp tám vạn bốn nghìn đà-la-ni (10),
Cũng thu vào tấm gương quảng đại viên trí của Như Lai.
Hét !

DỊCH THƠ :

Thân từ vô tướng vốn là không,
Hư huyễn lầm chia thành « nhị kiến ».
Ta, người, như móc cũng như sương.
Phàm, thánh, như sấm cũng như điện.
Công danh, phú quý, mây bồng bềnh.
Năm tháng, đời người, tên bay biến.
Ghét, yêu, như mắt lóe hoa sao.
Khác nào bỏ bột tìm bánh bao.
Cũng nét mày ngang, đường mũi dọc.
Phật với chúng sinh mặt khác nào.

Ai là phàm chứ, ai là thánh ?
Muôn kiếp kiếm tìm mất căn tính.
Chẳng tâm nào không thị với không phi.
Không kiến nào chẳng tà cũng chẳng chính.

Đồ tể Quảng ngạch : Quả nguyện vương.
Tỳ-kheo Khánh Hỷ : công đức thánh.
Độ người, tự độ khỏi đường mê,
Mát rợi muôn phương không tật bệnh.
Anh chẳng thấy :
Người mất trước đó là ai ?
Người được sau lại là ai ?
Hai cái tâm riêng chung một mệnh.
Rốt cuộc tám vạn bốn nghìn pháp môn đà-la-ni,
Cùng thu vào tấm gương trí tuệ Như Lai rọng tròn vành vạnh.
Hét !

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL.

(1) *Vô tướng :* không có hình tướng gì cả. Xem thêm Cht. 21, bài *Kim cương tam muội kinh tự* số 4, của Trần Cảnh.

(2) *Nhị kiến :* tức *Nhân ngã kiến* và *Pháp ngã kiến*. Nhân ngã kiến là sự sai lầm của cái « thấy » về phương diện coi con người là một chủ thể hằng thường và duy nhất, mà không hiểu con người là sự giả hợp của « ngũ uẩn ». Còn pháp ngã kiến là sự sai lầm của cái « thấy » về phương diện coi mọi pháp (mọi hiện tượng) đều là những chủ thể hằng thường và duy nhất, mà không hiểu mọi pháp đều nảy sinh từ nhân duyên.

(3) *Quảng kiếp :* thời gian dài vô hạn.

(4) *Căn tính :* xem Cht. 7, bài *Tặng Thuần Nhất Pháp sư*, số 95, cùng tác giả.

(5) *Phi tâm :* theo *Vô môn quan* 無 門 關 : có một môn tăng hỏi Mã tổ 馬 祖 (xem Cht. 4, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh) « Thế nào là Phật ? » Mã tổ trả lời : « Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật » (Phi tâm phi Phật). Câu trả lời của Mã tổ nhằm đả phá sự chấp trước. Nếu còn chấp trước « tâm » hay « Phật » thì không đạt tới chính giác.

(6) *Vô kiến :* coi sự vật là hoàn toàn không thực có.

(7) *Đồ tể trán rộng :* theo *Quy Nguyên tập* 歸 原 集 có anh đồ tể hàng ngày giết hàng nghìn trâu, bò, lợn, gà. Sau bỏ nghề sát sinh đi tu hành, cuối cùng thành Phật.

(8) *Quả nguyện :* nguyện thành chứng quả, quyết chí tu hành để được giác ngộ.

(9) *Tỳ-kheo :* thuật ngữ đạo Phật, chỉ người tu hành là đàn ông.
Khánh Hỷ : xem Cht. 2, bài *Chí tâm phát nguyện*, số 37, của Trần Cảnh.

(10) *Cửa pháp tám vạn bốn nghìn :* cửa pháp tức Pháp môn, là những điều Phật dạy làm khuôn mẫu cho những người tu hành nhập đạo. Do chỗ pháp môn trong đạo Phật có rất nhiều, nên để biểu hiện số nhiều này, người ta thường gọi : bát vạn tứ thiên pháp môn (84.000), hay pháp môn hải (biển pháp môn), pháp môn vô lượng (vô số pháp môn)... *Đà-la-ni :* phiên âm tiếng Phạn dhàrani, nghĩa là tổng trì, có sức giữ gìn, nhóm họp tất cả các pháp lành, không để cho tán lạc, giữ cho những điều ác không sinh ra được. Có 4 chữ đà-la-ni : 1. Văn đà-la-ni hay pháp đà-la-ni ; 2. Nghĩa đà-la-ni ; 3. Chú đà-la-ni ; 4. Nhẫn đà-la-ni. Pháp đà-la-ni và nghĩa đà-la-ni là giữ gìn không quên những nghĩa của các pháp và giáo pháp của Phật. Chú đà-la-ni là giữ gìn không bỏ mất cái bí mật chân ngôn của Phật và Bồ-tát. Nhẫn đà-la-ni là an trụ mà lòng không dao động đối với cái thực tướng của các pháp.

107

迷悟不異	MÊ NGỘ BẤT DỊ
迷去生空色	Mê khứ sinh không sắc.
悟來無色空	Ngộ lai vô sắc không.
色空迷悟者	Sắc không mê ngộ giả,
一理古今同。	Nhất lý cổ kim đồng.
妄起三途起	Vọng khởi tam đồ khởi,
真通五眼通	Chân thông ngũ nhãn thông.
涅槃心寂寂	Niết bàn tâm tịch tịch,
生死海重重。	Sinh tử hải trùng trùng.
不生還不滅	Bất sinh hoàn bất diệt,
無始亦無終	Vô thủy diệc vô chung.
但能忘二見	Đãn năng vong nhị kiến,
法界盡包融。	Pháp giới tận bao dung.

DỊCH NGHĨA :

MÊ LẦM VÀ GIÁC NGỘ KHÔNG KHÁC GÌ NHAU

Lúc mê sinh ra «không» và «sắc»,
Khi ngộ không còn «sắc» với «không».
Những điều gọi là sắc, không, mê, ngộ,
Xưa nay vẫn chung nhau ở một lẽ.

Mê vọng nổi dậy thì ba đường [1] nổi dậy,
Cứ chân thông suốt thì năm mắt đều thông suốt.
Tâm niết-bàn lặng lẽ,
Biển sống chết trùng trùng.

Không sinh mà không diệt,
Không trước cũng không sau.
Nếu quên được cả ngã kiến [3] và pháp kiến [4],
Thì bao hàm được cả pháp giới.

DỊCH THƠ :

Mê lầm, sinh « không », « sắc »,
Giác ngộ, hết « sắc », « không ».
« Sắc », « không », với « mê », « ngộ »,
Xưa nay một lẽ đồng.

« Tà » dấy, ba đường dấy,
« Chân » thông, năm mắt thông.
Tâm niết-bàn tịch mịch,
Biển sinh tử trùng trùng.

Không sinh, mà không diệt,
Vô thủy, lại vô chung.
Vì bằng quên « nhị kiến »,
Pháp giới thảy bao dung.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

(1) *Ba đường* (tam đồ): xem Cht. 2, bài *Sám hối nhãn căn tội*, số 28, của Trần Cảnh.
(2) *Năm mắt* (ngũ nhãn): xem Cht. 1, bài *Ngẫu tác*, số 77, cùng tác giả.
(3) *Ngã kiến* : tức *nhân ngã kiến*. Xem Cht. 2, bài *Phàm thánh bất dị*, số 106, cùng tác giả.
(4) *Pháp kiến* : tức *pháp ngã kiến*. Xem Cht. 2, bài *Phàm thánh bất dị*, số 106, cùng tác giả.

*

108

持戒兼忍辱

無常諸法行
心疑罪便生
本來無一物
非種亦非萌。

日日對境時
景景從心出
心境本來無
處處巴羅密。

TRÌ GIỚI KIÊM NHẪN NHỤC

Vô thường chư pháp hành,
Tâm nghi tội tiện sinh.
Bản lai vô nhất vật,
Phi chủng diệc phi manh.

Nhật nhật đối cảnh thời,
Cảnh cảnh tòng tâm xuất.
Tâm cảnh bản lai vô,
Xứ xứ ba-la-mật.

喫草與喫肉	**Khiết thảo dữ khiết nhục,**
種生各所食	**Chủng sinh các sở thực.**
春來百草生	**Xuân lai bách thảo sinh,**
何處見罪福。	**Hà xứ kiến tội phúc?**
持戒兼忍辱	**Trì giới kiêm nhẫn nhục,**
招罪不招福	**Chiêu tội bất chiêu phúc.**
欲知無罪福	**Dục tri vô tội phúc,**
非持戒忍辱。	**Phi trì giới nhẫn nhục.**
如人上樹時	**Như nhân thượng thụ thì,**
安中玆求危	**An trung tư cầu nguy.**
如人不上樹	**Như nhân bất thượng thụ,**
風月何所為。	**Phong nguyệt hà sở vi?**

DỊCH NGHĨA :

TRÌ GIỚI VÀ NHẪN NHỤC (¹)

Tất cả mọi hiện tượng đều luôn luôn biến diệt,
Khi « tâm » đã ngờ thì « tội » liền sinh ra.
Xưa nay không có một vật nào hết thảy,
Chẳng có gốc cũng chẳng có mầm để cho chúng xuất hiện.

Hàng ngày khi ta đối diện với ngoại cảnh,
Thì cảnh này cảnh nọ đều từ tâm sinh ra.
« Tâm » và « cảnh » vốn đều là không,
Khắp nơi đều là ba-la-mật (²).

Ăn thịt và ăn cỏ,
Chúng sinh loài nào có thói quen của loài đó.
Như mùa xuân đến, trăm hoa cỏ sinh sôi.
Có chỗ nào nhìn thấy tội hay phúc đâu ?

Trì giới và nhẫn nhục,
Chỉ chuốc tội chứ không chuốc phúc.
Muốn biết không tội phúc,
Thì đừng trì giới, nhẫn nhục.

Như khi người trèo lên cây,
Là đang trong bình an lại tự tìm lấy nguy hiểm.
Nếu người ta không trèo lên cây,
Thì gió lay, trăng đọi, có làm gì được.

DỊCH THƠ :

Mọi pháp đều biến diệt,
Tâm ngờ tội liền sinh.
Xưa nay không một vật,
Mầm mống hỏi đâu thành ?

Ngày ngày khi đối cảnh,
Cảnh cảnh từ tâm ra.
Cảnh, tâm không có thật,
Chốn chốn ba-la-mật.

Ăn thịt và ăn cỏ,
Chúng sinh từng loài đó.
Xuân về cây cỏ sinh,
Họa phúc nào đâu có ?

Trì giới và nhẫn nhục,
Chuốc tội chẳng chuốc phúc.
Muốn biết không tội phúc,
Đừng trì giới nhẫn nhục.

Như khi người leo cây,
Đang yên bỗng tìm nguy.
Không trèo lên cây nữa,
Trăng gió làm được gì.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo bài *Thượng sĩ hành trạng* trong TSNL, đây là bài kệ dài, Trần Tung ứng khẩu trả lời Trần Nhân Tông 陳仁宗 hỏi về ích lợi của trì giới và nhẫn nhục, trong dịp nhà vua đi đón ông về để cầu siêu cho mẫu hậu. Xem thêm bài *Thượng sĩ hành trạng* số **207**, của Trần Khâm.

(2) *Ba-la-mật* : phiên âm tiếng Phạn paramita, thuật ngữ đạo Phật, chỉ những phương châm và đức hạnh lớn mà con người cần tuân thủ để đạt đến Niết-bàn. Có ba loại ba-la-mật.

1. *Lục độ* : a) Bố thí ; b) Trì giới ; c) Nhẫn nhục ; d) Tinh tiến ; e) Thiền định ; g) Bát-nhã.

2. *Tứ đức* : a) Thường ; b) Lạc ; c) Ngã ; d) Tịnh. Hoặc là : a) Khổ ; b) Không ; c) Phi thường ; d) Phi ngã.

3. *Thập ba-la-mật* : ngoài 6 phương châm như ở *lục độ*, còn có thêm 4 điểm : a) Phương tiện ; b) Nguyện ; c) Lực ; d) Trí.

*

109

抽脣吟

TRỪU THẦN[19] NGÂM

從來一物兮也非
身生帶業兮也是
如何五蘊兮紛紜
為據四大兮依倚
橫出高下兮短長
自受生老兮病死。

人之有盛兮有衰
花之有艷兮有萎
國之有興兮有亡
時之有泰兮有否
日之有暮兮有朝
年之有終兮有始。

歸歟道隱兮山林
灰卻利名兮朝市
少室九年兮與我同心
黃梅半夜兮與我知己
隨分兮蓮社攢眉
豁志兮趙州叩齒

設使聲前兮點頭
爭奈靴裏兮動趾
洪爐不鑄兮囊錐
猛虎不嚙兮肉饑
明珠豈礙兮風波
正色何妨兮紅紫。
到任麼時兮理事全彰
提持放過兮何須擬擬
石牛夜半入海東
撞着珊瑚月如水。

Tòng lai nhất vật hề dã phi,
Thân sinh đới nghiệp hề dã thị.
Như hà ngũ uẩn hề phân vân,
Vị cứ tứ đại hề y ỷ.
Hoành xuất cao hạ hề đoản trường,
Tự thụ sinh lão hề bệnh tỷ (tử).

Nhân chi hữu thịnh hề hữu suy,
Hoa chi hữu diễm hề hữu ủy.
Quốc chi hữu hưng hề hữu vong,
Thì chi hữu thái hề hữu bĩ.
Nhật chi hữu mộ hề hữu triêu,
Niên chi hữu chung hề hữu thủy.

Qui dư đạo ẩn hề sơn lâm,
Khôi khước lợi danh hề triều thị.
Thiếu-thất cửu niên hề dữ ngã đồng tâm,
Hoàng-mai bán dạ hề dữ ngã tri kỷ.
Tùy phận hề Liên-xã tán my,
Khoát chí hề Triệu Châu khấu xỉ.

Thiết sử thanh tiền hề điểm đầu,
Tranh nại ngoa lý hề động chỉ.
Hồng lô bất chú hề nang chùy,
Mãnh hổ bất miết hề nhục ky (cơ).
Minh châu khởi ngại hề phong ba,
Chính sắc hà phương hề hồng tử.

Đáo nhậm[20] ma thì hề lý sự toàn chương,
Đề trì phóng quá hề hà tu nghĩ nghĩ.
Thạch ngưu dạ bán nhập Hải-đông,
Chàng trước san hô nguyệt như thủy.

DỊCH NGHĨA :

BÀI NGÂM BĨU MÔI

Xưa tới nay, bất kỳ vật nào cũng đều là « phi »,
Thân sinh ra mang lấy nghiệp, ấy là « thị ».
Tại sao ngũ uẩn (1) lại rối bời ?
Vì tựa nương vào tứ đại (2) đấy thôi.
Lầm sinh cao thấp với vắn dài,
Mang lấy sinh, già, ốm, chết.

Người đời có thịnh thì có suy.
Hoa kia có tươi thì có héo.
Quốc gia có hưng thì có vong,
Thời thế có thái thì có bĩ.
Ngày có sớm thì có chiều,
Năm có trước thì có sau.

Về thôi ! Ẩn đạo nơi núi rừng,
Nguội lạnh lợi danh với triều thị (3).
Người ở Thiếu-thất chín năm (4) là bạn đồng tâm của ta,
Người nơi Hoàng-mai lúc nửa đêm (5) là bạn tri kỷ của ta.
Theo số phận của mình, Liên-xã chau mày (6),
Bừng tỉnh cái chi của mình, Triệu Châu (7) nghiến răng.

Vì bằng gật đầu trước tiếng nói,
Thì đâu phải động ngón ở trong giày (8).
Chiếc lò lớn không đúc mũi dùi ở trong túi (9),
Loài hổ mạnh đâu thèm miếng thịt thiu.
Hạt ngọc sáng há ngại gì sóng gió,
Màu sắc chính nào hiềm chi tía hồng.

Đến khi nào thì « lý » và « sự » mới hoàn toàn rõ rệt,
Sao còn đắn đo gì nắm cầm và buông bỏ.
Trâu đá nửa đêm chạy xuống Hải-đông (10),
Xông vào giữa đám san hô ánh trăng như nước.

DỊCH THƠ :

Xưa nay mọi vật chừ rằng sai,
Thân mang lấy nghiệp chừ rằng phải.
Vì sao năm uẩn chừ rối bời ?
Bởi chưng tựa nương chừ tứ đại.
Lầm sinh cao thấp chừ vắn dài,
Nhận lấy sinh, già chừ chết, hoại.

Người có thịnh chừ có suy,
Hoa có tươi chừ có rữa.
Nước có hưng chừ có vong,
Thời có thái chừ có bĩ.
Ngày có hôm chừ có mai,
Năm có qua chừ có lại.

Về thôi, ẩn đạo chừ núi rừng,
Nguội danh lợi chừ triều thị.
Thiếu-thất chín năm chừ người bạn đồng tâm,
Hoàng-mai nửa đêm chừ cùng ta tri kỷ.
Tùy theo số phận chừ Liên-xã chau mày,
Buông thả tâm trí chừ Triệu Châu hởi dạ.

Vì trước lời nói chừ gật đầu,
Đâu nỗi trong giày chừ ngón cựa.
Lò hồng không đúc chừ chiếc dùi tầm thường,
Mãnh hổ đâu thèm chừ miếng mồi thối rữa.
Ngọc sáng nào ngại chừ sóng đào,
Sắc chính hiềm chi chừ đỏ tía.

Đến khi nào chừ sự lý rõ ràng,
Cầm nắm buông bỏ chừ cần gì nghĩ ngợi.
Nửa đêm trâu đá chừ chạy xuống Hải-đông,
Xô vỡ biển san hô chừ trăng trong vời vợi.

ĐỖ VĂN HỶ

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : TSNL1, TSNL2

1* TSNL2 chú : *thần, cổ thần tự* ⿸辰頁 古 脣 字 ; nghĩa là : chữ ⿸辰頁 là cách viết cổ của chữ 脣

2* TSNL2 : 仜 , có lẽ chữ *nhậm* 任 , khắc nhầm.

CHÚ THÍCH :

(1) *Ngũ uẩn* : xem Cht. 3, bài *Phổ thuyết tứ sơn*, số 5, của Trần Cảnh.

(2) *Tứ đại* : xem Cht. 2, bài *Phổ thuyết tứ sơn*, số 5, của Trần Cảnh.

(3) *Triều thị* : chốn triều đình đô hội.

(4) *Thiếu thất chín năm* : xem Cht. 11, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

(5) *Hoàng-mai lúc nửa đêm* : xem Cht. 3, bài *Họa Hưng Trí Thượng vị hầu*, số 89, cùng tác giả.

(6) *Liên-xã chau mày*: theo *Lư-sơn ký* 廬山記 của Chu Tục Chi 周續之 thì sư Viễn sai Uyên Minh 淵明 đi vào Liên-xã 蓮社, ông chau mày mà đi. Ý nói phải tuân theo số phận của mình.

(7) *Triệu Châu*: xem Cht. 6, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

(8) Nội dung hai câu này rút từ điển cố nào, chúng tôi chưa rõ, nhưng có ý muốn đề cao trực giác Thiền, xuất hiện trước cả ý nghĩ được phát ra thành tiếng nói, thành cử động.

(9) *Mũi dùi ở trong túi*: *Sử ký* 史記 chép khi Bình Nguyên Quân 平原君 đời Chiến quốc đi sang Sở 楚, một thực khách là Mao Toại 毛遂 xin đi theo. Bình bèn bảo rằng: « Người hiền sĩ trong đời cũng như chiếc dùi ở trong túi, mũi nó tất phải thò ra ngoài ». Ý muốn nói người có thực tài thì cái tài trước sau thế nào cũng phát lộ ra, dầu chưa đắc dụng.

(10) *Hải-đông*: sách *Tống tăng truyện* 宋僧傳 chép rằng: xưa có Nguyễn Hiểu 元曉 vào du học Trung-hoa, cốt cách khác tục, phong thái siêu thoát, khiến ai cũng mến. Ông người Hải-đông, nước Tân-la 新羅. Do đó hai thuật ngữ Tân-la và Hải-đông dùng để chỉ cảnh giới thanh tịnh, giải thoát. Xem thêm Cht. 51, bài *Niêm tụng kệ*, số 21, của Trần Cảnh.

*

110

杼辭自警文

TRỮ TỪ TỰ CẢNH VĂN

光陰流水
富貴浮雲
風火散時
老少成塵。

Quang âm lưu thủy,
Phú quí phù vân.
Phong hỏa tán thì.
Lão thiếu thành trần.

魂魄分色身如夢
但日用牽抽傀儡
常每戲把捉鄰虛
丹頂鶴九皋有餘
赬尾魚禹門不易
不轉頭回光返照
契心要識性通明
求解脫正覺圓成
在冥欲清心妙用。

Hồn phách phân sắc thân như mộng,
Đãn nhật dụng khiên trừu ỗi lỗi,
Thường mỗi hý bả tróc lân hư.
Đan đính hạc cửu cao hữu dư,
Trinh[1*] vĩ ngư Vũ-môn bất dị.
Bất chuyển đầu hồi quang phản chiếu,
Khế tâm yếu thức tính thông minh.
Cầu giải thoát chính giác viên thành,
Tại minh dục thanh tâm diệu dụng.

夢中造作	Mộng trung tạo tác,
覺後都無	Giác hậu đô vô.
夢中作生細生麤	Mộng trung tác sinh tế sinh thô,
覺後無絕纖絕毫	Giác hậu vô tuyệt tiêm tuyệt hào.
清淨心非塵非垢	Thanh tịnh tâm phi trần phi cấu,
堅固身無後無先	Kiên cố thân vô hậu vô tiên,
春花色朵朵紅鮮	Xuân hoa sắc đóa đóa hồng tiên,
秋月影團團圓妙。	Thu nguyệt ảnh đoàn đoàn viên diệu.
凡聖繫念	Phàm thánh hệ niệm,
但只嫌真實相乖	Đãn chỉ hiềm chân thực tương quai.
生死忘懷	Sinh tử vong hoài,
便了得本來性悟	Tiện liễu đắc bản lai tính ngộ.
剎那情三塗應報	Sát-na tình tam đồ ứng báo,
毫氂念六道緒因	Hào ly niệm lục đạo kế nhân.
隨七識有厭有欣	Tùy thất thức hữu yếm hữu hân,
破三毒無真無妄	Phá tam độc vô chân vô vọng.
人我相難收難攝	Nhân ngã tướng nan thu nan nhiếp,
河沙劫輪迴四生	Hà sa kiếp luân hồi tứ sinh.
貪嗔癡相鬬相爭	Tham sân si tương đấu tương tranh,
僧祇數橫衡九類	Tăng kỳ số hoành hành cửu loại.
肯照願無明則箇	Khẳng chiếu nguyện vô minh tắc cá,
枉空過四大色身	Uổng không quá tứ đại sắc thân.
能支遺有漏諸根	Năng chi di hữu lậu chư căn,
便證入真如三昧。	Tiện chứng nhập chân như tam muội.
顛倒二見	Điên đảo nhị kiến,
便將網山上羅魚	Tiện tương võng sơn thượng la ngư.
寂滅一如	Tịch diệt nhất như,
騎倒驢高登彼岸	Kỵ đảo lư cao đăng bỉ ngạn.
胸中若無偏無儻	Hung trung nhược vô thiên vô thảng,
耳聽任他謗他誹	Nhĩ thính nhậm tha báng tha phỉ,
把火燒天徒自疲	Bả hỏa thiêu thiên đồ tự bì,
眼底見埀悲埀慈	Nhãn để kiến thùy bi thùy từ.
求真如而斷妄念	Cầu chân như nhi đoạn vọng niệm,
似揚聲止響相謾	Tự dương thanh chỉ hưởng tương man.
捨煩惱而取泥洹	Xả phiền não nhi thủ nê-hoàn.
如日影逃形般類。	Như nhật ảnh đào hình ban loại.

瞥爾隨心猿意馬
難免累利鎖名韁
豈指歸祖域道場
安得免閻王獄吏
將箇字無常迅速
不退轉六賊仍祛
發三昧火光燒除
證得入無餘涅槃
廣大張鳳凰妙網
莫放志燕雀同謀
今欲抛鯨鯢釣鉤
却累愁蝦蟆等類。

Miết nhĩ tùy tâm viên ý mã,
Nan miễn lụy lợi tỏa danh cương.
Khởi chỉ qui tổ vực đạo trường,
An đắc miễn Diêm vương ngục lại.
Tương cá tự vô thường tấn tốc,
Bất thoái chuyển lục tặc nhưng khư.
Phát tam muội hỏa quang thiêu trừ,
Chứng đắc nhập vô dư Niết-bàn.
Quảng đại trương phượng hoàng diệu võng,
Mạc phóng chí yến tước đồng mưu.
Kim dục phao kình nghê điếu câu,
Khước lụy sầu hà mô đẳng loại,

高揖珍重
朋友弟兄
或人人有聖有靈
好趠起眼睛薦耶。
咄。

Cao ấp trân trọng,
Bằng hữu đệ huynh.
Hoặc nhân nhân hữu thánh hữu linh,
Hiếu trác khởi nhỡn tình tiến da.
Đốt !

DỊCH NGHĨA :

BÀI VĂN TRỪ TÌNH TỰ RĂN

Ngày tháng như nước trôi,
Giầu sang như mây nổi.
Khi gió, lửa tan đi (1),
Thì trẻ, già thành bụi.

Khi hồn phách chia lìa thì sắc thân (2) như mộng.
Nhưng ngày thường vẫn vương trò múa rối.
Thường đùa nghịch nắm bắt cái lân hư (3).
Hạc đầu đỏ (4) chín nội có thừa,
Cá đuôi đỏ Vũ-môn (5) không dễ có.
Sao không quay đầu soi lại,
Để bẹn lòng nên biết tính thông minh.
Tìm giải thoát chính giác viên thành (6),
Ở diệu dụng thanh tâm diệt dục.

Sự tạo tác trong giấc chiêm bao,
Sau khi tỉnh đều là không cả.
Trong giấc mộng sinh nhỏ sinh to,
Sau khi tỉnh không tơ không tóc.
Tâm thanh tịnh (7) không bụi không nhơ,
Thân kiên cố không sau không trước.
Sắc hoa xuân đóa đóa tươi hồng,
Bóng trăng thu tròn đầy viên diệu.

Thánh phàm vấn vương trong ý nghĩ,
Nhưng e thực tướng lánh xa.
Sống chết không để bụng,
Thì hiểu ngay chân tính nguyên xưa.
Một chút tình giây lát cũng báo ứng ba đường (8).
Một ý nghĩ tóc tơ cũng luân hồi lục đạo (9).
Theo bảy thức (10) có ghét có ưa.
Phá ba độc (11) không chân không vọng.
Tướng nhân ngã khó thu khó nắm,
Kiếp hà sa (12), luẩn quẩn bốn loài (13).
Tham, sân, si (14) tranh đấu cùng nhau,
Tăng kỳ số (15) hoành hành chín loài (16).
Không nhìn ngó cái vô minh (17) mờ mịt,
Uổng trôi qua cái tứ đại (18) sắc thân (19).
Gạt bỏ được các căn hữu lậu (20),
Thì chứng ngay tam muội chân như (21).

Đảo điên nhị kiến (22),
Nào khác chi giăng lưới trên núi để bắt cá.
Tịch diệt nhất như (23),
Là cưỡi ngược con lừa thẳng tới bờ kia (24).
Trong bụng bằng không lệch không thiên,
Bên tai mặc ai dè ai bỉu.
Đem lửa đốt trời luống nhọc mình thôi,
Dưới mắt thấy rủ lòng thương xót.
Tìm chân như (25) mà dứt vọng niệm (26),
Có khác chi đối nhau bằng cách thét lớn để ngăn tiếng vang.
Bỏ phiền não (27) mà lấy Niết-bàn (28),
Thực chẳng khác trốn hình trong nắng chói.

Lấm lét theo ý ngựa lòng vượn,
Khó tránh khỏi cái lụy lợi ràng danh buộc.
Không hướng về đất tổ cõi đạo,
Sao tránh khỏi ngục lại của Diêm vương?
Nêu cái chữ « vô thường nhanh chóng » [29],
Thì sáu giặc [30] vững trơ trơ cũng dẹp xong.
Phóng ngọn lửa tam muội [31] thiêu trừ,
Liền chứng được Niết-bàn vĩnh cửu.
Muốn bủa lưới diệu rộng lớn để bắt phượng hoàng,
Thì đừng mưu cùng loài yến tước bé nhỏ.
Nay muốn thả cần câu loài kình ngạc,
Đừng để phiền lụy cho đám ễnh ương.

Trân trọng vái chào.
Bạn hữu anh em.
Hoặc mọi người có thánh có linh,
Hãy mở to mắt lên mà tiến.
Hét!

DỊCH THƠ:

Tháng ngày nước chảy,
Giàu sang mây trôi.
Gió lửa tan rồi,
Trẻ già thành bụi.

Hồn phách lìa sắc thân như mộng.
Đường mưu sinh trò rối kéo co,
Thường đùa cợt đưa tay bắt bóng.
Hạc cửu cao đầu đỏ có thừa,
Cá cửa Vũ đuôi hồng chẳng mấy.
Không ngoái đầu tia hồi quang soi lại,
Tâm khế hợp nhận rõ tính thông minh.
Cầu giải thoát chính giác viên thành,
Nguồn đục sáng, lòng thanh diệu dụng.

Đắp xây trong mộng,
Tỉnh giấc hư vô.
Mộng tạo nên nào nhỏ nào to,
Tỉnh hết sạch nào tơ nào tóc.

Tâm trong lặng không nhơ không đục,
Thân cứng bền không trước không sau.
Hoa xuân hồng, đóa đóa tươi màu,
Trăng thu sáng, vằng vằng viên diệu.

Thánh phàm niệm buộc,
Chỉ hiềm vì trái ngược lẽ chân.
Sinh tử lòng quên,
Liền ngộ được « nguyện xưa » tính thực.
Tình khoảnh khắc, quả ba đường ứng báo,
Niệm tóc tơ, nhân sáu nẻo tiếp duyên.
Theo bảy thức, ưa ghét dấy lên,
Phá ba độc, vọng chân đều bặt.
Tướng nhân ngã khó thu khó bắt,
Kiếp hà sa lần quất bốn đường sinh.
Tham, sân, si, cùng giật cùng giành,
Tăng kỳ số hoành hành chín loại.
Không ngó về quy thức vô minh,
Đành bỏ uổng sắc thân tứ đại.
Khéo dời chuyển các căn hữu lậu,
Liền chứng vào tam muội chân như.

Đảo điên nhị kiến,
Ấy lưới giăng bủa cá tận non cao.
Tịch diệt nhất như,
Tức lừa cưỡi ngược đầu lên bến Giác.
Trong lòng ví không xiêu không lạc,
Mặc tình nghe kẻ bác người dèm.
Châm lửa đốt trời nhọc sức thêm,
Đáy mắt thấy từ bi rủ bóng.
Cầu chân như mà dứt niềm vọng,
Tựa hét to để át tiếng vang.
Bỏ phiền não mà giữ Niết-bàn,
Như sợ bóng chạy vào nắng trốn.

Lấm lét theo lòng hươu ý vượn,
Tránh khỏi sao lợi buộc danh ràng?
Không quay về cõi vực đạo tràng,
Nào thoát được Diêm vương ngục thất?
Nêu mấy chữ « vô thường chớp mắt »,
Vững trơ trơ sáu giặc dẹp yên.

Đốt trong tâm lửa tam muội sáng lên.
Thiêu cháy sạch, Niết-bàn được chứng.
Giăng lưới diệu bắt chim hoàng chim phượng.
Không mưu cùng loài én, sẻ quẩn quanh;
Đã buông câu, câu cá ngạc cá kình,
Chớ để lụy đám ễnh ương hèn mọn.

Chắp tay trân trọng,
Bè bạn thân tình.
Hoặc ai người có thánh có linh,
Mở tầm mắt ta cùng tiến tới.
Hết!

HUỆ CHI — ĐỖ VĂN HỶ

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : TSNL1, TSNL2

1* TSNL1 : *sanh* 赬 ; TSNL2 : *trinh* 頳 . Hai chữ này cùng nghĩa, và thường dùng thay cho nhau.

CHÚ THÍCH :

(1) *Gió lửa* (phong hỏa) : đây là hai yếu tố trong tứ đại : đất, nước, lửa, gió. Xem thêm Cht. 2, bài *Phổ thuyết tứ sơn*, số 5, của Trần Cảnh.

(2) *Sắc thân* : xem Cht. 1, bài *Phổ thuyết sắc thân* số 6, của Trần Cảnh.

(3) *Lân hư* : tức *lân hư trần*, là bụi rất nhỏ. Theo quan niệm đạo Phật thì thế giới là do những bụi nhỏ hợp lại mà thành. Nhưng bụi nhỏ cứ phân chia mãi thì sẽ đến chỗ «không». Bụi nhỏ là «không» thì thế giới do bụi nhỏ ấy hợp thành cũng là «không».

(4) *Hạc đầu đỏ :* (đan đính hạc) : theo *Thanh dị lục* 清異錄 của Đào Cốc 陶谷 thì Vũ Tông 武宋 khi làm Dĩnh vương 穎王 , trong vườn ngự của ông nuôi những loài chim muông, mỗi loài ông đặt cho một tên. Ngan trắng là «huyền sách tiên sinh», gà là «trường minh đô úy», rùa là «linh thọ tử», hạc là «cửu cao xử sĩ». Qua đây, có lẽ tác giả đã mượn hình tượng hạc đầu đỏ để chỉ những xử sĩ.

(5) *Cá đuôi đỏ* (trinh vĩ ngư): Bài *Nhữ phần*. 汝墳 thiên *Chu nam* 周南 trong *Kinh Thi* 詩經 có câu 魴魚赬尾，王室如燬. *Phường ngư trinh vĩ ; vương thất như hủy* ; nghĩa là : cá mè đỏ đuôi, việc nhà vua như lửa. Còn *Vũ-môn* tức Long môn, là một nơi rất hiểm trở. Theo *Tam Tần ký* 三秦記 thì các loài cá con nào vượt qua được nơi đây sẽ hóa rồng. Ở đây tác giả muốn nói : xử sĩ (hạc) thì có nhiều, nhưng vượt qua được khó khăn trong lúc tu hành thì ít, cũng như loài cá vượt Vũ-môn vậy.

(6) *Chính giác viên thành* : giác ngộ một cách viên mãn.

(7) *Tâm thanh tịnh* (thanh tịnh tâm) : cái tâm trong sạch không bụi bặm, là cái chân tâm vốn có của chúng sinh.

(8) *Ba đường* (tam đồ) : xem Cht. 2, bài *Sám hối nhãn căn tội*, số 28, của Trần Cảnh.

(9) *Lục đạo* : xem Cht. 9, bài *Phổ thuyết tứ sơn*, số 5, của Trần Cảnh.

(10) *Bảy thức* (thất thức) : thuật ngữ đạo Phật, vốn là bát thức, nhưng ở đây chỉ nói đến bảy, tức là bớt đi a-lại-da thức. Xem thêm Cht. 12, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.

(11) *Ba dộc* (tam độc) : xem Cht. 4. bài *Sám hối ý căn tội*, số 58, của Trần Cảnh.

(12) *Kiếp hà sa* (hà sa kiếp) : thời gian dài vô hạn như số cát sông Hằng-hà.

(13) *Bốn loài* (tứ sinh) : xem Cht. 2, bài *Giới sát sinh văn*, số 15, của Trần Cảnh.

(14) *Tham, sân, si* : xem Cht. 2, bài *Sám hối ý căn tội*, số 58 của Trần Cảnh.

(15) *Tăng kỳ* tức *A-tăng-kỳ* phiên âm tiếng Phạn asamkhya, dịch nghĩa là « vô số », số cực lớn.

(16) *Chín loài* (cửu loại) : xem Cht. 5, bài *Khải bạch*, số 35, của Trần Cảnh.

(17) *Vô minh* : một tên khác của chữ « si » : chỉ cái tâm si độn của chúng sinh ; tức là sự không sáng suốt, và do không sáng suốt nên phải gánh chịu tất cả mọi phiền não.

(18) *Tứ đại* : xem Cht. 2, bài *Phổ thuyết tứ sơn*, số 5, của Trần Cảnh.

(19) *Sắc thân* : xem Cht. 1, bài *Phổ thuyết sắc thân*, số 6. của Trần Cảnh.

(20) *Hữu lậu* : xem Cht. 7, bài *Tặng Thuần Nhất Pháp sư*, số 95, cùng tác giả.

(21) *Tam muội chân như* (chân như tam muội) : phép tu đạt định chân như nhằm giác ngộ được cái chân lý mọi vật là không và trừ bỏ những mối nghi ngờ hoặc lầm lẫn.

(22) *Nhị kiến* : xem Cht. 2, bài *Phàm thánh bất dị*, số 106, cùng tác giả.

(23) *Tịch diệt nhất như* : thoát ly được mọi hình tướng của thế giới hiện hữu mà đạt tới cái bản thể của vũ trụ.

(24) *Bờ kia* (bỉ ngạn) : xem Cht. 6, bài *Thụ giới luận*, số 10, của Trần Cảnh.

(25) *Chân như* : xem Cht. 25, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

(26) *Vọng niệm* : xem Cht. 22, bài *Kim cương tam muội kinh tự*, số 4, của Trần Cảnh.

(27) *Phiền não* : xem Cht. 3, bài *Chí tâm phát nguyện*, số 42, của Trần Cảnh.

(28) *Niết-bàn* : nguyên văn là nê-hoàn, một cách phiên âm khác của thuật ngữ Nirvâna, xem Cht. 6, bài *Kim cương tam muội kinh tự*, số 4, của Trần Cảnh.

(29) *Vô thường nhanh chóng* : xem Cht. 36, bài *Phổ thuyết tứ sơn*, số 5, của Trần Cảnh.

(30) *Sáu giặc* (lục tặc) : xem Cht. 6 bài *Phổ thuyết sắc thân*, số 6, của Trần Cảnh.

(31) *Lửa tam muội* (tam muội hỏa) : ngọn lửa do sự nhập định mà phát ra. Xem thêm Cht. 38, bài *Niệm tụng kệ*, số 21, của Trần Cảnh.

*

THƯỢNG SĨ NGỮ LỤC

上士語錄

111

對機

一日師燕居。次門僧侍立。

時有僧問。

啟咨上士。某為生死事大。無常迅速。未審此身。生從何來。死從何去。

師云。長空縱使雙飛轂

大海何妨一點漚

進云。

如何是道。

師云。

道不在問。問不在道。

進云。

古德云。無心是道。是否。

師云。

無心不是道

無道亦無心。

又云。

若他說無心是道。卽一切草木皆是道。若却說無心不是道何假說有無。聽吾偈曰。

本無心無道

有道不無心

心道原虛寂

何處更追尋。

僧豁然領旨。禮拜退。

問。

敢咨上士。如何是佛法大意。

師云。

鰲頭打浪蟭螟眼

鵬翼摶風螻蟻腸。

進云。

恁麼則學人得入頭處。

師曰。

肥痾非他痾

饑餐只汝餐。

進云。

如何是清淨法身。

師云。出入牛溲内

鑽研馬糞中。

進云。恁麼則證入去也。

師云。

無穢垢念。是清淨身。聽吾偈曰。

不來無垢淨
垢淨總虛名
法身無罣礙
何濁復何清。

又問。

潙山道。老僧百年後。向山下作一頭水牯牛。意旨如何。

師云。

紅稻啄殘鸚鵡粒
碧梧棲老鳳凰枝。

進云。

昔悉達太子入天神廟。神像拜足。其事如何。

師云。

開拳元是掌
揑目又千差。

問。

南泉賣身。意旨如何。

師云。

正來賣命。意旨如何。

僧無語。師喝出。

◎

問。 水潦和尚初參馬祖。問西來意。祖一蹬踢倒。潦起來大悟。拊掌呵呵大笑。意作麼生。

師云。

龍象蹴踏非驢所堪

進云。

後示衆道。自從一喫馬師踏直到如今笑不休。又作麼生。

師云。

真獅子之哮吼
非野犴之號鳴。

真獅子之哮吼
非野犴之號鳴。

進云。
學人不會。
師以偈示之。

一踏踢倒
誰解尋討
大笑起來
增生懊惱
要識西來
馬駒喫草。

僧禮退。

●

問。
啟咨上士。青青翠竹總是法身。是否。
師云。

沙彌昨日喰溪笋
莫是如今汝法身。

進云。

鬱鬱黃花無非般若。意作麼生。

師云。

桃花不是菩提樹
何事靈雲入道場

進云。

有三箇阿師行脚。此路逢一虎。各從虎邊過。時如何。

師云。

風吹不礙花間客
月落無妨澗底深。

進云。

歸宗道。大似猫兒。意作麼生。

師云。

口說不是身逢。

進云。

智聖道。大似狗子。意旨如何。

師云。
這老漢。用得捏聚掃蕩之機。然可惜許。
進云。
師作麼生。
師云。
狗子。
進云。
南泉道。是箇大蟲。意旨如何。
師云。
脚跟不點地。

◎

問。
香嚴通三藏教。為什麼事不現前。
師云。
長房持竹杖。
進云。
擊竹忘所知。意作麼生。
師云。
漁父失金梭。
進云。
如何是法身。
師云。
池邊看兩箇
月下喜三人。
進云。
法身與色身。是同是別。
師云。
劍著龍泉號
珠稱琥珀天。
問。
世尊道。四十九年。未嘗說一字。十二分教。甚處得來。
師云。
劍衝出匣求抵護
靈寶開瓶欲病銷。

進云。
如何是自己佛。
師云。

　　　　不向蒲萄酒
　　　　稀逢破甕人。

進云。
如何理會。
師云。

　　　　大厦一夜眠
　　　　長江同渡船。

進云。
如何是古佛心。
師云。

　　　　盡道滿城無國艷
　　　　不知朱戶有嬋娟。

進云。
古人道。即心即佛。爲什麼佛不現前。
師云。

　　　　採珠剖蚌雖難得
　　　　莫向刳魚作別尋。

進云。
不可以智知。不可以識識。時如何。
師云。

　　　　木人入海無生唱
　　　　石女穿雲篳篥吹。

進云。
恁麼則無識亦無知。
師云。

　　　　孔謜未進追風識
　　　　薛燭來貪截羽知。

進云。
見色便聞心。意旨如何。
師云。

　　　　須知裸國辭紗帽
　　　　莫作邯鄲忘玉桃。

啟問。
如何上士家風。
師云。
閑拋巖果呼猿接
懶釣溪魚引鶴爭。
進云。
祖意與教意。是同是別。
師云。
波水名雖異
開含乃一花。
進云。
菩提煩惱。同別如何。
師云。
水中鹽味
色裏膠清。
進云。
如何是生死業。
師云。
秋霜滴滴蘆花岸
夜雪紛紛月色天。
進云。
逸多不修定慧。為什麼成佛無疑。
師云。
紅桃樹上真時節
黃菊籬邊不是春。
進云。
坐禪習定時如何。
師云。
君王下戟鬬蛙池。
進云。
不坐禪定時如何。
師云。
自適江湖泛蟻舟。

問。欲達無生路。須知識本源。如何是本源。

師云。

尋源非有本
據本亦無源。

進云。

教中道。空郎是色。色郎是空。意旨如何。

師良久。云。

會麼。

進云。

不會。

師云。

汝有色身麼。

進云。

有。

師云。

何謂色郎是空。

又云。

汝見空有相貌麼。

進云。

無。

師云。

何謂空郎是色。

進云。

畢竟如何。

師云。

色本無空
空本無色。

僧禮謝。

師云。

聽吾偈曰。

色郎是空空是色
三世如來方便力
空本無色色無空
體性明明非失得。

喝。

PHIÊN ÂM:

ĐỐI CƠ

Nhất nhật sư yến cư, thứ môn tăng thị lập.

Thời hữu tăng vấn :

— Khải tư Thượng sĩ, mỗ vị sinh tử sự đại, vô thường tấn tốc, vị thẩm thử thân, sinh tòng hà lai? Tử tòng hà khứ?

Sư vân :

Trường không túng sử song phi cốc,
Cự hải hà phương nhất điểm âu.

Tiến vân :

— Như hà thị đạo?

Sư vân :

— Đạo bất tại vấn, vấn bất tại đạo.

Tiến vân :

— Cổ đức vân : « Vô tâm thị đạo », thị phủ?

Sư vân :

Vô tâm bất thị đạo,
Vô đạo diệc vô tâm.

Hựu vân :

— Nhược tha thuyết vô tâm thị đạo tức nhất thiết thảo mộc giai thị đạo. Nhược khước thuyết vô tâm bất thị đạo, hà giả thuyết hữu vô? Thỉnh ngô kệ viết :

Bản vô tâm vô đạo,
Hữu đạo bất vô tâm.
Tâm đạo nguyên hư tịch,
Hà xứ cánh truy tầm?

Tăng khoát nhiên lĩnh chỉ, lễ bái thoái.

●

Vấn :

— Khải tư Thượng sĩ, như hà thị Phật pháp đại ý?

Sư vân :

Ngao đầu đả lãng tiêu minh nhãn,
Bằng dực đoàn phong lũ nghị trường.

Tiến vân :

— Nhậm ma tắc học nhân đắc nhập đầu xứ?

Sư viết

Bà giới phi tha giới,
Cơ xan chỉ nhữ xan.

Tiến vấn :

— Như hà thị thanh tịnh pháp thân ?

Sư vân :

Xuất nhập ngưu tẩu nội,
Toàn nghiên mã phẩn trung.

Tiến vấn :

— Nhậm ma tắc chứng nhập khứ dã ?

Sư vấn :

— Vô uế cấu niệm, thị thanh tịnh thân. Thính ngô kệ viết :

Bản lai vô cấu tịnh,
Cấu tịnh tổng hư danh.
Pháp thân vô khuể ngại,
Hà trọc phục hà thanh ?

Hựu vấn :

— Quy Sơn đạo : lão tăng bách niên hậu, hướng sơn hạ tác nhất đầu thủy cổ ngưu. Ý chỉ như hà?

Sư vân :

Hồng đạo trác tàn anh vũ lạp,
Bích ngô thê lão phượng hoàng chi.

Tiến vấn :

— Tích Tất Đạt Thái tử nhập thiên thần miếu, thần tượng bái túc, kỳ sự như hà ?

Sư vân :

Khai quyền nguyên thị chưởng,
Niết mục hựu thiên sai.

Vấn :

— Nam Tuyền mãi thân, ý chỉ như hà ?

Sư vân :

— Chinh vị mãi mệnh, ý chỉ như hà ?

Tăng vô ngữ.

Sư hát, xuất.

❁

Vấn :

— Thủy Lạo Hòa thượng, sơ tham Mã Tổ, vấn Tây lai ý. Tổ nhất đạp tháp đảo, Lạo khởi lai đại ngộ, phủ chưởng kha kha đại tiếu. Ý tác ma sinh?

Sư vân :

— Long tượng xúc đạp, phi lư sở kham.

Tiến vân :

— Hậu thị chúng đạo : «Tự tòng nhất khiết Mã sư đạp, trực đáo như kim tiếu bất hưu. Hựu tác ma sinh ?

Sư vân :

Chân sư tử[1*] *chi hao hống,*
Phi dã can[2*] *chi hào minh.*

Tiến vân :

— Học nhân bất hội.

Sư dĩ kệ thị chi :

Nhất đạp tháp đảo,
Thùy giải tầm thảo,
Đại tiếu khởi lai,
Tăng sinh ảo não.
Yếu thức Tây lai,
Mã câu khiết thảo.

Tăng lễ thoái.

❁

Vấn :

— Khải tư Thượng sĩ : «Thanh thanh thủy trúc tổng thị pháp thân» thị phủ ?

Sư vân :

Sa-di tạc nhật thực khê duẩn
Mạc thị như kim nhữ pháp thân

Tiến vân :

— «Uất uất hoàng hoa vô phi bát nhã», ý tác ma sinh ?

Sư vân :

Đào hoa bất thị bồ-đề thụ,
Hà sự Linh Vân nhập đạo trường ?

Tiến vân :

— Hữu tam tù á sư hành cước, thử lộ phùng nhất hổ, các tòng hổ biên quá, thời như hà ?

Sư vân :

Phong xuy bất ngại hoa gian mật,
Nguyệt lạc vô phương giản để thâm.

Tiến vân :

— Quy tông đạo : « Đại tự miêu nhi », ý tác ma sinh ?

Sư vân :

— Khẩu thuyết bất thị thân phùng.

Tiến vân :

— Trí Kiên đạo : « Đại tự cầu tử », ý chỉ như hà ?

Sư vấn :

— Giá lão hán, dụng đắc niết tụ tảo đãng chi cơ, nhiên khả tích hử.

Tiến vân :

— Sư tác ma sinh ?

Sư vân :

— Cầu tử.

Tiến vân :

— Nam Tuyền đạo : « Thị cá đại trùng », ý chỉ như hà ?

Sư vân :

— Cước cân bất điềm địa.

●

Vấn :

— Hương Nghiêm thông Tam tạng giáo, vị thập ma sự bất hiện tiền ?

Sư vân :

— Trường Phòng trì trúc trượng.

Tiến vân :

— « Kích trúc vong sở tri », ý tác ma sinh ?

Sư vân :

— Ngư phủ thất kim thoa.

Tiến vân :

— Như hà thị pháp thân ?

Sư vân :

Trì biên khan lưỡng cá
Nguyệt hạ hỷ tam nhân.

Tiến vân :

— Pháp thân dữ sắc thân thị đồng thị biệt ?

Sư vân :

Kiếm[3*] *trước Long-tuyền hiệu,*
Châu xưng hổ phách thiên.

●

Vấn :

— Thế Tôn đạo : « Tứ thập cửu niên, vị thường thuyết nhất tự ». Thập nhị phận giáo, thậm xứ đắc lai ?

Sư vân :

Kiếm[40] *xung xuất hạp cầu khôi phục,*
Linh bảo khai bình dạc bệnh tiêu.

Tiến vân :

— Như hà thị tự kỷ Phật ?

Sư vân :

Bất hướng bồ đào tửu,
Hy phùng phá úng nhân.

Tiến vân :

— Như hà lý hội ?

Sư vân :

Đại hạ nhất dạ miên,
Trường gian đồng độ thuyền.

Tiến vân :

— Như hà thị cổ Phật tâm ?

Sư vân :

Tận đạo mãn thành vô quốc diễm,
Bất tri chu hộ hữu thuyền quyên.

Tiến vân :

— Cổ nhân đạo : « Tức tâm tức Phật », vị thập ma Phật bất hiện tiền ?

Sư vân :

Thám châu phẫu bạn tuy nan đắc,
Mạc hướng khoa ngư tác biệt tầm.

Tiến vân :

— « Bất khả dĩ trí tri, bất khả dĩ thức thức », thời như hà ?

Sư vân :

Mộc nhân nhập hải vô sinh xướng,
Thạch nữ xuyên vân tất lật xuy.

Tiến vân :

— Nhậm ma tắc « vô thức diệc vô tri » ?

Sư vân :

Khổng Nhân vị tiến truy phong thức,
Tiết chúc phi tư tiệt vũ tri.

Tiến vân :

— « Kiến sắc tiện văn tâm », ý chỉ như hà ?

Sư vấn :

Tu tri khỏa[5] quốc giải sa khóa,*
Mạc tác Hàm-đạn vong ngọc đảo.

●

Khải vấn :

— Như hà Thượng sĩ gia phong ?

Sư vấn :

Nhàn phao nham quả hô viên tiếp,
Lãn điếu khê ngư dẫn hạc tranh.

Tiến vấn :

— Tổ ý dữ giáo ý, thị đồng thị biệt ?

Sư vấn :

Ba, thủy danh tuy dị,
Khai, hàm nãi nhất hoa.

Tiến vấn :

— Bồ đề, phiền não, đồng biệt như hà ?

Sư vấn :

Thủy trung diêm vị,
Sắc lý giao thanh.

Tiến vấn :

— Như hà thị sinh tử nghiệp ?

Sư vấn :

Thu sương trích trích lô hoa ngạn,
Dạ tuyết phân phân nguyệt sắc thiên.

Tiến vấn :

— Dật Đa bất tu định tuệ, vị thập ma thành Phật vô nghi ?

Sư vấn :

Hồng đào thụ thượng chân thời tiết,
Hoàng cúc ly biên bất thị xuân.

Tiến vấn :

— Tọa Thiền tập định thời như hà ?

Sư vấn :

— Quân vương hạ thức đấu oa trì.

Tiến vấn :

— Bất tọa thiền định thời như hà ?

Sư vấn :

— Tự thích giang hồ Phạm Lãi chu.

●

Vấn :

— «Dục đạt vô sinh lộ ; tu tri thức bản nguyên», như hà thị bản nguyên ?

Sư vân :

Tầm nguyên phi hữu bản,
Cử bản diệc vô nguyên.

Tiến vân :

— Giáo trung đạo : «Không tức thị sắc, Sắc tức thị không, ý chỉ như hà ?

Sư lương cửu, vân :

— Hội ma ?

Tiến vân :

— Bất hội.

Sư vân :

— Nhữ hữu sắc thân ma ?

Tiến vân :

— Hữu.

Sư vân :

— Hà vị «sắc tức thị không» ?

Hựu vân :

— Nhữ kiến không hữu tướng mạo ma ?

Tiến vân :

— Vô.

Sư vân :

— Hà vị «không tức thị sắc» ?

Tiến vân :

— Tất cánh như hà ?

Sư vân :

Sắc bản vô không,
Không bản vô sắc.

Tăng lễ tạ.

Sư vân :

— Thính ngô kệ viết :

Sắc tức thị không không thị sắc,
Tam thế Như Lai phương tiện lực.
Không bản vô sắc sắc vô không,
Thể tính minh minh phi thất đắc.

Hát

DỊCH NGHĨA :

TÙY THEO CƠ DUYÊN MÀ ỨNG ĐỐI

Một ngày kia, Sư (1) rảnh rang, hàng môn đệ sau trước đứng hầu. Bấy giờ có một môn tăng hỏi :

— Bạch Thượng sĩ (2). Tôi cho rằng sống chết là việc lớn. Nó vô thường và mau lẹ. Chưa rõ tấm thân này từ đâu sinh ra ? Chết rồi sẽ đi đâu ?

Sư đáp :

Đôi vành (3) luận chuyển giữa bầu trời,
Biển cả lo gì chút bọt trôi.

Lại hỏi :

— Thế nào là đạo ?

Sư đáp :

— Đạo không ở trong câu hỏi. Câu hỏi không ở trong đạo.

Lại hỏi :

— Hàng đại đức xưa nói : « Vô tâm tức là đạo », đúng chăng ?

Sư đáp :

Vô tâm nào phải đạo
Vô đạo cũng vô tâm.

Sư lại nói tiếp :

— Nếu họ bảo « Vô tâm là đạo » thì tất cả cây cỏ đều là đạo cả sao ? Bằng ngược lại nói « Vô tâm không phải là đạo », thì sao còn nói chuyện « hữu », « vô » làm gì ? Hãy nghe bài kệ của ta :

Vốn không tâm không đạo,
Có đạo chẳng không tâm.
Tâm, đạo là hư tịch,
Biết nơi nào truy tầm ?

Môn tăng bừng tỉnh, lĩnh ý, vái lui ra.

●

Hỏi :

— Bạch Thượng sĩ. Thế nào là đại ý của Phật pháp ?

Sư đáp :

Đầu ngao vỗ sóng, mắt sâu bọ,
Cánh bằng lướt gió, ruột kiến trùng.

Lại hỏi :

— Như vậy thì người học đạo làm thế nào để bước vào nơi đó ?

Sư đáp :

Gãi ngứa phải đâu ngứa của người,
Đói ăn chính thật bụng nhà ngươi.

Lại hỏi :

— Thế nào là thanh tịnh Pháp thân ?

Sư đáp :

Ra vào trong nước đái trâu,
Chui rúc giữa đống phân ngựa.

Lại hỏi :

— Vậy làm thế nào mà chứng ngộ được ?

Sư đáp :

— Không có niệm nhơ bẩn tức là pháp thân thanh tịnh. Hãy nghe bài kệ của ta :

Xưa nay không bẩn, sạch,
Bẩn, sạch đều hư danh.
Pháp thân không vướng mắc,
Nào « trọc » với nào « thanh »!

Lại hỏi :

— Quy Sơn (4) nói : « Trăm năm sau lão tăng này sẽ xuống núi làm con trâu nước ». Ý nghĩa thế nào ?

Sư đáp :

Nếp hồng mổ lại hạt anh vũ,
Ngô biếc ngồi trơ nhánh phượng hoàng (5).

Lại hỏi :

— Xưa Thái tử Tất Đạt Đa (6) vào miếu Thiên-thần, tượng thần sụp lạy dưới chân, việc ấy thế nào ?

Sư đáp :

Xòe ra vẫn một bàn tay,
Ấn vào mắt đã hóa ngay nghìn hình (7).

Hỏi :

— Nam Tuyền (8) bán mình, ý nghĩa thế nào ?

Sư hỏi lại :

— Còn lúc chưa bán mình, thì ý nghĩa thế nào ?

Môn tăng không đáp được.

Sư quát lên, và đi ra.

Hỏi :

— Hòa thượng Thủy Lạo lần đầu tiên đến tham bái Mã tổ (9), hỏi về ý nghĩa việc « từ phương Tây tới » (10). Tổ liền đạp cho một đạp ngã nhào. Thủy Lạo ngồi dậy, bừng tỉnh, vỗ tay cười ha ha. Vậy là ý thế nào ?

Sư đáp :

Cái đạp của rồng voi,
Sức lừa nào chịu nổi.

Lại hỏi :

— Về sau, mỗi khi gợi bảo cho học trò, Thủy Lạo nói : *« Từ khi ăn đạp của Mã tổ. Cười đến bây giờ vẫn chưa thôi »*. Thế là ý nghĩa gì ?

Sư đáp :

Quả thật tiếng gầm sư tử,
Phải đâu giọng rú cáo đồng.

Lại hỏi :

— Đệ tử không hiểu.

Sư bèn đọc bài kệ để gợi ý :

Một đạp ngã nhào,
Ai hay giảng rõ.
Trỗi dậy cả cười,
Lại sinh buồn khổ.
Hiểu lẽ « Tây sang » (11),
Ngựa tơ ăn cỏ.

Môn tăng vái, lui ra.

*

Hỏi :

— Dám bạch Thượng sĩ : *« Trúc xanh biêng biếc, Thảy đều pháp thân »*, đúng chăng ?

Sư đáp :

Sa-di măng suối chén ngày xưa,
Nào phải pháp thân ngươi hiện giờ.

Lại hỏi :

— *« Rực rỡ hoa vàng, đều là bát nhã »* ý nghĩa thế nào ?

Sư đáp :

Bồ-đề nào phải ở hoa đào,
Giác ngộ Linh Vân, hỏi cớ sao ? (12)

Lại hỏi :

— Có ba vị sư trưởng đi vân du các nơi, giữa đường gặp một con hổ, ai nấy đều đi qua cạnh nó. Bấy giờ như thế nào ?

Sư đáp :

Gió xao, hoa rậm quản gì,
Trăng chìm tận đáy, nào vì suối sâu (13).

Lại hỏi :

— Quy Tông (14) nói : « Lớn tựa con mèo », đó là ý gì ?

Sư đáp :

— Miệng nói không bằng mình gặp.

Lại hỏi :

— Trí Kiên (15) nói : « Lớn như con chó », đó là ý gì ?

Sư đáp :

— Lão ấy đã nắm được cái cơ rũ sạch làng làng. Nhưng có điều đáng tiếc.

Lại hỏi :

— Còn ý Sư thế nào ?

Sư đáp :

— Con chó.

Lại hỏi :

— Nam Tuyền (16) nói : « Đó là con cọp lớn », đó là ý gì ?

Sư đáp :

— Chân không chấm đất.

Hỏi :

— Hương Nghiêm (17) lầu thông Tam tạng (18), tại sao sự việc không hiện ra trước mắt ?

Sư đáp :

— Trường Phòng (19) cầm gậy trúc.

Lại hỏi :

— « Nghe tiếng đánh vào trúc mà quên hết điều hiểu biết » (20), ý nghĩa thế nào ?

Sư đáp :

— Ông chài mất cái thoi dệt cửi vàng.

Lại hỏi :

— Thế nào là Pháp thân ?

Sư đáp :

Bên ao thấy một đôi,
Dưới trăng vui ba người (21).

Lại hỏi :
— Pháp thân với sắc thân, giống nhau hay khác nhau ?

Sư đáp :

Gươm mang hiệu Long-tuyền,
Ngọc xưng tên hổ phách (22).

●

Hỏi :

— Phật Thế Tôn (23) nói : «Suốt bốn mươi chín năm nay, ta chưa hề nói một tiếng nào», thế thì mười hai phận giáo (24) do đâu mà có ?

Sư đáp :

Kiếm vung khỏi hộp mong về lại,
Thuốc báu lìa bình muốn bệnh tiêu.

Lại hỏi :
— Thế nào là Phật chính mình ?

Sư đáp :

Không nhấp rượu bồ đào,
Khó tìm người đập hũ.

Lại hỏi :
— Làm thế nào mà biết được ?

Sư đáp :

Một đêm cùng ngủ nhà to,
Gặp con sông rộng chung đò cùng sang.

Lại hỏi :
— Thế nào là tâm của cổ Phật ?

Sư đáp :

Đều bảo khắp thành không quốc sắc,
Hay đâu cửa tía có thuyền quyên.

Lại hỏi :

— Người xưa nói «tức tâm tức Phật», mà sao Phật không hiện ra trước mắt ?

Sư đáp :

Mổ trai, dầu vẫn khó tìm châu,
Mổ cá, đừng mong dễ kiếm đâu.

Lại hỏi :

— « Không thể dùng « tri » mà biết, không thể dùng « thức » mà hiểu », thế thì nên làm thế nào ?

Sư đáp :

Người gỗ (25) tìm xuống biển,
Ca hát khúc vô sinh (26).
Gái đá (25) lướt mây xanh,
Thổi điệu buồn tất lật (27).

Lại hỏi :

— Thế nào là « vô thức cũng vô tri » ?

Sư đáp :

Khổng Nhân chưa trình rõ,
Tài « thức » ngựa « truy phong » (28) ;
Tiết Chúc hẳn khó lòng,
Giỏi « trí » gươm « tiệt vũ » (29).

Lại hỏi :

— « Thấy sắc liền nghe tâm », ý nghĩa thế nào ?

Sư đáp :

Vào nước « cởi trần » nên bỏ khố (30),
Đừng học Hàm-đan quên ngọc đào (31).

❁

Dám hỏi :

— Gia phong của Thượng sĩ thế nào ?

Sư đáp :

Nhàn, kêu vượn đón quả rừng,
Lười câu cá suối, xin cùng hạc tranh.

Lại hỏi :

— Tổ ý và giáo ý giống nhau hay khác nhau ?

Sư đáp :

Sóng, nước tuy hai chẳng cách xa,
Hoa dù nở, nụ vẫn là hoa.

Lại hỏi :

— Bồ-đề (32) và phiền não (33), giống nhau khác nhau thế nào ?

Sư đáp :

Vị muối trong nước biển,
Sắc keo giữa màu xanh (34).

Lại hỏi :

— Thế nào là nghiệp sinh tử ?

Sư đáp :

Sương thu lí tách bờ lau,
Tuyết đêm lất phất dưới bầu trời trăng (35).

Lại hỏi :

— Dật Đa (36) không tu định tuệ (37), tại sao vẫn thành Phật như thường ?

Sư đáp :

Trên cây, đào thắm đúng kỳ,
Cúc vàng bên dậu chắc gì đã xuân.

Lại hỏi :

— Ngồi thiền tập định thì thế nào ?

Sư đáp :

— Vua chúa xuống xe chào ếch bướng (38).

Lại hỏi :

— Không ngồi Thiền tập định thì thế nào ?

Sư đáp :

— Thuyền Phạm Lãi sông hồ thỏa thích (39).

•

Hỏi :

— « Muốn đạt đến đường vô sinh, cần biết rõ cội nguồn ». Thế nào là cội nguồn ?

Sư đáp :

Tìm nguồn không có cội,
Bám cội thấy đầu nguồn.

Lại hỏi :

— Trong giáo lý nói : « Không tức là sắc, sắc tức là không », ý nghĩa thế nào ?

Sư im lặng giây lâu, hỏi :

— Đã hiểu chưa ?

Đáp lại :

— Chưa hiểu.

Sư nói :

— Ngươi có sắc thân không ?

Đáp lại :

— Có.

Sư nói :
— Vậy sao nói « sắc tức là không ? »
Lại nói tiếp :
— Ngươi có nhìn thấy cái « không » có trạng mạo gì không ?
Đáp lại :
— Không.
Sư nói :
— Vậy sao nói « không tức là sắc ».
Lại hỏi :
— Rốt cuộc là thế nào ?
Sư nói :

Sắc vốn chẳng phải không,
Không vốn không phải sắc.

Môn tăng lễ tạ.
Sư bảo :
— Nghe kệ ta đây :

Sắc tức là không, không tức sắc.
Ba đời chư Phật (40) *quyền biến đặt,*
Không vốn không sắc, sắc không không,
Thể tính sáng lâu, chẳng được mất.

Hét.

ĐỖ VĂN HỶ — HUỆ CHI

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : TSNL1, TSNL2,

1* TSNL1 : *sư tử* 師子 , không có nghĩa.

2* TSNL1 : *dã can* 野干 , không có nghĩa.

3* TSNL1 : *nhận* 鈕 ; TSNL2 : chú thêm : *khủng kiếm* 恐劍 ; nghĩa là : có lẽ là chữ *kiếm*. Ở đây, chữa lại theo TSNL2.

4* TSNL1, TSNL2 : đều là *khí* 氣 . Có lẽ là chữ *kiếm* 劍 thì đúng hơn. Biểu tượng « kiếm rời hộp báu, thuốc thoát bình vàng » được dùng phổ biến trong kinh kệ đạo Phật, và cả trong thơ văn Phật giáo thời Lý-Trần. Ở đây tạm chữa lại.

5* TSNL1 : *khỏa* 顆 , không có nghĩa. TSNL2 chú : *khủng khỏa* : 恐 裸 ; nghĩa là có lẽ là chữ *khỏa* (khỏa thân). Ở đây, chữa lại theo TSNL2.

CHÚ THÍCH :

(1) *Sư* : tức Thượng sĩ Tuệ Trung.

(2) *Thượng sĩ* : hay cũng gọi là Đại sĩ, tức là Bồ-tát. *Du già luận* 瑜伽倫 giải thích : không lợi mình lợi người là Hạ sĩ. Có lợi mình không lợi người là Trung sĩ. Được cả hai thứ là Thượng sĩ.

(3) *Đôi vành chuyển* (song phi cốc) : xuất xứ từ câu thơ 日月轉雙轂，古今同一丘 *Nhật nguyệt chuyển song cốc ; Cổ kim đồng nhất khâu.* Nghĩa là : « Mặt trời mặt trăng chuyển vần như hai bánh xe. Xưa nay người ta đều trở về một nấm mồ ». Cả hai câu của Tuệ Trung muốn nói : nếu đã hiểu sự vận hành của thời gian là nhanh chóng không cưỡng được, thì sự sống chết của con người chỉ như một chút bọt giữa biển cả, không cần gì phải lo lắng.

(4) *Quy Sơn* : tức Thiền sư Linh Hựu 靈祐, xem Cht. 19, bài *Niêm tụng kệ*, số 21, của Trần Cảnh. Theo *Thiền lâm bảo giám* 禪林寶鑑 thì một hôm ông lên giảng đường nói rằng : trăm năm sau nữa, lão tăng này sẽ làm một con trâu đen ở nhà người đàn việt dưới chân núi. Hông bên hữu viết năm chữ : « lão sư Quy Sơn nọ... » Đương nhiên lúc bấy giờ ai muốn gọi thầy tăng núi Quy-sơn là con trâu đen, hay gọi con trâu đen là thầy tăng núi Quy-sơn đều được cả.

(5) Hai câu thơ này Tuệ Trung rút từ bài *Thu hứng* 秋興, của Đỗ Phủ 杜甫. Hai câu thơ nổi tiếng ở cấu trúc đảo trang táo bạo của chúng. Lẽ ra, nếu xếp theo trật tự ngữ pháp bình thường thì phải là :

Anh vũ trác tàn hồng đạo lạp,
Phượng hoàng thê lão bích ngô chi.

Nghĩa là : Chim anh vũ mổ thừa hạt nếp đỏ,
Chim phượng hoàng đậu già cành ngô đồng biếc.

(6) *Tất Đạt Đa* : tên của Phật Thích Ca khi còn là Thái tử. Xem Cht. 19, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.

(7) Để gợi bảo « tính thấy » cho ông A Nan (Ananda), Phật đã dùng cách co năm ngón tay lại, rồi lại mở ra, mở ra rồi lại co lại, và hỏi rằng : « Ông thấy gì ? ». A Nan đáp : « Tôi thấy bàn tay « bách bảo luân » của Như Lai lúc mở lúc nắm ». Phật bảo : « Ông thấy tay tôi khi mở khi nắm, đó là tay tôi khi mở khi nắm hay là « cái thấy » của ông có mở có nắm ». A Nan đáp : « ... Tôi thấy bàn tay của Thế Tôn tự mở tự nắm chứ không phải « tính thấy » của tôi có mở có nắm ». Tuệ Trung dẫn điển tích này để nhắc nhở học trò rằng không nên đồng nhất giữa « cái thấy » và các hiện tượng diễn ra bên ngoài : các hiện tượng bên ngoài đập vào mắt ta là vọng động, là giả, cũng như ta ấn tay vào mắt thì thấy nhiều đốm hoa trong không trung. Và như vậy, việc Thái tử Tất Đạt Đa vào miếu thần, tượng thần sụp lạy, cũng là một hiện tượng giả, là huyền thoại mà thôi. Xem Cht. 2, bài *Kiến giải* ; số 61, cùng tác giả.

(8) *Nam Tuyền* : tức Thiền sư Phổ Nguyện 普願, xem Cht. 21, bài *Niêm tụng kệ*, số 21, của Trần Cảnh. Theo *Ngũ đăng hội nguyên* 五燈會元, một hôm ông lên giảng đường nói với chúng sinh : « Lão tăng bán mình đây, có ai mua thì mua ». Một môn tăng nói : « Tôi mua ». Ông bảo : « Giá bán không đắt, không rẻ, không mua sao được ? ». Môn tăng im lặng.

(9) *Mã tổ* : xem Cht. 2, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

(10) (11) *Từ phương Tây tới* ; *Tây sang* : đều dịch từ chữ « Tây lai ». xem Cht. 34, bài *Niêm tụng kệ*, số 21, của Trần Cảnh.

(12) *Linh Vân* : tức Thiền sư Chí Cần 志勤 cao tăng đời Đường, tu ở núi Linh-vân 靈雲, Phúc châu 福州, nên có hiệu là Linh Vân. Theo *Ngũ đăng hội nguyên* 五燈會元 lúc đầu ông theo học ở Quy-sơn 溈山, một hôm nhân nhìn hoa đào nở mà ngộ đạo. Ông có làm bài kệ :

三十年來尋劍客
幾回落葉又抽枝
自從一見桃花後
直到如今更不疑

Tam thập niên lai tầm kiếm khách,
Kỷ hồi lạc diệp hựu trừu chi.
Tự tòng nhất kiến đào hoa hậu,
Trực đáo như kim cánh bất nghi.

Nghĩa là :

Ba mươi năm qua ta như người khách đi tìm gươm,
Đã mấy phen hoài công làm rụng lá lại lay cành.
Từ sau khi được thấy hoa đào nở,
Cho đến hôm nay thực không còn chút nghi ngờ gì nữa.

(13) Cả hai câu này nhằm diễn tả ý nghĩa của hai chữ « vô ngại ». Vô ngại là hoàn toàn thông suốt, không có gì ngăn cách. Như luồng gió thổi, dù đám hoa rậm mấy cũng qua lọt, như ánh trăng chiếu dù khe sâu mấy cũng tới đáy.

(14) (15) (16) Là tên ba nhà sư trong câu chuyện đi vân du gặp cọp. Sư Quy Tông nói cọp lớn như con mèo, sư Trí Kiên nói cọp lớn như con chó. Còn sư Nam Tuyền nói : lớn như con cọp khổng lồ.

(17) *Hương Nghiêm :* tức Thiền sư Trí Nhàn 智閑 quê ở Đăng-châu 鄧州

(18) *Tam Tạng :* ba kho kinh điển của nhà Phật, chia làm *Kinh tạng, Luật tạng* và *Luận tạng*.

(19) *Trường Phòng :* tức Phí Trường Phòng 費長房 người đời Hậu Hán 後漢 có thuật thần tiên, cưỡi cái gậy trúc, tha hồ đi đó đi đây, hóa xa thành gần, đường nghìn dặm ở ngay trước mắt. Tuệ Trung mượn ý này để nói Hương Nghiêm là người đã đạt tới chỗ hoàn toàn tự tại.

(20) Theo *Truyền đăng lục* 傳燈錄 Thiền sư Trí Nhàn học đạo rất giỏi và rất tự đắc về hiểu biết của mình. Một hôm có người hỏi ông về cái gọi là « bản lai diện mục », ông không trả lời được, hổ thẹn, đốt hết kinh sách và tìm một cái hang mà tu. Một ngày kia vào rừng phạt cỏ, ông lấy hòn đá đánh vào cây trúc bật thành tiếng, và đột nhiên tỉnh ngộ. Ông bèn làm bài kệ, trong đó có câu « kích trúc vong sở tri » kể trên.

(21) Ý câu này nói Phật có ba thân : pháp thân, hóa thân, và báo thân, nhưng vẫn là một. Cũng như người đứng bên ao, mình với bóng tuy là hai, nhưng kỳ thực vẫn là một.

(22) Tuệ Trung mượn hai câu này để nói pháp thân và sắc thân tuy hai mà một, vì pháp thân là chân tướng còn sắc thân chỉ là biểu hiện ảo giác của pháp thân. Cũng như thanh kiếm và tên Long-tuyền, viên ngọc và tên hổ phách, tuy hai mà vẫn là một.

(23) *Phật Thế Tôn :* tức Phật Thích Ca. Xem. Cht. 19, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.

(24) *Mười hai phận giáo* (thập nhị phận giáo) : tức là 12 bộ kinh :
1. *Tu đà la* 修多羅 ; **2.** *Kỳ dạ* 祇夜 ; **3.** *Già đà* 伽陀; **4.** *Ni đà na* 尼陀那 ; **5.** *Y đế mục đa già* 伊帝目多伽 ; **6.** *Đồ đa già* 闍多伽 **7.** *A phù đạt ma* 阿浮達磨 ; **8.** *A ba đà na* 阿波陀那 **9.** *Ưu bà đề xá* 優婆提舍 **10.** *Ưu đà na* 優陀那 ; **11.** *Tỳ phật lược* 毘佛略 **12.** *Hòa già la* 和伽羅

(25) *Người gỗ, Gái đá :* xem Cht. 23, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8 của Trần Cảnh.

(26) *Khúc vô sinh* : xem Cht. 1, bài *Điệu tiên sư số 67*, cùng tác giả.

(27) *Tất lật* : một nhạc cụ sản xuất từ đất Hồ. Thanh âm của nó bi ai, nên người ta còn gọi là bi lật. Xem thêm Khảo đính 4°, bài *Tụng cổ*, số 112, cùng tác giả.

(28) *Khổng Nhân :* tức Khổng Phương Nhân 孔方仁. Theo *Tân luận* 新論 thì Khổng Phương Nhân có tài xem ngựa. Lúc con ngựa còn chưa chạy « nhanh như gió », « nhanh như chớp », « chạy không bốc bụi », « chạy không trông thấy bóng », mà ông đã thấy hết cái nhanh của thế chân ngựa.

(29) *Tiết Chúc* : cũng theo *Tân luận*, ông này là người sành xem kiếm. Khi thanh kiếm chưa «chém con huyền tê ở trên cạn», chưa «chém sợi lông nhẹ ở dưới nước» (tiệt vũ), nhưng ông đã thấy hiện ra cái thế sắc bén của thanh kiếm. Ý của cả hai câu trên đây : sở dĩ người ta «vô thức» và «vô tri» là vì người ta chưa có cái «thức» của Khổng Nhân và cái «tri» của Tiết Chúc.

(30) *Nước «cởi trần»* (Khỏa quốc) : xem Cht. 1, bài *Vật bất năng dung*, số 92, cùng tác giả.

(31) *Học Hàm-đan* : tức «Hàm-đan học bộ» học đi ở đất Hàm-đan. Theo Thành Huyền Anh 成玄英, người ở Hàm-đan kinh đô nước Triệu 趙, đi rất giỏi, nên những người tuổi trẻ ở nước Yên 燕 từ xa đến học. Nhưng chưa học được cách đi của người Hàm-đan thì đã quên mất bản tính của mình. Ý cả hai câu thơ trên muốn nói : phải tùy theo căn cơ của mình mà ngộ đạo, chứ đừng nên gượng ép, bắt chước, nhất định thất bại.

(32) *Bồ-đề* : xem Cht. 1, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.

(33) *Phiền não* : xem Cht. 3, bài *Chí tâm phát nguyện*, số 42, của Trần Cảnh.

(34) Hai câu này muốn giải thích «bồ-đề» và «phiền não» tuy đối lập nhưng lại không tách rời nhau.

(35) Tác giả muốn nói «nghiệp sinh tử» là vô thường và mau chóng, giống như hạt sương đầu ngọn cỏ, như một bông tuyết giữa đêm trăng.

(36) *Dật Đa* : tức A Dật Đa, tên của Di Lặc Bồ-tát. Xem Cht. 15, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

(37) *Định, tuệ* : xem Cht. 1, bài *Giới định tuệ luận*, số 9, của Trần Cảnh.

(38) Câu này xuất phát từ điển cố sau : vua nước Việt 越 sắp đánh nước Ngô 吳, muốn cho quân sĩ dũng cảm xông trận, nên khi ra đi, thấy con ếch có nộ khí ở bên đường, ông liền xuống xe kính cẩn chào. Người hầu hỏi : Vì cớ gì bệ hạ làm vậy ? Vua đáp : Vì con ếch có dũng khí. Sĩ tốt nghe vậy liền nói con ếch có dũng khí vua còn kính trọng, huống chi là người. Cả câu chỉ muốn nói rằng người tu tập thiền định cần coi trọng dũng khí.

(39) Câu trả lời của Tuệ Trung muốn nói : nếu không tu tập thiền định thì tha hồ tự do, giống như Phạm Lãi 范蠡 nước Sở 楚 thời Xuân thu, sau khi đã giúp Câu Tiễn 勾踐 diệt xong nước Ngô rồi liền bỏ quan, lênh đênh trên con thuyền ở vùng Ngũ-hồ. 五湖

(40) *Ba đời chư Phật* : (tam thế Như Lai) : xem Cht. 3, bài *Khải bạch*, số 27, của Trần Cảnh.

*

112

頌古

舉。
涅槃經云。
　諸行無常
　是生滅法。
師云。
　誰生滅。

頌曰。

諸行無常
是生滅法
三界雨蒙蒙
十方風颯颯
凡聖不同居
龍蛇淅混雜
諸行無常一切空
生滅之心誰問答
若逢凍體老瞿曇
未免攔胸踏
咄
不見陽和色
能看桃李開。

舉

生滅滅已
寂滅為樂。

師云。

淵明攢眉作麼。

頌曰。

生滅滅已
寂滅為樂
鈍鳥謾棲蘆
困魚閑止泊
不管身起痾
恐勞手作藥
休將負重擔
過獨木橋著
歸家罷問程
從何來失脚
萬一不得已
依前看謀略
咦
若也不因迷荻岸
胡為得到武陵溪。

舉。

維摩經云。

觀身實相
觀佛亦然。

師一笑。

頌曰。

觀身實相
觀佛亦然
求斛落地
仰面窺天
本來無寸腹
今日有多慾
無縛还求縛
非纏却就纏
虎踞真虎踞
龍眠是龍眠
欲知身與佛
種藕出紅蓮
玉鑑團團生海角
只因揑目有移遷。

○

舉

華嚴經云。

一切法不生
一切法不滅
若能如是解
諸佛常現前。

師云。

看看。

又云。

高聲告靜
止餅喫麵。

喝。

頌曰。

黃頭饒舌賺眾生
處處眠時獨自行

不管夜闌猶夢裏
丁東風鐸曉催更。

舉
萬歲禪師僧問大衆雲集合談何事師
云序品第一
師云
第二亦得
頌曰

出序品第一
上下無等匹
智者無實虛
迷人生得失
木人舞拓枝
石女吹觱篥
若求明此意
般若波羅蜜

舉
僧問長沙岑蚯蚓斬爲兩段兩頭俱動
佛性在那頭沙云動與不動是何境界
師云
兩邊非動
動在汝邊
頌曰

蚯蚓斬爲兩段時
兩頭俱動有誰知
問來佛性全難得
辜負剖腸藏六龜

舉
趙州有僧寫得師眞呈師師云且道似
我不似我若自我打殺老僧若不似即燒
却眞僧無語
師云
俱是費功夫

頌曰

紫兔鋒尖玉板新
暗描寫得本來身
縱饒打殺還燒卻
天上人間能幾人。

●

舉。

溈山封一面鏡。寄仰山。山上堂提起云。且道是溈山鏡。是仰山鏡。有人道得。卻不撲破。眾無語。師乃撲破。

師云。

未免溈山禍

又云。

以細行而棄大乘

頌曰。

寶鏡緘封一向前
提撕妍醜自俱全
破將卻負鎔來意
只許清光自在懸。

●

舉。

老子曰。寵辱若驚。

師云。

手中巧畫千般物
心上緣生萬慮憂。

頌曰。

寒自着衣熱脫衣
無寒無熱有誰知
但看御柳宮花色
不獨尋春壞四時

●

舉。

臨濟到塔主。塔主曰。先禮佛先禮祖。師曰祖佛俱不禮。塔主曰。祖佛與長老。有什麼冤家俱不禮。師便拂袖而出。

師云。

得騎虎頭
不捋虎鬚。

頌曰。

一重拂袖等閑行
塔主瞞盱汗不生
佛祖到頭俱不禮
秋光曉潤玉璘璘。

舉。

陳尊者問僧什麼處來。僧瞪目視之。

師云。

驢前馬後漢
道將一句來。

僧無語。

頌曰。

驢前馬後莫橫衝
馬踏驢蹄作麼生
昨夜夢中人訊語
兩屍埋下一長坑。

舉。

景通後住霍山。有行者問。如何是佛法大意。師乃禮拜。行者云。和尚爲什麼禮俗人。師曰。汝不見道尊重弟子。

師云。

唯之與阿。相去幾何。

又師問。什麼處來。僧提起坐具。師曰。龍頭蛇尾。

師云。

月影不是一家計活。

又僧問如何是佛師打之僧亦打師師曰
汝打我有道理我打汝無道理僧無語師
乃趁出

師云
一箇將以暴兵當無義矣
一箇伏雞搏狸乳犬犯虎

頌曰
將軍三佰未功戍
一帝傳聞六國清
纔了千槍酣戰解
又聞萬馬撼秋聲

舉
譚空和尚有尼欲開堂說法師曰尼女
家不用開堂尼曰龍女八歲成佛又作什
麼生師云龍女十八變汝與老僧試一變
看尼曰變得只是野狐精師乃打趁

師云
是即是猶滯一線道

頌曰
深憐妙法欲玄談
爭奈携籃也放籃
打趁野狐精意旨
前三三與後三三

PHIÊN ÂM :

TỤNG CỔ

Cử :

— *Niết bàn kinh* vân :

Chư hành vô thường,
Thị sinh diệt pháp.

Sư vân :

— Thùy sinh diệt ?

Tụng viết :

« Chư hành vô thường,
Thị sinh diệt pháp ».
Tam giới vũ mông mông,
Thập phương phong táp táp.
Phàm thánh bất đồng cư,
Long xà phi hỗn tạp.
Chư hành vô thường nhất thiết không,
Sinh diệt chi tâm thùy vấn đáp ?
Nhược phùng đống nũng lão Cồ-đàm,
Vị miễn lan hung đạp.
Đốt !
Bất kiến dương hòa sắc,
Năng khan đào lý khai.

Cử :

« Sinh diệt diệt dĩ,
Tịch diệt vi lạc ».

Sư vân :

— Uyên Minh toàn mi tác ma ?

Tụng viết :

« Sinh diệt diệt dĩ,
Tịch diệt vi lạc »
Độn điểu man thê lô,
Khốn ngư nhàn chỉ bạc [1*].
Bất quản thân khởi bệnh,
Khủng lao thủ tác dược.

Hưu tương phụ trùng đồm,
Quá độc mộc kiều trước.
Quy gia bãi vấn trình,
Tòng hà lai thất cước.
Vạn nhất bất đắc dĩ,
Y tiền khán mưu lược.
Di!
Nhược dã bất nhận mê địch[2*] *ngạn,*
Hồ vi đắc đáo Vũ-lăng khê.

Cử :

— ***Duy ma kinh*** **vân :**

«Quán thân thực tướng,
Quán Phật diệc nhiên».

Sư nhất tiếu.

Tụng viết :

«Quán thân thực tướng,
Quán Phật diệc nhiên».
Cầu châm lạc địa,
Ngưỡng diện khuy thiên.
Bản lai vô thốn phúc,
Kim nhật hữu đa khiên[3*]*.*
Vô phục hoàn cầu phục,
Phi triền khước tựu triền.
Hồ cứ chân hồ cứ,
Long miên thị long miên.
Dục tri thân dữ Phật,
Chủng ngẫu xuất hồng liên.
Ngọc giám đoàn đoàn sinh hải giác.
Chỉ nhân niết mục hữu di thiên.

●

Cử :

— ***Hoa nghiêm kinh*** **vân :**

«Nhất thiết pháp bất sinh,
Nhất thiết pháp bất diệt.
Nhược năng như thị giải,
Chư Phật thường hiện tiền».

Sư vân :

— Khán ! Khán !

Hựu vân :

Cao thanh cáo tĩnh,
Chỉ bính khiết miến.

Hát.

Tụng viết :

Hoàng đầu nhiêu thiệt thiệm chúng sinh,
Xứ xứ miên thời độc tự hành.
Bất quản dạ lan do mộng lý,
Đinh đông phượng khuyết hiểu thôi canh.

●

Cử :

— Vạn Tuế Thiền sư. Tăng vấn : « Đại chúng vân tập », hợp đàm hà sự ? ». Sư vân : « Tự phẩm đệ nhất ».

Sư vân :

— Đệ nhị diệc đắc.

Tụng viết :

Xuất tự phẩm đệ nhất,
Thượng hạ vô đẳng sất.
Trí giả vô thực hư,
Mê nhân sinh đắc thất.
Mộc nhân vũ thác chi,
Thạch nữ xuy tất lật[4].*
Dục cầu minh thử ý,
Bát nhã ba-la-mật.

●

Cử :

— Tăng vấn Trường Sa Sầm : « Khâu dẫn trảm vi lưỡng đoạn, lưỡng đầu câu động ; Phật tính tại na đầu ? » Sa vân : « Động dữ bất động, thị hà cảnh giới ? »

Sư vân :

Lưỡng biên phi động,
Động tại nhữ biên.

Tụng viết :

Khẩu dẫn trảm vi lưỡng đoạn thì,
Lưỡng đầu câu động hữu thùy tri.
Vấn lai Phật tính toàn nan đắc,
Cô phụ khoa trường tạng lục quy.

●

Cử :

— Triệu Châu : Hữu tăng tả đắc sư chân, trình sư. Sư vân : « Thả đạo : Tự ngã ? Bất tự ngã ? Nhược tự ngã, đả sát lão tăng. Nhược bất tự, tức thiêu khước chân ». Tăng vô ngữ.

Sư vân :

— Câu thị phí công phu.

Tụng viết :

Tử thố[5] phong tiêm ngọc bản tân.*
Ám miêu uyển đắc bản lai thân.
Túng nhiêu đả sát hoàn thiêu khước,
Thiên thượng nhân gian năng kỷ nhân.

●

Cử :

— Quy Sơn phong nhất diện kính, ký Ngưỡng Sơn. Sơn thượng đường đề khởi vân : « Thả đạo ! Thị Quy Sơn kính ? Thị Ngưỡng Sơn kính ? Hữu nhân đạo đắc, tức bất phác phá ». Chúng vô ngữ. Sư nãi phác phá.

Sư vân :

— Vị miễn Quy Sơn hạt.

Hựu vân :

— Dĩ tế hạnh nhi khí đại thừa.

Tụng viết :

Bảo kính châm phong nhất hướng tiền,
Đề tư nghiên xú tự câu tuyền.
Phá tương khước phụ dung lai ý,
Chỉ hứa thanh quang tự tại huyền.

●

Cử :

— Lão Tử viết : « Sủng nhục nhược kinh ».

Sư [6*] vân :

Thủ trung xảo họa thiên ban vật,
Tâm thượng duyên sinh vạn lự ưu.

Tụng viết :

Hàn tự trước y nhiệt thoát y,
Vô hàn vô nhiệt hữu thùy tri ?
Đãn khan ngự liễu cung hoa sắc,
Bất độc tầm xuân hoại tứ thi.

●

Cử :

— Lâm Tế đáo tháp chủ. Tháp chủ viết : « Tiên lễ Phật ? Tiên lễ Tổ ? ». Sư viết : « Tổ Phật câu bất lễ ». Tháp chủ viết : « Tổ Phật dữ Trưởng lão hữu thập ma oan gia [7*] câu bất lễ ? ». Sư tiện phất tụ nhi xuất.

Sư vân :

Đắc kỵ hổ đầu,
Bất loát hổ tu.

Tụng viết :

Nhất trùng phất tụ đẳng nhàn hành,
Tháp chủ man can hãn bất sinh.
Phật Tổ đáo đầu câu bất lễ,
Thu quang hiểu giản ngọc sùng vinh.

●

Cử :

— Trần tôn giả vấn tăng thập ma xứ lai. Tăng trừng mục thị chi.

Sư vân :

Lư tiền mã hậu hán !
Đạo tương nhất cú lai.

Tăng vô ngữ. Tụng viết :

Lư tiền mã hậu mạc hoành hành,
Mã đạp lư đề tác ma sinh ?
Tạc dạ mộng trung nhân tấn ngữ,
Lưỡng thì mai hạ nhất trường khanh.

●

Cử :

— Cảnh Thông hậu trụ Hoắc-sơn. Hữu hành giả vấn : « Như hà thị Phật pháp đại ý ? » Sư nãi lễ bái. Hành giả vân : « Hòa thượng vị thập ma lễ tục nhân ? Sư viết : « Nhữ bất kiến đạo : tôn trọng đệ tử ».

Sư vân :

— Duy chi dữ a [89], tương khứ kỷ hà ?

Hựu sư vấn : « Thập ma xứ lai ? ». Tăng đề khởi tọa cụ. Sư viết : « Long đầu xà vĩ ».

Sư vân :

— Nguyệt ảnh bất thị nhất gia kế hoạt.

Hựu tăng vấn : « Như hà thị Phật ? ». Sư đả chi. Tăng diệc đả sư. Sư viết : « Nhữ đả ngã hữu đạo lý. Ngã đả nhữ vô đạo lý ». Tăng vô ngữ. Sư nãi sấn xuất.

Sư vân :

— Nhất cá tương dĩ bạo binh, đương vô nghĩa hỹ

— Nhất cá phục kê bác ly, nhũ khuyển phạm hổ.

Tụng viết :

Tướng quân tam bá vị công thành,
Nhất đế truyền văn lục quốc thanh.
Tài liễu thiên thương cam chiến giải,
Hựu văn vạn mã hám thu thành.

●

Cử :

— Đàm Không Hòa thượng. Hữu ni dục khai đường thuyết pháp. Sư viết : « Ni nữ gia bất dụng khai đường ». Ni viết : « Long nữ bát tuế thành Phật, hựu tác thập ma sinh ? ». Sư vân : « Long nữ thập bát biến, nhữ dữ lão tăng thí nhất biến khán ! ». Ni viết : « Biến đắc chỉ thị dã hồ tinh ». Sư nãi đả sấn.

Sư vân :

— Thị tức thị, do trệ nhất tuyến đạo.

Tụng viết :

Thâm lân diệu pháp dục huyền đàm,
Tranh nại huề lam dã phóng lam,
Đả sấn dã hồ tinh ý chỉ,
Tiền tam tam dữ hậu tam tam.

DỊCH NGHĨA :

TỤNG CỔ (1)

PHÁP SINH DIỆT (2)

Nêu :

— *Kinh Niết-bàn* nói :

« Muôn vật vô thường,
Ấy sinh diệt pháp » (3).

Sư (4) hỏi :

— Ai sinh diệt ?

Tụng rằng :

« Muôn vật vô thường,
Ấy sinh diệt pháp ».
Ba cõi (5) mưa sa,
Mười phương (6) gió táp.
Phàm thánh chẳng chung nơi,
Rắn rồng không hỗn tạp.
Muôn vật vô thường thảy thảy không,
Sinh diệt tâm kia ai hỏi đáp ?
Vì gặp Cồ-đàm (7) quen cóng lạnh,
Tránh sao khỏi ngang hông một đạp,
Ối !
Chưa thấy mùa xuân ấm áp,
Nào hay đào lý đơm bông ?

TRÚC THIÊN
(Bd. *TSNL*)

•

NIẾT BÀN VUI

Nêu :

« Sinh diệt diệt hết,
Tịch diệt là vui » (3).

Sư nói :

— Uyên Minh chau mày (8) làm gì ?

Tụng rằng :

« Sinh diệt diệt hết,
Tịch diệt là vui ».
Chim mỏi đậu khóm lau,
Cá mệt chìm đáy nước.
Quản gì thân nhuốm đau.
Sợ nhọc tay chế thuốc.
Đừng gánh nặng vai mang,
Mới qua cầu « khỉ » được.
Về nhà chớ hỏi đường,
Vì đâu mà lạc bước.
Muôn một không thể dừng,
Mưu kế nhìn người trước.
Ối !
Giá chẳng mê lầm tại bến lau,
Khe suối Vũ-lăng (9) sao đến được ?

Theo TRÚC THIÊN
(Bd. *TSNL*)

●

QUÁN THÂN — QUÁN PHẬT

Nêu :

— **Kinh** *Duy ma* **nói :**

« Quán được thực tướng (10) của thân thế nào,
Thì quán Phật cũng như vậy ».

Sư nở nụ cười.

Tụng rằng :

« Quán thân thực tướng,
Quán Phật thế thôi ».
Tìm kim dưới đất,
Ngửa mặt nhìn trời.
Xưa kia không tấc dạ,
Nay lắm lỗi bời bời.
Chẳng trói tự tìm trói,
Không lời cũng tìm lời.

Rồng ngủ là rồng ngủ.
Hổ ngồi thực hổ ngồi.
Muốn biết thân và Phật,
Ngó sen nảy đóa tươi.
Gương ngọc tròn xoay nơi góc biển,
Chỉ do hoa mắt hóa thay đời.

HUỆ CHI

•

KHÔNG SINH KHÔNG DIỆT

Nêu :

— **Kinh** *Hoa nghiêm* nói :

« Mọi pháp đều không sinh,
Mọi pháp đều không mất.
Nếu thấu rõ lẽ này,
Phật hiện ngay trước mắt ».

Sư nói :

— **Xem đi !** Xem đi !

Lại nói :

Cao giọng để im đi,
Bỏ bánh mà ăn bột.

Hét

Tụng rằng :

Hoàng đầu (11) *múa lưỡi trỏ sinh linh,*
Khắp chốn giấc say, dạo một mình.
Chẳng kể sáng đêm còn mộng mị,
Lầu son (12) *chuông đã giục tàn canh.*

HUỆ CHI

•

THỨ NHẤT — THỨ NHÌ

Nêu :

— **Thiền sư Vạn Tuế** (13). **Một môn tăng hỏi : « Mọi người đã họp lại như mây, để cùng nhau bàn luận việc gì vậy ? » Sư đáp : « Tự phẩm thứ nhất** (14) **»**

Sư nói :

— Thứ nhì cũng được.

Tụng rằng :

Từ tự phẩm thứ nhất,
Dưới trên không thứ bậc.
Bậc tri chẳng thực hư,
Kẻ ngu sinh được mất.
Người gỗ múa thác chi, (15)
Gái đá thổi tất lật (16).
Muốn sáng rõ ý này,
Bát nhã ba-la-mật (17).

HUỆ CHI

●

HAI PHÍA ĐỀU ĐỘNG

Nêu :

— Một thiền tăng hỏi Trương Sa Sầm (18) : « Con giun bị chém làm hai đoạn, hai phía đều động, vậy Phật tính ở phía nào ? » Sư hỏi lại : « Động và bất động là cảnh giới nào ? »

Sư nói :

Hai phía đều chẳng động,
Động ở phía nhà ngươi.

Tụng rằng :

Chặt đứt con giun thành hai khúc,
Hai đầu đều động, có ai ngờ.
Hỏi rằng tính Phật không hề biết,
Mổ bụng cắt rúa (19) *uổng phí chưa !*

ĐỖ VĂN HỶ

●

GIỐNG TA — KHÔNG GIỐNG TA

Nêu :

— Thiền sư Triệu Châu (20). Có một Thiền tăng vẽ được bức chân dung của Thiền sư, đem trình. Sư bảo : « Hãy nói xem ! Giống ta chăng ? Không giống ta chăng ? Nếu giống ta thì đánh chết lão tăng này đi. Nếu không giống, thì đốt quách bức hình ». Thiền tăng không trả lời được.

Sư nói :

— Rõ là uổng công phí sức.

Tụng rằng :

Mũi nhọn bút lông, khuôn giấy báu.
« Bản lai » thân ấy vẽ cho rành.
Vì tha tội chết thì đem đốt.
Thượng giới trần gian mấy kẻ sành.

ĐỖ VĂN HỶ

●

GƯƠNG QUY SƠN — GƯƠNG NGƯỠNG SƠN

Nêu :

— Qui Sơn [21] gói một tấm gương gửi Ngưỡng Sơn [22]. Ngưỡng Sơn lên giảng đường giơ gương lên nói : « Hãy nói xem ! Đây là gương của Quy Sơn? Hay gương của Ngưỡng Sơn? Nếu ai nói được thì ta sẽ không đập vỡ ». Mọi người im lặng. Sư bèn đập vỡ tấm gương.

Sư nói :

— Chưa tránh khỏi cái họa Quy Sơn.

Lại nói tiếp :

— Tham cái hạnh nhỏ mà bỏ thừa lớn [23].

Tụng rằng :

Phong gói trình lên một tấm gương.
Nhắc cho xấu đẹp đủ đôi đường.
Đập đi nỡ phụ người trao tặng.
Tự tại treo cao vẻ rỡ ràng.

HUỆ CHI

●

VINH NHỤC ĐỀU SỢ NHƯ NHAU

Nêu :

— Lão Tử nói : « Vinh nhục đều sợ như nhau » [24].

Sư nói :

Tay khéo vẽ nên ngàn sự vật,
Lòng càng thêm nẩy vạn lo âu.

Tụng rằng :

Nồng cởi áo ra, lạnh khoác vô,
Không nồng không lạnh, biết sao giờ ?
Xem màu liễu ngự hoa cung (25) đấy,
Lọ phải tìm xuân hồng bốn mùa.

TRÚC THIÊN
(Bd. *TSNL*)

●

KHÔNG LỄ PHẬT — KHÔNG LỄ TỔ

Nêu :

— Lâm Tế (26) đến thăm tháp chủ. Tháp chủ hỏi : « Lễ Phật trước ? Hay lễ Tổ trước ? » Sư đáp : « Tổ và Phật đều không lễ ». Tháp chủ hỏi : « Tổ, Phật với Trưởng lão có chuyện oan nghiệt gì mà không lễ ? ». Sư phất tay áo đi ra.

Sư nói :

Được cưỡi đầu hổ,
Chớ vuốt râu hùm.

Tụng rằng :

Một phen phất áo bước thong dong,
Tháp chủ trừng trừng, giận chẳng xong.
Phật, Tổ rốt cùng đều chẳng lễ,
Ngọc ngân khe sớm, ánh thu trong.

HUỆ CHI

●

LỪA TRƯỚC NGỰA SAU

Nêu :

— Trần Tôn Giả (27) hỏi một Thiền tăng từ đâu đến. Thiền tăng trừng mắt nhìn ông.

Sư nói :

Anh chàng lừa trước ngựa sau,
Nói thử một tiếng xem nào ?

Tăng không đáp.

Tụng rằng :

Ngựa sau lừa trước đừng hùng hồ,
Lừa đá ngựa dày dễ biết đâu.
Đêm trước trong mơ người ướm hỏi :
Hai thây chôn dưới một mồ sâu.

TRÚC THIÊN
(Bd: *TSNL*)

●

THẦY LẠY TRÒ

Nêu :

— Cảnh Thông (28) sau về trụ trì ở Hoắc-sơn (29). Có hành giả hỏi : « Thế nào là đại ý của Phật pháp ? ». Sư bèn vái lạy. Hành giả hỏi : « Tại sao Hòa thượng lại vái lạy người tục ? » Sư đáp : « Ngươi há không nghe nói phải tôn trọng đệ tử sao ? ».

Sư nói :

— Vâng dạ với ừ hữ khác nhau là mấy (30) !

Sư Cảnh Thông (31) lại hỏi tiếp : « Ngươi ở đâu đến đây vậy ? ». Thiền tăng liền giơ tấm tọa cụ lên. Sư nói : « Đầu rồng đuôi rắn ».

Sư nói :

— Ánh trăng chẳng phải là sinh kế một nhà.

Vị hành giả (32) lại hỏi : « Thế nào là Phật ? ». Sư Cảnh Thông bèn đánh ông ta. Ông ta cũng đánh lại. Sư nói : « Ngươi đánh ta là có đạo lý. Ta đánh ngươi không có đạo lý ». Hành giả không đáp. Sư bèn bỏ ra.

Sư (33) nói :

— Một bên là viên tướng đối xử tàn bạo với quân lính. Đúng là điều vô nghĩa. Một bên là gà mái bắt chồn, chó con vờn hổ.

Tụng rằng :

Ba phen tranh bá chửa nên công,
Nghiệp đế truyền ra sáu nước xong.
Say đánh, nghìn gươm vừa hạ xuống,
Lại nghe muôn ngựa, tiếng thu rung.

ĐỖ VĂN HỶ

SƯ ĐÁNH NI

Nêu :

— Hòa thượng Đàm Không (34). Có một ni cô muốn mở đường thuyết pháp. Sư bảo : « Ni cô là đàn bà không cần thuyết pháp ». Ni cô hỏi : « Long nữ (35) tám tuổi thành Phật, thì đã có sao ? ». Sư đáp : « Long nữ có mười tám phép biến hóa (36), ni cô hãy biến hóa một lần cho lão tăng xem nào ? ». Ni cô nói : « Biến hóa được chỉ là loài chồn tinh ranh mãnh (37) thôi ». Sư bèn đánh đuổi ra (38).

Sư nói :

— Đúng thì đúng đấy, nhưng còn mắc kẹt ở một mối.

Tụng rằng :

Thương thay diệu pháp muốn bàn xa.
Nào phải xách làn, lại bổ ra (39).
Chỉ muốn xua loài chồn quỷ quái.
Ba ba rồi lại đến ba ba (40).

HUỆ CHI

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : TSNL1, TSNL2

1* TSNL1 : *bạc* 箔 không hợp nghĩa ; TSNL2 : *tiềm* 潛 bị lạc vần, và mất đối. Chúng tôi ngờ là chữ *bạc* 泊 là hồ nước, vụng nước, bị chép nhầm. Tạm chữa lại.

2* TSNL1 : *thu* 萩 có lẽ nhầm, vì thu là một loại cỏ thơm ; TSNL2 chú : *khủng địch* 恐荻 ; nghĩa là : có lẽ là chữ *dịch*. Ở đây, sửa lại theo TSNL2.

3* TSNL1 ; 懋 có lẽ khắc nhầm.

4* TSNL1 và TSNL2 đều viết ; *tất lật* 觱篥 . Theo *Từ nguyên* 辭源 , hai chữ tất lật này và *tất lật* 篳篥 là đồng nghĩa. Xem Cht. 27, bài *Đối cơ*, số 111, cùng tác giả.

5* TSNL1 : *thố* 兎 , TSNL2 chú : 舊鬼 ; nghĩa là : bản cũ là 鬼 , không rõ bản cũ là bản nào.

6* TSNL1 và TSNL2 đều : *Niêm vân* 拈云 nhưng ở tất cả mọi chỗ trong bài văn, trình tự ở đây đều là *sư vân* 師云 ; có lẽ nguyên bản bị nhầm lẫn trong quá trình lưu truyền. Tạm chữa lại.

7* TSNL1 : *gia* 加 , có lẽ nhầm, TSNL2 : *gia* 家 và chú : *cựu gia* 舊加 ; nghĩa là : bản cũ là *gia*.

8* TSNL1 ; 阿 TSNL2 chú : *khủng a* 恐呵 ; nghĩa là : có lẽ là chữ *a*. Nhưng đây là câu văn trích từ sách *Lão Tử* 老子 (chương 20), mà sách này viết chữ *a* 阿 . Vì vậy, ở đây theo TSNL1.

CHÚ THÍCH :

(1) *Tụng cổ* : tụng là đọc một cách tập trung, một biện pháp của các tín đồ nhà Phật trong khi tu hành. Tụng cổ là tụng theo các câu nói của người xưa dùng làm phép tắc để tham thiền. Đây là một hình thức quen thuộc của Thiền học, được gọi là tu tập công án. Công án là câu nói rút ra từ kinh Phật hoặc từ các bộ ngữ lục của chư Tổ, hầu hết

đều tối nghĩa và phi lý. Người học đạo trong quá trình tu tập, cần trực cảm được cái chân lý Thiền ẩn sau những mệnh đề phi lý đó, nhưng không phải bằng con đường mạch lạc của trí tuệ mà bằng con đường nung đốt của tình cảm, dồn ép của tâm trạng, ngưng tụ của tâm thần. Ông thầy sẽ dựa vào đó mà khơi mở tâm lý Thiền trong lòng người học đạo theo những cách thích ứng với từng người, và thông thường là đẩy tâm trạng bối rối, sự «khổ cầu» của môn nhân lên đến mức cao nhất, và tới một thời điểm nhất định thì trực quan sẽ giúp họ vượt qua khủng hoảng, và đó là lúc nhà tu hành ngộ đạo. Cũng gần giống như kết cấu các công án của Trần Thái Tông 陳太宗, mỗi một công án của Trần Tung thường gồm có 3 phần: *cử* tức là nêu vấn đề, thường là nhắc lại một đoạn kinh, một đoạn ngữ lục, một điển cố, một câu nói... của người xưa, trong đó có hàm chứa vấn đề được nêu; *Luận* là phần giải thích của Tuệ Trung Thượng sĩ, và *Tụng* là kết luận bằng bài kệ, cũng của Tuệ Trung Thượng sĩ. Tuy nhiên, từ cách đặt vấn đề đến cách giải thích và kết luận ở đây đều không phải tuân theo lô-gich của lý trí thông thường; trái lại ở đây bác bỏ lý trí, bác bỏ suy luận theo lý trí. Do đó cử, luận và tụng chỉ gắn với nhau một cách hình thức. Thực chất chúng làm tối thêm vấn đề đặt ra, làm cho người đang nung nấu một nghi án cảm thấy bất lực hơn trong việc đi tìm lời giải đáp. Nhưng về mặt tâm lý, chính sự luận giải phi lý tinh kia lại có một hiệu quả rất mạnh để đưa nhanh người học Thiền đến độ căng giới hạn của tình cảm, đến sự «bùng vỡ» của tiềm thức, trong một trạng thái dường như xuất thần. Có khi sự «đốn ngộ» có vẻ huyền bí như thế phải đi kèm với tiếng hét của thầy, nó như là một tiếng sét đánh vào cái mờ mịt của ý thức của trò, làm cho họ chợt tỉnh. Tất nhiên, trong các công án của Tuệ Trung Thượng sĩ, cũng có khá nhiều công án mang thể tài suy luận khá rõ. Những trường hợp này lý trí đã can thiệp vào quá trình tu tập công án và hình như đây cũng là đặc điểm chung của các hình thức đối thoại Phật học thời Trần, kể cả công án và ngữ lục. Xem thêm Cht. 1, bài *Niêm tụng kệ*, số **21**, của Trần Cảnh.

(2) Tất cả 13 công án trong bộ sách này đều in liền không chia tách. Để bạn đọc dễ theo dõi chúng tôi đã tham khảo bản dịch của Trúc Thiên. (Sài-gòn, 1969) phân chia thành từng công án, và đầu mỗi công án, tìm chọn một ý tiêu biểu chứa đựng trong công án đó để làm đầu đề.

(3) Hai đoạn thơ được «nêu» trong công án này và công án sau là rút từ bài kệ trong kinh *Niết bàn* 涅槃經, do quỷ La-sát đọc cho Phật nghe. Lúc bấy giờ Phật còn là một đạo sĩ Bà-la-môn. Hai câu đầu Phật tình cờ nghe được, nhưng hai câu sau, Phật hứa phải đổi mạng sống cho quỷ ăn thịt thì quỷ mới chịu đọc cho nghe. Quỷ đây là một vị Thiên vương trá hình. Phật giáo gọi điển tích này là «Tuyết-sơn bán kệ» (Nửa bài kệ ở núi Tuyết-sơn).

(4) Trong 13 công án ở phần này, chữ *sư* có khi chỉ Tuệ Trung Thượng sĩ, lại có khi chỉ nhân vật ở trong đoạn văn trích ra làm công án. Thông thường các chữ sư đặt đầu câu là Tuệ Trung Thượng sĩ. Các trường hợp khác chúng tôi sẽ chú thích rõ để phân biệt.

(5) *Ba cõi* (tam giới): xem Cht. 8, bài *Khải bạch*, số **52**, của Trần Cảnh.

(6) *Mười phương* (thập phương): xem Cht. 1, bài *Khải bạch*, số **27**, của Trần Cảnh.

(7) *Cồ-đàm*: họ thánh của Phật, phiên âm tiếng Phạn Gautama, sau cũng dùng để gọi tên Phật. Ở đây mượn họ của Phật để chỉ những bậc tu hành đắc đạo.

(8) *Uyên Minh chau mày* (Uyên Minh tần my): xem Cht. 6, bài *Trừu thần ngâm*, số **109**, cùng tác giả.

(9) *Vũ-lăng*: tên một dòng suối ở Hà-nam 河南. Theo *Đào hoa nguyên ký* 桃花源記 của Đào Tiềm 陶潛 đời Tấn 晋 thì một người đánh cá vì lạc lối mà men theo suối Vũ-lăng đến hẻm rừng hoa đào, một nơi có đời sống hoàn toàn tự do, sung sướng. Sau hỏi mới biết đó là con cháu của những người ngàn năm trước tránh nhà Tần tàn bạo vào đây, rồi từ đó cách biệt với thế giới bên ngoài.

(10) *Thực tướng* : thuật ngữ đạo Phật, chỉ cái thực thể, thực tính, tức bản thể của thế giới hiện tượng.

(11) *Hoàng đậu* : một vị tiên phong Đạo giáo. Xem thêm Cht. 2, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

(12) *Lầu son* : nguyên văn là phượng khuyết. Theo *Quan trung ký* 關中記 thì cung Kiến-chương 建章 một hôm có con chim phượng hoàng đến đậu ở cửa khuyết, từ đó cửa khuyết được gọi là Phượng khuyết.

(13) *Vạn Tuế* : chưa rõ là ai.

(14) *Tự phẩm thứ nhất* : có năm phẩm : 1. Tùy hỷ phẩm ; 2. Độc tụng phẩm ; 3. Thuyết pháp phẩm ; 4. Kiêm hành lục độ phẩm ; 5. Chính hạnh lục độ phẩm. Tự phẩm thứ nhất tức là Tùy hỷ phẩm, và thứ nhì là Độc tụng phẩm. Tuệ Trung nói đến tự phẩm này để gián tiếp bảo rằng chúng sinh tụ họp đông như mây để làm việc « tùy hỷ » (tùy theo điều vui thích của mình mà làm).

(15) *Thác chi* : Theo *Từ phả* 詞譜 thì đây là một điệu múa gồm hai người con gái, đầu đội mũ gắn nhạc đồng, đứng trong một đóa hoa sen rất lớn. Khi đóa sen mở, hai người xuất hiện và cùng nhau múa. Về điển *người gỗ*, xem Cht. 23, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

(16) *Tất lật* : xem Cht. 27, bài *Đối cơ*, số 111, cùng tác giả. Về điển *Gái đá*, xem Cht. 23, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

(17) *Bát-nhã ba-la-mật* : là một trong sáu phép tu lục độ. Xem Cht. 2, bài *Trì giới kiêm nhẫn nhục*, số 108, cùng tác giả.

(18) *Trương Sa Sầm* : chưa rõ là ai.

(19) *Cất rùa* : Nguyên văn là *tàng lục quy* ; tức là sáu phép giấu rùa. 1. Rùa giấu kín đầu để ví với người tu hành thu nhiếp « nhỡn căn » ; 2. Rùa rụt chân trái phía trước để ví với người tu hành thu nhiếp « nhĩ căn ». 3. Rùa rụt chân phải phía trước để ví với người tu hành thu nhiếp « tỵ căn » ; 4. Rùa rụt chân trái phía sau để ví với người tu hành thu nhiếp « thiệt căn » ; 5. Rùa rụt chân phải phía sau để ví với người tu hành thu nhiếp « thân căn » ; 6. Rùa rụt đuôi để ví với người tu hành thu nhiếp « ý căn ».

(20) *Triệu Châu* : xem Cht. 6, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

(21) *Quy Sơn* : xem Cht. 19, bài *Niêm tụng kệ*, số 21, của Trần Cảnh.

(22) *Ngưỡng Sơn* : xem Cht. 34, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh. Quy Sơn và Ngưỡng Sơn là thầy trò, nên phái Thiền của hai ông cũng gọi chung là Quy Ngưỡng tông.

(23) *Hạnh* : xem Cht. 9, bài *Phật tâm ca*, số 103, cùng tác giả. *Thừa lớn* : dịch chữ Đại-thừa, một thuật ngữ đạo Phật, nguyên tiếng Phạn là mahâyâni, là cỗ xe lớn, hay Giáo pháp lớn, đưa các nhà tu hành đến cõi đại giác. Theo kinh *Pháp hoa* 法華經 nếu có chúng sinh nào theo Phật Thế Tôn, nghe pháp thụ tín, tu tập tinh tiến, làm cho vô lượng chúng sinh khác được yên vui, làm lợi ích cho cả cõi trời, cõi người phổ độ hết thảy thì gọi là Đại thừa.

(24) Câu này rút từ sách *Lão Tử* 老子.

(25) *Liễu ngự hoa cung* : tác giả mượn ý trong câu thơ của Hàn Duy 韓維 để thành Tây :

御柳初長遮雛雉
宮花未識駭遊人

Ngự liễu sơ trường, già cẩu trĩ,
Cung hoa vị thức hãi du nhân.

Nghĩa là :

Cành liễu ở vườn ngự mới dài che chim trĩ đang kêu,
Hoa ở trong cung chưa tỉnh làm sợ hãi người du khách.

(26) *Lâm Tế* : xem Cht. 9, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

(27) *Trần Tôn Giả* : tức Mục Châu 牧州, trụ trì ở chùa-Long hưng 隆興, là môn đệ của thiền sư Hoàng Bá.

(28) *Cảnh Thông* : chưa rõ là ai.

(29) *Hoắc-sơn* : tên hòn núi ở phía Đông nam huyện Hoắc tỉnh Sơn-tây 山西, Trung-quốc.

(30) Câu này rút từ sách *Lão Tử* 老子.

(31) Chữ sư ở đây là Cảnh Thông nên chúng tôi thêm vào cho rõ. Còn chữ sư ở đầu câu trên và đầu câu dưới là Tuệ Trung Thượng sĩ.

(32) Nguyên văn là *tăng*, muốn chỉ vị hành giả ở đầu công án này. Vì vậy chúng tôi dịch rõ là vị hành giả để bạn đọc dễ theo dõi.

(33) Sư ở đây lại trở lại là Tuệ Trung Thượng sĩ.

(34) *Đàm Không* : chưa rõ là ai.

(35) *Long nữ* : theo Kinh *Pháp hoa* 法華經 thì Long nữ là con gái vua Bà-yết-la Long vương, 8 tuổi đã ngộ đạo. Có nhiều người không tin, Long nữ bèn hiện lên dâng cho Phật một viên ngọc và nói : ta thành Phật còn mau hơn việc đó.

(36) *Mười tám phép biến hóa* (thập bát biến) : 1. Nách tay phải chảy ra nước ; 2. Nách tay trái bốc ra lửa ; 3. Nách tay trái chảy ra nước ; 4. Nách tay phải bốc ra lửa ; 5. Trên thân thể chảy ra nước ; 6. Dưới thân thể bốc ra lửa ; 7. Dưới thân thể chảy ra nước ; 8. Trên thân thể bốc ra lửa ; 9. Đi dưới nước như đi trên mặt nước ; 10. Đi dưới nước như đi trên mặt đất ; 11. Ở giữa không trung mất đi rồi hiện ra ở mặt đất ; 12. Dưới mặt đất mất đi, hiện ra giữa không trung ; 13. Đi trên hư không ; 14. Ở yên giữa hư không ; 15. Ngồi trên hư không ; 16. Nằm trên hư không ; 17. Hiện ra hình lớn trên hư không ; 18. Hình đang lớn lại hiện ra nhỏ.

(37) *Loài chồn tinh ranh mãnh* : chỉ người ngoại đạo. Mượn ý trong lời nhà sư Tuệ Trung 慧忠 mắng Đạo sĩ Đại Nhĩ Tam Tạng 大耳三藏. Xem Cht. 8, bài *Tặng Thuần Nhất Pháp sư*, số 95, cùng tác giả.

(38) Đánh ở đây là một phương pháp khai thị trong Thiền tông, dùng hèo (Thiền bổng) để đánh. Thiền sư Lâm Tế chia thành tám phép « bổng », cao nhất là « thưởng bổng », đánh vào những người nói lên một câu nói rất thân thiết, và khế hợp với đạo ; thấp nhất là « vô tình bổng », nghĩa là « nói cũng đánh, không nói cũng đánh, mở miệng là đánh mà không mở miệng cũng đánh, kỳ cho đến không còn gì hết ». (Theo Trúc Thiên, Sđd).

(39) *Xách làn lại bỏ ra* (huề lam phóng lam) : Linh Chiếu 靈照 là con gái Bàng Cư sĩ 龐居士 (xem Cht. 29, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh) ở đất Tương-dương hàng ngày dùng tre đan phên lọc nước để bán. Một hôm Thiền sư Đan Hà 丹霞 là bạn thân của Bàng Cư sĩ đến chơi, thấy cô đương nhặt rau, Thiền sư hỏi : « Cư sĩ có nhà không ? ». Cô liền bỏ cái làn ra, đứng chắp tay lại. Thiền sư hỏi tiếp : « Cư sĩ có nhà không ? ». Cô cầm cái làn lên rồi đi thẳng.

(40) *Ba ba rồi lại đến ba ba* ; mật ngữ nhà Phật, xuất phát từ điển tích sau đây trong *Truyền đăng lục* 傳燈錄 : Thiền sư Vô Trước Văn Hỷ 無著文喜 lên chùa Hoa-nghiêm

ở Ngũ-đài-sơn 五臺山 để lễ Bồ-tát Văn Thù 文殊, khi đến một nơi, gặp một ông già dắt trâu, ông mời sư vào chùa, trong chùa tường vách đều một màu vàng chói lọi. Ông chỉ vào một chiếc đôn bọc gấm mời sư ngồi còn mình thì ngồi xổm trên giường. Ông già hỏi sư ở đâu lên đây. Sư đáp: « Phương Nam ». « Pháp phật ở phương Nam trụ trì ra sao? ». « Tuy đời mạt pháp, các tỷ khưu giữ giới luật không it ». « Được bao nhiêu? » « Hoặc ba trăm hoặc năm trăm ». Sư hỏi lại ông già: « Còn ở đây pháp Phật trụ trì ra sao? ». « Rắn rồng lẫn lộn, phàm thánh ở chung ». « Được bao nhiêu? ». Ông già đáp: « Trước ba ba sau lại ba ba ». Ông già sai chú tiểu đem trà đãi khách, và cả sữa quý. Ông cầm chén pha lê giơ lên hỏi: « Phương Nam có thứ này không? » Sư nói: « Không ». « Vậy bình thường uống trà làm sao? ». Sư không đáp. Sau đó sư hỏi chú tiểu nghĩa câu « ba ba » trên, chú tiểu không trả lời, và cho biết đây là động Kim-cương 金剛, chùa Bát-nhã. Sư mới rõ ông già dắt trâu chính là Bồ-tát Văn Thù (theo Cht. của Trúc Thiên, Sđd). Vậy « ba ba » là gì? Theo ý trong bài, chúng tôi đoán: $3 + 3 = 6$, mà sáu (lục) tức là một (nhất) (lục tức nhất), theo quan điểm của Thiên thai tông, có nghĩa là: thứ bậc tu hành của các vị Bồ-tát thì có 6 bậc, nhưng đều nhằm đi tới cái « một », tức là thành Phật.

*

LÊ VĂN HƯU
黎文休
(1230 — ?)

Lê Văn Hưu người làng Phủ-lý 甫里, huyện Đông-sơn 東山, lộ Thanh-hoa 清華 (1), đỗ bảng nhãn năm Đinh mùi (1247), niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình 天應正平 dưới triều Trần Thái Tông 陳太宗. Lúc đó ông mới 18 tuổi (2). Sau làm đến chức Hàn lâm học sĩ kiêm Quốc sử viện giám tu. Năm 1272 ông soạn xong bộ *Đại-việt sử ký* 大越史記 từ Triệu Vũ Đế 趙武帝 đến Lý Chiêu Hoàng 李昭皇. Đó là bộ sử ký quy mô đầu tiên của nước ta, đã được Trần Thánh Tông 陳聖宗 ban chiếu khen. Nhưng đáng tiếc hiện nay bộ sách đã thất lạc, chỉ còn một ít lời bình được Ngô Sĩ Liên 吳仕連 ghi lại trong ĐVSKTT. Qua những đoạn văn còn lại đó, ông tỏ ra là một sử gia có lòng yêu nước, có cách nhìn tiến bộ đối với nhiều sự kiện lịch sử đương thời. Mặc dù còn bị quan điểm Nho giáo hạn chế nên một đôi trường hợp khen chê chưa thật thỏa đáng, nhưng bộ sử của ông đã đóng góp rất nhiều cho ĐVSKTT của Ngô Sĩ Liên và đã để lại cho chúng ta nhiều nhận định quý báu về các sự kiện lịch sử cũng như những đoạn bình luận giàu tính chất văn học.

Dưới đây, chúng tôi giới thiệu toàn bộ những đoạn văn bình sử ấy, sắp xếp theo trật tự thời gian như ĐVSKTT đã sắp xếp, trừ bốn đoạn bàn về Triệu Đà 趙佗, về Lữ Gia 呂嘉, về Sĩ Nhiếp 士燮 và về việc lập vua nước Chiêm-thành 占城 tạm gác lại.

(1) *Làng Phủ-lý :* nay thuộc huyện Thiệu-hóa, tỉnh Thanh-hóa.

(2) Theo *Đăng khoa lục sưu giảng* 登科錄搜講, *Liệt huyện đăng khoa lục* 列縣登科錄 thì nói năm ấy ông mới 16 tuổi. Nếu theo sách này thì Lê Văn Hưu sinh năm 1232. Chưa biết tài liệu nào đúng, chúng tôi ghi chú thêm để bạn đọc tham khảo.

113

二徵論

徵側徵貳以女子一呼而九真日南合浦及嶺外六十五城皆應之。其立國稱王易如反掌。可見我越形勢足致霸王之業也。惜乎繼趙之後以至吳氏之前。千餘年之間。男子徒自低頭束手。為北人臣僕。曾不愧二徵之女子□□□□，吁。可謂自棄矣。

PHIÊN ÂM :

NHỊ TRƯNG LUẬN

Trưng Trắc, Trưng Nhị dĩ nữ tử nhất hô nhi Cửu-chân, Nhật-nam, Hợp-phố cập Lĩnh ngoại lục thập ngũ thành giai ứng chi. Kỳ lập quốc xưng vương, dị như phản chưởng, khả kiến ngã Việt hình thế túc trí bá vương chi nghiệp dã. Tích hồ, kế Triệu chi hậu dĩ chí Ngô thị chi tiền, thiên dư niên chi gian, nam tử đồ tự đê đầu thúc thủ, vi Bắc nhân thần bộc, tằng bất quý Nhị Trưng chi nữ tử . Hu ! Khả vị tự khí hỹ.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ HAI BÀ TRƯNG (1)

Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà Cửu-chân, Nhật-nam, Hợp-phố và sáu mươi lăm thành ở Lĩnh ngoại (2) đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay. Như thế đủ biết hình thế nước Việt ta có thể dựng được cơ nghiệp bá vương. Tiếc rằng nối sau họ Triệu (3) đến trước họ Ngô (4), trong khoảng hơn một nghìn năm, bọn đàn ông chỉ cúi đầu bó tay, chịu làm tôi tớ cho người phương Bắc, chưa từng biết xấu hổ với hai người họ Trưng là con gái... (5). Ôi, có thể gọi là tự vứt bỏ mình vậy.

CAO HUY GIU — CAO XUÂN HUY

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. *Hai bà Trưng :* Trưng Trắc, Trưng Nhị là con quan Lạc tướng huyện Mê-linh 麊泠, quê ở Phong-châu 峰州. Năm 40, hai bà nổi lên đánh đuổi Tô Định 蘇定, thu phục bờ cõi, xưng vương. Làm vua được ba năm thì bị Mã Viện 馬援 đánh thua, nước ta lại mất.

(2) *Lĩnh ngoại :* phía ngoài Ngũ-lĩnh 五嶺, chỉ những miền ở phía ngoài năm dãy núi lớn phía Nam Trung-quốc như Quảng-đông 廣東, Quảng-tây 廣西 và nước ta.

(3) *Triệu :* chỉ nhà Triệu (208 — 137 tr. CN).

(4) *Ngô :* tức nhà Ngô, khởi đầu từ Ngô Quyền 吳權. (Xem tiểu sử ở *Thơ văn Lý — Trần* tập I).

(5) Chỗ này mất mấy chữ.

*

114

我越屬東漢之時論

觀史至我越無主之時。爲北人刺史之無淸行者所困。北京地遠無所告訴。不覺愧感交集。冀見精誠如後唐明宗時。焚香祝天。願天爲我越早生聖人。自帝其國。以免北人之侵漁者也。

PHIÊN ÂM :

NGÃ VIỆT THUỘC ĐÔNG HÁN CHI THỜI LUẬN

Quan sử chí ngã Việt vô chủ chi thời, vi Bắc nhân Thứ sử vô thanh hạnh giả sở khốn, Bắc kinh địa viễn, vô sở cáo tố, bất giác quý cảm giao tập. Ký kiến tinh thành như Hậu Đường Minh Tông thời, phần hương chúc thiên, nguyện thiên vị ngã Việt tảo sinh thánh nhân, tự đế kỳ quốc, dĩ miễn Bắc nhân chi xâm ngư giả dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ THỜI KỲ NƯỚC TA PHỤ THUỘC ĐÔNG HÁN (1)

Xem sử đến thời nước Việt ta không có vua, bị bọn Thứ sử người Bắc tham tàn làm khổ. Kinh đô Bắc quốc đường xa không tố cáo vào đâu được, bất giác thấy vừa thẹn vừa cảm thương. Mong có được tấm lòng tinh thành như Minh Tông nhà Hậu Đường thắp hương khấn trời (2), xin trời vì nước Việt ta sớm sinh thánh nhân, để tự làm vua nước nhà, khỏi bị người phương Bắc xâm chiếm bóc lột.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Sau cuộc khởi nghĩa của Hai bà Trưng, nước ta bị nội thuộc Đông hán hơn 100 năm (43 — 186).

(2) Tương truyền Minh Tông 明宗 nhà Hậu Đường 後唐 đêm nào cũng thắp hương khấn trời rằng : Tôi là người Hồ, nhân lúc loạn, được chúng tôn làm vua, xin trời sớm sinh thánh nhân để làm chủ. Đến năm sau thì Tống Thái Tổ 宋太祖 sinh.

*

115

雪恥論

賁育之稚幼則不能抗跛尫之壯年。林邑乘我越無君之時，乃寇日南九真而求領之，豈當時我越不能支此林邑耶。特以無統率之者故也。

時不終否而必泰。勢不終屈而必伸。李太宗斬其主乍斗。聖宗擒其主制矩而繫其民，五萬人，至今為臣僕。亦足以雪數年汚辱之讎恥也。

PHIÊN ÂM :

TUYẾT SỈ LUẬN

Bôn, Dục chi trĩ ấu tắc bất năng kháng bỉ uông chi tráng niên. Lâm-ấp thừa ngã Việt vô quân chi thời, nãi khấu Nhật-nam, Cửu-chân nhi cầu lĩnh chi, khởi đương thời ngã Việt bất năng chi thử Lâm-ấp da ? Đặc dĩ vô thống xuất chi giả, cố dã.

Thời bất chung bĩ nhi tất thái ; thế bất chung khuất nhi tất thân. Lý Thái Tông trảm kỳ chủ Xạ Đẩu ; Thánh Tông cầm kỳ chủ Chế Củ nhi hệ kỳ dân ngũ vạn nhân, chí kim vi thần bộc, diệc túc dĩ tuyết sổ niên ô nhục chi thù sỉ dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC RỬA THẸN (1)

Khỏe như Bôn và Dục (2) mà còn nhỏ cũng không địch nổi kẻ khoèo khiễng đã tráng niên. Lâm-ấp thừa lúc nước ta không có vua, đến cướp Nhật-nam, Cửu-chân mà xin chức cai trị Giao-châu, có phải bấy giờ nước Việt ta không chống nổi Lâm-ấp đâu ! Chỉ vì không có người thống suất mà thôi.

Nhưng thời không bĩ mãi, ắt phải thái ; thế không khuất mãi, ắt có lúc vươn dậy. Lý Thái Tông chém vua nước ấy là Xạ Đẩu, Thánh Tông bắt vua nước ấy là Chế Củ và trói năm vạn dân của họ (3), khiến cho đến nay họ vẫn phải làm thần bộc nước ta. Những việc ấy có thể rửa được mối thù về sự ô nhục vậy.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, năm 432 vua Lâm-ấp là Phạm Dương Mại 范陽邁 sai sứ sang cống nước Tống và xin thống lĩnh Giao-châu 交州 . Vua Tống trả lời vì đường xa không cho.

(2) *Bôn, Dục :* Bôn là Mạnh Bôn 孟賁 , Dục là Hạ Dục 夏育 , hai dũng sĩ của Trung-quốc thời cổ.

(3) Theo ĐVSKTT, năm 1044 Lý Thái Tông thân cầm quân đi đánh Chiêm-thành 占城 , chém được Xạ Đẩu tại trận. Trận ấy người Chiêm thiệt hại nhiều, Thái Tông phải hạ lệnh : « Kẻ nào giết bậy người Chiêm thì giết không tha ».

Năm 1069, Lý Thánh Tông 李聖宗 lại đi đánh Chiêm-thành. Lần này bắt được Chế Củ và năm vạn người. Sau Chế Củ được tha về.

*

116

成敗論

兵法云。三萬齊力。天下莫能當焉。

今李賁有衆五萬。而不能守國。然則賁短於爲將耶。抑新集之兵不可與戰耶。

李賁亦中才之將。其臨敵制勝不爲不能。然卒以兩敗身亡者。蓋不幸而遇陳伯先之善用兵也。

PHIÊN ÂM :

THÀNH BẠI LUẬN

Binh pháp vân : tam vạn tề lực, thiên hạ mạc năng đương yên.

Kim Lý Bôn hữu chúng ngũ vạn nhi bất năng thủ quốc, nhiên tắc Bôn đoản ư vi tướng da ? Ức tân tập chi binh bất khả dữ chiến da ?

Lý Bôn diệc trung tài chi tướng, kỳ lâm địch chế thắng bất vi bất năng. Nhiên tốt dĩ lưỡng bại, thân vong giả, cái bất hạnh nhi ngộ Trần Bá Tiên chi thiện dụng binh dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ SỰ THÀNH BẠI (1).

Sách binh pháp nói : ba vạn quân đều hợp sức thì thiên hạ chẳng ai địch nổi.

Nay Lý Bôn có một đội quân năm vạn mà không giữ được nước, thế thì Bôn là một tướng tồi chăng ? Hay là đội quân mới tập hợp không thể đánh nhau được ?

Lý Bôn cũng là một vị tướng tài vào bậc trung, việc ra trận đánh thắng không phải không làm được. Thế mà rốt cuộc hai lần bị thua rồi chết, là vì không may gặp phải Trần Bá Tiên là tay giỏi việc binh đó thôi.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. *Lý Bôn :* người Thái-bình 太平 phủ Long-hưng 隆興, nay thuộc tỉnh Thái-bình.

Năm 541 vì bọn quan cai trị nhà Lương 梁 rất tàn ác, Lý Bôn dấy binh đánh đuổi, lấy lại nước, xưng là Nam Đế 南帝, đặt hiệu nước là Vạn-xuân 萬春, đóng đô ở Long-biên 龍編. Năm 545, nhà Lương sai bọn Trần Bá Tiên sang đánh. Lý Bôn chống cự được, đến mùa xuân năm 548 thì mất ở động Khuất-lão 屈老. Cuộc kháng chiến chuyển sang Triệu Quang Phục 趙光復 lãnh đạo.

*

117

善為國者論

一李琢之貪暴。致数十年蠻寇之患。况甚虐於李琢者乎。一高駢之督属。斬数十萬賊衆之強。况賢於高駢者乎。故琢不能自保。而駢據城稱王。

善為國者當謹擇焉。

PHIÊN ÂM :

THIỆN VI QUỐC GIẢ LUẬN

Nhất Lý Trác chi tham bạo, trí số thập niên Man khấu chi hoạn, huống thậm ngược ư Lý Trác giả hồ ? Nhất Cao Biền chi đốc thuộc, trảm số thập vạn tặc chúng chi cường, huống hiền ư Cao Biền giả hồ ? Cố Trác bất năng tự bảo, nhi Biền cứ thành xưng vương.

Thiện vi quốc giả đương cẩn trạch yên.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ NGƯỜI GIỎI TRỊ NƯỚC (1)

Có một Lý Trác tham bạo mà đến đến nỗi gây nên mối họa giặc Man quấy nhiễu đến mấy chục năm, huống chi là kẻ bạo ngược hơn Lý Trác ? Có một Cao Biền đốc suất thuộc tướng mà có thể giết được vài mươi vạn quân giặc hùng mạnh, huống chi là kẻ giỏi hơn Cao Biền ? Cho nên Trác không thể bảo toàn được thân mình mà Cao Biền giữ thành xưng vương.

Kẻ khéo trị nước phải nên lựa chọn cho cẩn thận.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. *Lý Trác* : làm An-nam đô hộ phủ dưới thời Tùy Đường, rất tham tàn bạo ngược nên người Man oán giận dẫn đường cho người Nam-chiếu đến đánh phá biên giới. *Cao Biền* : năm 864, vua Đường cử Biền sang đánh quân Nam-chiếu và cho làm Tĩnh hải quân tiết độ sứ, cai trị nước ta, sau đó Biền xưng vương và đắp La-thành

*

118

前吳王論

前吳王能以我越新集之兵。破劉弘操百萬之衆。拓土稱王。使北人不敢復來者。可謂以一怒而安其民。善謀而善戰者也。雖以王自居未即帝位改元。而我越之正統庶幾乎復續矣。

PHIÊN ÂM :

TIỀN NGÔ VƯƠNG LUẬN

Tiền Ngô Vương năng dĩ ngã Việt tân tập chi binh, phá Lưu Hoằng Thao bách vạn chi chúng, thác thổ xưng vương sử Bắc nhân bất cảm phục lai giả, khả vị dĩ nhất nộ nhi an kỳ dân, thiện mưu nhi thiện chiến giả dã. Tuy dĩ vương tự cư, vị tức đế vị, cải nguyên nhi ngã Việt chi chính thống thứ cơ hồ phục tục hỹ.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ TIỀN NGÔ VƯƠNG (1)

Tiền Ngô Vương có thể đem quân mới tập hợp của đất Việt ta mà phá được hàng trăm vạn quân của Lưu Hoằng Thao (2), mở nước xưng vương, khiến cho người phương Bắc không dám trở lại nữa. Như thế có thể bảo là một cơn giận mà làm yên được dân nước mình, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi. Tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi hoàng đế và cải niên hiệu, nhưng nền chính thống của nước nhà cơ hồ đã nối lại được.

CAO HUY GIU — BĂNG THAHN

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. *Tiền Ngô Vương* : Ngô Quyền 吳權 (899 — 944), người Đường-lâm 唐林, huyện Phúc-lộc 福祿, châu Giao 交州 nay thuộc ngoại thành Hà-nội. (Sách *An nam kỷ yếu* 安南紀要 của Trung-quốc ghi Ngô Quyền người châu Ái 愛州). Ông là con rể và là tướng tài của Dương Đình Nghệ 楊廷藝 người đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống nhà Nam Hán 南漢 giành độc lập năm 930 — 931. Năm 937 Dương Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn 矯公羡 ám sát. Quân Nam Hán lại kéo sang. Cuối năm 938 Ngô Quyền từ châu Ái đem quân ra giết Kiều Công Tiễn, phá tan đội thủy quân của Lưu Hoằng Thao trên sông Bạch-đằng 白藤, lập ra nhà Ngô, đóng đô ở Cổ-loa 古螺. Ông làm vua được 6 năm (939 — 944) (xem thêm *Thơ văn Lý-Trần*, tập I).

(2) *Lưu Hoằng Thao* : con trưởng vua Nam Hán, một triều đại trong thời Ngũ đại 五代 Trung-quốc.

*

119

公罪私恩論

逐君之子而自立。公罪也。養君之子為己子而食邑。私恩也。逐昌岌而自位。篡逆之臣。於義固不容誅矣。後吳王不正其罪。乃以口體私恩。不忍加刑。又賜之食邑。豈不大謬乎。

PHIÊN ÂM :

CÔNG TỘI, TƯ ÂN LUẬN

Trục quân chi tử nhi tự lập, công tội dã. Dưỡng quân chi tử vi kỷ tử nhi thực ấp, tư ân dã. Trục Xương Ngập nhi tự vị, thoán nghịch chi thần, ư nghĩa cố bất dung tru hỹ. Hậu Ngô Vương bất chính kỳ tội, nãi dĩ khẩu thể tư ân, bất nhẫn gia hình, hựu tứ chi thực ấp, khởi bất đại mậu hồ ?

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ ƠN RIÊNG MÀ TỘI CHUNG (1)

Đuổi con vua mà tự lập làm vua là có tội đối với công nghĩa. Nuôi con vua làm con mình, mà cho thực ấp là ơn riêng đối với nhau. Đuổi Xương Ngập mà tự lập làm vua là bề tôi phản nghịch, đối với nghĩa thì cố nhiên giết chết cũng còn chưa đủ. Hậu Ngô Vương không trị tội, đó là vì ơn riêng cơm áo không nỡ giết. Nhưng còn cho thực ấp, thì há chẳng lầm to sao !

CAO HUY GIU — CAO XUÂN HUY

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. *Dương Tam Kha :* là gia thần và anh vợ Ngô Quyền. Ngô Quyền chết năm 944, Tam Kha cướp ngôi, nhiều lần tìm bắt Ngô Xương Ngập là con trưởng của Ngô Quyền nhưng không được. Kha lại nuôi Xương Văn 昌文 làm con rồi cho thực ấp.

Năm 950, Xương Văn đánh Tam Kha lấy lại ngôi vua. Các tướng xin giết Tam Kha nhưng Văn nói : « Bình Vương đối với ta có ơn, sao nỡ giết ». Rồi giáng làm Trương dương công cấp cho thực ấp.

*

120

南晉王論

吳南晉王前為家臣三哥之拘囚。後為其兄昌岌之掩抑。一旦得志。不能自慎。而享國日淺。政績無聞。惜哉。

然觀其免平王之罪過。豈非仁乎。容昌岌之驕倨。豈非恭乎。既仁且恭。亦可見其為人矣。

PHIÊN ÂM :

NAM TẤN VƯƠNG LUẬN

Ngô Nam Tấn Vương tiền vi gia thần Tam Kha chi câu tù, hậu vi kỳ huynh Xương Ngập chi yểm ức. Nhất đán đắc chí, bất năng tự thận, nhi hưởng quốc nhật thiển, chính tích vô văn. Tích tai !

Nhiên quan kỳ miễn Bình vương chi tội quá, khởi phi nhân hồ ? Dung Xương Ngập chi kiêu cứ, khởi phi cung hồ ? Ký nhân thả cung, diệc khả kiến kỳ vi nhân hỹ ?

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ NAM TẤN VƯƠNG (1)

Vua Nam Tấn nhà Ngô trước thì bị gia thần là Tam Kha giam lỏng, sau lại bị anh là Xương Ngập lấn át. Một khi đắc chí lại không biết giữ gìn cẩn thận nên làm vua chẳng được bao lâu, chính tích chẳng có gì đáng kể. Tiếc thay !

Nhưng xét ra việc tha tội cho Bình vương, há chẳng phải là nhân hậu ư ? Dung thứ cho Xương Ngập kiêu nhờn, há chẳng phải là cung kính ư ? Đã nhân hậu và cung kính, thì qua đó cũng có thể biết được nhân cách của ông ta vậy.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. *Nam Tấn Vương* : là Ngô Xương Văn 吳昌文, con thứ hai Ngô Quyền 吳權. Sau khi truất bỏ Tam Kha (950), Vương đón Xương Ngập về kinh đô cùng coi việc nước. Xương Ngập xưng là Thiên Sách Vương 天策王, về sau Xương Ngập chuyên giữ quyền bính, Nam Tấn Vương không được dự chính sự nữa. Năm 954 Thiên Sách Vương mất, ông lại lên ngôi, đến năm 967 thì mất.

*

121

丁先皇論

先皇以過人之才明。盖世之勇畧。當我越無主。群雄割據之時。一舉而十二使君盡服。其開國建都。改稱皇帝。置百官。設六軍。制度畧備。殆天意為我越復生聖哲。以接趙王之統也歟。

PHIÊN ÂM :

ĐINH TIÊN HOÀNG LUẬN

Tiên Hoàng dĩ quá nhân chi tài minh, cái thế chi dũng lược, đương ngã Việt vô chủ, quần hùng cát cứ chi thời, nhất cử nhi Thập nhị sứ quân tận phục. Kỳ khai quốc kiến đô, cải xưng Hoàng đế, trí bách quan, thiết lục quân, chế độ lược bị. Đãi thiên ý vị ngã Việt phục sinh thánh triết, dĩ tiếp Triệu Vương chi thống dã dư ?

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ ĐINH TIÊN HOÀNG (1)

Tiên Hoàng với tài năng sáng suốt hơn người, dũng lược bậc nhất thiên hạ, đảm đương lúc nước Việt ta không có chủ, các hùng trưởng cát cứ khắp nơi, một lần cử sự, Mười hai sứ quân đều thần phục hết. Thế rồi mở nước, dựng đô, đổi niên hiệu, xưng Hoàng đế, đặt trăm quan, lập sáu quân, chế độ gần đủ. Chắc hẳn ý trời muốn vì nước Việt ta, lại sinh bậc thánh triết để tiếp nối chính thống của Triệu Vương (2) chăng ?

CAO HUY GIU — CAO XUÂN HUY

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. *Đinh Tiên Hoàng* : Đinh Bộ Lĩnh 丁部領, người đất Hoa-lư 花閭 nay thuộc tỉnh Hà-nam-ninh. Sau khi dẹp xong Mười hai sứ quân (968), ông lên ngôi vua, lập ra nhà Đinh, đóng đô ở Hoa-lư. Đinh Tiên Hoàng làm vua được 12 năm (968 — 979).

(2) *Triệu vương* : chỉ Triệu Đà 趙陀 (208 trước CN — 137 trước CN), vốn người Trung-quốc, làm một chức Úy ở quận Nam-hải 南海, khoảng năm 208 trước CN sang đánh nước ta rồi xưng vương. Hầu hết sử sách cũ đều gọi là một triều đại của nước ta, vì Triệu Đà đã xây dựng nước Âu-lạc 甌貉 thành một quốc gia riêng biệt, gọi là nước Nam-việt 南越, độc lập với nhà Hán.

*

122

溺私論

天地並其覆載。日月並其照臨。故能生成萬物。發育庶類。亦猶皇后配儷宸極。故能表出宮中。化成天下。自古秖立一人。以主內治而已。未聞有五其名者。先皇無稽不學。而當時群臣又無匡正之者。致使溺私。並立五后。下至黎李二家。亦多效而行之。由先皇始唱其亂階也。

PHIÊN ÂM :

NỊCH TƯ LUẬN

Thiên địa tinh kỳ phú tái, nhật nguyệt tinh kỳ chiếu lâm, cố năng sinh thành vạn vật, phát dục thứ loại, diệc do hoàng hậu phối lệ thần cực, cố năng biểu xuất cung trung, hóa thành thiên hạ. Tự cổ chỉ lập nhất nhân, dĩ chủ nội trị nhi dĩ, vị văn hữu ngũ kỳ danh giả. Tiên Hoàng vô kê bất học, nhi đương thời quần thần hựu vô khuông chính chi giả, trí sử nịch tư, tinh lập ngũ hậu. Hạ chí Lê, Lý nhị gia, diệc đa hiệu nhi hành chi, do Tiên Hoàng thủy xướng kỳ loạn giai dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC SAY ĐẮM TÌNH RIÊNG (1)

Trời đất cùng che chở, mặt trăng mặt trời cùng sáng soi, cho nên mới sinh thành muôn vật, phát triển nuôi dưỡng mọi loài, cũng như hoàng hậu sánh với ngôi vua, cho nên mới làm tiêu biểu trong cung, giáo hóa thiên hạ. Từ xưa chỉ lập một hoàng hậu để chủ việc nội trị mà thôi, chưa từng nghe thấy có việc lập năm hoàng hậu. Tiên Hoàng không kê cứu, không có học, các bề tôi đương thời lại không người nào biết giúp sửa cho đúng, để đến nỗi đắm đuối vì tình riêng mà lập năm hoàng hậu ngang nhau. Về sau, hai triều Lê, Lý cũng nhiều khi bắt chước làm việc ấy, chính là do Tiên Hoàng khởi đầu mối loạn đó vậy.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, năm Canh ngọ, niên hiệu Thái Bình năm thứ nhất (970), Đinh Tiên Hoàng lập năm hoàng hậu là : Đan Gia 丹嘉, Trinh Minh 貞明, Kiều Quốc 嬌國, Cồ Quốc 瞿國, Ca Ông 歌翁.

*

123

以李德鑒黎論

大行之誅丁佃。執阮匐。擒君辨。虜奉勳如驅小兒。如役奴隸。曾不數年而疆土大定。其戰勝攻取之功。雖漢唐無以過也。或問黎大行與李太祖孰優。

曰。自其削平內奸。攘挫外寇。以壯我越。以威宋人而言。則李太祖不如大行之功為難。自其素着恩威。人樂推戴。延長國祚。垂裕後昆而言。則大行不如李太祖之慮為長。然則太祖優歟。

曰。優則不知。但以李德鑒黎為厚爾。當從李。

PHIÊN ÂM :

DĨ LÝ ĐỨC GIÁM LÊ LUẬN

Đại Hành chi tru Đinh Điền, chấp Nguyễn Bặc, cầm Quân Biện, lỗ Phụng Huân như khu tiểu nhi, như dịch nô lệ, tằng bất sổ niên nhi cương thổ đại định. Kỳ chiến thắng công thủ chi công tuy Hán Đường vô dĩ quá dã. Hoặc vấn Lê Đại Hành dữ Lý Thái Tổ thục ưu ?

Viết : tự kỳ tước bình nội gian, nhương tỏa ngoại khấu dĩ tráng ngã Việt, dĩ uy Tống nhân nhi ngôn, tắc Lý Thái Tổ bất như Đại Hành chi công vi nan. Tự kỳ tố trứ ân uy, nhân lạc suy đới, diên trường quốc tộ, thùy dụ hậu côn nhi ngôn, tắc Đại Hành bất như Lý Thái Tổ chi lự vi trường. Nhiên tắc Thái Tổ ưu dư ?

Viết : ưu tắc bất tri, đãn dĩ Lý đức giám Lê vi hậu nhĩ. Đương tòng Lý.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC SO SÁNH ĐỨC NHÀ LÝ VÀ NHÀ LÊ [1]

Lê Đại Hành giết Đinh Điền, bắt Nguyễn Bặc [2] giam Quân Biện, đánh Phụng Huân [3] dễ như lừa trẻ con, như sai nô lệ, chưa đầy vài năm mà bờ cõi yên tĩnh. Cái công đánh đâu được đấy của ông dù nhà Hán nhà Đường cũng không hơn được. Có người hỏi Lê Đại Hành với Lý Thái Tổ ai hơn ?

Trả lời rằng : về mặt dẹp gian bên trong, đánh giặc bên ngoài để làm mạnh nước Việt ta và ra uy với người Tống thì công của Lý Thái Tổ không bằng Lê Đại Hành gian nan khó nhọc. Về mặt ân uy rõ rệt, lòng người vui vẻ suy tôn, làm cho vận nước lâu dài, để phúc lại cho con cháu thì Đại Hành không biết lo xa bằng Lý Thái Tổ. Thế thì Lý Thái Tổ hơn ư ?

Trả lời rằng : hơn thì không biết, nhưng xem ra đức của nhà Lý hậu hơn nhà Lê. Hãy theo nhà Lý.

CAO HỮU GIU — CAO XUÂN HUY

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. *Lê Đại Hành* : tức Lê Hoàn 黎桓, người châu Ái 愛州 nay là tỉnh Thanh-hóa. Được Dương Thái hậu 楊太后 truyền ngôi và các tướng tá suy tôn, ông lên làm vua thay nhà Đinh từ năm 980 đến 1005.

Lý Thái Tổ : tức Lý Công Uẩn 李公蘊 (974 — 1028), người châu Cổ-pháp 古法, lộ Bắc-giang 北江, nay thuộc tỉnh Hà-bắc. Ông lên ngôi vua năm 1009, năm 1010 thì dời đô ra Thăng-long.

(2) *Đinh Điền* và *Nguyễn Bặc* : hai bề tôi nhà Đinh. Khi Đinh Toàn 丁全 lên ngôi, năm 979, mới có 6 tuổi, Lê Hoàn nhiếp chính, tự xưng là Phó vương, hai người sợ Hoàn cướp ngôi nên đem quân đến kinh sư định giết Hoàn. Việc không thành, hai người đều bị giết.

(3) *Quân Biện, Phụng Huân* : Quách Quân Biện 郭君辨 và Triệu Phụng Huân 趙奉勳. Năm 981 quân Tống sang xâm lược nước ta, Lê Hoàn đóng cọc ngăn sông Bạch-đằng 白藤, dùng kế nghi binh phá tan được quân Tống. Tướng Hầu Nhân Bảo 侯仁寶 bị giết, cánh quân của Khâm Tộ 欽祚 bị vỡ, quân lính chết quá nửa, tướng Quân Biện và Phụng Huân bị bắt đem về Hoa-lư 花閭.

*

124

諡論

天子與皇后初崩殂。未歸山陵。則號大行皇帝。大行皇后。及寢陵旣安則會群臣議其德行之賢否以爲諡。曰某皇帝。某皇后。不復以大行稱之。

黎大行乃以大行爲諡號相傳至今。何哉。盖以不肖之卧朝爲子。又無儒臣弼亮之以議其諡法。故也。

PHIÊN ÂM :

THỤY LUẬN

Thiên tử dữ hoàng hậu sơ băng tồ, vị quy sơn lăng, tắc hiệu Đại Hành hoàng đế, Đại Hành hoàng hậu. Cập tầm lăng kỳ an tắc hội quần thần nghị kỳ đức hạnh chi hiền phủ dĩ vi thụy, viết mỗ hoàng đế, mỗ hoàng hậu, bất phục dĩ Đại Hành xưng chi.

Lê Đại Hành nãi dĩ Đại Hành vi thụy hiệu, tương truyền chí kim, hà tai? Cái dĩ bất tiếu chi Ngọa Triều vi tử, hựu vô nho thần bật lượng chi dĩ nghị kỳ thụy pháp, cố dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC ĐẶT TÊN THỤY (1)

Vua và hoàng hậu khi vừa mất, chưa an táng vào sơn lăng thì gọi là Đại Hành hoàng đế, Đại Hành hoàng hậu. Khi lăng tẩm đã yên rồi thì họp quần thần bàn bạc xem đức hạnh tốt hay xấu để theo đó mà đặt thụy là mỗ hoàng đế, mỗ hoàng hậu, không gọi là Đại Hành nữa.

Lê Đại Hành mang thụy hiệu Đại Hành mãi tới nay là tại sao? Bởi vì Ngọa Triều (2) là con bất hiếu, lại không có các bề tôi nho học phụ giúp để bàn về phép đặt tên thụy, nên mới thế.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm.

(2) *Ngọa Triều* : tức Lê Long Đĩnh 黎龍鋌, con thứ năm Lê Đại Hành, lên ngôi năm 1005, làm vua được bốn năm. Vua là một người tàn bạo, giết anh để cướp ngôi, không tôn trọng đình thần, lại hoang dâm. Vì vua có bệnh trĩ, phải nằm coi chầu nên có tên là Ngọa Triều.

*

125

卧朝弑兄論

卧朝弑其兄而自立。虐其衆以自逞。以至亡國失祚。非黎氏之不幸也。其過在大行不早正儲位。與中宗不能防其微以至之也。

PHIÊN ÂM :

NGỌA TRIỀU THÍ HUYNH LUẬN

Ngọa Triều thí kỳ huynh nhi tự lập, ngược kỳ chúng dĩ tự sinh, dĩ chí vong quốc thất tộ, phi Lê thị chi bất hạnh dã, kỳ quả tại Đại Hành bất tảo chính trừ vị, dữ Trung Tông bất năng phòng kỳ vi dĩ chí chi dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC NGỌA TRIỀU GIẾT ANH (1)

Ngọa Triều (2) giết anh, tự lập làm vua, bạo ngược với dân chúng để thỏa lòng hung ác của mình, đến nỗi mất ngôi, mất nước. Đó không phải là sự bất hạnh của nhà Lê mà lỗi tại Đại Hành không sớm đặt ngôi thái tử, Trung Tông không biết phòng giữ từ khi sự việc mới chớm nở nên đến nỗi thế.

CAO HUY GIU

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. *Lê Trung Tông* : tên là Long Việt 龍越, con thứ ba Lê Đại Hành, lên ngôi được ba ngày thì bị em là Ngọa Triều giết.

(2) *Ngọa Triều* : xem Cht. 2, bài *Thụy Luận* (Bàn về việc đặt tên thụy), số 124, cùng tác giả.

*

126

追封尊號論

有周興王，其追封則曰太王。王季。宋稱帝。其追封則曰僖祖。翼祖。蓋父爲子貴之義。我李太祖既稱帝。而追封其父曰顯慶王。當時禮官不能正之。所謂自卑矣。

PHIÊN ÂM :

TRUY PHONG TÔN HIỆU LUẬN

Hữu Chu hưng vương, kỳ truy phong tắc viết : Thái Vương, Vương Quý. Tống xưng đế, kỳ truy phong tắc viết : Hy Tổ, Dực Tổ. Cái phụ vị tử quý chi nghĩa. Ngã Lý Thái Tổ ký xưng đế, nhi truy phong kỳ phụ viết : Hiển Khánh Vương. Đương thời Lễ quan bất năng chính chi. Sở vị tự ti hỹ.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC TRUY PHONG TÔN HIỆU (1).

Nhà Chu dấy nghiệp vương thì truy phong Thái Vương, Vương Quý. Nhà Tống xưng đế, thì truy phong Hy Tổ, Dực Tổ. Cách làm đó là theo nghĩa «cha vì con mà được tôn quý». Lý Thái Tổ ta đã xưng đế mà truy phong cha là Hiển Khánh Vương, Lễ quan bấy giờ cũng không biết cải chính. Thế là tự ti vậy.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Năm 1009, Lý Thái Tổ lên ngôi truy phong cha là Hiển Khánh Vương 顯慶王, mẹ là Minh Đức Thái hậu 明德太后. Lê Văn Hưu cho là chưa đúng lễ, chưa đủ tôn quý nên ông có ý chê.

*

127

李家崇佛論

李太祖即帝位甫及二年。宗廟未建。社稷未立。先於天德府創立八寺。又重修諸路寺觀。而度京師千餘人為僧。則土木財力之費不可勝言也。

財非天雨。力非神作。豈非浚民之膏血歟。浚民之膏血。可謂修福歟。創業之主。躬行勤儉。猶恐子孫之奢怠。而太祖垂法如此。宜其後世起凌霄之堵坡。立削石之寺柱。佛宮壯儷倍於宸居。下皆化之。至有毀形易服。

破產逃親。百姓太半為僧。國內到處皆寺。其源豈無所自哉。

PHIÊN ÂM :

LÝ GIA SÙNG PHẬT LUẬN

Lý Thái Tổ tức đế vị, phủ cập nhị niên, tông miếu vị kiến, xã tắc vị lập, tiên ư Thiên-đức phủ sáng lập bát tự, hựu trùng tu chư lộ tự quán, nhi độ kinh sư thiên dư nhân vi tăng, tắc thổ mộc tài lực chi phí bất khả thăng ngôn dã.

Tài phi thiên vũ, lực phi thần tác, khởi phi tuấn dân chi cao huyết dư ? Tuấn dân chi cao huyết, khả vị tu phúc dư ? Sáng nghiệp chi chủ, cung hành cần kiệm, do khủng tử tôn chi xa đãi, nhi Thái Tổ thùy pháp như thử, nghi kỳ hậu thế khởi lăng tiêu chi đổ pha, lập tước thạch chi tự trụ ; Phật cung tráng lệ bội ư thần cư. Hạ giai hóa chi, chí hữu hủy hình dịch phục, phá sản đào thân. Bách tính thái bán vi tăng, quốc nội đáo xứ giai tự, kỳ nguyên khởi vô sở tự tai !

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC NHÀ LÝ SÙNG PHẬT (1)

Lý Thái Tổ lên ngôi mới được hai năm, tông miếu (2) chưa dựng, xã tắc (3) chưa xây mà trước hết đã dựng tám ngôi chùa ở phủ Thiên-đức, lại sửa chữa chùa quán ở các lộ, cấp độ điệp (4) cho hơn một nghìn sư sãi ở kinh đô. Thế thì tiêu phí sức lực của cải cho việc xây chùa, làm tháp biết bao nhiêu mà kể.

Của cải chẳng phải trời mưa cho, sức lực chẳng phải thần làm cho, như thế há chẳng phải là khơi vét máu mỡ của dân ư ? Khơi vét máu mỡ của dân có thể gọi là tu phúc được chăng ? Bậc vua sáng nghiệp tự mình cần kiệm còn lo con cháu ngày sau xa xỉ lười nhác, huống chi Thái Tổ nêu gương như thế, trách gì con cháu đời sau chẳng xây tháp cao ngút trời, trồng cột chùa đá chạm (5) ; chùa Phật lộng lẫy hơn cả cung vua. Người dưới học theo, có kẻ hủy hoại thân thể, thay đổi cách ăn mặc, bỏ sản nghiệp, trốn thân thích. Dân quá nửa là sư sãi, khắp nước chỗ nào cũng chùa chiền, nguồn gốc há chẳng phải từ đó mà ra sao ?

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT năm Canh-tuất (1010) sau khi dời đô ra Thăng-long 昇龍, Lý Thái Tổ xuống chiếu phát 2 vạn quan tiền kho để làm 8 ngôi chùa ở phủ Thiên-đức 天德 (nay là Đình-bảng huyện Tiên-sơn, tỉnh Hà-bắc) ; hạ lệnh cho các hương ấp nơi nào có chùa quán đổ nát thì phải sửa lại ; cấp độ điệp cho nhân dân làm sư sãi, phát 1680 lạng bạc để đúc chuông lớn.
Lý Thái Tổ : Lý Công Uẩn 李公蘊 (1009 — 1028), xem Cht. 1 bài *Dĩ lị đức giám Lê luận*, số 123, cùng tác giả.

(2) *Tông miếu* : nơi thờ tổ tiên nhà vua và các vua đã mất.

(3) *Xã tắc* : nền tế trời đất.

(4) *Độ điệp* : văn bằng cấp cho những người đi tu để chứng nhận trình độ và tư cách về đạo của họ.

(5) Đây nói tháp Báo-thiên 報天 cao 12 tầng và chùa Diên-hựu 延祐 có cột đá, xây dựng dưới triều Thánh Tông 聖宗 và Thái Tông 太宗.

*

128

正儲位論

李家封嫡子皆為王。庶子皆為皇子。而皇太子不設。及至宮車大漸。方擇諸子一人。入繼大統。傳之成俗。不知何意也。

或曰。李家不先正儲位。蓋欲使諸子疊疊為善。謂儲既定。則君臣分定。雖有微子之賢。將何以處之哉。

曰。天下之本既定。猶有楊廣飾行奪嫡之禍。况儲貳不正。事至倉卒方欲擇立。萬一有三夫人強請之嗣君。徐文通再筆之遺詔。雖欲不亂。其可得乎。有國家者當以此為戒。

PHIÊN ÂM :

CHÍNH TRỪ VỊ LUẬN

Lý gia phong đích tử giai vi vương, thứ tử giai vi hoàng tử, nhi hoàng thái tử chi vị bất thiết. Cập chí cung xa đại tạm, phương trạch chư tử nhất nhân nhập kế đại thống. Truyền chi thành tục, bất tri hà ý dã ?

Hoặc viết : Lý gia bất tiên chính trừ vị, cái dục sử chư tử vỉ vỉ vi thiện. Vị trừ kỷ định, tắc quân thần phận định, tuy hữu Vi Tử chi hiền, tương hà dĩ xử chi tai !

Viết : Thiên hạ chi bản kỷ định, do hữu Dương Quảng sức hạnh đoạt đích chi họa ; huống trừ nhị bất chính, sự chí thảng thốt phương dục trạch lập, vạn nhất hữu tam phu nhân cưỡng thỉnh chi tư quân, Từ Văn Thông lộng bút chi di chiếu, tuy dục bất doãn, kỳ khả đắc hồ ? Hữu quốc gia giả đương dĩ thử vi giới.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC PHẢI CHÍNH NGÔI KẾ VỊ (1)

Nhà Lý phong con đích làm vương, con thứ làm hoàng tử, mà không đặt ngôi thái tử. Đến khi vua ốm nặng mới chọn một người trong các con để nối nghiệp lớn. Truyền dần thành tục, không biết là ý thế nào ?

Có người nói : Nhà Lý không đặt ngôi thái tử trước, là vì muốn cho các con đều chăm làm điều thiện. Nếu ngôi thái tử đã lập thì phận vua tôi đã nhất định rồi, dù trong các con có người hiền như Vi Tử (2), cũng không xử trí thế nào được nữa.

Trả lời rằng : Gốc thiên hạ đã định rồi, mà còn có cái họa như Dương Quảng giả dối để cướp ngôi con đích (3), huống chi ngôi thái tử không lập trước, đến khi vội vàng mới chọn lập, không may có việc như ba phu nhân nài xin lập con khác, Từ Văn Thông thay đổi di chiếu (4) thì dù muốn không bằng lòng cũng chẳng được nữa. Người làm chủ đất nước nên lấy đó làm răn.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm.

(2) *Vi Tử :* tên là Khải 啟, anh của vua Trụ 紂 nhà Ân 殷. Vua Trụ hoang dâm, can ngăn nhiều lần không được, Vi Tử bỏ nước mà đi. Sau nhà Ân mất, Chu Công 周公 đưa ông về thờ tự nhà Ân ở đất Tống 宋.

(3) *Dương Quảng :* con thứ Tùy Văn Đế 隋文帝. Văn Đế đã lập Dương Dũng 楊勇 làm thái tử. Nhưng vì Văn Đế kiệm ước mà Dũng xa xỉ nên Văn Đế ghét. Quảng cố ý làm cho Văn Đế yêu mình rồi phế Dũng lập Quảng. Sau Văn Đế có ý hối, Quảng giết Văn Đế và Dũng để lên ngôi vua.

(4) *Việc ba phu nhân :* Lý Thần Tông trước đã lập hoàng tử Thiên Lộc 天祿 làm con kế tự. Ba phu nhân Cảm Thánh 感聖, Nhật Phụng 日奉, Phụng Thánh 奉聖 muốn dành ngôi thái tử cho Thiên Tộ 天祚 nên đưa lễ nói lót với Từ Văn Thông là Tham tri chính sự. Khi Thần Tông ốm nặng, gọi Thông vào viết di chiếu, Thông không dám xin nhưng cứ cầm bút chần chừ không viết. Một lát sau ba phu nhân đến, khóc lóc xin thay người kế vị, Thần Tông có lẽ vì sức ép của bốn người nên phải quyết định trao ngôi cho Thiên Tộ.

*

129

陵閣號論

夫古者天子既崩。安靈柩有陵。或號曰茂陵。或號曰昌陵。遺宸章有閣。或名顯謨。或名寶文。

今李家歷代陵祇曰壽陵。閣祇曰龍圖。盖時君不學。而儒臣不能潤色。或無稽古之力也。

PHIÊN ÂM :

LĂNG CÁC HIỆU LUẬN

Phù cổ giả thiên tử ký băng, an linh cữu hữu lăng, hoặc hiệu viết : Mậu-lăng, hoặc hiệu viết : Xương-lăng ; di thần chương hữu các, hoặc danh Hiền-mô, hoặc danh Bảo-văn.

Kim Lý gia lịch đại lăng chỉ viết : Thọ-lăng ; các chỉ viết : Long-đồ. Cái thời quân bất học, nhi nho thần bất năng nhuận sắc, hoặc vô kê cổ chi lực dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ TÊN LĂNG VÀ CÁC (1)

Ngày xưa thiên tử mất, linh cữu an táng ở lăng, hoặc gọi là Mậu-lăng, hoặc gọi là Xương-lăng ; để văn chương ở các, hoặc gọi là Hiền-mô, hoặc gọi là Bảo-văn.

Nay nhà Lý, lăng các đời chỉ gọi chung là Thọ-lăng, còn các chỉ gọi chung là Long-đồ. Ấy là vì vua thời đó không có học mà các nho thần không biết sửa chữa, hoặc là không có năng lực khảo cứu điển lệ xưa vậy.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm.

*

130

稱號論

天子自稱曰朕。曰予一人。人臣稱君曰陛下。指天子所居曰朝庭。指政令所出曰朝省。自古不易之稱也。太宗使群臣呼己為朝庭。其後聖宗自號為萬乘。高宗使人呼為佛。皆無所法。而好為誇大。孔子所謂名不正。則言不順。此也。

PHIÊN ÂM :

XƯNG HIỆU LUẬN

Thiên tử tự xưng viết trẫm, viết dư nhất nhân. Nhân thần xưng quân viết : bệ hạ ; chỉ thiên tử sở cư viết : triều đình ; chỉ chính lệnh sở xuất viết : triều sảnh. Tự cổ bất dịch chi xưng dã. Thái Tông sử quần thần hô kỷ vi Triều đình, kỳ hậu Thánh Tông tự hiệu vi Vạn Thặng, Cao Tông sử nhân hô vi Phật, giai vô sở pháp nhi hiếu vi khoa đại. Khổng Tử sở vị «danh bất chính, tắc ngôn bất thuận», thử dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC XƯNG TÊN HIỆU CỦA VUA (1)

Thiên tử tự xưng là trẫm, là «dư nhất nhân». Bề tôi gọi vua là bệ hạ; chỉ chỗ ở của thiên tử là triều đình ; chỉ nơi ban bố chính lệnh là triều sảnh. Những tiếng xưng hô đó từ xưa không thay đổi.

Thái Tông bảo bề tôi gọi mình là Triều đình, sau đó Thánh Tông tự xưng là Vạn Thặng (2), Cao Tông bắt người ta gọi mình là Phật (3), đều là do sự thích khoe khoang mà không theo phép tắc gì cả. Đó chính là điều mà Khổng Tử gọi là «tên không chính thì lời nói không thuận» (4) vậy.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT năm Canh tuất (1034) Thái Tông xuống chiếu cho các quan khi tâu việc ở trước mặt vua thì gọi vua là Triều đình.

(2) (3) Không thấy ĐVSKTT chép sự kiện này trong phần Lý Thánh Tông và Lý Cao Tông.

(4) *Danh bất chính tắc ngôn bất thuận :* lời Khổng Tử 孔子 trả lời Tử Lộ 子路 trong *Luận ngữ* 論語, thiên *Tử Lộ* 子路, khi ông này hỏi : Nếu vua nước Vệ dùng thầy vào chính sự thì thầy sẽ làm gì trước ? Nguyên văn : 名不正則言不順；言不順則事不成；事不成則禮樂不興；禮樂不興則刑罰不中；刑罰不中則民無所措其手足. *Danh bất chính tắc ngôn bất thuận ; ngôn bất thuận tắc sự bất thành ; sự bất thành tắc lễ nhạc bất hưng ; lễ nhạc bất hưng tắc hình phạt bất trúng ; hình phạt bất trúng tắc dân vô sở thố kỳ thủ túc.* Nghĩa là : Tên không đúng thì lời không thuận ; lời không thuận thì việc không thành ; việc không thành thì lễ nhạc không hưng khởi ; lễ nhạc không hưng khởi thì hình phạt không trúng ; hình phạt không trúng thì dân không biết hành động thế nào.

*

131

加尊號論

帝堯。帝舜。文王。武王。皆以一字為號。未嘗有增其尊號也。

後世帝王好為誇大。乃有累至數十餘字者。然以功德稱之。未有以物件及蠻夷聯綴於其間者也。太宗乃納群臣所上"金湧銀生儂平藩伏"八字為號。則於誇大中又失於麤矣。

太宗不學。無以知之。而儒臣進此。以諛媚其君。不可謂無罪也。

PHIÊN ÂM :

GIA TÔN HIỆU LUẬN

Đế Nghiêu, Đế Thuấn, Văn Vương, Vũ Vương giai dĩ nhất tự vi hiệu, vị thường hữu tăng kỳ tôn hiệu dã.

Hậu thế đế vương hiếu vi khoa đại, nãi hữu lũy chí sổ thập dư tự giả. Nhiên dĩ công đức xưng chi, vị hữu dĩ vật kiện cập Man Di liên xuyết ư kỳ gian giả dã. Thái Tông nãi nạp quần thần sở thượng « Kim dũng ngân sinh, Nùng bình Phiên phục » bát tự vi hiệu, tắc ư khoa đại trung hựu thất ư thô hỹ.

Thái Tông bất học, vô dĩ tri chi, nhi nho thần tiến thử, dĩ du mị kỳ quân, bất khả vị vô tội dã.

ĐỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC THÊM CHỮ VÀO TÔN HIỆU (1).

Đế Nghiêu, Đế Thuấn, Văn Vương, Vũ Vương đều lấy một chữ làm hiệu, chưa từng thấy có thêm tôn hiệu bao giờ.

Đế Vương đời sau thích khoe khoang mới gia thêm tôn hiệu đến hơn vài chục chữ. Nhưng chỉ lấy công đức mà xưng, chưa bao giờ lấy những từ ngữ chỉ sự vật và Man Di mà chắp vào tôn hiệu cả. Thái Tông lại nhận lời bày tôi dâng tám chữ : « Kim dũng ngân sinh, Nùng bình Phiên phục » (2) làm tôn hiệu, thì chẳng những là khoe khoang mà lại còn thô thiển nữa.

Thái Tông vô học không biết đã đành, nhưng bọn nho thần dâng lên những chữ ấy để nịnh hót, thì không thể bảo là không có tội được.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm.

(2) Theo ĐVSKTT : Năm Kỷ mão (1039), tháng Hai Lý Thái Tông thân chinh dẹp được Nùng Tồn Phúc 儂存福 ; tháng Tư con vua Chiêm-thành 占城 và 4 người nữa vào quy phụ triều đình ; tháng Năm động Vũ-kiến 武建 châu Quảng-nguyên 廣源 dâng một khối vàng sống, châu Lộng-thạch 弄石, châu Định-biên 定邊, huyện Liên 連 tâu rằng trong xứ có hố bạc. Do đó tháng Sáu năm ấy bầy tôi xin đổi niên hiệu là « Càn Phù Hữu Đạo » 乾符有道 và tăng tôn hiệu tám chữ : « Kim dũng ngân sinh, Nùng bình Phiên phục », nghĩa là : vàng nổi bạc sinh, dẹp nọ Nùng, bình nước Phiên.

*

132

溺小人而忘大事論

前年儂存福之叛逆。僭號開國。置官屬。太宗旣罪存福。而遺其子智高。今智高復蹈其父之不軌。則其罪大矣。誅之可也。奪其爵邑。降為庶人。亦可也。太宗旣赦其罪。又以州郡附益之。賜印封為太保。則賞罰無章。及其為廣源之患。乃出兵以撲滅為辭。何以異放虎兕使之噬人。而徐救之哉。

蓋溺佛氏之小仁而忘其國之大義也。

PHIÊN ÂM :

NỊCH TIỂU NHÂN NHI VONG ĐẠI SỰ LUẬN

Tiền niên Nùng Tồn Phúc chi bạn nghịch, tiếm hiệu, khai quốc, trí quan thuộc ; Thái Tông ký tội Tồn Phúc nhi di kỳ tử Trí Cao. Kim Trí Cao phục đạo kỳ phụ chi bất quỹ, tắc kỳ tội đại hỹ, tru chi khả dã ; đoạt kỳ tước ấp, giáng vi thứ nhân diệc khả dã. Thái Tông ký xá kỳ tội, hựu dĩ châu quận phụ ích chi, tứ ấn phong vi Thái bảo, tắc thưởng phạt vô chương. Cập kỳ vi Quảng-nguyên chi hoạn, nãi xuất binh dĩ viện lân vi từ, hà dĩ dị phóng hổ hủy, sử chi phệ nhân nhi từ cứu chi tai !

Cái nịch Phật thị chi tiểu nhân nhi vong kỳ quốc chi đại nghĩa dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC HAM ĐIỀU NHÂN NHỎ MÀ QUÊN VIỆC LỚN (1)

Năm trước Nùng Tồn Phúc phản nghịch, tiếm hiệu, mở nước, sắp đặt quan thuộc ; Thái Tông đã bắt tội Tồn Phúc, nhưng để lại con là Trí Cao (2). Nay Trí Cao lại noi theo việc trái phép của cha thì tội to lắm, giết đi là phải ; lấy lại tước ấp, giáng làm thứ dân cũng là phải. Nhưng, Thái Tông đã tha tội lại còn cho thêm mấy châu quận, cho ấn phong tước thái bảo, như thế là thưởng phạt không minh. Đến khi Trí Cao quấy rối Quảng-nguyên, phải đem quân đi đánh, lại lấy cớ là giúp nước láng giềng (3). Như thế có khác gì thả hổ, tê giác cho cắn người rồi mới từ từ đến cứu ?

Bởi vì Thái Tông say đắm cái nhân nhỏ của nhà Phật mà quên cái nghĩa lớn của quốc gia đó thôi !

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm.

(2) Theo ĐVSKTT năm 1039 Nùng Tồn Phúc chiếm châu Quảng-nguyên đổi làm nước Trường-sinh 長生, phong con trai Trí Thông 智通 tước vương, vợ A Nùng, làm hoàng hậu, chuẩn bị giáp binh, thành trì, đối lập với nhà Lý. Tháng Hai năm ấy Lý Thái Tông đem quân đi đánh, bắt được cha con Tồn Phúc và Trí Thông, riêng A Nùng và Trí Cao chạy thoát. Thái Tông cũng không truy lùng. Năm 1041 Trí Cao lại trở về chiếm cứ châu Thảng-do 倘由, đổi làm nước Đại-lịch 大曆. Thái Tông sai tướng đi đánh, bắt được Trí Cao đem về Kinh. Nhưng Thái Tông không bắt tội lại cho giữ châu Quảng-nguyên như cũ và cho thêm các động : Lôi-hỏa 雷火, Bình-bà 平婆 và châu Tư-lãng 思浪 (phần lớn thuộc đất Cao-bằng ngày nay). Đến năm 1043 Thái Tông sai Ngụy Trưng 魏徵 đến Quảng-nguyên trao ấn và phong tước Thái bảo.

(3) Tháng Tư năm 1052 Nùng Trí Cao lại nổi dậy, xưng là Nhân vương 仁王, đặt tên nước là Đại-nam 大南, đánh sang các châu Ung 邕, Hoành 橫, đến tận thành ngoài Quảng-châu 廣州 nước Tống để mở rộng biên giới. Nhà Tống phải huy động một lực lượng quân lớn đi đánh dẹp. Khi cuộc giao chiến bắt đầu Lý Thái Tông xin đem quân giúp Tống. Sau khi bàn bạc, nhà Tống không thuận.

Năm 1053 Trí Cao thua, quẫn xin Thái Tông cứu viện. Thái Tông sai quân đi cứu, nhưng Trí Cao vẫn thua, và cuối cùng bị nước Đại-lý 大理 bắt chém dâng nhà Tống

*

133

除服論

人子生三年。然後出於懷抱。而免於父母。故自天子至於庶人。雖貴賤不同。而三年哀慕之情則一。蓋所以報其劬勞也。

矧神宗之於仁宗。鞠在宮中。恩莫厚矣。義當慎終追遠。其報可也。今未閱月而遽命群臣除服。未卒哭而迎兩妃后入宮。不知當時將何以儀型四海。表率百官哉。

神宗雖幼弱。而在朝之臣亦幸其短喪。無一言及之者。可謂朝無人矣。

PHIÊN ÂM :

TRỪ PHỤC LUẬN

Nhân tử sinh tam niên, nhiên hậu xuất ư hoài bão nhi miễn ư phụ mẫu. Cố tự thiên tử, chí ư thứ nhân, tuy quý tiện bất đồng nhi tam niên ai mộ chi tình tắc nhất. Cái sở dĩ báo kỳ cù lao dã.

Thẩn Thần Tông chi ư Nhân Tông cúc tại cung trung, ân mạc hậu hỹ. Nghĩa đương thận chung truy viễn, kỳ báo khả dã. Kim vị duyệt nguyệt nhi cừ mệnh quần thần trừ phục, vị tốt khốc nhi nghênh lưỡng phi hậu nhập cung, bất tri đương thời tương hà dĩ nghi hình tứ hải, biểu suất bách quan tai !

Thần Tông tuy ấu nhược, nhi tại triều chi thần diệc hạnh kỳ đoản tang, vô nhất ngôn cập chi giả. Khả vị triều vô nhân hỹ.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC ĐOẠN TANG (1)

Kẻ làm con sinh ra được ba năm, cha mẹ mới khỏi phải bế ẵm trong lòng. Cho nên từ thiên tử đến dân thường, tuy sang hèn khác nhau, nhưng tình thương nhớ ba năm đều như một. Thế là để báo đền công khó nhọc của cha mẹ vậy.

Huống chi Thần Tông được Nhân Tông nuôi nấng trong cung, ơn ấy không gì lớn hơn, đáng lẽ phải thận trọng việc tang chế và thờ cúng tổ tiên xa đời để báo đáp mới phải. Nay chưa đầy một tháng đã vội cho quần thần bỏ áo tang, chưa đến lễ trăm ngày đã đón hoàng hậu và thứ phi vào cung, không biết lúc bấy giờ lấy gì để làm khuôn phép cho thiên hạ và nêu gương cho các quan ?

Thần Tông còn nhỏ tuổi, nhưng các quan trong triều cũng lấy việc để tang ngắn làm may, không ai can ngăn lấy một lời. Có thể bảo là triều đình không có người vậy!

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Lý Thần Tông tên là Dương Hoán 楊煥, con trai Sùng hiền hầu, gọi Thái Tông là bác. Thái Tông không có con, nuôi các cháu, và chọn Dương Hoán cho nối ngôi.

Ngày Đinh mão tháng Chạp năm Đinh mùi (1127) Thái Tông mất. Ngày Ất dậu (78 ngày sau) Thần Tông bắt đầu thị triều và xuống chiếu cho các quan bỏ áo trở. ĐVSKTT không ghi ngày đón phi và hoàng hậu.

*

134

歸功佛道論

夫運籌帷幄之中。決勝千里之外。皆良將臨戎制勝之功也。

太傅李公平破真臘之寇於乂安州。遣人奏捷。神宗當告捷于太廟。論功于朝堂。以賞功平等克敵之勳。今乃歸功於佛。道。臨寺。觀而拜謝之。非所以勞有功。鼓士氣也。

PHIÊN ÂM :

QUY CÔNG PHẬT, ĐẠO LUẬN

Phù vận trù duy ác chi trung, quyết thắng thiên lý chi ngoại, giai lương tướng lâm nhung chế thắng chi công dã.

Thái phó Lý Công Bình phá Chân-lạp chi khấu ư Nghệ-an châu, khiển nhân tấu tiệp, Thần Tông đương cáo tiệp vu thái miếu, luận công vu triều đường dĩ thưởng Công Bình đẳng khắc địch chi huân. Kim nãi quy công ư Phật, Đạo, lâm tự, quán nhi bái tạ chi, phi sở dĩ lạo hữu công, cổ sĩ khí dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC QUY CÔNG CHO PHẬT VÀ ĐẠO (1)

Những việc trù tính trong cửa tướng, quyết thắng ngoài nghìn dặm, đều là công của bậc tướng giỏi cầm quân nơi chiến trận.

Thái phó Lý Công Bình phá được quân Chân-lạp vào cướp châu Nghệ-an, sai người báo tin thắng trận. Đáng lẽ Lý Thần Tông phải làm lễ cáo tiệp ở Thái miếu, bàn công ở triều đình, khen thưởng công dẹp giặc cho bọn Lý Công Bình mới phải. Nay lại quy công cho Phật, Đạo, đến khắp các chùa và các quán (2) lễ tạ, như thế không phải là cách úy lạo kẻ có công, cổ lệ chí khí quân lính.

CAO HUY GIU — CAO XUÂN HUY

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, ngày Giáp dần tháng Hai năm Mậu thân (1128), hơn 2 vạn người Chân-lạp 真獵 vào cướp châu Nghệ-an 乂安. Thái phó Lý Công Bình đem quân đi đánh. Ngày Đinh mão thư báo tin thắng trận của Công Bình về đến Kinh sư. Hôm sau Thần Tông đến hai cung Thái-thanh 太清, Cảnh-linh 景靈 và các chùa quán trong thành tạ ơn Phật và Thánh đã phù hộ cho Công Bình thắng trận.

Dưới thời Lý Thần Tông, Công Bình cũng có một vai trò quan trọng. Ông nhiều lần đánh thắng người Chân-lạp vào cướp phá biên giới phía Nam.

(2) Nơi thờ cúng của Phật giáo gọi là chùa, nơi thờ cúng của Đạo giáo gọi là quán.

*

135

二其本論

神宗以宗室之子。仁宗育爲子。使繼大統。義當以仁宗爲父。而稱所生父崇贒侯爲皇叔。封生母杜氏爲王夫人。如宋孝宗之於秀安僖王及夫人張氏。以一其本。可也。今乃封崇贒侯爲太上皇。杜氏爲皇太后。無乃二其本乎。

盖神宗時方幼冲。而在朝公卿如黎伯玉。牟俞都又無知禮者。故也。

PHIÊN ÂM :

NHỊ KỲ BẢN LUẬN

Thần Tông dĩ tông thất chi tử, Nhân Tông dục vi tử, sử kế đại thống, nghĩa đương dĩ Nhân Tông vi phụ nhi xưng sở sinh phụ Sùng hiền hầu vi hoàng thúc, phong sinh mẫu Đỗ thị vi Vương phu nhân như Tống Hiếu Tông chi ư Tú An Hi Vương cập phu nhân Trương thị, dĩ nhất kỳ bản, khả dã. Kim nãi phong Sùng hiền hầu vi Thái thượng hoàng, Đỗ thị vi Hoàng thái hậu, vô nãi nhị kỳ bản hồ ?

Cái Thần Tông thời phương ấu sung, nhi tại triều công khanh như Lê Bá Ngọc, Mâu Du Đô hựu vô tri lễ giả, cố dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC TỰ COI MÌNH LÀ MỘT DÒNG KHÁC (1)

Thần Tông là con một người trong tông thất, Nhân Tông nuôi làm con, lại cho nối nghiệp lớn. Đáng lẽ phải tôn Nhân Tông làm cha, mà gọi cha đẻ Sùng hiền hầu là hoàng thúc, phong mẹ đẻ Đỗ thị là Vương phu nhân, như Tống Hiếu Tông đối với Hi Vương Tú An và phu nhân họ Trương, để thống nhất một gốc mới phải. Nay lại tôn Sùng hiền hầu làm Thái thượng hoàng, Đỗ thị làm Hoàng thái hậu, như thế chẳng hóa ra là hai gốc ư ?

Bởi vì Thần Tông còn trẻ thơ mà các công khanh trong triều như Lê Bá Ngọc, Mâu Du Đô (2) cũng không biết lễ nên mới thế.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, sau khi lên ngôi, tháng Giêng năm Kỷ dậu (1129), Thần Tông tôn cha làm Thái thượng hoàng, mẹ làm Hoàng thái hậu.

(2) Lê Bá Ngọc và Mâu Du Đô là hai bề tôi quan trọng dưới triều Lý Thần Tông ; Lê Bá Ngọc chính là người được Nhân Tông gọi vào trao di chiếu.

*

136

獻獸賜爵論

夫古人所謂瑞者。以得賢與豐年。外此不足為瑞也。況珍禽異獸不育於國。亦先王之遺戒也。

神宗因阮祿。阮子克獻白鹿。以為瑞物。拜祿為大僚班。子克為明字。則賞者。受者皆非也。何則。

神宗以獻獸拜官。是濫其賞也。祿。克以無功受賞。是欺其君也。

PHIÊN ÂM :

HIẾN THÚ TỨ TƯỚC LUẬN

Phù cổ nhân sở vị thụy giả, dĩ đắc hiền dữ phong niên, ngoại thử bất túc vi thụy dã. Huống trân cầm dị thú bất dục ư quốc, diệc tiên vương chi di giới dã.

Thần Tông nhân Nguyễn Lộc, Nguyễn Tử Khắc hiến bạch lộc dĩ vi thụy vật, bái Lộc vi Đại liêu ban, Tử Khắc vi Minh tự, tắc thưởng giả, thụ giả giai phi dã. Hà tắc ?

Thần Tông dĩ hiến thú bái quan, thị lạm kỳ thưởng dã ; Lộc, Khắc dĩ vô công thụ thưởng, thị khi kỳ quân dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC DÂNG THÚ BAN TƯỚC[1]

Những sự việc mà người xưa gọi là điềm lành chỉ là tìm được người hiền và được mùa mà thôi, ngoài ra không có gì đáng gọi là điềm lành cả. Huống chi « trong nước không nuôi chim quý thú lạ », cũng là lời khuyên răn của tiên vương để lại.

Thần Tông nhân việc Nguyễn Lộc, Nguyễn Tử Khắc[2] dâng hươu trắng mà cho là điềm lành, ban cho Lộc tước Đại liêu ban, cho Tử Khắc tước Minh tự, thì người thưởng và người nhận thưởng đều sai cả. Sao vậy ?

Thần Tông vì dâng thú mà cho quan tước, đó là thưởng quá dễ dãi ; Lộc và Khắc không có công mà nhận thưởng, đó là dối vua.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, tháng Hai năm Kỷ dậu (1129) Lý Lộc tâu trên núi Tản-viên 傘圓 có hươu trắng. Vua sai Thái úy Dương Anh Nhĩ đến bắt được. Cho Lộc tước Đại liêu ban. Tháng Ba, Lý Tử Khắc 李子克 lại tâu rừng miền sông Đáy có hươu trắng. Vua sai Thái úy Lưu Khánh Đàm 劉慶談 đến bắt rồi thăng Tử Khắc làm Khu mật sứ, theo trật Minh tự.

(2) ĐVSKTT chú thích : Lộc và Tử Khắc vốn họ Lý. Lê Văn Hưu tránh tên húy của nhà Trần nên đổi làm họ Nguyễn.

*

137

自奉論

天生民而作之君。使司牧之。非自奉也。

父母之心。誰不欲其子之有室家。聖人體此心。惟恐匹夫匹婦之不得其所。故詩形桃夭。標有梅美嫁之及時。與刺其晚也。

神宗詔百官之女選畢然後嫁。此乃自奉。豈為民父母之意哉。

PHIÊN ÂM :

TỰ PHỤNG LUẬN

Thiên sinh dân nhi tác chi quân, sử tư mục chi, phi tự phụng dã.

Phụ mẫu chi tâm, thùy bất dục kỳ tử chi hữu thất gia. Thánh nhân thể thử tâm, duy khủng thất phu thất phụ chi bất đắc kỳ sở. Cố *Thi* hình *Đào yêu*, *Phiếu hữu mai* mỹ giá chi cập thời, dữ thích kỳ vãn dã.

Thần Tông chiếu bách quan chi nữ tuyển tất nhiên hậu giá, thử nãi tự phụng, khởi vi dân phụ mẫu chi ý tai!

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC TỰ CUNG PHỤNG MÌNH (1)

Trời sinh dân, lại đặt ra vua, ấy là để vua chăn dắt dân, chẳng phải để vua tự cung phụng mình.

Lòng kẻ làm cha mẹ ai chẳng muốn con cái có vợ có chồng. Thánh nhân thể lòng ấy, chỉ sợ kẻ thất phu thất phụ không được yên ổn nơi chốn của họ. Cho nên *Kinh thi* đã biểu hiện điều đó trong bài *Đào yêu* và bài *Phiếu hữu mai*, khen hôn thú kịp thời và chê việc để lỡ thời.

Thế mà Thần Tông xuống chiếu bắt con gái các quan phải đợi vua tuyển xong cung nữ, ai không trúng mới được lấy chồng. Đó là tự phụng sự cho mình, đâu phải tấm lòng của người làm cha mẹ dân!

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. ĐVSKTT chép tờ chiếu này ban bố vào tháng Giêng năm Canh tuất (1130).

*

138

養虎遺患論

杜英武出入禁庭。私通母后。罪莫大焉。武帶等宜庭奏奸狀。收捕繫獄而誅之可也。今乃出衆人突入越城門。驚脅幼主。強求詔旨。及捕獲英武乃受太后之金。而不用阮楊之言。後竟為其所殺。累及数十人。所謂養虎遺患也。

PHIÊN ÂM :

DƯỠNG HỔ DI HOẠN LUẬN

Đỗ Anh Vũ xuất nhập cấm đình, tư thông mẫu hậu, tội mạc đại yên. Vũ Đới đẳng nghi đình tấu gian trạng, thu bổ hệ ngục nhi tru chi, khả dã. Kim nãi xuất chúng nhân đột nhập Việt-thành môn, kinh hiếp ấu chúa, cưỡng cầu chiếu chỉ; cập bổ hoạch Anh Vũ nãi thụ Thái hậu chi kim nhi bất dụng Nguyễn Dương chi ngôn. Hậu cánh vi kỳ sở sát, luỵ cập số thập nhân, sở vị dưỡng hổ di hoạn dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ VIỆC NUÔI HỔ ĐỂ MỐI HỌA [1]

Đỗ Anh Vũ ra vào trong cung cấm, tư thông với mẫu hậu, tội không gì lớn bằng. Bọn Vũ Đới nên tâu bày tội trạng trước vua rồi bắt bỏ ngục mà giết đi mới phải. Nay lại đem quân đột nhập cửa Việt-thành, ức hiếp vua nhỏ, ép lấy chiếu chỉ ; khi bắt được Anh Vũ lại nhận của đút của Thái hậu mà không nghe lời bàn của Nguyễn Dương. Về sau bị Anh Vũ giết chết, liên lụy đến vài chục người. Như thế có thể gọi là nuôi hổ để lại mối họa vậy.

CAO HUY GIU — BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, Lý Anh Tông lên ngôi còn nhỏ tuổi, Đỗ Anh Vũ, em của Đỗ Thái hậu (vợ Sùng hiền hầu 崇賢侯) được làm chức Cung điện lệnh tri nội ngoại sự. Sau y tư thông với thái hậu Lê Cảm Thánh 黎感聖 nên ngày càng có quyền thế trong triều. Năm 1150 bọn Vũ Đới 武帶, phò mã Dương Tự Minh 楊字明 bàn nhau bắt Anh Vũ. Sau đó, Vũ Đới đem quân đến cửa Việt-thành uy hiếp, bắt được Anh Vũ, đem giam ở chái Tả-hưng-thánh 左興聖, giao cho đình úy xét xử. Cảm Thánh sai người mang cơm cho Anh Vũ, dấu vàng ở dưới để đút lót cho người canh và Vũ Đới. Nguyễn Dương biết nếu Anh Vũ được tha thì cả bọn sẽ bị hại nên bàn đem giết đi. Đàm Dĩ Mông 譚以蒙 không nghe. Sau vua xử tội, Anh Vũ chỉ bị đày làm canh điền. Cảm Thánh nhiều lần mở đại hội xá tội, Anh Vũ dần dần lại được phục chức Thái úy phụ chính và được yêu tin hơn, y liền tìm cách trị tội bọn Vũ Đới, kẻ bị giết, bị bêu đầu, người bị đày đi các nơi, tất cả đến mấy chục người.

TRẦN QUỐC TUẤN
陳國峻
HƯNG ĐẠO VƯƠNG
興道王
(1232 ? — 1300)

Ông là con An sinh vương Trần Liễu 陳柳 (1), cháu gọi Trần Thái Tông 陳太宗 bằng chú, người hương Tức-mặc 即墨, phủ Thiên-trường 天長 (2), được phong ấp ở hương Vạn-kiếp 萬劫, thuộc huyện Chí-linh 至靈, châu Nam-sách 南策, lộ Lạng-giang 諒江 (3). Sinh khoảng 1232 (4).

Theo truyền thuyết, từ nhỏ Trần Quốc Tuấn đã ham thích trò chơi đánh trận, sáu tuổi biết làm thơ (5). Lớn lên, học vấn rất uyên bác, vừa giỏi văn chương vừa hiểu thấu lục thao tam lược, cưỡi ngựa, bắn cung đều thành thạo. Năm 1257, quân Nguyên sang xâm lược nước ta lần đầu, ông được cử cầm quân giữ biên thùy phía Bắc. Ba chục năm sau, trong hai cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ hai (1285), và lần thứ ba (1287 — 88), ông lại được đề bạt làm Tiết chế thống lĩnh toàn quân và đã giành thắng lợi lẫy lừng.

Là một vị tướng tài kiêm văn võ, biết đánh giá đúng vai trò quan trọng của dân — nền tảng của xã tắc — và của quân — lông cánh của chim hồng chim hộc — Trần Hưng Đạo đã biết đề ra một đường lối quân sự ưu việt, có tính chất nhân dân, mà tiêu biểu là hai cuộc rút lui chiến lược khỏi Kinh thành Thăng-long, tránh cho nhà Trần những tổn thất lớn, và tạo thời cơ bẻ gẫy lực lượng của địch. Những kế hoạch làm vườn không nhà trống trên khắp các nẻo đường mà giặc đi qua, những hoạt động phối hợp nhịp nhàng giữa hương binh và quân đội chính quy của nhà nước, những trận phục kích lừng danh như trận Bạch-đằng 白藤 đã làm cho tên tuổi của ông sống mãi. Ngay đến kẻ thù cũng phải nhắc đến mấy chữ Hưng đạo vương với niềm kính trọng.

Bên cạnh tư tưởng quân sự đột xuất, Trần Quốc Tuấn còn nêu một tấm gương về lòng trung nghĩa sáng suốt, biết gạt bỏ mọi hiềm khích riêng để đoàn kết các tôn thất và tướng tá trong triều nhằm phò vua giúp nước, đánh bại kẻ thù (6). Sử sách từng ghi lại câu nói nổi tiếng của ông với vua Trần Thánh Tông 陳聖宗, khi đất nước đang lâm vào tình thế nghìn cân treo sợi tóc : « Xin

Bệ hạ hãy chém đầu tôi trước rồi sau sẽ hàng» (7). Cho đến trước khi chết ông vẫn ân cần dặn vua Trần Anh Tông 陳英宗 trong mọi chính sách của nhà nước phong kiến phải biết «nới sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc». Ông không những là một công thần của nhà Trần mà còn là một anh hùng lớn của dân tộc.

Trần Quốc Tuấn mất ngày 20 tháng Tám năm Canh tý (3-IX-1300) tại nhà riêng ở Vạn-kiếp. Sau khi mất, ông được triều đình phong tặng Thái sư thượng phụ thượng quốc công, nhân võ Hưng đạo đại vương.

Tác phẩm: theo ĐVSKTT và ĐVTS, Trần Quốc Tuấn có soạn *Binh gia diệu lý yếu lược* 兵家妙理要略 (còn gọi là *Binh thư yếu lược* 兵書要略) và *Vạn-kiếp tông bí truyền thư* 萬劫宗秘傳書, nhưng văn bản nay đều đã gần như thất lạc (8). Tác phẩm thứ ba, duy nhất còn giữ được của ông là bài *Dụ chư tỳ tướng hịch văn* 諭諸裨將檄文, vẫn quen gọi là *Hịch tướng sĩ*. Đây là bài hịch viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ hai, nhằm kêu gọi tướng sĩ chăm lo luyện tập và nghiên cứu binh thư để kịp thời đối phó với âm mưu xâm lược của giặc. Bài hịch chứng tỏ tài năng văn chương trác luyện và nhiệt tình yêu nước cháy bỏng của Trần Quốc Tuấn.

Ngoài các tác phẩm trên, Trần Quốc Tuấn cũng để lại nhiều lời nói có ý nghĩa khuyên răn hay triết lý, được nhắc nhở và ghi chép như những huấn dụ quý báu đối với người nắm vận mệnh xã tắc qua nhiều thời đại. Dưới đây, xin chọn in một vài câu tiêu biểu nhất, để soi sáng thêm cho thơ văn và tư tưởng của ông.

(1) *Trần Liễu* (1211-1251): anh ruột Trần Thái Tông, lấy Công chúa Thuận Thiên 順天 là chị ruột Lý Chiêu Hoàng 李昭皇. Sau ông bị Trần Thủ Độ 陳守度 bắt ép phải nhường vợ cho Trần Thái Tông, nên đã khởi loạn chống lại nhà Trần.

(2) *Hương Tức-mặc*: xem Cht. 1, tiểu sử Trần Cảnh.

(3) *Hương Vạn-kiếp*: nay thuộc huyện Chí-linh, tỉnh Hải-hưng.

(4) Về năm sinh của Trần Quốc Tuấn, có nhiều thuyết, nhưng phần lớn đều là ức đoán. Chẳng hạn, Nguyễn Văn Tố đã dựa vào ĐVSKTT và một vài cuốn gia phả của nhà Trần trong Thư viện mà đoán ông sinh năm 1228. Tuy nhiên, những tìm tòi mới nhất cho biết Trần Quốc Tuấn là em ruột Trần Tung 陳嵩 (xem tiểu sử trong cùng tập), mà Trần Tung sinh năm 1230, cho nên phỏng đoán của Nguyễn Văn Tố và những thuyết nói ông sinh từ 1230 trở về trước đều không hợp lý. Chúng tôi tạm theo HTTVVN2.

(5) TTTPHT có chép một bài thơ nhan đề *Khẩu ngâm* 口吟 nói là thơ Trần Quốc Tuấn ứng khẩu lúc 6 tuổi. Bài thơ như sau:

四七蘊胸中	*Tứ thất uẩn hung trung,*
八八探易象	*Bát bát thám dịch tượng.*
六華布陣图	*Lục hoa bố trận đồ,*
殺韃擒元將。	*Sát Thát cầm Nguyên tướng.*

Nghĩa là :

Bốn bảy chứa chất trong lòng.
Tám tám dò xét tượng *Kinh dịch*.
Bày thế trận Lục hoa,
Giết giặc Thát, bắt tướng Nguyên.

Bốn bảy : 28 ngôi sao trên trời, ý nói chí khí rất lớn.

Tám tám : 64 quẻ trong *Kinh dịch* 易經.

Lục hoa : tên một thế trận do Lý Tĩnh 李靖 đời Đường sáng tạo ra.

Theo chúng tôi, đây là một trường hợp đáng nghi vấn, vì không những cách dùng điển cố trong 4 câu thơ không thích hợp với một em bé 6 tuổi, mà ngay vào thời gian đó (1238) nguy cơ xâm lược của giặc Thát đối với vùng Đông Nam Á cũng chưa phải đã rõ ràng. Bài thơ thực ra chỉ là một sáng tác thuộc loại thơ « khẩu khí » của người sau gán cho Trần Quốc Tuấn để đề cao tài năng xuất chúng của ông.

(6) Theo ĐVSKTT, trước lúc mất, Trần Liễu có dặn Trần Quốc Tuấn phải cướp ngôi nhà Trần để trả thù cho mình. Chính Trần Liễu từng thuê thầy giỏi đào tạo Trần Quốc Tuấn thành tài cũng nhằm mục đích đó. Nhưng Trần Quốc Tuấn đã làm ngược lại ý cha, giữ vững lòng trung nghĩa với nhà Trần, đưa đất nước vượt qua cơn nguy biến để giành toàn thắng. Bình sinh Trần Quốc Tuấn không hợp ý Trần Quang Khải, nhưng hai người đã tự nguyện bỏ hết hiềm khích riêng, sống hòa thuận với nhau, nhờ đó đã đoàn kết được vương hầu và tôn thất trong triều.

(7) Theo ĐVSKTT, Bản kỷ, Q. VI, thì trong cuộc kháng chiến lần thứ hai, vào lúc thế nước nguy ngập nhất, vua Trần Thánh Tông đã nói với Trần Quốc Tuấn : « Thế giặc như thế ta nên hàng chúng thôi », Trần Quốc Tuấn bèn đáp lại mấy lời trên. Nhưng *Trần đại vương bình Nguyên thực lục* 陳大王平元實錄 chép tỷ mỷ hơn : 時帝御輕舟幸海東。召大王問曰。傳言爭地以戰殺人盈野。今賊勢如此。姑且降之以救萬民之命。對曰。陛下出此誠仁者之言。奈宗廟社稷何。臣請先斬臣頭然後降賊。臣頭若在。社稷猶存。願陛下無憂。臣自有破賊之策。 *Thời đế ngự khinh chu hạnh Hải-đông, triệu Vương vấn viết : Truyền ngôn tranh địa dĩ chiến, sát nhân doanh dã. Kim tặc thế như thử, cô thả hàng chi dĩ cứu vạn dân chi mệnh. Đối viết : Bệ hạ xuất thử, thành nhân giả chi ngôn. Nại tông miếu xã tắc hà ? Thần thỉnh tiên trảm thần đầu nhiên hậu hàng tặc. Thần đầu nhược tại, xã tắc do tồn. Nguyện bệ hạ vô ưu. Thần tự hữu phá tặc chi sách.* Nghĩa là : Bấy giờ vua Trần đi chiếc thuyền nhẹ ra Hải-đông, triệu Hưng đạo vương đến hỏi : « Lời xưa truyền rằng nếu đánh nhau để giành đất thì giết người đầy nội. Nay thế giặc như thế, hãy hàng chúng để cứu muôn dân chăng ? » Đáp rằng : « Lời bệ hạ nói ra thực là lời của bậc nhân giả. Nhưng còn tông miếu xã tắc thì sao ? Thần xin trước hãy chém đầu thần rồi sau lại hàng. Đầu thần còn đấy thì xã tắc ắt còn. Xin bệ hạ đừng lo. Thần đã tự mình có kế sách phá giặc. » Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm trong *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông* cho rằng vua Trần đã hỏi Trần Quốc Tuấn mấy lời trên lúc rút lui về Vạn-kiếp.

(8) *Vạn kiếp tông bí truyền thư* hiện chỉ còn giữ được một bài bạt của Trần Khánh Dư 陳慶餘 in trong ĐVSKTT (xem phần tác giả Trần Khánh Dư trong cùng tập), còn *Binh thư yếu lược* thì hiện vẫn lưu truyền một tác phẩm với đầu đề như vậy, nhưng thực chất đó không còn là tác phẩm đời Trần.

*

139

諭諸裨將檄文

余常聞之。紀信以身代死而脫高帝。由于以背受戈而蔽昭王。豫讓吞炭而復主讐。申蒯斷臂而赴國難。敬德一小生也。身翼太宗而得免世充之圍。杲卿一遠臣也。口罵祿山而不從逆賊之計。自古忠臣義士以身殉國。何代無之。設使數子區區為兒女子之態。徒死牖下。烏能名垂竹白。與天地相為不朽哉。

汝等世為將種。不曉文義。既聞其說。疑信相半。古先之事。姑置勿論。今余以宋韃之事言之。王公堅何人也。其裨將阮文立又何人也。以釣魚鎖鎖斗大之城。當蒙哥堂堂百萬之鋒。使宋之生靈至今受賜。骨觧兀郎何人也。其裨將赤修思又何人也。冒瘴癘於萬里之途。蹶南詔於數旬之頃。使韃之君長至今留名。

況余與汝等生於擾攘之秋。長於艱難之際。竊見偽使往來道途旁午。掉鴞鳥之寸舌而陵辱朝廷。委犬羊之尺軀而倨傲宰輔。托忽必烈之命而索玉帛。以事無已之誅求。假雲南王之號而需金銀。以竭有限之帑庫。譬猶以肉投餒虎。寧能免遺後患也哉。

余常臨餐忘食。中夜撫枕。涕泗交頤。心腹如搗。常以未能食肉寢皮。茹肝飲血為恨也。雖余之百身。膏於草野。余之千屍。裹於馬革。亦願為之。

汝等久居門下。掌握兵權。無衣者則衣之以衣。無食者則食之以食。官卑者則遷其爵。祿薄者則給其俸。水行給舟。陸行給馬。委之以兵則生死同其所為。進之在寢則笑語同其所樂。其視公堅之為偏裨。兀郎之為副貳。亦未下爾。

汝等坐視主辱。曾不為憂。身當國恥。曾不為愧。為邦國之將。侍立夷酋而無忿心。聽太常之樂宴饗偽使。而無怒色。或鬪雞以為樂。或賭博以為娛。或事田園以養其家。或戀妻子以私於己。修生產之業而忘軍國之務。恣田獵之遊而怠攻守之習。或甘美酒。或嗜淫聲。脫有蒙韃之寇來。雄雞之距不足以穿虜甲。賭博之術不

足以施軍謀。田園之富不足以讀千金之軀。妻孥之累不足以充軍國之用。生產之多不足以購虜首。獵犬之力不足以驅賊衆。美酒不足以酖虜軍。淫聲不足以聾虜耳。當此之時。我家臣主就縛。甚可痛哉。不唯余之采邑。被削。而汝等之俸祿。亦為他人之所有。不唯余之家小被驅。而汝等之妻孥。亦為他人之所虜。不唯余之祖宗社稷為他人之所踐侵。而汝等之父母墳墓亦為他人之所發掘。不唯余之今生受辱。雖百世之下。臭名難洗惡謚長存。而汝等之家聲亦不免名為敗將矣。當此之時。汝等雖欲肆其娛樂得乎。

今余明告汝等。當以措火積薪為危。當以懲羹吹虀為戒。訓練士卒。習爾弓矢。使人人逢蒙。家家后羿。梟必烈之頭於闕下。腐雲南之肉於藁街。不唯余之采邑永為青氈。而汝等之俸祿亦終身之受賜。不唯余之家小得安床褥。而汝等之妻孥亦百年之偕老。不唯余之宗廟萬世享祀。而汝等之祖父亦春秋之血食。不唯余之今生得志而汝等百世之下芳名不朽。不唯余之美謚永垂而汝等之姓名亦遺芳於青史矣。當此之時。汝等雖欲不為娛樂得乎。

今余歷選諸家兵法為一書。名曰。兵書要畧。汝等或能專習是書。受余教誨。是夙世之臣主也。或暴棄是書。違余教誨。是夙世之仇讎也。

何則。蒙韃乃不共戴天之讎。汝等既恬然不以雪恥為念。不以除凶為心。而又不教士卒是倒戈迎降。空拳受敵。使平虜之後。萬世遺羞。尚有何面目立於天地覆載之間耶。故欲汝等明知余心。因筆以檄云。

PHIÊN ÂM :

DỤ CHƯ TỲ TƯỚNG HỊCH VĂN[1*]

Dư thường văn chi : Kỷ Tín dĩ thân đại tử nhi thoát Cao Đế ; Do Vu dĩ bối thụ qua nhi tế Chiêu Vương. Dự Nhượng thốn thán nhi phục chủ thù ; Thân Khoái đoạn tí nhi phó quốc nạn. Kính Đức nhất tiểu sinh dã, thân dực Thái Tông nhi đắc miễn Thế Sung chi vi ; Cảo Khanh nhất viễn thần dã, khẩu mạ Lộc Sơn nhi bất tòng nghịch tặc chi kế. Tự cổ trung thần nghĩa sĩ, dĩ thân tuẫn quốc hà đại vô chi ? Thiết sử số tử khu khu vi nhi nữ tử chi thái, đồ tử dũ hạ, ô năng danh thùy trúc bạch, dữ thiên địa tương vi bất hủ tai !

Nhữ đẳng thế vi tướng chủng, bất hiểu văn nghĩa, ký văn kỳ thuyết, nghi tín tương bán. Cổ tiên chi sự cô trí vật luận. Kim dư dĩ Tống, Thát chi sự ngôn chi : Vương Công Kiên hà nhân dã ? Kỳ tỳ tướng Nguyễn Văn Lập hựu hà nhân dã ?[2*] Dĩ Điếu-ngư tỏa tỏa đẩu đại chi thành, đương Mông Kha đường đường bách vạn chi phong, sử Tống chi sinh linh chí kim thụ tứ ! Cốt-đãi-ngột-lang hà nhân dã ? Kỳ tỳ tướng Xích[3*]-tu-tư hựu hà nhân dã ? Mạo chướng lệ ư vạn lý chi đồ, quệ Nam-chiếu ư số tuần chi khoảnh, sử Thát chi quân trưởng chí kim lưu danh !

Huống dư dữ nhữ đẳng, sinh ư nhiễu nhương chi thu ; trưởng ư gian nan chi tế. Thiết kiến ngụy sứ vãng lai, đạo đồ bàng ngọ. Trạo hào ô chi thốn thiệt nhi lăng nhục triều đình ; ủy khuyển dương chi xích khu nhi cứ ngạo tể phụ. Thác Hốt Tất Liệt chi mệnh nhi sách ngọc bạch, dĩ sự vô dĩ chi tru cầu ; giả Vân nam vương chi hiệu nhi nhu kim ngân, dĩ kiệt hữu hạn chi thảng khố. Thí do dĩ nhục đầu nỗi hổ, ninh năng miễn di hậu[4*] hoạn dã tai ?

Dư thường lâm xan vong thực, trung dạ phủ chẩm, thế tứ giao di, tâm phúc như đảo. Thường dĩ vị năng thực nhục tẩm bì, nhứ can ẩm huyết vi hận dã. Tuy dư chi bách thân, cao ư thảo dã ; dư chi thiên thi, khỏa ư mã cách, diệc nguyện vi chi.

Nhữ đẳng cửu cư môn hạ, chưởng ác binh quyền. Vô y giả tắc ý chi dĩ y ; vô thực giả tắc tự chi dĩ thực. Quan ti giả tắc thiên kỳ tước ; lộc bạc giả tắc cấp kỳ bổng. Thủy hành cấp chu ; lục hành cấp mã. Ủy chi dĩ binh tắc sinh tử đồng kỳ sở vi ; tiến chi tại tẩm, tắc tiếu ngữ đồng kỳ sở lạc. Kỳ thị Công Kiên chi vi thiên tì, Ngột Lang chi vi phó nhị, diệc vị hạ nhĩ.

Nhữ đẳng tọa thị chủ nhục, tằng bất vi ưu ; thân đương quốc sỉ, tằng bất vi quý. Vi bang quốc[5*] chi tướng, thị lập di tù nhi vô phẫn tâm ; thính thái thường chi nhạc, yến hưởng ngụy sứ nhi vô nộ sắc. Hoặc đấu kê dĩ vi lạc ; hoặc đổ bác dĩ vi ngu. Hoặc sự điền viên dĩ dưỡng kỳ gia ; hoặc luyến thê tử dĩ tư ư kỷ. Tu sinh sản chi nghiệp nhi vong quân quốc chi vụ ; tứ điền liệp chi du, nhi đãi công thủ chi tập. Hoặc cam mỹ tửu ; hoặc thị dâm thanh. Thoát hữu Mông Thát chi khấu lai, hùng kê chi cự, bất túc dĩ xuyên lỗ giáp ; đổ bác chi thuật, bất túc dĩ thi quân mưu. Điền viên chi phú, bất túc dĩ thục thiên kim chi khu ; thê noa chi lụy, bất túc dĩ sung quân quốc chi dụng. Sinh

sản chi đa, bất túc dĩ cấu lỗ thủ ; liệp khuyển chi lực, bất túc dĩ khu tặc chúng. Mỹ tửu bất túc dĩ trấm lỗ quân ; dâm thanh bất túc dĩ lung lỗ nhĩ. Đương thử chi thời, ngã gia thần chủ tựu phọc, thậm khả thống tai ! Bất duy dư chi thái ấp bị tước, nhi nhữ đẳng chi bổng lộc diệc vi tha nhân chi sở hữu ; bất duy dư chi gia tiểu bị khu, nhi nhữ đẳng chi thê noa diệc vi tha nhân chi sở lỗ ; bất duy dư chi tổ tông xã tắc, vi tha nhân chi sở tiễn xâm, nhi nhữ đẳng chi phụ mẫu phần mộ, diệc vi tha nhân chi sở phát quật ; bất duy dư chi kim sinh thụ nhục, tuy bách thế chi hạ, xú danh nan tẩy, ác thụy trường tồn, nhi nhữ đẳng chi gia thanh, diệc bất miễn danh vi bại tướng hĩ ! Đương thử chi thời, nhữ đẳng tuy dục tứ kỳ ngu lạc, đắc hồ ?

Kim dư minh cáo nhữ đẳng, đương dĩ thố hỏa tích tân vi nguy ; đương dĩ trừng canh xuy tê vi giới. Huấn luyện sĩ tốt ; tập nhĩ cung thỉ. Sử nhân nhân Bàng Mông ; gia gia Hậu Nghệ. Cưu Tất Liệt chi đầu ư khuyết hạ ; hủ Vân nam chi nhục ư cảo nhai. Bất duy dư chi thái ấp vĩnh vi thanh chiên, nhi nhữ đẳng chi bổng lộc diệc chung thân chi thụ tứ ; bất duy dư chi gia tiểu đắc an sàng nhục, nhi nhữ đẳng chi thê noa diệc bách niên chi giai lão ; bất duy dư chi tông miếu vạn thế hưởng tự [6*], nhi nhữ đẳng chi tổ phụ diệc xuân thu chi huyết thực ; bất duy dư chi kim sinh đắc chí, nhi nhữ đẳng bách thế chi hạ, phương danh bất hủ ; bất duy dư chi mỹ thụy vĩnh thùy, nhi nhữ đẳng chi tính danh diệc di phương ư thanh sử hĩ. Đương thử chi thời, nhữ đẳng tuy dục bất vi ngu lạc, đắc hồ !

Kim dư lịch tuyển chư gia binh pháp vi nhất thư, danh viết *Binh thư yếu lược*. Nhữ đẳng hoặc năng chuyên tập thị thư, thụ dư giáo hối, thị túc thế chi thần chủ dã ; hoặc bạo khí thị thư, vi dư giáo hối, thị túc thế chi cừu thù dã. Hà tắc ? Mông Thát [7*] nãi bất cộng đái thiên chi thù, nhữ đẳng ký điềm nhiên bất dĩ tuyết sỉ vi niệm, bất dĩ trừ hung vi tâm, nhi hựu bất giáo sĩ tốt, thị đảo qua nghênh hàng, không quyền thụ địch ; sử bình lỗ chi hậu, vạn thế di tu, thượng hữu hà diện mục lập ư thiên địa phú tái chi gian da ? Cố dục nhữ đẳng minh tri dư tâm, nhân bút dĩ hịch vân.

DỊCH NGHĨA :

HỊCH TƯỚNG SĨ

Ta thường nghe : Kỷ Tín (1) đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế ; Do Vu (2) chìa lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương. Dự Nhượng (3) nuốt than, báo thù cho chủ ; Thân Khoái (4) chặt tay cứu nạn cho nước. Kính Đức (5) một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung ; Cảo Khanh (6) một bầy tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước, đời nào chẳng có ? Ví thử mấy người đó cứ khư khư theo thói nhi nữ thường tình thì cũng đến chết hoài ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách cùng trời đất muôn đời bất hủ được ?

Các ngươi vốn dòng võ tướng, không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy nửa tin nửa ngờ. Thôi việc đời trước hẵng tạm không bàn. Nay ta lấy chuyện Tống, Nguyên mà nói : Vương Công Kiên (7) là người thế nào ? Nguyễn Văn Lập tỳ tướng của ông lại là người thế nào ? Vậy mà đem thành Điếu-ngư (8) lớn tày cái đấu đương đầu với quân Mông Kha (9) đường đường trăm vạn, khiến cho sinh linh nhà Tống, đến nay còn đội ơn sâu ! Cốt-đãi-ngột-lang (10) là người thế nào ? Xích-tu-tư (11) tỳ tướng của ông lại là người thế nào ? Vậy mà xông vào chốn lam chướng xa xôi muôn dặm, đánh quỵ quân Nam-chiếu (12) trong khoảng vài tuần, khiến cho quân trưởng người Thát đến nay còn lưu tiếng tốt !

Huống chi, ta cùng các ngươi sinh ra phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan. Lén nhìn sứ ngụy đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn tấc lưỡi cú diều mà lăng nhục triều đình ; đem tấm thân dê chó mà khinh rẻ tổ phụ. Ỷ mệnh Hốt Tất Liệt (13) mà đòi ngọc lụa, để phụng sự lòng tham không cùng ; khoác hiệu Vân nam vương (14) mà hạch bạc vàng, để vét kiệt của kho có hạn. Thật khác nào đem thịt ném cho hổ đói, tránh sao khỏi tai họa về sau.

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa ; chỉ giận chưa thể xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù ; dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thây ta bọc trong da ngựa (15), cũng nguyện xin làm.

Các ngươi ở lâu dưới trướng, nắm giữ binh quyền, không có mặc thì ta cho áo ; không có ăn thì ta cho cơm. Quan thấp thì ta thăng tước ; lộc ít thì ta cấp lương. Đi thủy thì ta cho thuyền ; đi bộ thì ta cho ngựa. Lâm trận mạc thì cùng nhau sống chết ; được nhàn hạ thì cùng nhau vui cười. So với Công Kiên đãi kẻ tỳ tướng, Ngột-lang đãi người phụ tá nào có kém gì ?

Nay các ngươi ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo ; thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình đứng hầu quân man mà không biết tức ; nghe nhạc thái thường (16) đãi yến sứ ngụy mà không biết căm. Có kẻ lấy việc chọi gà làm vui ; có kẻ lấy việc cờ bạc làm thích. Có kẻ chăm lo vườn ruộng để cung phụng gia đình ; có kẻ quyến luyến vợ con để thỏa lòng vị kỷ. Có kẻ tính đường sản nghiệp mà quên việc nước ; có kẻ ham trò săn bắn mà trễ việc quân. Có kẻ thích rượu ngon ; có kẻ mê giọng nhảm. Nếu bất chợt có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không đủ đâm thủng áo giáp của giặc ; mẹo cờ bạc không đủ thi hành mưu lược nhà binh. Vườn ruộng nhiều không chuộc nổi tấm thân ngàn vàng ; vợ con bận không ích gì cho việc quân quốc. Tiền của dẫu lắm không mua được đầu giặc ; chó săn tuy hay không đuổi được quân thù. Chén rượu ngọt ngon không làm giặc say chết ; giọng hát réo rắt không làm giặc điếc tai. Lúc bấy giờ chúa tôi nhà ta cùng bị bắt, đau xót biết chừng nào ! Chẳng những thái ấp (17) của ta không còn mà bổng lộc các ngươi cũng thuộc về tay kẻ khác ; chẳng những gia quyến của ta bị đuổi mà vợ con các ngươi cũng bị kẻ khác bắt đi ; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị kẻ khác giày xéo mà phần mộ cha ông các ngươi cũng bị kẻ khác bới đào ; chẳng

những thân ta kiếp này chịu nhục đến trăm năm sau tiếng nhơ khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà gia thanh các ngươi cũng không khỏi mang danh là tướng bại trận. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi muốn vui chơi thỏa thích, phỏng có được chăng?

Nay ta bảo thật các ngươi: nên lấy việc «đặt mồi lửa dưới đống củi nỏ» (18) làm nguy; nên lấy điều «kiềng canh nóng mà thổi rau nguội» (19) làm sợ. Phải huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên, khiến cho ai nấy đều giỏi như Bàng Mông (20), mọi người đều tài như Hậu Nghệ (21), có thể bêu đầu Hốt Tất Liệt dưới cửa khuyết, làm rữa thịt Vân nam vương ở Cảo-nhai (22). Như thế chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền (23) mà bổng lộc các ngươi cũng suốt đời tận hưởng; chẳng những gia thuộc ta được ấm êm giường nệm, mà vợ con các ngươi cũng trăm tuổi sum vầy; chẳng những tông miếu ta được hương khói nghìn thu mà tổ tiên các ngươi cũng bốn mùa thờ cúng; chẳng những thân ta kiếp này thỏa chí, mà đến các ngươi, trăm đời sau còn để tiếng thơm; chẳng những thụy hiệu ta không hề mai một, mà tên họ các ngươi cũng sử sách lưu truyền. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi không muốn vui chơi, phỏng có được không?

Nay ta chọn lọc binh pháp các nhà hợp thành một quyển, gọi là *Binh thư yếu lược*. Nếu các ngươi biết chuyên tập sách này, theo lời ta dạy bảo, thì trọn đời là thần tử; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời ta dạy bảo thì trọn đời là nghịch thù.

Vì sao vậy? Giặc Mông Thát với ta là kẻ thù không đội trời chung, mà các ngươi cứ điềm nhiên không muốn rửa nhục, không lo trừ hung, lại không dạy quân sĩ, chẳng khác nào quay mũi giáo mà xin đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc. Nếu vậy, rồi đây, sau khi dẹp yên nghịch tặc (24), để thẹn muôn đời, há còn mặt mũi nào đứng trong cõi trời che đất chở này nữa?

Cho nên ta viết bài hịch này để các ngươi hiểu rõ bụng ta.

HUỆ CHI

(Dịch lại trên cơ sở các bản dịch cũ) (25)

KHẢO ĐÍNH

CÁC DỊ BẢN: ĐVSKTT, HVVT

1° ĐVSKTT không ghi đầu đề bài hịch. HVVT: *Trần Hưng Đạo đại vương dụ chư tỳ tướng hịch văn* 陳興道大王諭諸裨將檄文. Chúng tôi lược gọn lại.

2° ĐVSKTT: *tai* 哉

3° HVVT: *xích* 斥 . ĐVSKTT: *cân* 斤 . Hai chữ gần giống nhau nhưng không rõ sách nào chép nhầm, vì theo Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm trong *Cuộc kháng chiến chống Nguyên-Mông* thì chưa có tài liệu nào cho biết về tên tướng Mông-cổ này và cũng không thể khôi phục lại tên Mông-cổ.

4° HVVT: không có chữ *hậu* 後

5° ĐVSKTT: *Trung-quốc* 中國

6° ĐVSKTT: *tự hưởng* 祀享

7° HVVT không có chữ *Mông Thát* 蒙韃

CHÚ THÍCH :

(1) *Kỷ Tín :* một tướng của Hán Cao Tổ 漢高祖. Khi Hán Cao Tổ bị Hạng Vũ 項羽 vây ở Huỳnh dương 陽, Kỷ Tín giả làm Hán Cao Tổ ra hàng, bị Hạng Vũ thiêu chết. Hán Cao Tổ nhờ đó trốn thoát.

(2) *Do Vu :* Tướng của Sở Chiêu Vương 楚昭王 thời Xuân thu. Theo *Tả truyện* 左傳 Sở Chiêu Vương bị nước Ngô 吳 đánh phải lánh sang phương Đông, một đêm bị cướp vây đánh. Do Vu đã chìa lưng ra che chở cho vua mình.

(3) *Dự Nhượng :* gia thần của Trí Bá 智伯 thời Chiến quốc. Trí Bá bị Triệu Tương Tử 趙襄子 giết chết, Dự Nhượng bèn nuốt than cho khác giọng đi, giả làm hành khất, mưu giết Tương Tử để báo thù cho chủ.

(4) *Thân Khoái :* viên quan giữ ao cá của Tề Trang Công 齊莊公 thời Xuân thu. Trang Công bị Thôi Trữ 催杼 giết, Thân Khoái bèn chết theo chủ.

(5) *Kính Đức :* tức Uất Trì Cung 鬱遲宮 đời Đường. Khi Đường Thái Tông 唐太宗 (bấy giờ còn là Tần Vương 秦王) bị Vương Thế Sung 王世充 vây, ông đã lấy mình che chở, hộ vệ cho vua chạy thoát.

(6) *Cảo Khanh :* họ Nhan 顏, bề tôi của nhà Đường. Khi An Lộc Sơn nổi loạn, đánh đuổi Đường Huyền Tông 唐玄宗 ông đã chửi mắng Lộc Sơn và bị cắt lưỡi.

(7) *Vương Công Kiên :* tức Vương Kiên 王堅 tướng nhà Tống, giữ Hợp-châu 合州 (Tứ-xuyên 四川), đã huy động quân dân chiến đấu ở núi Điếu-ngư 釣魚, cầm cự với đạo quân Mông-cổ do Môngke (Mongka, phiên âm Hán Việt là Mông Kha) chỉ huy, trong 4 tháng trời. Đến khi Môngke chết, quân Mông-cổ đành phải rút.

(8) *Điếu-ngư :* tên một trái núi rất hiểm trở ở Tứ-xuyên, ba mặt nhìn xuống sông. Đời Tống 宋 Dư Giới 余玠 có đắp thành ở đó.

(9) *Mông Kha :* tức Môngke (Mongka) là anh của Hốt Tất Liệt (Qubilai), làm Đại hãn (chúa tể) Mông-cổ từ năm 1251, từng trực tiếp chỉ huy cuộc viễn chinh sang Trung-quốc 中國 và các nước ở phía Đông. Chính y bị tử trận ở thành Điếu-ngư trong cuộc vây hãm đội quân nhà Tống do Vương Công Kiên chỉ huy.

(10) (12) *Cốt-đãi-ngột-lang :* tức Uryangkhađai (Uriyangqadai), là một tướng giỏi của Môngke con viên tướng nổi tiếng Nubutai (Subutai). Uryangkhađai từng nhận lệnh Môngke, cùng với Hốt Tất Liệt đánh chiếm nước Nam-chiếu 南詔, một nước ở vào khoảng giữa hai tỉnh Tứ-xuyên và Vân-nam 雲南 thủ đô là Đại-lý 大理 (Vân-nam). Uryangkhađai cũng chính là viên tướng chỉ huy đạo quân xâm lược Việt-nam lần thứ nhất (1258).

(11) *Xích-tu-tư :* Xem *Khảo đính* 3, cùng bài.

(13) *Hốt tất liệt :* tức Khubilai (Qubilai), em ruột và là tướng của Môngke. Sau khi Môngke chết (1259), Hốt Tất Liệt đã tự xưng làm Đại hãn ở Khai-bình, tổ chức cuộc nội chiến tranh giành ngôi báu với em ruột là Aric Bukê (Ariq-Buka). Năm 1264, Aric Bukê đầu hàng, Hốt Tất Liệt bèn dời đô về Yên-kinh 燕京, tức Bắc-kinh ngày nay và đến năm 1271 thì đặt quốc hiệu là Nguyên 元. Hốt Tất Liệt chính là Nguyên Thế Tổ 元世祖.

(14) *Vân nam vương :* tức Hughêtư (Hugaci) con Hốt Tất Liệt, được phong làm Vân nam vương năm 1267, đóng quân ở Vân-nam với nhiệm vụ khống chế các dân tộc thiểu số vùng này cũng như làm áp lực quân sự đối với nước ta lúc bấy giờ.

(15) *Nghìn thây ta bọc trong da ngựa ;* lấy ý ở câu nói của Mã Viện 馬援 đời Hán 漢 (trong *Hậu Hán thư* 後漢書) 大丈夫當死於疆場以馬革裹屍耳 *Đại trượng phu đương tử ư cương trường, dĩ mã cách khỏa thi nhĩ.* Nghĩa là : Bậc đại trượng phu nên chết ở giữa chiến trường, lấy da ngựa mà bọc thây.

(16) *Nhạc thái thường:* nhạc của triều đình dùng trong những tế lễ quan trọng ở tông miếu. Bấy giờ là thời kỳ ngoại giao giữa ta và quân Nguyên, trong những tiệc yến tiếp sứ giặc, triều đình phải dùng đến nhạc thái thường để giúp vui. Trần Quốc Tuấn coi đó là một điều nhục nhã.

(17) *Thái ấp:* phần đất vua phong cho các vương hầu.

(18) *Đặt mồi lửa dưới đống củi nỏ* (thố hỏa tích tân), lấy từ một câu văn của *Hán thư.* 夫抱火厝之積薪之下而寢其上；火未及燃因謂之安 *Phù bão hỏa, thố chi tích tân chi hạ nhi tẩm kỳ thượng; hỏa vị cập nhiên nhân vị chi an,* nghĩa là: « ôm mồi lửa đặt dưới đống củi rồi nằm lên trên, lửa chưa kịp cháy vẫn cho là yên ».

(19) *Kiềng canh nóng mà thổi rau nguội* (trừng canh xuy tê): xuất xứ từ một câu văn của *Sở từ* 楚辭：懲於羹而吹虀兮 *Trừng ư canh nhi xuy tê hề;* ý nói: người bị bỏng vì canh nóng, trong lòng e sợ, dù gặp rau nguội đi nữa, cũng lấy miệng thổi.

(20) (21) *Bàng Mông, Hậu Nghệ:* hai nhân vật bắn cung giỏi trong thần thoại Trung-quốc.

(22) *Cảo-nhai:* nơi trú ngụ của các vua « chư hầu » khi vào chầu vua Hán ở Trường-an.

(23) *Mãi mãi vững bền:* dịch thoát câu *vĩnh vi thanh chiên;* Sách *Thế thuyết* 世說 chép rằng: Vương Tử Kính 王子敬 đêm nằm ngủ ở trai phòng thấy một bọn trộm lẻn vào nhà, trộm hết mọi vật. Ông từ tốn nói với chúng: cái nệm xanh (thanh chiên) này là đồ cũ của nhà ta, các ngươi đừng lấy. Tác giả mượn điển này để nói bóng về những của cải lưu truyền từ đời nọ đến đời kia.

(24) Nguyên văn là *Bình lỗ chi hậu.* Bản dịch của Trần Trọng Kim cũng như bản chú thích của Dương Quảng Hàm trong *Việt-nam thi văn hợp tuyển,* 1942, đều cho Bình-lỗ là tên đất. Bùi Văn Nguyên cũng ức đoán Bình lỗ tức là vùng Phù-lỗ thuộc huyện Kim-anh, tỉnh Vĩnh-phú ngày nay. Nhưng chúng tôi tán thành cách dịch của Ngô Tất Tố, Phan Kế Bính... coi đây là một từ chỉ việc bình định giặc nói chung.

(25) Bản dịch này có tham khảo và chọn lọc câu chữ ở các bài dịch trong quá khứ của Trần Trọng Kim (*Việt-nam sử lược*), Ngô Tất Tố (VHĐT, 1940), Nguyễn Đổng Chi (VNCVHS1, 1941), Chu Thiên (*Chống quân Nguyên,* 1957), Bùi Văn Nguyên (HTTVVN2, 1962), Cao Huy Giu (Bd, ĐVSKTT2, 1967), Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm (*Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông,* 1967).

*

140

答國王賊勢之問

我國太平日久。民不知兵。是以前年元人入寇。或有降避。賴祖宗威靈。陛下神武。克清胡塵。彼若又來。我士習於攻戰。彼軍憚於遠行。且懲恒。瓘之敗。無有鬭心。以臣觀之。破彼必矣。

PHIÊN ÂM :

ĐÁP QUỐC VƯƠNG TẶC THẾ CHI VẤN

Ngã quốc thái bình nhật cửu, dân bất tri binh. Thị dĩ tiền niên Nguyên nhân nhập khấu, hoặc hữu hàng, tỵ. Lại tổ tông uy linh, bệ hạ thần vũ, khắc thanh Hồ trần. Bỉ nhược hựu lai, ngã sĩ tập ư công chiến. Bỉ quân đạn ư viễn hành, thả trừng Hằng, Quán chi bại, vô hữu đấu tâm. Dĩ thần quan chi, phá bỉ tất hỹ.

DỊCH NGHĨA :

TRẢ LỜI NHÀ VUA HỎI VỀ THẾ GIẶC (1)

Nước ta thái bình đã lâu ngày, dân không biết đến việc binh, vì thế năm trước quân Nguyên vào cướp phá, cũng còn có kẻ đầu hàng hoặc trốn tránh. May nhờ uy linh của tổ tông và võ lực thần thông của bệ hạ nên đã quét sạch được bụi Hồ. Nếu nay bọn chúng lại sang thì quân lính của ta đã quen chiến trận, mà quân lính của chúng thì sợ phải đi xa, hơn nữa lại đã chờn về thất bại của Hằng và Quán (2), nên không còn lòng nào chiến đấu nữa. Cứ ý thần xem ra thì đánh thắng chúng là điều cầm chắc vậy.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, Q. V, tháng Ba năm Bính tuất (1286), sau cuộc kháng chiến chống Nguyên lần thứ hai thắng lợi, giặc Nguyên lại rục rịch chiêu tập binh mã sang đánh báo thù. Tháng Sáu năm đó, vua Trần Nhân Tông 陳仁宗 hỏi Trần Quốc Tuấn: 今年賊世何如 *Kim niên tặc thế hà như?* Nghĩa là: «năm nay thế giặc thế nào?» Ông đã trả lời vua mấy lời trên.

(2) *Hằng và Quán*: tức Lý Hằng 李恒 tướng quân Nguyên, và Lý Quán 李瓘 tỳ tướng của Hằng. Cả hai viên tướng này đều bị giết ở biên giới Đông bắc nước ta trong khi bảo vệ cho Thoát Hoan mở đường máu rút chạy về châu Tư-minh 思明

kết thúc cuộc xâm lược lần thứ hai của chúng. Tuy nhiên đó là theo ĐVVKTT. Gần đây Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm, trong *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên-Mông* lại cho biết, trong nhiều sách sử của Trung-quốc chép về trận này, không hề có tên *Lý* Quán. Theo Yamamoto trong *An-nam sử nghiên cứu* 安南史研究 thì câu nói trên của Trần Quốc Tuấn là nhằm nói đến Lý Hằng và Thoát Hoan (tức Tôgan: Toyan), vì chữ Hoan 驩 gần giống chữ Quán 瓘 nên ĐVVKTT đã chép nhầm.

*

141

臨終遺囑

昔趙武立國漢帝加兵。小民清野。大軍出廉欽擊長沙。短兵覆後。此一時也。丁黎之世拔得賢良。南地新強。北方疲弱。上下同欲。民心不離。築平虜城而破宋軍。此一時耳。李帝開基。宋侵地界。用李常傑攻欽廉。累至梅嶺。有其勢也。

昨者唆都烏馬兒四面包圍。君臣同心。兄弟和睦。國家併力。彼自就擒。天使然也。

大槩彼恃長陣。我恃短兵。以短制長。兵法之常也。秪見彼軍偏至。如火如風。其勢易制。若用蠶食緩行。不務民財。不求速勝。則揀用良將。觀其權變。如圍棊然。隨時制宜。收得父子之兵。始可用也。且寬民力。以為深根固柢之計。此守國之上策也。

PHIÊN ÂM:

LÂM CHUNG DI CHÚC

Tích Triệu Vũ lập quốc, Hán đế gia binh, tiểu dân thanh dã. Đại quân xuất Liêm Khâm, kích Trường-sa, đoản binh phúc hậu. Thử nhất thời dã. Đinh Lê chi thế, bạt đắc hiền lương. Nam địa tân cường, Bắc phương bì nhược, thượng hạ đồng dục, dân tâm bất ly, trúc Bình-lỗ thành nhi phá Tống quân. Thử nhất thời nhĩ. Lý đế khai cơ, Tống xâm địa giới, dụng Lý Thường Kiệt công Khâm, Liêm, lũy chí Mai-lĩnh, hữu kỳ thế dã.

Tạc giả Toa Đô, Ô Mã Nhi tứ diện bao vi, quân thần đồng tâm, huynh đệ hòa mục, quốc gia tịnh lực, bỉ tự tựu cầm, thiên sử nhiên dã.

Đại khái bỉ thị thường trận, ngã thị đoản binh, dĩ đoản chế trường, binh pháp chi thường dã. Kỳ kiến bỉ quân biến chí, như hỏa như phong, kỳ thế dị chế. Nhược dụng tàm thực, hoãn hành, bất vụ dân tài, bất cầu tốc thắng, tắc bạt dụng lương tướng, quan kỳ quyền biến, như vi kỳ nhiên, tùy thời chế nghi; thu [1*] đắc phụ tử chi binh, thủy khả dụng dã. Thả khoan dân lực dĩ vi thâm căn cố đế chi kế, thử thủ quốc chi thượng sách dã.

DỊCH NGHĨA:

CĂN DẶN TRƯỚC KHI MẤT (1)

Xưa kia, Triệu Vũ Đế (2) dựng nước, vua Hán đem quân sang đánh, dân chúng bèn làm kế « vườn không nhà trống ». Rồi đại binh kéo sang châu Liêm, châu Khâm (3) đánh vào Trường-sa (4), đoản binh thì tập kích phía sau. Đó là một thời. Đời Đinh, Lê, đề bạt được bậc hiền tài, cõi Nam vừa hùng cường lên mà phương Bắc thì đang mỏi mệt suy yếu. Trên dưới cùng ý nguyện, lòng dân không chia lìa, xây thành Bình-lỗ (5) mà phá được quân Tống. Đó lại là một thời. Nhà Lý vừa mở mang cơ nghiệp, quân Tống đã xâm phạm vào bờ cõi. Bèn dùng Lý Thường Kiệt đề đánh châu Khâm, châu Liêm, mấy lần đến tận Mai-lĩnh (6). Ấy là có cái thế đánh được vậy.

Mới rồi Toa Đô (7) và Ô Mã Nhi (8) bốn mặt bao vây, nhờ vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước dồn sức lại mà bọn chúng đành phải chịu trói, đó cũng là do lòng trời xui nên như vậy.

Tóm lại, giặc cậy trận dài, ta cậy binh ngắn, lấy ngắn chế dài là lẽ thường của binh pháp. Nếu thấy quân giặc đến ồ ạt như lửa to gió táp thì đó là tình thế dễ chế ngự. Nếu chúng dùng lối tằm ăn lá, hành binh dần dà, không ham của dân, không cốt thắng mau, thì phải kén dùng tướng giỏi, liệu xem quyền biến, giống như đánh cờ, phải tùy tình thế mà đưa nước chống cho thích hợp. Phải gây dựng được một «đội quân cha con» rồi mới có thể sử dụng được. Vả lại, khoan sức cho dân đề làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy.

HUỆ CHI

KHẢO ĐÍNH:

VĂN BẢN KHẢO ĐÍNH: ĐVSKTT

1* ĐVSKTT 攸, có lẽ là chữ *thu* khắc nhầm 收. Tạm chữa lại.

CHÚ THÍCH:

1) Đầu đề do chúng tôi thêm. ĐVTKTT, Q. VI, chép rằng, ngày 24 tháng Sáu năm Canh tý (1300) Trần Quốc Tuấn ốm nặng, vua Trần Anh Tông đến tận nhà riêng ở Vạn-kiếp đề thăm, nhân đó vua hỏi ông: 如有不諱北冦來侵其策安在。 *Như hữu bất húy Bắc khấu lai xâm, kỳ sách an tại?*; nghĩa là: « Nếu như không may ông chết mà giặc Bắc lại sang xâm lăng thì kế sách làm sao? ». Trần Quốc Tuấn đã trả lời bằng đoạn văn trên.

(2) *Triệu Vũ Đế:* (208 TCN—137 TCN), tức Triệu Đà 趙陀; xem Cht. 2, bài *Đinh Tiên Hoàng luận*, số 121, của Lê Văn Hưu.

(3) *Châu Liêm, Châu Khâm:* hai châu (phủ) của Trung-quốc, đều thuộc tỉnh Quảng-đông

(4) *Trường-sa:* tên huyện, thuộc tỉnh Hồ-nam 湖南 Trung-quốc.

(5) *Bình-Lỗ: Dư địa chí* 輿地誌 của Nguyễn Trãi 阮廌 chép: nhà Lý vét đào sông Bình-lỗ để tiện đi lại trên đất Thái-nguyên 太原, VSTGCM, Q. VIII, chú rằng sông Bình-lỗ có lẽ thuộc đất Thái-nguyên, Bd. ĐVSKTT Tập 2, đoán Bình-lỗ ở khoảng sông Như-nguyệt 如月 vì Lê Đại Hành 黎大行 chặn quân Tống ở sông Như-nguyệt và nhà Lý cũng đắp lũy ở đấy để chặn quân Tống. Nhưng theo nhiều nhà nghiên cứu gần đây thì Bình-lỗ hồi xưa chính là Phù-lỗ , thuộc huyện Kim-anh tỉnh Vĩnh-phú ngày nay.

(6) *Mai lĩnh:* tức đèo Đại-dũ 大庾, ở phía Nam huyện Đại-dũ 大庾 tỉnh Giang-tây 江西 nối Quảng-đông 廣東 với Quảng-tây 廣西. Thật ra theo sử chép thì Lý Thường Kiệt không từng đánh đến Mai-lĩnh.

(7) *Toa Đô:* tức Xôghètu (Sogatu), một viên tướng Mông-cổ, được Hốt Tất Liệt cử sang xâm lược Chiêm-thành 占城 và Đại-việt. Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai của quân và dân ta, y bị chém chết.

(8) *Ô Mã Nhi:* tức Ôma Batu (Omar b'atu) một viên tướng dưới trướng Thoát Hoan, từng hai lần sang xâm lược Đại-việt, sau bị quân dân ta bắt sống, và dìm chết.

*

TRẦN HOẢNG
陳晃
THÁNH TÔNG
聖宗
240 — 1290

Ông là con trưởng Trần Thái Tông 陳太宗, sinh ngày 25 tháng Chín năm Canh tý, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình 天應正平 thứ chín (13-X-1240), lên ngôi tháng Hai năm Mậu ngọ (1258), mất ngày 25 tháng Năm năm Canh dần (3-VI-1290).

Trong 21 năm ở ngôi, Thánh Tông đã biết sử dụng nhân tài, chăm lo việc nước. Ông đã thực hành đường lối ngoại giao mềm dẻo nhưng không kém phần kiên quyết để đối phó với mưu đồ xâm lược của nhà Nguyên. Khi không tránh khỏi chiến tranh, ông đã có sáng kiến triệu tập hội nghị Diên-hồng 延洪, phát động tinh thần yêu nước «sát Thát» của toàn dân. Cùng với con là Trần Nhân Tông 陳仁宗, ông trực tiếp tham gia lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ hai và ba, góp phần không nhỏ vào các chiến thắng lịch sử năm 1285 và 1288, bẻ gẫy ý đồ xâm lược của kẻ thù. Sau đó, ông về ở Bắc cung rồi đi tu, chuyên tâm nghiên cứu đạo Phật và viết sách.

Thánh Tông là người yêu thích và giỏi thơ văn. Thơ ông giàu chất trữ tình, kết hợp nhuần nhị giữa tinh thần tự hào về đất nước, về dân tộc của người chiến thắng, với tình yêu cuộc sống yên vui, thanh bình, và phong độ ung dung, phóng khoáng của một người biết tự tin, lạc quan. Trong thơ, ông đã xen nhịp ba của thơ dân tộc với nhịp bốn quen thuộc của thơ Đường, tạo nên một nét mới về nhịp điệu thơ và về thơ miêu tả thiên nhiên. Đây là thử nghiệm đầu tiên, mở đầu cho những cuộc cách tân trong thơ ca Việt-nam.

Tác phẩm : theo ĐVSKTT và TĐNL, Trần Hoảng có soạn các tập : *Di hậu lục* 遺後錄, *Cơ cầu lục* 箕裘錄, *Thiền tông liễu ngộ ca* 禪宗了悟歌, *Phóng ngưu* 放牛, *Chỉ giá minh* 祇這銘

Những tác phẩm trên đều đã thất lạc, hiện chỉ còn 7 bài thơ.

*

142

幸安邦府 **HẠNH AN-BANG PHỦ**

朝遊浮雲嶠	Triêu du phù vân kiệu,
暮宿明月灣	Mộ túc minh nguyệt loan.
忽然得佳趣	Hốt nhiên đắc giai thú,
萬象生毫端。	Vạn tượng sinh hào đoan.

DỊCH NGHĨA :

CHƠI PHỦ AN-BANG (1)

Sáng chơi trên ngọn núi có đám mây nổi,
Tối về nghỉ ở eo biển trăng sáng.
Bỗng nhiên được hứng thú hay,
Muôn hình tượng nảy sinh ra đầu ngọn bút.

DỊCH THƠ :

Sớm chơi núi mây nổi,
Đêm nghỉ bến trăng thanh.
Bỗng dưng được thú lạ.
Ngọn bút nảy muôn hình.

PHAN VÕ
(HTTVVN II)

Đầu non mây nổi chơi khi sớm,
Eo biển trăng soi ngủ lại đêm.
Bỗng chốc thấy mình đầy hứng thú,
Thơ tuôn ngọn bút, dạt dào thêm.

NAM TRÂN

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : VATT, TVTL

(1) *An-bang :* tên một lộ thời Trần, tương đương với vùng đất tỉnh Quảng-ninh ngày nay.

*

143

題玄天洞 ĐỀ HUYỀN THIÊN ĐỘNG

雲掩玄天洞 Vân yểm Huyền-thiên động.
煙開玉帝家 Yên khai Ngọc đế gia.
步虛聲寂寂 Bộ hư thanh tịch tịch, 1*
鳥散落山花。 Điểu 2* tán lạc sơn hoa.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ ĐỘNG HUYỀN-THIÊN (1)

Mây che động Huyền-thiên,
Khói tỏa nhà Ngọc đế (2).
Tiếng tụng kinh (3) im ắng,
Chim bay tán loạn làm rụng hoa núi.

DỊCH THƠ :

Mây che mờ mịt Huyền-thiên động,
Khói tỏa long lanh điện Ngọc hoàng.
Tiếng kệ câu kinh sao vắng vẻ,
Chim bay tan tác rụng hoa ngàn.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3

1* TVTL2, TVTL3 : *tịch mịch* 寂寞
2* TVTL2, TVTL3 : *mã* 馬

CHÚ THÍCH :

(1) *Huyền-thiên* : theo *Công dư tiệp ký* 公餘捷記, động ở trên dãy núi thuộc xã Kiệt đặc 傑特, huyện Chí-linh 至靈, nay thuộc tỉnh Hải-hưng. Đời Trần, đạo sĩ Huyền Vân 玄雲 tu ở đấy nên vua đặt tên là động Huyền-thiên.

(2) *Ngọc đế* : Ngọc hoàng thượng đế.

(3) *Tiếng tụng kinh* (bộ hư thanh) : sách *Dị uyển* 異苑 chép : Trần Tư Vương 陳思王 đi chơi núi, chợt nghe trên không có tiếng tụng kinh âm vang trong trẻo. Người giỏi về âm luật bắt chước tiếng ấy miêu tả ra gọi là *thần thiên thanh*. Sau các đạo sĩ cũng theo đó mà gọi là *bộ hư thanh*. Ở đây, tác giả dùng « bộ hư thanh » để chỉ tiếng tụng kinh.

*

144

和慧忠上士 HỌA TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ

明明常自在 Minh minh thường tự tại,
亦揑目作怪 Diệc niết mục tác quái.
見怪不見怪 Kiến quái bất kiến quái,
其怪悉自壞。 Kỳ quái tất tự hoại.

DỊCH NGHĨA :

HỌA THƠ THƯỢNG SĨ TUỆ TRUNG (1)

Sự sáng suốt vốn là ở nơi mình,
Cũng dụi mắt làm thành quái dị.
Nhưng thấy quái dị mà không coi là quái dị,
Thì điều quái dị kia tự nó mất đi.

DỊCH THƠ :

Sáng suốt thường tự tại,
Cũng dụi mắt làm quái.
Thấy quái không thấy quái,
Quái kia liền tự hoại.

TRÚC THIÊN
(Bd. *TSNL*)

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TSNL.

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Bài thơ này rút từ bài *Thượng sĩ hành trạng* 上士行狀 của Trần Nhân Tông trong TSNL. Theo Trần Nhân Tông, đây là bài họa lại một bài tụng của Tuệ Trung Thượng sĩ làm trong lễ chay cầu siêu cho hoàng hậu vợ của Thánh Tông và là em gái ruột của Tuệ Trung. Xem thêm bài *Thượng sĩ hành trạng* số **207**, của Trần Khâm. Tuệ Trung Thượng sĩ tức Trần Tung (xem thêm tiểu sử Trần Tung trong cùng tập).

*

145

宮園春日憶舊

CUNG VIÊN XUÂN NHẬT ỨC CỰU

宮門半掩徑生苔
白晝沈沈少往來
萬紫千紅空爛熳
春花如許為誰開。

Cung [1*] môn bán [2*] yềm kính sinh đài,
Bạch trú trầm trầm thiểu vãng lai.
Vạn tử thiên hồng không lạn mạn, [3*]
Xuân hoa như hứa [4*] vị thùy khai?

DỊCH NGHĨA:

NGÀY XUÂN TRONG VƯỜN NGỰ NHỚ NGƯỜI CŨ

Cửa cung khép hờ, lối đi rêu mọc,
Giữa ban ngày mà sâu lặng, ít người qua lại.
Muôn tía nghìn hồng rực rỡ suông mà thôi,
Hoa xuân đẹp như kia vì ai mà nở?

DỊCH THƠ:

Cửa ngõ lờ mờ dấu bụi rêu,
Chìm chìm ngày bạc vẻ đìu hiu.
Đầy vườn rực rỡ hồng chen tía,
Hoa khéo vì ai vẫn nở nhiều.

NGÔ TẤT TỐ
(VHĐT)

Cửa cung nửa khép, đường rêu phủ,
Ngày lặng đìu hiu vắng bóng người.
Muôn tía nghìn hồng đua rực rỡ,
Hoa xuân dường ấy nở vì ai?

NAM TRÂN

KHẢO ĐÍNH:

CÁC DỊ BẢN: VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3.

1* TVTL1, TVTL2, TVTL3: *không* 空
2* TVTL2, TVTL3: *trần* 塵
3* TVTL2, TVTL3: *mạn lạn* 熳爛
4* VATT: *vô chủ* 無主

146

夏景

HẠ CẢNH

窈窕華堂晝影長	Yểu điệu hoa đường trú ảnh trường.
荷花吹起北窗涼	Hà hoa xuy khởi Bắc song [1*] lương.
園林雨過綠成幄	Viên lâm vũ quá lục thành ác,
三兩蟬聲鬧夕陽。	Tam lưỡng thiền thanh náo tịch dương.

DỊCH NGHĨA :

CẢNH MÙA HÈ

Nhà hoa thăm thẳm, bóng ngày rủ dài,
Hoa sen đưa hương mát đến cửa sổ phía Bắc.
Vườn rừng sau mưa trở thành tấm màn biếc,
Vài ba tiếng ve khua rộn bóng chiều.

DỊCH THƠ :

Bóng ác ngày dài dãi gác hoa,
Nhị sen đưa mát trước song qua.
Sau mưa cây cỏ buông màn biếc,
Vài tiếng ve kêu rộn bóng tà.

ĐINH VĂN CHẤP
(Tạp chí *Nam phong*)

Ngày dài, thăm thẳm bóng nhà hoa,
Song Bắc mùi sen gió thoảng qua.
Mưa tạnh, rừng cây màn biếc rủ,
Ve kêu vài tiếng rộn chiều tà.

HUỆ CHI

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT

1* TVTL2, TVTL3 : *phong*

*

147-148

讀大慧語錄有感

ĐỘC ĐẠI TUỆ NGỮ LỤC HỮU CẢM

一

打瓦鑽龜三十年
幾回汗出為參禪
一朝識破娘生面
鼻孔元來沒半邊

I

Đả ngõa toàn quy tam thập niên,
Kỷ hồi hãn xuất vị tham thiền.
Nhất triêu thức phá nương sinh diện,
Tỵ khổng[1*] nguyên lai một bán biên.

二

眼前無色耳無聲
一片心頭自打成
聲色不干唇舌外
任他剝報與都丁。

II

Nhãn tiền vô sắc nhĩ vô thanh,
Nhất phiến tâm đầu tự đả thành.
Thanh sắc bất can thần thiệt ngoại,
Nhậm tha bác báo dữ đô đinh.

DỊCH NGHĨA:

CẢM XÚC KHI ĐỌC ĐẠI TUỆ NGỮ LỤC (1)

I

Ba mươi năm dùi rùa đập ngói (2),
Mấy lần toát mồ hôi vì tham cứu đạo Thiền.
Một sớm bỗng thấy hết được khuôn mặt của mẹ (3),
Thì ra khuôn mặt ấy chỉ có một nửa.

II

Trước mắt không có màu sắc, bên tai không có âm thanh,
Cái tâm của mình tự cho là có đấy thôi.
Thanh và sắc không can dự tới, đã ở ngoài môi và lưỡi.
Mặc cho chúng «bác» hay «báo», «đô» hay «dinh» (4).

DỊCH THƠ:

I

Đập ngói dùi rùa ba chục niên,
Mồ hôi ướt đẫm bởi tham Thiền.
Một mai nhìn thấu dung nhan mẹ,
Mới biết khuôn trăng khuyết một bên.

II

Mắt tai nào có sắc cùng thanh,
Chỉ một tâm kia tự đúc thành.
Môi lưỡi bỏ ngoài thanh với sắc,
Mặc người « bác bảo » với « đô đinh ».

PHẠM TÚ CHÂU

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : TĐNL1, TĐNL2

1* TĐNL2 : *khổng tỵ* 孔鼻

CHÚ THÍCH :

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm, dựa vào lời ghi trong TĐNL. Bài thơ này cũng rút từ TĐNL. *Đại tuệ ngữ lục* : là một bộ sách Thiền học Trung-quốc, được các nhà Thiền học thời Trần sử dụng khá phổ biến. Hiện chúng tôi chưa rõ tiểu sử tác giả cũng như nội dung tác phẩm.

(2) *Dùi rùa đập ngói* (đả ngõa toản quy) : là nhóm từ thường được dùng như một mô-tip quen thuộc trong văn học Phật giáo thời Lý — Trần. Hàm nghĩa xác định chưa rõ, nhưng có lẽ để chỉ những việc làm khổ công của người học đạo, có thể là việc từ dễ (đập ngói) đến khó (dùi mai rùa), và cũng có thể là những việc làm máy móc vô ích. Ở đây, tác giả dùng với nghĩa thứ hai.

(3) *Khuôn mặt mẹ* (nương sinh diện) : xem Cht. 2, bài *An định thời tiết*, số 84, của Trần Tung.

(4) *Bác báo* và *đô đinh* : tiếng tượng thanh, chưa thật rõ nghĩa.

*

149

自述 — TỰ THUẬT

自從丱角入禪流	Tự tòng quán giốc nhập thiền lưu,
打瓦鑽龜沒外求	Đả ngõa toản quy một ngoại cầu.
認得本來真面目	Nhận đắc bản lai chân diện mục,
到頭何處不休休。	Đáo đầu hà xứ bất hưu hưu.
終日閑彈不調琴	Chung nhật nhàn đàn bất điệu cầm,
閑門無事可關心	Nhàn môn vô sự khả quan tâm.
箇中曲破無人會	Cá trung khúc phá vô nhân hội,
惟有松風和此音	Duy hữu tùng phong họa thử âm.

縱橫不墮有無機
萬法紛紛總不知
喫飯打眠隨處用
更無他事可應為。

Tung hoành bất đọa hữu vô ky (cơ).
Vạn pháp phân phân tổng bất tri.
Khiết phạn đả miên[1*] tùy xứ dụng,
Cánh vô tha sự khả ưng vi.

一彈指破萬重山
這箇工夫也是閑
寒暑到來無所識
未曾分上老人干。

Nhất[2*] đàn chỉ phá vạn trùng sơn,
Giá cá công phu dã thị nhàn.
Hàn thử đáo lai vô sở thức,
Vị tằng phân thượng lão nhân can.

箇中無欠亦無餘
佛也無兮人也無
秋景遠來天外遠
青山雲鎖觜都盧。

Cá trung vô khiếm diệc vô dư,
Phật dã vô hề nhân dã vô.
Thu cảnh viễn lai thiên ngoại viễn,
Thanh sơn vân tỏa chủy Đô-lô[3*].

DỊCH NGHĨA :

TỰ THUẬT [1]

Từ thuở còn để trái đào đã gia nhập dòng Thiền.
Dùi rùa đập ngói [2] không cầu gì khác.
Đã nhận ra được bộ mặt thật vốn có [3],
Thì đến nơi nào mà lòng không thung dung?

Suốt ngày thảnh thơi gảy cây đàn không điệu,
Trong cảnh cửa nhàn, không có việc gì đáng để tâm.
Khúc nhạc trong lòng ta đã hình thành mà không ai biết [4],
Chỉ có gió trên cây tùng là họa được âm thanh ấy.

Tung hoành mà không để rơi cơ hữu vô,
Vạn pháp rối bời đều không biết.
Ăn cơm, đi ngủ đều tùy ý,
Ngoài ra, không có việc gì khác đáng làm.

Một cái búng tay phá được vạn tầng núi,
Công phu ấy cũng dễ dàng thôi.
Lạnh nóng đến cũng không có cái gì để nhận biết,
Một phần cũng chưa từng can dự đến ông già này.

Trong lòng ta không thiếu cũng không thừa,
Phật là không, người cũng là không.
Cảnh thu xa ở ngoài trời xa,
Mây khóa non xanh mặc cái trò đô-lô (5).

ĐỊCH THƠ :

Từ phen để chỏm, nhập làng Thiền,
Đạp ngói dùi rùa dốc chí bền.
Nhận được khuôn trăng như nó có,
Đến đâu mà chẳng thấy hồn nhiên.

Gảy đàn không điệu, trọn ngày nhàn,
Cửa lặng, không còn việc phải toan.
Khúc nhạc trong lòng, không kẻ hiểu,
Hòa âm họa có gió thông ngàn.

Tung hoành không để rớt cơ màu,
Muôn pháp bời bời, thấy biết đâu.
Ngủ đẫy, chén no, tùy ý thích,
Ngoài ra còn có việc gì đâu.

Búng tay phá đổ núi muôn trùng,
Đường ấy công phu cũng nhẹ không,
Lạnh đến, nóng qua không nhận biết,
Mảy may chẳng bận đến thân ông.

Không thiếu không dư ở cõi lòng,
Phật không, người cũng vẫn là không.
Cảnh thu xa lắc, trời xa lắc,
Mây khóa non xanh, mặc ruồi rong.

HUỆ CHI — PHẠM TÚ CHÂU

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : TĐNL1, TĐNL2

1* TĐNL2 : *nhãn* 眼
2* TĐNL2 : *nhị* 二
3* TĐNL2 : *Đô ngu* 都虞

CHÚ THÍCH :

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm, dựa vào lời ghi trong TĐNL. Bài thơ này cũng được rút từ tác phẩm trên. TĐNL cho đây là 5 bài, chúng tôi cho là 5 đoạn của một bài, vì cùng chung một tứ thơ, một chủ đề tư tưởng.

(2) *Dùi rùa dập ngói* : xem chú thích 2, bài *Độc Đại Tuệ ngữ lục hữu cảm* số 147 — 148 cùng tác giả.

(3) *Bộ mặt thật vốn có* (Bản lai chân diện mục) : xem Cht. 5, bài *Kim cương tam muội kinh tự*, số 4, của Trần Cảnh.

(4) Tác giả dùng hình ảnh « khúc nhạc trong lòng ta đã hình thành » để nói lên sự ngộ Thiền màu nhiệm của mình.

(5) *Đô-lô* : hai chữ này *Từ nguyên* 辭源 đưa ra mấy nghĩa : a) Tên một trò chơi đời Hán ; b) Tên một nước ; c) Vật gì thân hình nhẹ, giỏi leo trèo ; d) Vin vào gậy trúc mà lên hay xuống. Theo chúng tôi, ở đây tác giả dùng với nghĩa trò chơi, một cái gì luôn luôn biến diệt thay đổi. Còn chữ *chủy*, chính là *chủy ty* 觜鼻 , nghĩa là coi thường, chả đáng gì.

*

150

讀佛事大明錄有感

ĐỘC PHẬT SỰ ĐẠI MINH LỤC HỮU CẢM

四十餘年一片成
牢關跳出萬重扃
動如空谷風敲響
靜若寒潭月漏明
句裡五玄親透得
路頭十字任縱橫
有人問我何消息
雲在青天水在瓶。

Tứ thập dư niên nhất phiến thành,
Lao quan khiêu xuất vạn trùng quynh.
Động như không cốc phong xao hưởng,
Tĩnh nhược (1*) hàn đàm nguyệt lậu minh.
Cú lý ngũ huyền thân thấu đắc,
Lộ đầu thập tự nhậm tung hoành.
Hữu nhân vấn ngã hà tiêu tức,
Vân tại thanh thiên thủy tại bình.

DỊCH NGHĨA :

CẢM XÚC KHI ĐỌC PHẬT SỰ ĐẠI MINH LỤC (1)

Bốn mươi năm lẻ tu vẹn được một tấm lòng,
Đã nhảy ra khỏi hàng vạn tầng cửa tù ngục.
Động thì như tiếng gió vang trong hang trống,
Tĩnh thì tựa ánh trăng lọt xuống đầm lạnh.
Tự mình đã thấu được nghĩa lý của ngũ huyền (2),
Mặc sức tung hoành trên con đường bốn ngả (3).
Có người hỏi ta sinh diệt là thế nào ?
Như mây trên trời xanh và nước ở trong bình.

DỊCH THƠ :

Bốn mươi năm lẻ một tâm thành,
Cửa khổ muôn trùng, vượt nhẹ tênh.
Động tựa hang không gào gió táp,
Tĩnh như đầm lặng rọi trăng thanh.
Năm huyền nghĩa lý gồm thâu được,
Bốn ngả dọc ngang mặc sức mình.
Ai kẻ hỏi ta sinh với diệt,
Mây trên trời biếc, nước trong bình.

Theo *HẢI THẠCH*
(Việt-nam văn học sử giản ước tân biên)

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : TĐNL1, TĐNL2

1* TĐNL2 ; *như* 女口

CHÚ THÍCH :

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm, dựa vào lời ghi trong TĐNL. Bài thơ này cũng rút ra từ tiểu truyện Trần Thánh Tông trong sách đó. Theo TĐNL, đây là những sáng tác Trần Thánh Tông làm sau khi đã đi tu (1279).

(2) *Ngũ huyền* : trong thuật ngữ đạo Phật, chữ « ngũ » được dùng phổ biến, vì vậy ngũ huyền, tức là năm điều vi diệu trong giáo lý đạo Phật, ở đây có thể có nhiều nghĩa : a) Hoặc là ngũ chủng tạng : năm kho chân lý của nhà Phật, gồm kho Như Lai, kho chính pháp, kho pháp thân, kho xuất thế, kho tự tính thanh tịnh; b) Hoặc là ngũ chủng thông : năm thứ thần thông của người tu hành ; c) Ngũ định : năm phép thiền định nhờ đó người tu hành đạt đến sự sáng suốt của trí tuệ ; d) Ngũ thức : năm cái tâm thức của người tu hành.

(3) *Bốn ngả* : nguyên văn là thập tự, tức là chữ thập, là đường ngã tư ; tuy vậy, đó cũng vẫn là cách hiểu hình thức. Có lẽ Trần Thánh Tông không dừng ở cái nghĩa bề ngoài đó mà có gửi gắm một khái niệm Phật học. Cũng như chữ « ngũ », chữ « thập » trong thuật ngữ đạo Phật được dùng phổ biến, nên ở đây *thập tự* có thể là *thập tưởng* : mười phép quán tưởng trong tu hành, hoặc *thập trí* : mười trí của đức Như Lai, cũng có thể là *thập pháp giới* : mười cảnh giới của Phật pháp, hoặc *thập pháp* : mười đức hạnh của người tu hành...

*

151

輓陳仲徵

痛哭江南老鉅卿
東風濕淚爲傷情
無端天上編年月
不管人間有死生
萬疊白雲遮故宅
一堆黃壤覆香名
回天力量隨流水
流水灘頭共不平。

VĂN TRẦN TRỌNG TRƯNG [1*]

Thống khốc Giang-nam lão cự khanh,
Đông phong thấp [2*] lệ vị thương tình.
Vô đoan thiên thượng biên niên nguyệt,
Bất quản nhân gian hữu tử sinh.
Vạn điệp bạch vân già [3*] cố trạch,
Nhất đôi hoàng nhưỡng phúc hương danh.
Hồi thiên lực lượng tùy lưu thủy,
Lưu thủy than đầu cộng [4*] bất bình.

DỊCH NGHĨA :

VIẾNG TRẦN TRỌNG TRƯNG (1)

Đau đớn khóc người bề tôi giỏi kỳ cựu của đất Giang-nam (2),
Trước gió đông đẫm lệ thương xót cho ông.
Vô cớ mà sổ trời lại ghi năm tháng của ông,
Chẳng kể gì đến trần gian ai nên sống mà ai nên chết.
Mây trắng muôn tầng che ngôi nhà cũ,
Đất vàng một nấm vùi lấp danh thơm.
Sức xoay trời (3) đã phó cho dòng nước chảy,
Dòng nước đầu ghềnh cũng chung nỗi bất bình.

DỊCH THƠ :

Giang-nam người giỏi mất rồi sao ?
Trước gió, thương ai lệ nghẹn ngào.
Chẳng xét tử sinh nơi địa giới,
Bỗng ghi năm tháng chốn thiên tào.
Đất vàng một nấm danh thơm phủ,
Mây trắng muôn trùng mái cũ bao.
Sức cả xoay trời theo nước chảy,
Đầu ghềnh nước chảy hận tuôn trào !

PHẠM TÚ CHÂU

KHAO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT

1* HVTT : *Vãn Thiếu sư Trần Trọng Trưng* 挽少師陳仲徵 ; TVTL1, TVTL2 : *Vãn Thiếu bảo Trần Trọng Trưng* 挽少保陳仲徵 ; *Vãn Thiếu bảo Trần Trọng Vi* 挽少保陳仲微。

2* VATT : *uẩn* 搵

3* TVTL1 : *liêu* 遼

4* TVTL3 ; *dữ* 與

CHÚ THÍCH :

(1) *Trần Trọng Trưng* : tự Trí Quảng 智廣. là bề tôi kỳ cựu và trung thành của nhà Nam Tống 南宋 . ANCL chép tên ông là Trần Trọng Vi 陳仲微 Cũng theo ANCL, khi nhà Tống mất, ông không theo Nguyên mà chạy sang Việt-nam. Ông có câu thơ bày tỏ ý mình :

死為越國歸鄉鬼
生作南朝拒諫臣。
Tử vi Việt quốc quy hương quỷ,
Sinh tác Nam triều cự gián thần.

Nghĩa là :

Chết thì làm quỷ từ nước Việt tìm về quê hương,
Sống thì làm quan Cự gián của nhà Nam Tống.

Vua Thánh Tông rất trọng đãi ông. Khi ông mất, Thánh Tông thương tiếc làm bài thơ viếng trên đây.

(2) *Giang-nam* : khu vực phía Nam sông Trường-giang 長江

(3) *Công sức xoay trời* : chỉ việc khôi phục lại nhà Nam Tống.

*

152

幸天長行宫 HẠNH THIÊN-TRƯỜNG HÀNH CUNG 1*

景清幽物亦清幽
十一仙洲此一洲
百部笙歌禽百舌
千行奴僕橘千頭
月無事照人無事
水有秋涵天有秋
四海已清塵已靜
今年遊勝昔年遊。

Cảnh thanh u vật diệc 2* thanh u,
Thập nhất 3* tiên châu thử nhất châu.
Bách bộ 4* sinh ca cầm bách thiệt.
Thiên hàng nô bộc quất thiên đầu.
Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự,
Thủy hữu thu hàm thiên hữu thu.
Tứ hải dĩ thanh trần dĩ tĩnh, 5*
Kim niên 6* du thắng tích niên du.

DỊCH NGHĨA :

CHƠI HÀNH CUNG THIÊN-TRƯỜNG (1)

Cảnh thanh nhã, vật cũng thanh nhã,
Đây là một trong mười một châu thần tiên.
Trăm giọng chim là trăm bộ sáo đàn,
Nghìn ngọn quít lá nghìn hàng tôi tớ (2).
Trăng nhàn hạ soi người nhàn hạ,
Nước mùa thu lồng trời mùa thu.
Bốn biển đã trong, bụi đã lắng,
Cuộc đi chơi năm nay hơn hẳn cuộc đi chơi năm trước.

DỊCH THƠ :

Cảnh thanh u, vật cũng thanh u,
Mười một châu tiên, đây một châu.
Trăm tiếng đàn ca : chim sánh giọng,
Nghìn hàng tôi tớ : quất nhô đầu.
Trăng vô sự chiếu người vô sự,
Nước ngậm thu lồng trời ngậm thu.
Bốn bể đã trong, nhơ đã lắng,
Năm nay chơi, thú vượt năm nao.

NGUYỄN ĐỔNG CHI
(VNCVHS II)

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, ĐVSKTT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVHT, TTTPHT.

1* VATT : *Hạnh Thiên-trường phủ* : 行天長府

2* VATT : *dữ vật* 與 物 , HVTT : *diệc vật* 亦 物

3* VATT : *nhất thập* : 一 十 ; TTTPHT, HVTT, TVTL1, TVTL2, TVTL3 : *thập nhị* 十 二

4* VATT : *diệu* 調

5* VATT : *tịnh* 靖

6* TVTL2, TVTL3 : *lai* 來

CHÚ THÍCH :

(1) *Thiên-trường* : xem Cht. 1, phần tiểu sử Trần Cảnh, tr. 21. Bài này VATT, TVTL và HVTT đều cho là của Trần Nhân Tông. ĐVSKTT nói rõ là sau trận thắng quân Nguyên lần thứ ba, vào tháng Năm năm Kỷ sửu (1289), Thượng hoàng (Thánh Tông) về thăm Thiên-trường và làm bài này. TTTPHT cũng chép vào thơ của Trần Thánh Tông Chúng tôi theo ĐVSKTT và TTTPHT.

(2) *Nghìn hàng tôi tớ* : sách *Tương dương ký* 襄 陽 記 chép : Lý Hành 李 衡 trồng một nghìn cây quít và bảo con rằng « cha đã có một nghìn tôi tớ, hẳn không phải phiền các con cung cấp cơm áo ». Câu này lấy ý ở điển ấy.

*

153

真心之用

真心之用
惺惺寂寂
無去無來
無損無益
入大入小
任順任逆
動如雲鶴
靜如牆壁
其輕如毛
其重如石
洒洒而淨
躶躶而赤
不可度量
全無踪跡
今日爲君
分明剖劈。

CHÂN TÂM CHI DỤNG

Chân tâm chi dụng,
Tinh tinh tịch tịch.
Vô khứ vô lai,
Vô tổn vô ích.
Nhập đại nhập tiểu,
Nhậm thuận nhậm nghịch.
Động như vân hạc,
Tĩnh như tường bích.
Kỳ khinh như mao,
Kỳ trọng như thạch.
Sái sái nhi tịnh,
Khỏa khỏa nhi xích.
Bất khả đạc lượng,
Toàn vô tung tích.
Kim nhật vị quân,
Phân minh phẫu phách.

DỊCH NGHĨA :

TÍNH NĂNG CỦA CHÂN TÂM [1]

Dụng của chân tâm,
Thông tuệ, lặng lẽ.
Không đi không đến,
Không bớt không thêm.
Vào nhỏ hay vào to,
Mặc kệ thuận hay nghịch.
Động thì như mây, như hạc,
Tĩnh thì như tường, như vách.
Nhẹ tựa mảy lông,
Nặng như đá.
Làu làu trong sạch,
Trần trụi không có vật gì.
Không thể đo lường,
Hoàn toàn không có tung tích.
Nay ta vì ngươi,
Tỏ bày rành mạch.

DỊCH THƠ :

Dụng của chân tâm,
Thông minh tịch mịch.
Không đến không đi,
Không tổn không ích.
Vào nhỏ vào to,
Mặc thuận cùng nghịch.
Động như hạc mây,
Tĩnh như tường vách.
Nhẹ tựa mảy lông,
Nặng như bàn thạch.
Trần trần trụi trụi,
Làu làu trong sạch.
Chẳng thể đo lường,
Tuyệt vô tung tích.
Nay ta vì ngươi,
Tỏ bày rành mạch.

PHẠM TỬ CHÂU

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TĐNL.

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm.

*

154

生死 SINH TỬ

生如著衫 Sinh như trước sam,
死如脫袴 Tử như thoát khố (khỏa).
自古及今 Tự cổ cập kim,
更無異路 Cánh vô dị lộ.

八字打開分付了 Bát tự đả khai phân phó liễu,
更無餘事可呈君。 Cánh vô dư sự khả trình quân.

DỊCH NGHĨA :

SỐNG VÀ CHẾT (1)

Sống như mặc áo vào,
Chết như trút bỏ quần ra.
Từ xưa tới nay,
Không có con đường nào khác.

Khi thông tám chữ (2) dặn dò xong rồi,
Không còn việc gì phải trình với ông nữa.

DỊCH THƠ :

Sống như mặc áo,
Chết tựa trút ra.
Xưa nay chẳng qua,
Một con đường ấy.

Tỏ bày tám chữ, dặn dò xong,
Chẳng còn việc khác để trình ông.

PHẠM TÚ CHÂU

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TĐNL

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo TĐNL, đây là hai đoạn thơ Trần Thánh Tông ứng khẩu vào lúc bệnh tình đã trầm trọng, chưa đầy một ngày sau thì mất (1290).

(2) *Tám chữ* (bát tự) : xem Cht. 14, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số 8, của Trần Cảnh.

155

贈陳光啟 TẶNG TRẦN QUANG KHẢI

一代功名天下有 Nhất đại công danh thiên hạ hữu,
兩朝忠孝世間無 Lưỡng triều trung hiếu thế gian vô.

DỊCH NGHĨA :

TẶNG TRẦN QUANG KHẢI (1)

Công danh trọn một đời, thiên hạ còn có người như ông ,
Tấm lòng trung hiếu đối với hai triều vua thì thế gian không ai có.

DỊCH THƠ :

Công danh một thuở còn bao kẻ,
Trung hiếu hai triều chỉ một ông.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : BĂNG HỒ DI SỰ LỤC

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Đây là hai câu Trần Thánh Tông đề tặng Trần Quang Khải lúc ông cầm quân ra trận chống giặc Nguyên Mông trong cuộc kháng chiến lần thứ hai (1285), do Nguyễn Trãi ghi lại.

*

156

答慧忠上士 — ĐÁP TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ

炎炎暑氣汗通身 — Viêm viêm thử khí hãn thông thân,
未曾浣我娘生袴 — Vị 1* tằng cán 2* ngã nương sinh khóa.

DỊCH NGHĨA :

TRẢ LỜI TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ (1)

Khí nóng nồng nực làm cho mồ hôi toát đầm mình,
Nhưng chưa hề ướt được cái khố của người mẹ sinh ta (2).

DỊCH THƠ :

Hơi nồng hầm hập mồ hôi ướt,
Quần mẹ sinh ta thấm được đâu ?

PHẠM TÚ CHÂU

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : TSNL, TĐNL1, TĐNL2.

1* TĐNL1, TĐNL2 : *hà* 何
2* TSNL : *uyễn* 涴

CHÚ THÍCH :

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Đây là hai câu thơ của Trần Thánh Tông trả lời Tuệ Trung Thượng sĩ lúc nhà vua ốm nặng, Tuệ Trung viết thư thăm hỏi. Hai câu thơ do Trần Nhân Tông 陳仁宗 trích lục trong bài *Thượng sĩ hành trạng* in cuối sách TSNL (xem bài số 211, của Trần Khâm), và cũng được chép trong TĐNL. Trần Thánh Tông mất tháng Năm năm Canh dần (1290), có thể hai câu thơ này làm vào tháng Ba hoặc tháng Tư năm đó.

(2) *Cái khổ của người mẹ sinh ta*: hình ảnh này được dùng phổ biến trong ngôn từ Thiền học, là một biểu tượng để chỉ cái mà Thiền tông gọi là « bản lai diện mục », tức là cái tâm nguyên thủy, cái bản thể bất biến thường tồn của mọi hiện tượng trong vũ trụ mà mọi tác động bên ngoài như bệnh tật không bao giờ ảnh hưởng đến được.

*

157

宗身之義論

天下者祖宗之天下。承祖宗之業當
與宗室兄弟同享富貴。雖外以天下奉
一人之尊而內則與卿等骨肉同胞憂
則共憂樂則共樂。卿等當以此語傳之
子孫使久勿忘則宗社萬年之福也。

PHIÊN ÂM :

TÔNG THÂN CHI NGHĨA LUẬN

Thiên hạ giả, tổ tông chi thiên hạ. Thừa tổ tông chi nghiệp đương dữ tông thất huynh đệ đồng hưởng phú quý. Tuy ngoại dĩ thiên hạ phụng nhất nhân chi tôn, nhi nội tắc dữ khanh đẳng cốt nhục đồng bào, ưu tắc cộng ưu, lạc tắc cộng lạc. Khanh đẳng đương dĩ thử ngữ truyền chi tử tôn, sử cửu vật vong, tắc tông xã vạn niên chi phúc dã.

DỊCH NGHĨA :

BÀN VỀ TÌNH NGHĨA ANH EM TRONG HOÀNG TỘC (1)

Nước nhà, là nước nhà của tổ tông truyền lại. Người thừa kế cơ nghiệp của tổ tông nên cùng với anh em trong dòng họ cùng hưởng phú quý. Tuy bề ngoài là cả thiên hạ phụng sự một người tôn quý, nhưng bên trong thì ta cùng

các khanh là đồng bào ruột thịt, lo thì cùng lo, vui thì cùng vui. Các khanh nên đem mấy lời này mà truyền cho con cháu, để nhớ mãi đừng quên. Ấy là phúc muôn đời của tông miếu xã tắc vậy.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, vào tháng Giêng năm Mậu thìn, niên hiệu Thiệu Long 紹隆 thứ 11 (1268) vua Trần Thánh Tông truyền bảo anh em trong tông thất mấy lời trên đây, sau đó xuống chiếu cho các vương hầu, hễ xong buổi chầu thì vào trong điện và lan đình cùng nhau ăn uống, hoặc có khi trời tối không về thì đặt gối dài chăn rộng cùng ngủ liền giường với nhau để tỏ hết tình thân hoàng tộc. Còn khi có lễ lớn chầu mừng, tiếp đãi tân khách thì phân biệt ngôi thứ cao thấp rõ ràng. Vì thế nên các vương hầu lúc bấy giờ không ai là không kính thuận.

*

TRẦN QUỐC TOẠI
陳國遂
(1254 — 1277)

Ông hiệu là Sầm Lâu 岑樓, được phong tước Uy văn vương, là cháu họ và cũng là con rể Trần Thái Tông (1) 陳太宗. Năm sinh năm mất chưa có cứ liệu gì chắc chắn (2). Vốn có chí ham học, nên ngay từ còn trẻ Trần Quốc Toại đã tích lũy được một vốn kiến thức sâu rộng. Trần Thánh Tông 陳聖宗 từng hỏi ông về nguồn gốc của hai chữ «quan gia» 官家 (tiếng để mệnh danh nhà vua) và câu trả lời của ông làm nhiều người khâm phục (3).

Ông còn là một nhà thơ có tài. Tác phẩm *Sầm Lâu tập* 岑樓集 rất nổi tiếng lúc đương thời. Nhưng sau khi ông mất, không ai còn giữ được. Chỉ còn lại ba đoạn của ba bài thơ, được trích dẫn trong các bộ sử.

(1) Chữ «quốc» trong tên Trần Quốc Toại cho phép ta nghĩ rằng ông có thể là em cùng cha khác mẹ với Trần Quốc Tuấn 陳國峻 chăng?

(2) Dựa theo cách ghi chép biên niên của ĐVSKTT, Nguyễn Đổng Chi xác định năm mất của Trần Quốc Toại cũng là năm bộ sử này chép về ông (Đinh sửu, 1277). Chúng tôi tán thành suy luận đó. Từ năm Đinh sửu mà suy ra ông mất lúc 24 tuổi thì biết năm sinh của ông là Giáp dần (1254).

(3) ĐVSKTT, Q.V chép câu trả lời của Trần Quốc Toại như sau: 五帝以天下為官。三王以天下為家。所謂官家也. *Ngũ đế dĩ thiên hạ vi quan, tam vương dĩ thiên hạ vi gia, sở vị quan gia dã*; nghĩa là: «Năm đời đế lấy thiên hạ làm của công, ba đời vương lấy thiên hạ làm của nhà, do đó gọi là quan gia vậy».

*

158

勝封侯 — **THẮNG PHONG HẦU**

蓑笠五湖榮佩印 — Soa lạp Ngũ-hồ vinh bội ấn,
桑麻蔽野勝封侯 — Tang ma tế dã thắng phong hầu.

DỊCH NGHĨA :

HƠN CẢ BẬC PHONG HẦU (1)

Mang tơi đội nón ở chốn Ngũ-hồ vinh dự hơn đeo ấn,
Dâu gai đầy nơi đồng nội sướng hơn được phong hầu.

DỊCH THƠ :

Tơi nón Ngũ-hồ hơn giữ ấn,
Dâu gai đầy nội vượt phong hầu.

CAO HUY GIU
(Bd. *ĐVSKTT*)

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm.

*

159

惟詩可勝金 — **DUY THI KHẢ THẮNG KIM**

古來何物不成土 — Cổ lai hà vật bất thành thổ ?
死後惟詩可勝金 — Tử hậu duy thi khả thắng kim.

DỊCH NGHĨA :

THƠ QUÝ HƠN VÀNG (1)

Xưa nay vật gì mà chẳng hóa thành đất ?
Sau khi chết, chỉ có thơ để lại là quý hơn vàng.

DỊCH THƠ:

Chết xuống vật gì không hóa đất?
Riêng thơ để lại quý hơn vàng.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: ANCL

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm.

*

160

輓文憲侯 — VÃN VĂN HIẾN HẦU

山豈忍埋成器玉 — Sơn khởi nhẫn mai thành khí ngọc,
月空自照少年魂 — Nguyệt không tự chiếu thiếu niên hồn.

DỊCH NGHĨA:

VIẾNG VĂN HIẾN HẦU (1)

Núi há nỡ chôn hòn ngọc đã mài dũa thành đồ vật?
Trăng luống soi dọi mảnh hồn của kẻ thiếu niên.

DỊCH THƠ:

Ngọc mới mài xong núi nỡ chôn?
Trăng suông soi dọi chút anh hồn.

HUỆ CHI

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: ANCL

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm, dựa vào ANCL. Văn hiến hầu là cháu Trần Quốc Toại, chưa rõ tên thực là gì. Nhưng trong ĐVSKTT cũng có nhắc đến một Văn hiến hầu là người đã gây nên cái chết của Trần Quốc Chẩn 陳國瑱 vào năm 1329; nếu hai người chỉ là một thì hẳn phải có một nhầm lẫn nào đấy, vì người trong câu đối điếu của Trần Quốc Toại chết rất trẻ, và ngay tác giả cũng không thể sống sau thế kỷ XIII.

*

TRẦN QUANG KHẢI
陳 光 啟

(1241 — 1294)

Ông tự là Chiêu Minh 昭 明, sinh vào mùa đông năm Tân sửu (1241), là con trai thứ ba Trần Thái Tông .

Dưới triều Trần Thánh Tông 陳聖宗 (1258 — 1278), ông làm Tướng quốc thái úy, tước Đại vương; đến triều Nhân Tông 仁 宗 (1279 — 1293) lại được thăng chức Thượng tướng thái sư. Cùng với Trần Quốc Tuấn 陳 國 峻, ông cũng là một nhân vật trọng yếu của vương triều, đã đóng góp nhiều công sức vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước đương thời. Trong hai cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông (1284 — 1285, 1287 — 1288) Quang Khải là một trong những người đóng vai trò chủ chốt. Ông có mặt ở nhiều chiến trường quan trọng và đã tham gia trận phản công lớn, đánh tan quân giặc ở Hàm - tử 鹹 子 , Chương - dương 章 陽 giải phóng kinh thành Thăng - long 昇 龍 .

Trần Quang Khải học rộng biết nhiều, chẳng những là một tướng cầm quân giỏi mà còn là một nhà ngoại giao có tài, một nhà thơ với những vần thơ « sâu xa lý thú » (1). Ông là một trong những tác gia tiêu biểu của văn học thời thịnh Trần. Trong thơ văn ông có thể tìm thấy một tinh thần yêu nước kiên cường, một tấm lòng gắn bó với con người và tạo vật, một khí phách anh hùng tiêu biểu cho dân tộc. Khi ông đi chiến trận, Trần Thánh Tông đã tặng lá cờ với hai câu thơ :

一 代 功 名 天 下 有
兩 朝 忠 孝 世 間 無

Nhất đại công danh thiên hạ hữu,
Lưỡng triều trung hiếu thế gian vô.

Nghĩa là :

Công danh trọn một đời, thiên hạ còn có người như ông ,
Tấm lòng trung hiếu đối với hai triều vua thì thế gian không ai có (2).

Ông mất ngày 3 tháng Bảy năm Giáp ngọ (26-VII-1294).

Tác phẩm : Trần Quang Khải có tập thơ *Lạc đạo* 樂道集 , nhưng đã mất, chỉ còn lại 11 bài.

(1) Lời bình của Phan Huy Chú 潘輝注 , LTHCLC.
(2) Xem bài *Tặng Trần Quang Khải*, số 159, của Trần Hoảng.

*

161

從駕還京師

奪矟章陽渡
擒胡鹹子關
太平當致力
萬古此江山

TỤNG GIÁ HOÀN KINH SƯ [1*]

Đoạt sóc Chương-dương độ,
Cầm Hồ Hàm-tử quan [2*].
Thái bình đương trí lực,
Vạn cổ thử [3*] giang san.

DỊCH NGHĨA :

PHÒ GIÁ VỀ KINH (1)

Bến Chương-dương cướp giáo giặc (2),
Cửa Hàm-tử bắt quân Hồ (3).
Buổi thái bình nên dốc toàn sức lực,
Thì non sông này muôn đời dài lâu.

DỊCH THƠ :

Chương-dương cướp giáo giặc,
Hàm-tử bắt quân thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy nghìn thu.

TRẦN TRỌNG KIM
(Việt-nam sử lược)

Cướp giáo Chương-dương đó,
Bắt thù Hàm-tử đây.
Thái bình nên gắng sức,
Muôn thủa nước non này.

TRINH ĐƯỜNG

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : ĐVSKTT, VATT, TVTL, HVTT, TTTPHT

1* VATT : *thuật hoài* 述懷 , TTTPHT : *Chương-dương độ* 章陽渡
2* TTTPHT : *nghi trí* 宜致 , HVTT chú : có bản chép : *tu nỗ lực* 須努力
3* ĐVSKTT, VATT, HVTT, TVTL : *cựu* 舊 . Ở đây theo TTTPHT.

CHÚ THÍCH :

(1) Ngày 6 tháng Sáu năm Ất dậu (9-VII-1285), sau khi đã đuổi đạo quân Thoát Hoan chạy dài lên phía Bắc, giải phóng Thăng-long 昇龍 , hai vua Trần trở về lại Kinh đô, Trần Quang Khải đi theo phò giá và làm bài thơ trên.

(2) *Chương-dương* : nay thuộc huyện Thường-tín, tỉnh Hà-sơn-bình. Theo ĐVSKTT, tháng Tám năm Ất dậu (1285), Trần Quang Khải cùng các tướng Trần Quốc Toản 陳國纂 , Trần Thông 陳通 , Nguyễn Khả Lạp 阮可笠 , Nguyễn Truyền 阮傳 đem dân binh các lộ đánh thắng một trận lớn ở đây rồi tiến về giải phóng Thăng-long. Quân Nguyên tan vỡ, Thoát Hoan và A Lạt phải chạy qua sông Lô.

(3) *Hàm-tử* : một địa điểm trên sông Hồng, nay thuộc huyện Khoái-châu, tỉnh Hải-hưng. Tại đây, tháng Tư năm Ất dậu (1285), Trần Nhật Duật cùng các đạo quân khác cũng giành chiến thắng lớn.

*

162

送北使柴莊卿

送君歸去独徬徨
馬首駸駸指帝鄉
南北心旌懸反旆
主賓道味泛離觴
一談笑項嗟分袂
共唱酬間惜對床
未審何時重覩面
慇懃握手叙暄凉

TỐNG BẮC SỨ SÀI TRANG KHANH [1*]

Tống quân quy khứ độc bàng hoàng,
Mã thủ xâm xâm chỉ đế hương.
Nam Bắc tâm tinh huyền phản bái,
Chủ tân đạo vị phiếm ly trường.
Nhất đàm tiếu khoảnh ta phân duệ,
Cộng xướng thù gian tích đối sàng.
Vị thẩm hà thời trùng đổ [2*] diện,
Ân cần ác thủ tự huyên [3*] lương.

DỊCH NGHĨA :

TIỄN SỨ BẮC SÀI TRANG KHANH (1)

Tiễn ông trở về riêng những bâng khuâng,
Ngựa xăm xăm (2) nhắm thẳng nẻo quê hương nhà vua.
Nỗi lòng kẻ Nam người Bắc vẫn lưu luyến trên ngọn cờ về,
Tình khách chủ dạt dào trong chén rượu ly biệt.

Vừa nói cười đó mà thoắt đã ngậm ngùi chia tay,
Cùng nhau xướng họa tiếc những lúc hai giường đối diện.
Chưa biết bao giờ lại được gặp mặt,
Để cầm tay ân cần tỏ nỗi hàn huyên.

DỊCH THƠ :

Tiễn người về Bắc dạ khôn khuây,
Vó ngựa băng chừng nẻo nước mây.
Nam Bắc bâng khuâng cờ trở bóng,
Ân tình dào dạt chén chia tay.
Nói cười thoáng đã xa hình dáng,
Xướng họa còn ngờ mới đó đây.
Biết đến khi nào cùng gặp lại,
Cầm tay bày tỏ nỗi niềm tây.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : ANCL, VATT, TVTL1, TVTL2.

1° TVTL1 ; *Tống Sài Nghiêm Hương* 送柴嚴鄉 ; TVTL2 : *Tống Sài Nghiêm Khanh* 送柴嚴卿

2° TVTL1, TVTL2 ; *dịch* 覿

3° VATT : *thê* 淒

CHÚ THÍCH :

(1) *Sài Trang Khanh* : tên là Sài Thung 柴椿, Thượng thư Bộ lễ của nhà Nguyên. Năm 1278, Hốt Tất Liệt (Qubilai) cử y mang chiếu sang trách vua Trần về việc lên ngôi không xin mệnh Thiên triều và bắt vua Trần thân vào chầu. Nhưng chuyến đi này không kết quả. Năm 1279 y lại sang hạch sách về chuyện đó. Vua Trần Nhân Tông 陳仁宗 phải sai Trần Di Ái 陳遺愛 sang thay. Lần thứ ba, năm 1281 Sài Thung được cử làm An-nam hành tuyên úy đô soái, có Lý Chấn Văn 李振文 làm phó đem 5000 quân đưa Di Ái về làm An-nam quốc vương cùng một số Thượng thư trong triều đình bù nhìn do nhà Nguyên sắp đặt. Nhưng lần này nữa nhà Nguyên lại thất bại ; đến biên giới Di Ái bỏ trốn. Nhà Trần đã đón tiếp Sài Thung tử tế, nghe «tuyên dụ chỉ», và khi y ra về lại đặc biệt tiễn đưa, nhưng giữ vững tư thế độc lập trước sau như một của mình. Trần Quang Khải đã làm hai bài thơ tặng Sài Thung và đồng bọn trong những dịp này. Riêng bài này chỉ có thể làm trong hai dịp 1278 hoặc 1279, vì giọng thơ tuy cũng khách sáo nhưng chưa đến nỗi nhạt nhẽo như bài tặng Sài Thung và Lý Chấn Văn trong năm 1281. (Xem thêm bài *Tặng Bắc sứ Sài Trang Khanh, Lý Chấn Văn đẳng*, số 163, cùng tác giả).

(2) *Ngựa xăm xăm* (mã thủ xâm xâm) : chữ *mã thủ* 馬首 cũng có nghĩa là hướng đi vì vậy câu thơ này cũng có thể hiểu là : xăm xăm nhằm thẳng hướng quê hương nhà vua.

163

贈北使柴莊卿李振文等

一封鳳詔下天庭
咫尺皇華萬里行
北闕衣冠爭祖道
南州草木尽知名
口啣威福君褒貶
身佩安危國重輕
敢祝四賢均泛愛
好爲卵翼越蒼生

TẶNG BẮC SỨ SÀI TRANG KHANH, LÝ CHẤN VĂN ĐẲNG [1*]

Nhất phong phượng chiếu hạ thiên đình,
Chỉ xích hoàng hoa vạn lý hành.
Bắc khuyết y quan tranh tổ đạo,
Nam châu thảo mộc tận tri danh.
Khẩu hàm uy phúc quân bao biếm,
Thân bội an nguy quốc trọng khinh.
Cảm chúc tứ hiền quân phiếm ái,
Hảo vi noãn dực [2*] Việt thương sinh.

DỊCH NGHĨA :

TẶNG SỨ BẮC SÀI TRANG KHANH, LÝ CHẤN VĂN (1)

Một phong chiếu phượng (2) từ sân trời ban xuống,
Nhà vua (3) trao trách nhiệm (4) sứ giả cho ông đi ngoài vạn dặm.
Các bậc áo mũ ở Bắc triều tranh nhau tiễn người lên đường (5),
Cây cỏ ở Nam giao đều biết danh tiếng ông.
Nói lời oai phúc, ông thay nhà vua mà khen chê,
Thân mang sự an nguy quan hệ đến việc trọng khinh của nhà nước.
Dám mong bốn vị sứ giả tài giỏi (6) có lòng yêu thương công bằng rộng lớn,
Hãy che chở cho thương sinh nước Việt.

DỊCH THƠ :

Một phong chiếu phượng tự sân trời,
Gang tấc hoàng hoa, vạn dặm khơi.
Áo mũ Bắc phương đưa gót sứ,
Cỏ cây Nam quốc biết tên người.
Lời vua uy phúc mang trong miệng,
Việc nước an nguy gánh nặng vai.
Xin chúc yêu thương đều rộng khắp,
Chở che trăm họ ở quê tôi.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : ANCL, VATT, TVTL1, TVTL2

1* ANCL : *Tặng Thiên sứ Sài Thung, Lý Chấn Văn đẳng* 贈天使紫椿，李振文等 TVTL1 : *Tặng Bắc sứ Sài Nghiêm Hương, Lý Chấn Văn* 贈北使紫嚴鄉，李振文. TVTL2 : giống như trên nhưng *Sài Nghiêm Hương* viết là *Sài Nghiêm Khanh* 紫嚴卿. Ở đây theo VATT, nhưng thay chữ *Sài Xuân* 紫春 bằng *Sài Trang Khanh* 紫壯卿 cho thống nhất với bài trước.

2* TVTL1, TVTL2 : *dực noãn* 翼卵

CHÚ THÍCH :

(1) *Sài Trang Khanh và Lý Chấn Văn :* xem Cht. 1, bài *Tống Bắc sứ Sài Trang Khanh* ở trên. Bài thơ này nói đến cả Sài Thung và Lý Chấn Văn, lời lẽ khách sáo, nhạt nhẽo hơn bài trước, nên có thể đoán được viết trong lần Sài Thung đem Trần Di Ái về nước vào năm 1281.

(2) *Chiếu nhà vua* (phượng chiếu) : sách *Sự vật kỷ nguyên* 事物紀原 chép : đời Hậu Triệu (khoảng 319 — 351) Thạch Quý Long 石季龍 đặt lầu Hý-mã 戲馬, trên lầu đặt chiếu thư. Chiếu viết bằng giấy ngũ sắc mỗi khi ban thì cho con phượng gỗ ngậm ở mỏ rồi trao. Từ đó người ta gọi chiếu nhà vua là chiếu phượng.

(3) *Nhà vua* (chỉ xích) : xuất phát từ một câu trong *Tả truyện* 左傳 : 天威不違顏咫尺 *Thiên uy bất viễn nhan chỉ xích* ; nghĩa là : Sự soi xét của thiên tử không xa, oai nghiêm ở ngay trước mặt kẻ bề tôi trong gang tấc. Về sau trong biểu tấu, các quan lại thường dùng chữ *viễn nhan, chỉ nhan, chỉ xích* để chỉ nhà vua.

(4) *Trách nhiệm sứ giả* (hoàng hoa) : *Kinh thi* 詩經, *Tiểu nhã* 小雅 có bài thơ *Hoàng hoàng giả hoa* 皇皇者華 nội dung nói về việc vua tiễn bề tôi đi sứ. Về sau, chữ hoàng hoa trở thành điển cố chỉ việc đi sứ.

(5) *Tiễn người lên đường* (tổ đạo) : Tổ đạo nguyên nghĩa là lễ tế thần đường để cầu cho cuộc đi được thông suốt. Về sau, các bữa tiệc tiễn hành cũng gọi là tổ đạo.

(6) *Bốn vị sứ giả :* có lẽ chỉ Sài Thung, Lý Chấn Văn và các sứ thần nhà Nguyên trong đoàn

*

164

題白馬祠 — ĐỀ BẠCH-MÃ TỪ 1*

昔聞人道大王灵	Tích văn nhân đạo đại vương linh,
今日方知鬼帖驚	Kim nhật phương tri quỷ thiếp 2* kinh.
火聚三區焚不及	Hỏa tụ 3* tam khu 4* phần bất cập 5*,
風塵一陳扇難傾	Phong trần nhất trận phiến nan khuynh.
指揮魍魎三千衆	Chỉ huy võng lượng tam thiên chúng,
彈壓諸魔百萬兵	Đàn áp chư 6* ma bách vạn binh.
願伏餘威推北敵	Nguyện phục dư uy thôi Bắc địch 7*,
頓令寰宇宴然清	Đốn linh hoàn vũ yến nhiên thanh.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ ĐỀN BẠCH-MÃ (1)

Xưa kia nghe người ta nói đến oai linh của đại vương,
Ngày nay mới biết là ma quỷ phải khiếp kinh.
Ba khu lửa cháy, không cháy được tới đền,
Một trận gió bụi lay chuyển cũng không nghiêng đổ.
Chỉ huy ba ngàn quân yêu quái,
Trấn áp trăm vạn quân ma quỷ.
Xin nhờ dư oai [của thần] để phá tan giặc Bắc,
Trong chốc lát làm cho đất nước thanh bình.

DỊCH THƠ :

Đại vương xưa nức tiếng oai linh,
Nay mới hay rằng ma quỷ kinh.
Lửa tụ ba khu không cháy miếu,
Gió lay một trận chẳng nghiêng mình.
Khiến sai bọn quỷ ba nghìn đứa,
Đánh dẹp loài ma trăm vạn binh.
Nhờ cậy dư uy trừ giặc Bắc.
Giúp ngay đất nước được thanh bình.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VĐUL, TTTPHT, BẢN KHẮC GỖ Ở ĐỀN BẠCH-MÃ :
龍肚最灵祠 LONG-ĐỖ TỐI LINH TỪ

1* TTTPHT : *Đề Bạch-mã đại vương từ* 題白馬大王祠
2* TTTPHT : *mị* 魅
3* TTTPHT : *ngự* 馭 ; *Long-đỗ tối linh từ* :-*bác* 駁
4* TTTPHT : *khu* 驅
5* TTTPHT và *Long-đỗ tối linh từ* : *tận* 盡
6* TTTPHT và *Long-đỗ tối linh từ* : *tà* 邪
7* TTTPHT: *lỗ* 虜

CHÚ THÍCH :

(1) *Đền Bạch-mã* : nay vẫn còn ở phố Hàng buồm, Hà-nội.

*

165

題野墅

ĐỀ DÃ THỰ [1*]

野墅初開景物新
芳菲桃李四時春
一聲牛笛青樓月
幾片農蓑碧隴雲
路挽羊腸通紫陌
溪分燕尾断紅塵
鬼神暗地偷相語
一段風光可隱君

Dã thự sơ khai cảnh vật [2*] tân,
Phương phi [3*] đào lý tứ thời xuân.
Nhất thanh ngưu địch thanh lâu nguyệt,
Kỷ phiến nông soa bích lũng vân.
Lộ vãn dương tràng thông tử mạch,
Khê [4*] phân yến vĩ đoạn hồng trần.
Quỷ thần ám địa thâu tương ngữ,
Nhất đoạn [5*] phong quang khả ẩn quân.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ THƠ Ở BIỆT THỰ ĐỒNG QUÊ (1)

Biệt thự ở đồng quê vừa làm xong. cảnh vật mới mẻ,
Đào lý thơm tho bốn mùa tươi tốt.
Một tiếng sáo trẻ chăn trâu làm xanh ánh trăng trên lầu,
Mấy mảnh áo tơi nhà nông biếc đám mây dưới lũng.
Đường quanh co như ruột dê thông với đường vùng ngoại kinh kỳ,
Khe xòe đuôi én ngăn cách đám bụi đỏ.
Quỷ thần thầm nói với nhau trong chỗ kín đáo :
Một giải phong quang này có thể làm nơi ẩn dật cho nhà ngươi.

DỊCH THƠ:

Trại giữa đồng quê dựng mới rồi,
Thơm tho đào mận bốn mùa tươi.
Lầu cao trăng biếc. vi vu sáo,
Lũng rợp mây xanh, lấp loáng tơi.
Đường lượn ruột dê, thông phố chợ,
Khe chia đuôi én, dứt trần ai.
Quỷ thần trong tối đương bàn vụng :
Một giải phong quang khéo đợi người.

HUỆ CHI

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2.

1* TVTL1, TTTL2 : *dã thự tự* 野墅寺
2* TVTL2 : *tướng* 相
3* TVTL1 : *phi phân* 菲芬
4* VATT : *giang* 江
5* VATT : *trí* 致

CHÚ THÍCH :

(1) Trong TSNL của Trần Tung cũng có bài thơ này dưới đầu đề *Tĩnh-bang cảnh vật* 淨邦景物. Trại ấp của Trần Quang Khải có thể là ở vùng Phúc-hưng 福興 chứ không phải ở Tĩnh-bang (như một bài thơ tiếp theo sẽ cho thấy). Nhưng trại ấp của Trần Tung ở đâu cũng không rõ vì Tĩnh-bang nếu đúng là An-bang 安邦 thì phải thuộc quyền trông coi của Trần Quốc Tảng 陳國顙 con thứ ba Trần Quốc Tuấn. Do sự lầm lẫn từ lâu giữa tiểu sử Trần Tung và Trần Quốc Tảng, nên rất có thể, người soạn TSNL đã gán bài thơ này cho Trần Tung, với đầu đề mới do mình tự đặt. Hơn nữa, nội dung bài thơ cũng không có gì siêu thoát, mà từ lâu lại đã quen thuộc với độc giả như một tác phẩm nổi tiếng của Trần Quang Khải ; vì vậy, chúng tôi vẫn xử lý như truyền thống là xếp cho Trần Quang Khải mà bỏ đi ở phần tác giả Trần Tung.

*

166

福興園

福興一曲水回環
中有平園數畝寬
梅塢雪消珠蓓蕾
竹亭雲捲碧琅玕
暑來邀客澆茶碗
雨过呼僮理藥欄
南望狼煙無復起
頹然一榻夢偏安

PHÚC-HƯNG VIÊN 1*

Phúc-hưng nhất khúc thủy hồi hoàn 2*,
Trung hữu bình viên sổ mẫu khoan.
Mai ổ tuyết tiêu châu 3* bội lỗi,
Trúc đình 4* vân quyển bích lang can.
Thử lai yêu khách kiêu trà uyển 5*,
Vũ quá hô đồng 6* lý dược lan.
Nam vọng lang yên vô phục khởi,
Đồi nhiên nhất tháp mộng thiên an.

DỊCH NGHĨA :

VƯỜN PHÚC-HƯNG (1)

Một dòng nước chảy bao quanh vườn Phúc-hưng,
Ở giữa là một khu vườn bằng phẳng rộng đến vài mẫu,
Bờ mai, khi tuyết tan, nụ lóng lánh hạt châu,
Đình trúc, lúc mây cuốn, lá xanh cành biếc (2).

Nắng lên, mời khách, pha chén trà,
Mưa tạnh, gọi gia đồng sửa lại giàn thuốc.
Trông về phía Nam không còn khói lang (3) bốc lên nữa,
Thảnh thơi trên giường, yên tâm với giấc mơ riêng.

DỊCH THƠ:

Lượn quanh bến Phúc, nước theo vời,
Vài mẫu vườn quê khá thảnh thơi.
Tan tuyết, bờ mai châu kết nụ,
Quang mây, đình trúc ngọc đâm chồi.
Nắng lên, mời khách pha chè thưởng,
Mưa tạnh, sai đồng giở thuốc coi.
Xa ngóng ải Nam, im khói lửa,
Trên giường nghiêng ngửa nhẹ hồn mai.

NGÔ TẤT TỐ
(VHĐT)

KHẢO ĐÍNH:

CÁC DỊ BẢN: VATT, TVTL, HVTT, TTTPHT, LTHCLC

1° HVTT, TTTPHT, VATT: *Đề Phúc-hưng viên* 題福興園
2° TTTPHT, VATT: *hoàn* 还
3° TTTPHT, VATT: *ngân* 銀
4° LTHCLC: *đình* 庭, VATT chú: *hữu tác: đình* 有作庭; nghĩa là: có bản viết *đình*
5° VATT: *uyển* 椀
6° TTTPHT, TVTL, HVTT: *đồng* 童

CHÚ THÍCH:

(1) *VATT chú:* có người nói bài thơ này của Lý Văn Hổ 李文虎 đề ở vườn của Đỗ Tử Bình 杜子平. Đỗ Tử Bình đời Trần làm đến chức Nhập nội hành khiển kiêm trấn Lạng-giang 諒江. Vườn này ở huyện Cổ-lan 古蘭.
Tuy nhiên, VATT vẫn coi bài thơ này là của Trần Quang Khải. Vì vậy, chúng tôi cũng coi lời chú này như một thuyết để tham khảo.

(2) *Lá xanh cành biếc:* dịch ý chữ *ngọc lang can*. Lang can là một thứ đá đẹp như ngọc. Sách *Sơn hải kinh* 山海經 lại nói ở núi Côn-luân 崑崙 có cây lang can tức một loại trúc quí.

(3) *Khói lang:* ngày xưa các đồn biên ải đốt lửa để báo hiệu khi có giặc. Các đồn khác nhận được hiệu đó lại đốt lửa truyền tin. Vì các đồn ở cách xa nhau nên khi đốt lửa người ta phải bỏ phân chó sói vào để khói đậm và bốc thẳng.

*

167

劉家渡

劉家渡口樹参天
扈從東行昔泊船
舊塔江亭秋水上
荒祠古塚石麟前
太平圖誌幾千里
李代山河二百年
詩客重來頭髮白
梅花如雪照晴川

LƯU-GIA ĐỘ

Lưu-gia độ khẩu thụ tham thiên,
Hỗ tụng Đông hành tích bạc thuyền.
Cựu tháp giang đình thu thủy thượng,
Hoang từ cổ trủng thạch lân tiền.
Thái-bình đồ chí cơ thiên lý,
Lý đại sơn hà nhị bách niên.
Thi khách trùng lai đầu phát bạch,
Mai hoa như tuyết chiếu tình xuyên 1*.

DỊCH NGHĨA :

BẾN ĐÒ LƯU-GIA (1)

Bến đò Lưu-gia cây cao ngất trời,
Xưa phò giá sang Đông, từng đỗ thuyền nơi đây.
Tháp cũ đình xưa, trên dòng sông thu.
Đền hoang mộ cổ, trước dãy lân đá.
Bản đồ phủ Thái-bình (2) rộng tới gần nghìn dặm.
Non sông nhà Lý trải hai trăm năm (3).
Khách thơ trở lại nơi đây đầu đã bạc.
Hoa mai như tuyết soi bóng xuống dòng sông trong.

DỊCH THƠ :

Lưu-gia xanh ngắt một trời cây,
Thuyền ngự xuôi dòng trước ghé đây.
Tháp cũ đình xưa làn nước chiếu,
Đền hoang mộ cổ dãy lân bày.
Thái-bình nghìn dặm cơ đồ rộng,
Lý đại hai trăm vận mệnh dài.
Trở lại khách thơ đầu đã bạc,
Trời thanh nước gợn ánh hoa mai.

NHÓM LÊ QUÝ ĐÔN
(Bd. *HVTVT*)

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3.

1* TVTL2 : *giang* 江 , có lẽ chép sai, vì chữ này không hiệp vần.

CHÚ THÍCH :

(1) *Lưu-gia* : ở làng Lưu-xá, thuộc huyện Hưng-hà, tỉnh Thái-bình ngày nay.

(2) *Thái-bình* ; tên phủ, còn có tên là phủ Long-hưng 隆興 nay là tỉnh Thái-bình.

(3) Đời Lý, khi Lý Huệ Tông 李惠宗 còn làm Thái tử, đã chạy loạn Quách Bốc 郭卜 đến thôn Lưu-gia rồi lấy con gái Trần Lý 陳李 làm vợ. Sau nhờ anh em Trần Lý mà khôi phục được cơ nghiệp, nhưng mối quan hệ thân tộc đó cũng đưa đến sự chấm dứt triều đại Lý, mở đầu triều đại Trần. Lưu-gia vì vậy trở thành nơi có quan hệ đến cơ đồ hai trăm năm của nhà Lý.

*

168-169

春日有感

XUÂN NHẬT HỮU CẢM

一

雨欲肥梅潤細枝
閉門兀兀坐書癡
半分春色閑蹉過
五十衰翁已自知
故國心隨飛鳥倦
恩波海闊縱鱗遲
生平膽氣輪囷在
醉倒東風賦一詩

I

Vũ dục phì mai nhuận tế chi [1*],
Bế môn ngột ngột tọa [2*] thư si.
Bán [3*] phần xuân sắc nhàn sai quá,
Ngũ thập suy ông dĩ tự tri.
Cố quốc tâm tùy [4*] phi điểu quyện,
Ân ba hải khoát túng lân trì.
Sinh bình đảm khí [5*] luân khuân tại,
Túy đảo đông phong phú nhất [6*] thi.

二

月色微微夜向闌
東風特地起春寒
翻空柳絮粘高閣
覺夢湘筠撲畫欄
被物潤從天外雨
驚心紅退昔時顏
去愁賴有三杯酒
撫劍悠悠憶故山

II

Nguyệt sắc vi vi dạ hướng lan,
Đông phong đặc địa khởi xuân hàn.
Phiên không liễu nhứ niêm cao các,
Giác [7*] mộng Tương quân phác họa lan.
Bị vật nhuận tòng thiên ngoại vũ,
Kinh tâm [8*] hồng thoái tích thì nhan.
Khử sầu lại hữu tam bôi tửu,
Phủ kiếm du du ức cố san.

ĐỊCH NGHĨA :

CẢM HỨNG NGÀY XUÂN (1)

I

Mưa muốn làm tươi tốt cây mai nên gội ướt cành tơ,
Đóng cửa, ngồi sừng sững một con người nghiện sách.
Nửa phần sắc xuân đã hờ hững trôi đi,
Năm mươi tuổi tự biết mình suy yếu.
Tấm lòng cố hương (2) mỏi mệt theo cánh chim bay,
Ơn vua như biển rộng, nên còn chần chừ như con cá giương vây.
Riêng chí dũng cảm lúc bình sinh vẫn còn nguyên đó,
Say ngả nghiêng trước gió Đông (3), ngâm một bài thơ.

II

Bóng trăng mờ mờ, đêm đã gần tàn,
Gió Đông đột ngột khơi dậy cái rét mùa xuân.
Bay múa trên không, tơ liễu dính vào gác cao,
Tỉnh mộng, cành trúc (4) đập vào lan can chạm vẽ.
Cảnh vật thêm tươi nhờ trận mưa ngoài trời,
Lòng kinh sợ sắc mặt hồng hào thời xưa đã phai.
Tiêu sầu nhờ có vài chén rượu,
Vỗ kiếm, vời vợi nhớ non xưa (5).

ĐỊCH THƠ :

I

Lâm râm mưa bụi gội hoa mai,
Khép chặt phòng thơ ngất ngưởng ngồi.
Già nửa phần xuân cam bỏ uổng,
Tới năm chục tuổi biết suy rồi.
Mơ màng nước cũ chim bay mỏi,
Khơi thẳm nguồn ân cá khó bơi.
Đởm khí ngày nào rày vẫn đó,
Đè nghiêng ngọn gió đọc thơ chơi.

NGÔ TẤT TỐ
(VHĐT)

II

Đêm xuân hồ hết, bóng trăng mờ,
Lành lạnh hơi xuân mượn gió đưa.
Tơ liễu vườn không, vương gác thượng,
Cành tre quẫy mộng, đập rèm thưa.
Hơi mưa xa gửi ơn đầm thắm,
Vẻ mặt buồn phai nét trẻ thơ.
Tiêu khiển may nhờ ba chén rượu,
Vỗ thanh gươm cũ nhớ non xưa.

Theo *NGÔ TẤT TỐ*
(VHĐT)

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TTTPHT

1* TVTL1, TVTL2 : *tế nhược ti* 細 若 絲
2* VATT : *nhất* 一
3* TVTL1, TVTL2 : *tam* 三
4* VATT, TVTL1. TVTL2 : *hoàn* 还
5* TVTL1 : *lượng* 量
6* VATT, TTTPHT : *nhất phú* 一 賦
7* VATT : *thùy* 睡
8* TTTPHT : *bi* 悲

CHÚ THÍCH :

(1) Theo ý bài thơ, tác phẩm này được sáng tác vào năm Trần Quang Khải 50 tuổi, tức là năm 1290.

(2) *Tấm lòng nhớ cố hương* : nguyên văn là *cố quốc tâm.* Cố quốc là nước cũ, gồm cả quá khứ lịch sử của đất nước, dân tộc, nhưng nhiều khi cũng có nghĩa là cố hương. Câu thơ của Đỗ Phủ 杜 甫 : 相 逢 故 國 人 *Tương phùng cố quốc nhân* ; nghĩa là : gặp gỡ người quê nhà.

(3) *Gió Đông* : gió từ phương Đông, tức gió xuân.

(4) *Cành trúc* (Tương quân) : tương truyền khi vua Thuấn chết, hai vợ là Nga Hoàng 娥 皇 và Nữ Anh 女 英 đi tìm. Đến miền sông Tương, hai nàng thương khóc quá, nước mắt vẫy lên rừng trúc, làm cho trúc vùng này lốm đốm rất đẹp. Ở đây, tác giả dùng chữ Tương quân để chỉ trúc trong vườn mình.

(5) Theo VATT, Lý Tử Tấn 李 子 晋 có bình luận về bài thơ này : 有 去 國 意 *Hữu khứ quốc ý* ; nghĩa là : có lòng muốn đi ở ẩn.

*

ĐINH CỦNG VIÊN
丁拱垣

(? — 1294)

Đinh Củng Viên, người Đông-sơn 東山, Thanh-hóa 清化 học rộng và có tài văn chương. Dưới ba triều vua Trần (Thánh Tông 聖宗 1258—1279, Nhân Tông 仁宗 1279—1293, Anh Tông 英宗 1293—1314), ông đều được tin cậy và giao những việc quan trọng. Năm 1270 ông cùng Lê Đà 黎陀 sang sứ Nguyên bàn về việc cương giới; năm 1282 được trao chức Hàn lâm viện học sĩ phụng chỉ. Hai năm sau, trong khi quân Nguyên ồ ạt đánh sang nước ta, Đinh Củng Viên được giao công việc ở Nội mật viện. Kháng chiến thành công ông lại xin về Viện hàn lâm. Sau nhiều năm giữ việc từ lệnh, ông được thăng chức Thái tử thiếu bảo, tước Quan nội hầu.

Đinh Củng Viên có tinh thần yêu nước và tự tôn dân tộc. Năm 1291, trong khi phò Trần Nhân Tông tiếp sứ Nguyên Trương Lập Đạo 張立道 ông đã cứng cỏi vạch tội ác quân xâm lược Nguyên và khẳng định danh vị vua tôi nước mình khiến Trương Lập Đạo rất tức bực mà không làm gì được. Chắc vì những lý do đó Trần Anh Tông rất quý trọng ông, thường chỉ dùng tước hiệu gọi, không gọi bằng tên thật.

Ông mất năm Giáp ngọ (1294), năm sau còn được truy tặng chức Thiếu phó.

Tác phẩm: hiện còn một bài thơ.

170

瞿塘圖

霜落千崖鳥道荒
江流不轉是瞿塘
旌旗故壘閒秋草
鼓角空山送夕陽
天地有誰窮變滅
筆端無口語興亡
可憐一片西南景
風雨蕭蕭空畫墻

CÙ-ĐƯỜNG ĐỒ

Sương lạc thiên [1*] nhai điểu đạo hoang,
Giang lưu bất chuyển thị Cù-đường.
Tinh kỳ cố lũy nhàn [2*] thu thảo,
Cổ giốc không sơn tống tịch dương.
Thiên địa hữu thùy cùng biến diệt,
Bút đoan vô khẩu [3*] ngữ hưng vương (vong).
Khả liên nhất phiến Tây nam cảnh,
Phong vũ tiêu tiêu không họa tường.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ BỨC TRANH CÙ-ĐƯỜNG (1)

Sương phủ nghìn đèo núi, đường chim bay hoang vu (2),
Sông trôi mà núi non không chuyển (3), ấy là Cù-đường.
Cờ xí quanh lũy cũ chỉ còn lơ thơ đám cỏ mùa thu,
Trống, tù và trên núi hoang tiễn bóng chiều.
Trong trời đất có ai hiểu thấu lẽ biến diệt?
Ngọn bút không có miệng vẫn nói chuyện hưng vong.
Đáng thương một vùng quang cảnh Tây nam ấy,
Trải gió mưa tiêu điều, chỉ còn lại bức tường hoa.

DỊCH THƠ :

Chót vót đèo cao ướt đẫm sương,
Sông trôi chẳng chuyển, ấy Cù-đường.
Cờ bay thành cũ, thưa cây cỏ,
Trống rộn đồi hoang, tiễn bóng dương.
Đời có ai tường điều biến diệt?
Bút không lời mách chuyện hưng vương.
Thương thay phong cảnh Tây nam ấy,
Mưa gió tiêu điều một mảnh tường!

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL4

1* TVTL1, TVTL2, TVTL4 : *thiên* 天

2* TVTL1 : *vi* 圍

3* TVTL4 : *khách* 客

CHÚ THÍCH :

(1) *Cù-đường* : tên một khúc sông thuộc huyện Phụng-tiết 奉節, tỉnh Tứ-xuyên 四川, Trung-quốc. Nơi đây địa thế hiểm trở, hai bờ vách đá dựng đứng, vốn là một vị trí quân sự trọng yếu trong các cuộc chiến tranh ở Trung-quốc thời xưa.

(2) *Đường chim bay* (điểu đạo) *:* ý nói đường hiểm trở, người và thú không đi được, chỉ có chim chóc bay qua được mà thôi. Thơ Lý Bạch 李白 có câu : 四覘太白有鳥道 *Tây chiêm Thái-bạch hữu điểu đạo ;* nghĩa là : nhìn về phía Tây núi Thái-bạch có con đường hiểm trở.

(3) *Sông trôi mà núi non không chuyển* : nguyên văn là giang lưu bất chuyển, ý nói sông chảy mà núi non Cù-đường vẫn không lay chuyển. Trong một bài thơ vịnh Gia Cát Lượng 諸葛亮 có câu : 江流石不轉 *Giang lưu thạch bất chuyển ;* nghĩa là : sông chảy mà đá không bị lay chuyển.

*

LÊ CỦNG VIÊN
黎拱垣
(?—?)

Lê Củng Viên sống vào khoảng thế kỷ XIII, đồng thời với Trần Quang Khải. Quê quán, năm sinh năm mất và hành trạng đều chưa rõ, chỉ biết vào năm Quý tỵ (1293), ông giữ chức Thiếu bảo kiêm Tri kiểm định thiên hạ tụng trạng ty, tước Kim tử vinh lộc đại phu (1).

Tác phẩm : hiện còn bài văn bia *Phụng Dương Công chúa thần đạo bi minh tính tự* 奉陽公主神道碑銘并序, được khắc vào bia đá năm 1293 và khắc lại năm 1822.

(1) Vào thời Trần, đồng thời với Lê Củng Viên còn có một người tên là Đinh Củng Viên 丁拱垣, từng được phong Thái tử thiếu bảo và giữ các chức trong Viện hàn lâm, Viện nội sát, từng đi sứ và tiếp sứ, được ĐVSKTT nhắc đến rất nhiều lần. Do đó có nhà nghiên cứu ngờ Lê Củng Viên chỉ là Đinh Củng Viên khắc nhầm. Phỏng đoán này có thể hợp lý song chưa có bằng chứng chắc chắn để khẳng định dứt khoát, do đó trong bộ sách này chúng tôi vẫn trình bày tách thành hai người. Xem thêm tiểu sử và thơ văn Đinh Củng Viên trong cùng tập.

*

171

奉陽公主神道碑銘并序

陳氏姓也。　　名也。奉陽公主壽命也。相國太師皇考也。慧真夫人慈妣也。幼年宗嘉淑明。太宗皇帝愛之義為子。及嫁上相太師詔賜王婚車服。此公主良配也。

時太師有嬖與公主少不諧。相國慧真御之將奪其志。公主不可曰。女辱已歸于太師。諧不諧命也。父母之命固不道可。其奈長則從夫之義何。相國慧真乃止。此公主貞節也。

事夫以敬順。待媵以寬恕。一婢一妾或遭太師譴怒者。曲折微解。毋令見聲色。雖老列婦弗如也。至於太師銓品朝廷人物。自非閫內事者。未嘗以褻近擅為輕重。此公主賢德也。

相國太師有疾。親侍湯藥。左飧右粥。衣不解帶。臥不安席者朞年。此公主侍親疾也。

相國太師薨。斬衰盡哀。毀性幾滅。國人見之無不掩涕。此公主居喪禮也。慧真嫠居二十餘年。晨夕侍側問安視膳。罔有少怠。設遇一訶一責。則匍匐伏罪。不敢以榮貴而自高自大。此公主事親孝也。

逮慧真　薨。公主欒心柴骨亦有聞。父母所遺產業。皆散諸昆弟。一毫不取。但傾家貲財施僧供佛。食飢衣寒。用資二天冥福。此公主慎終追遠也。

太師身都相位。日勞萬機。不遑家事

委付。區處長幼。整頓資產。凡所施爲。如出一意。此公主治家法也。

針線助神袞。鹽梅資調羹。內助之道尤多。殊非尋常兒女之比。此公主相成道也。其奴婢使不大聲以色。設有竊盜則隨便進之。不忍露其醜惡。此公主仁心也。平居暇日。小小臧獲。每如勞問。不曾以箠撻爲事。故有過惡者。或自攝服。此公主用心寬恕也。

年少歸于相門。身營多事。未暇學問。歲晚尤愛佛書。雖隻言片字。不能鉤致。然大覺之心。粗有識者。其有爲小教所不拘滯。此公主通於心性也。

甲申冬北虜南寇。太師上船避賊。夜半舟中失火。時太師睡寢。公主疑是賊來。徹警授之以牌。且　以身蔽。古之德婦。蔑以加此。此公主明於義勇也。天資慈愛。一視嫡庶。有小善者。則稱揚於太師之前。有小惡者。則提耳微誨。掩惡揚善。有古君子之風。此公主心無妬忌也。

撫字姻族。大小靡道。其有不才者。寧以財物予之。不敢尹諸重戮。此公主心無謟也。

病篤不問子孫。唯以愛夫爲念。太師遺書手中。言來生之日。願爲夫婦如初。此公主篤於愛敬也。

子七人。長早亡。追悼不能自已。乃義關內候國公。以代之。此公主之義子也。次文肅王道載。文可以裨時政。武可以禦國亂。娶靖國大王女寶姿公主。次武肅王道。　尚聖宗皇帝第四

女寶真公主。長女瓊輝公主。諱瑞王有。兩適人俱不諧。次瓊姿公主。諱瑞柔。歸于檢校太尉。次瓊寶公主。諱瑞恩。適靖國大王長子仁國王。次瓊態公主。諱瑞玆。繼歸于檢校太尉。瓊輝瓊態。武肅皆先亡。孫十三。男七女六。真慈公主諱瑞　。適判首上位武寧侯之子涺。餘皆尚幼。此公主之嫡孫子也。

甲子二百八十二。公主所享年也。重興辛卯三月二十二日。薨之年月日也。天長府。獨立村。公主所瘞也。興隆元年四月十一日。瘞之年月日也。主公主之喪而請銘以瘞也。文肅王也。論次其所得於上相太師而為之銘者。少保黎拱垣也。銘曰。

為善必福兮人之常程。
謂仁必壽兮天胡不靈。
生有賢行兮歿有令名。
嬪于相門兮世襲厥聲。
村名獨立兮高處是塋。
文非韓君兮忝為之銘。

翰林侍講阮士㢘書。
翰林校書郎戴覓周善眾鐫。
金紫光祿大夫少保兼知檢定天下訟狀司黎拱垣　撰。
興隆元年癸巳四月十二日羲夫四朝元老平章軍國重事　立。
明命三年歲次壬午六月初壹日
遵依古字重刊。

PHIÊN ÂM :

PHỤNG DƯƠNG CÔNG CHÚA THẦN ĐẠO BI MINH TÍNH TỰ (1*)

Trần 2* thị, tính dã ; □ □ danh dã. Phụng Dương công chúa thọ mệnh dã. Tướng quốc thái sư hoàng khảo 3* dã ; Tuệ Chân phu 4* nhân từ tỉ dã. Ấu niên tông gia thục minh, Thái Tông Hoàng đế ái chi, nghĩa vi tử. Cập giá 5* Thượng tướng Thái sư, chiếu tứ vương cơ xa phục. Thử công chúa lương phối dã.

Thời Thái sư hữu bế, dữ công chúa thiểu bất hài. Tướng quốc Tuệ Chân ngự chi, tương đoạt kỳ chí. Công chúa bất khả, viết :

— Nữ 6* nhục dĩ quy vu Thái sư 7*, hài bất hài, mệnh dã. Phụ mẫu chi mệnh cố bất khả độn, kỳ nại trưởng tắc tòng phu chi nghĩa hà ?

Tướng quốc Tuệ Chân 8* nãi chỉ. Thử công chúa trinh tiết dã.

Sự phu dĩ kính thuận ; đãi đẳng dĩ khoan thứ 9*. Nhất tì 10*, nhất thiếp, hoặc tao Thái sư khiển nộ giả, khúc chiết vi giải, vô linh hiện thanh sắc, tuy lão liệt phụ, phất như dã. Chí ư Thái sư thuyên phẩm triều đình nhân vật, tự phi khổn nội sự giả, vị thường dĩ tiết 11* cận thiện 12* vi tháp trọng. Thử công chúa hiền đức dã.

Tướng quốc Thái sư hữu tật, thân thị thang dược ; tả xan hữu chúc ; y bất giải đới, ngọa bất an tịch giả cơ niên. Thử công chúa thị thân tật dã.

Tướng quốc Thái sư hoăng, trăm thôi tận ai, hủy tình cơ diệt ; quốc nhân kiến chi, vô bất yểm thế. Thử công chúa cư tang lễ dã.

Tuệ Chân 13* ly cư nhị thập dư niên, thần tịch thị trắc, vấn an thị thiện, võng hữu thiểu đãi. Thiết ngộ nhất kha, nhất trách, tắc bồ bặc phục tội, bất cảm dĩ vinh quý nhi tự cao tự đại. Thử công chúa sự thân hiếu dã.

Đãi Tuệ Chân 14* hoăng, công chúa loan 15* tâm sài cốt, diệc hữu văn. Phụ mẫu sở di sản nghiệp, giai tán chư côn đệ, nhất hào bất thủ, đãn khuynh gia xỉ tài thí tăng cúng phật, tự cơ ý hàn, dụng tư nhị thiên minh phúc. Thử công chúa thận chung truy viễn dã.

Thái sư thân đô tướng vị, nhật lao vạn cơ, bất hoàng gia sự, nhất nhất ủy phó, khu xử trưởng ấu, chỉnh đốn xỉ sản, phàm sở thi vi, như xuất nhất ý. Thử công chúa trị gia pháp dã.

Châm tuyến trị bổ cổn, diêm mai tư điều canh, nội trợ chi đạo vưu đa, thù phi tầm thường nhi 16* nữ chi tỷ. Thử công chúa tướng thành đạo dã.

Kỳ nô 17* tỳ sử, bất đại thanh, dĩ sắc. Thiết hữu thiết đạo, tắc tùy tiện truy chi, bất nhẫn lộ kỳ xú ác. Thử công chúa nhân tâm dã.

Bình cư hạ nhật, tiểu tiểu tang hoạch, mỗi như lạo vẫn, bất tằng dĩ chủy thát vi sự. Cố hữu quá ác giả, hàm tự nhiếp phục. Thử công chúa dụng tâm khoan thứ dã.

Niên thiếu quy vu tướng môn, thân doanh đa sự, vị hạ học vấn. Tuế vãn, vưu ái phật thư, tuy chích ngôn phiến tự bất năng câu trí, nhiên đại giác chi tâm, thô hữu thức giả, kỳ hữu vi tiểu giáo sở bất câu trệ. Thử công chúa thông ư tâm tính dã.

Giáp thân đông, Bắc lỗ Nam khấu, Thái sư thường thuyền tị tặc. Dạ bán chu trung thất hỏa, thời Thái sư thụy tẩm, công chúa nghi thị tặc lai, vi cảnh, thụ chi dĩ bài; thả[18*] dĩ thân tế. Cổ chi Phùng Phu, miệt dĩ gia thử. Thử công chúa minh ư nghĩa dũng dã.

Thiên tư từ ái, nhất thị đích thứ, hữu tiểu thiện giả tắc xưng dương ư Thái sư chi tiền; hữu tiểu ác giả, tắc đề nhĩ vi hối. Yểm ác dương thiện, hữu cổ quân tử chi phong. Thử công chúa tâm vô đố kỵ dã.

Phủ tự uyên tộc, đại tiểu mị đạo; kỳ hữu bất tài giả, ninh dĩ tài vật dữ chi, bất cẩm thi chư trọng chức. Thử công chúa tâm vô tư yết dã.

Bệnh đốc, bất vấn tử tôn, duy dĩ ái phu vi niệm. Thái sư di thư thủ trung, ngôn: «Lai sinh chi nhật, nguyện vi phu phụ như sơ». Thử công chúa thuần ư ái kính dã.

Tử thất nhân, trưởng tảo vong, truy điệu bất năng tự dĩ, nãi nghĩa Quan nội hầu quốc công[19*] dĩ đại chi. Thử công chúa chi nghĩa tử dã. Thứ Văn túc vương Đạo Tái, văn khả dĩ tý thời chính, vũ khả dĩ chửng quốc loạn, thú Tĩnh quốc đại vương nữ Bảo Tư công chúa. Thứ Vũ túc vương Đạo □ , thượng Thánh Tông Hoàng đế đệ tứ nữ Bảo Chân công chúa. Trưởng nữ Quỳnh Huy công chúa, húy Thụy Hữu, lưỡng thích nhân câu bất hài. Thứ Quỳnh Tư công chúa, húy Thụy Nhu, quy vu Kiểm hiệu thái úy. Thứ Quỳnh Bảo công chúa, húy Thụy Ân, thích Tĩnh quốc đại vương trưởng tử Nhân quốc vương. Thứ Quỳnh Thái công chúa, húy Thụy Tư, kế quy vu Kiểm hiệu thái úy. Quỳnh Huy, Quỳnh Tư, Vũ túc giai tiên vong. Tôn thập tam, nam thất, nữ lục. Chân Từ công chúa húy Thụy □ , thích Phán thủ thượng vị Vũ ninh hầu chi tử Chiêu. Dư giai thượng ấu. Thử công chúa chi đích tôn tử dã.

Giáp tý nhị bách bát thập nhị, công chúa sở hưởng niên dã. Trùng Hưng Tân mão, tam nguyệt nhị thập nhị nhật, hoăng chi niên nguyệt nhật dã. Thiên-trường phủ, Độc-lập thôn, công chúa sở táng dã. Hưng Long nguyên niên Tứ nguyệt thập nhất nhật, táng chi niên nguyệt nhật dã. Chủ công chúa chi tang nhi thỉnh minh dĩ táng giả, Văn túc vương dã. Luận thứ kỳ sở đắc ư Thượng tướng Thái sư nhi vi chi minh giả, Thiếu bảo Lê Cung Viên dã.

Minh viết:

Vi thiện tất phúc hề, nhân chi thường trình.
Vị nhân tất thọ hề, thiên hồ bất linh.
Sinh hữu hiền hạnh hề, một hữu lệnh danh.
Tần vu tướng môn hề, thế tập quyết thanh.
Thôn danh Độc-lập hề, cao xứ thị oanh.
Văn phi Hàn[20] quân hề, thiểm vi chi minh.*

Hàn lâm thị giảng NGUYỄN SĨ LIÊM thư

Hàn lâm Hiệu thư lang Đới miện CHU THIỆN CHÚNG thuyên

Kim tử quang lộc đại phu Thiếu bảo kiêm tri kiểm định thiên hạ tụng trạng ty LÊ CỦNG VIÊN soạn.

Hưng Long nguyên niên Quý tị tứ nguyệt thập nhị nhật

Nghĩa phu tứ triều Nguyên lão Bình chương quân quốc trọng sự lập

Minh Mệnh tam niên tuế thứ Nhâm ngọ Lục nguyệt sơ nhất nhật tuần y cổ tự trùng san.

DỊCH NGHĨA :

VĂN BIA THỜ CÔNG CHÚA PHỤNG DƯƠNG

Công chúa họ Trần, tên là , tên được ban là Phụng Dương. Cha là tướng quốc Thái sư (1), mẹ là phu nhân Tuệ Chân (2). Khi còn bé, công chúa được khen là hiền hậu và thông minh, vua Thái Tông (3) yêu quý, nuôi làm con. Đến khi gả cho Thượng tướng Thái sư (4), vua xuống chiếu ban cho xe và quần áo theo như con gái vua. Đó là nghi thức khi công chúa đi lấy chồng.

Bấy giờ Thái sư có một người thiếp yêu nên đối với công chúa không đằm thắm. Tướng quốc và phu nhân Tuệ Chân ngăn cản, định không cho Thái sư làm theo ý mình. Công chúa cho là không nên, thưa với cha mẹ :

— Con đã về làm vợ Thái sư, được hòa hợp hay không là do mệnh mà thôi. Ý của cha mẹ, con cái cố nhiên không được cưỡng lại, nhưng còn cái nghĩa «lớn phải theo chồng» thì làm thế nào ?

Tướng quốc và phu nhân Tuệ Chân nghe vậy, bèn thôi. Đó là lòng trinh tiết của công chúa.

Công chúa thờ chồng một lòng kính thuận, đối với thứ thiếp của chồng một lòng khoan thứ. Nếu có người nào làm cho Thái sư giận la mắng, thì công chúa lấy lời lẽ nhẹ nhàng giảng giải, khiến họ không phàn nàn oán hận. Công chúa cư xử như thế, các bậc liệt phụ thời xưa cũng không hơn được.

Đến việc Thái sư lựa chọn, khen thưởng các nhân vật trong triều đình (5), công chúa tự coi đó không phải là phận sự của đàn bà, nên chưa từng vì cớ gần gũi mà tự tiện xen vào những việc quan trọng. Đó là đức tốt của công chúa.

Tướng quốc Thái sư ốm, công chúa chăm nom thuốc thang, phụng dưỡng cơm cháo, suốt một năm trời, đến nỗi áo chẳng kịp cởi, nằm không yên giấc. Đó là cách công chúa hầu hạ cha khi đau yếu.

Tướng quốc Thái sư mất, công chúa để tang hết lễ, xót thương đau đớn đến hầu như muốn chết, người trong nước trông thấy, không ai cầm được nước mắt. Đó là công chúa giữ lễ khi cư tang.

Phu nhân Tuệ Chân ở góa hơn hai mươi năm, công chúa sớm hôm vấn an, đích thân hầu hạ cơm nước, không chút trễ nải. Gặp khi phu nhân có điều gì quở trách, công chúa khúm núm nhận lỗi, không dám tự coi mình cao sang mà ra vẻ. Đó là công chúa thờ mẹ một lòng hiếu thảo.

Khi phu nhân Tuệ Chân mất, công chúa héo hon gầy guộc, ai thấy cũng khen. Sản nghiệp của cha mẹ để lại, công chúa chia đều cho anh em, còn mình không một chút tơ hào. Lại dốc cả gia sản để bố thí cho sư và cúng Phật; kẻ đói thì cho ăn, kẻ rét thì cho mặc. Đem của cải cầu phúc cho cha mẹ, đó là việc công chúa chu đáo với việc sau, nhớ ơn những người trước.

Thái sư ở cương vị Tướng quốc, hằng ngày rất bận, chẳng có thì giờ đoái hoài đến việc nhà, ông ủy thác cho công chúa khu xử với kẻ già, người trẻ, trông nom sắp xếp tài sản. Mọi việc công chúa làm không điều gì không vừa ý Thái sư. Đó là cách thức công chúa trông nom cai quản việc nhà.

Việc kim chỉ vá may, muối mơ nấu nướng, tài nội trợ của công chúa càng giỏi, người đàn bà tầm thường không thể nào sánh được. Đó là công chúa thành thạo việc nội trợ.

Đối với nô tỳ, công chúa không to tiếng, chỉ sai bảo bằng nét mặt. Nếu kẻ nào lỡ lấy trộm vật gì, công chúa chỉ tùy tiện truy hỏi mà không nỡ để lộ điều xấu xa của chúng. Đó là lòng nhân của công chúa.

Ngày thường, những khi rỗi rãi, đối với đám tù nô (6), công chúa thường thăm hỏi, an ủi, chưa từng dùng roi vọt, cho nên những kẻ xấu cũng cảm phục. Đó là lòng khoan thứ của công chúa.

Công chúa về làm dâu nhà tướng từ tuổi còn nhỏ, công việc bận rộn, chưa từng có lúc rảnh rang để học hỏi. Đến khi về già, công chúa đặc biệt thích đọc sách nhà Phật. Tuy chưa hiểu cặn kẽ từng câu từng chữ, nhưng nét đại quát về cái tâm «đại giác» cũng đã hiểu được, ngoài ra những giới luật lặt vặt thì không câu nệ. Đó là công chúa đã thông về tâm và tính (7) vậy.

Mùa đông năm Giáp thân (1284), giặc Nguyên sang cướp nước Nam (8), Thái sư xuống thuyền lánh giặc. Nửa đêm có chiếc thuyền bốc cháy, lúc đó Thái sư đang ngủ, công chúa tưởng giặc đến, khẽ đánh thức Thái sư dậy, đưa cho ngài chiếc mộc rồi lấy thân mình che cho chồng. Lòng dũng cảm như vậy, Phùng Phụ đời xưa (9) cũng không hơn được. Đó là công chúa hiểu biết việc nghĩa và chí dũng cảm.

Công chúa vốn có lòng nhân từ bác ái, không phân biệt con vợ lẽ vợ cả, hễ ai làm được điều gì tốt, dù nhỏ cũng khen trước mặt Thái sư, ai làm điều gì xấu, dù nhỏ cũng rỉ tai răn dạy. Giấu che việc xấu, nêu khen việc hay, công chúa đã có phong cách của bậc quân tử thời xưa. Đó là công chúa lòng không ghen ghét.

Công chúa thân yêu họ hàng nội ngoại, nhưng ai không có tài thì thà cho tiền của chứ không dám trao cho trọng trách. Đó là công chúa lòng không riêng tư.

Khi ốm nặng, công chúa không hỏi gì đến con cháu, chỉ một lòng yêu thương, lo nghĩ đến chồng. Thái sư viết thư đặt vào tay công chúa nói: « Kiếp sau xin được làm chồng vợ như xưa ». Đó là công chúa một lòng trong tình yêu đối với Thái sư vậy.

Công chúa được bảy người con. Con trưởng mất sớm, công chúa thương xót khôn nguôi, bèn nuôi Quan nội hầu quốc công (10) thay con. Đó là con nuôi công chúa. Người thứ hai là Văn túc vương Đạo Tái (11). Vương là người tài văn có thể giúp cho chính sự đương thời, tài võ có thể dẹp yên loạn nước, lấy con gái Tĩnh quốc đại vương (12), là công chúa Bảo Tư. Thứ nữa là Vũ túc vương Đạo □, lấy công chúa Bảo Chân, con gái thứ tư vua Thánh Tông. Con gái lớn là công chúa Quỳnh Huy húy là Thụy Hữu, hai lần gả chồng đều không hòa hợp. Con gái thứ là công chúa Quỳnh Tư, húy là Thụy Nhu, gả cho Kiểm hiệu thái úy (13). Thứ nữa là công chúa Quỳnh Bảo, húy là Thụy Ân, lấy con trưởng Tĩnh quốc đại vương là Nhân quốc vương. Thứ nữa là công chúa Quỳnh Thái, húy là Thụy Tư, làm vợ kế Kiểm hiệu thái úy. Quỳnh Huy, Quỳnh Tư, Vũ túc đều mất sớm. Cháu có mười ba người, bảy trai, sáu gái. Công chúa Chân Từ, húy là Thụy □, lấy con trai Phán thủ thượng vị Vũ ninh hầu tên là Chiêu. Ngoài ra đều còn nhỏ. Đó là tất cả con, cháu ngành đích của công chúa.

Công chúa thọ được 282 ngày giáp tý (14). Ngày 22 tháng Ba năm Tân mão (22-IV-1291), niên hiệu Trùng Hưng, công chúa mất, táng tại thôn Độc-lập, phủ Thiên-trường (15). Ngày táng là 11 tháng Tư niên hiệu Hưng Long năm đầu (18-V-1293). Người chủ tang công chúa đến xin bài minh để táng là Văn túc vương. Người bàn luận với Thái sư về những điều hay điều tốt của công chúa để viết bài minh là Thiếu bảo Lê Củng Viên. Bài minh rằng:

Làm thiện tất được phúc chừ, là điều thường tình,
Nói nhân tất được thọ chừ, trời đâu chẳng linh.
Sống có nết na chừ chết được lưu danh,
Làm vợ cửa tướng chừ đời đời khen mình.
Nơi thôn Độc-lập chừ xứ cao mồ xanh,
Không phải Hàn quân (16) chừ, lạm viết bài minh.

Hàn lâm thị giảng NGUYỄN SĨ LIÊM viết

Hàn lâm hiệu thư lang Đới niệm CHU THIỆN CHỨNG khắc

Kim tử vinh lộc đại phu Thiếu bảo kiêm Tri kiểm định thiên hạ tụng trạng ty LÊ CỦNG VIÊN soạn

Ngày 12 tháng Tư năm Quý tị (19-V-1293) niên hiệu Hưng Long năm đầu, chồng là Nguyên lão bốn triều (17), Bình chương quân quốc trọng sự, lập bia

Ngày 1 tháng Sáu năm Nhâm ngọ (18-VII-1822), niên hiệu Minh Mệnh thứ ba khắc lại.

LÊ TỰ LANH

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : BẢN DẬP KÝ HIỆU 7804, VÀ BẢN SAO THEO BIA HIỆN CÒN

Hiện nay, trước đền thờ công chúa Phụng Dương, vợ Trần Quang Khải tại thôn Độc-lập, nay là xã Mỹ-thành, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Hà-nam-ninh, có một tấm bia viết về bà. Bia cao 1 m 17 (không kể bệ), rộng 0 m74.

Bia do Trần Quang Khải lập vào năm Hưng Long thứ nhất đời Trần Anh Tông (1293), sau khi làm lễ an táng công chúa ở đây. Trải nhiều năm tháng chữ bị mờ nên năm Minh Mệnh thứ ba (1822), bia được khắc lại. Có thể là do chữ quá mờ, người khắc lại ít am hiểu chữ nghĩa nên trong bia có rất nhiều chữ sai, vô nghĩa. Chúng tôi đã theo các sự kiện được ghi trong sử sách, căn cứ vào dạng chữ, hiệu đính một số trường hợp. Những chữ chưa hiệu đính được thì thay bằng dấu khung vuông

1* Nguyên bản : *tự* 寺 (chùa), không có nghĩa, đoán là *tự* 序 (đề tựa).

2* Trong bia bỏ trống. Căn cứ vào chức tước phụ thân công chúa là Tướng quốc Thái sư, mà trong khoảng thời gian ấy (dưới hai triều vua Thái Tông và Thánh Tông, chỉ có Trần Thủ Độ được giữ chức này, do đó có nhiều khả năng công chúa là con Trần Thủ Độ, như vậy bà họ Trần, tạm thêm vào chữ Trần 陳 . Xem thêm chú thích 1, cùng bài.

3* Nguyên bản : *kỳ* 耆 , không có nghĩa, đoán là *khảo* 考

4* Nguyên bản : *khứ* 去 , không có nghĩa, đoán là *phu* 夫

5* Trong nguyên bản sau chữ *vị* 未 là một khoảng trống đủ viết hai chữ. Nhưng trước các chữ *Thái sư* 太師 , *Tướng quốc* 相國 , *đế* 帝... thường có một khoảng trống để *dài*. Như vậy ở đây bia khắc thiếu một chữ, hợp với chữ *vị* phải thành một cụm từ chỉ việc Phụng Dương đi lấy chồng. Nhưng chữ *vị* thì không hợp được với từ nào có nghĩa như thế. Bởi vậy tạm đoán là hai chữ *cập giá*

6* Nguyên bản : *thiếp* 妾 ; con cái không xưng hô với cha mẹ bằng đại từ này, đoán là *nữ* 女 , nghĩa là con gái.

7* Nguyên bản có 6 khoảng trống, trừ một chỗ *dài*, bia còn thiếu 5 chữ, đoán là : *dĩ quy vu Thái sư* 已歸于太師 , nghĩa là đã về làm vợ Thái sư.

8* 13* 14* Nguyên bản : *trinh* 貞 khắc, nhầm. Ở đoạn văn trên đã nói rõ mẹ sinh ra Phụng Dương tên là *Tuệ Chân* 慧眞 , do đó chữa lại.

9* Nguyên bản có hai khoảng trống, đoán là hai chữ *khoan thứ* 寛恕

10* Nguyên bản thiếu một chữ, đoán là chữ *tỳ* 婢

11* Nguyên bản : 衺 , biến dạng của chữ *suy* 衰 , không có nghĩa, đoán là *tiết* 褻 , nghĩa là gần gũi.

12* Nguyên văn : *đàn* 檀 , tên một thứ gỗ thơm, không có nghĩa, đoán là chữ *thiện* 擅.

15* Nguyên văn : *lạc* 樂 , không có nghĩa, đoán là *loan* 欒 , một loại cây có gai. Cả câu có ý nói lòng bối rối đau đớn như bị gai đâm.

16* Nguyên văn : *quỷ* 鬼 , không có nghĩa, đoán là *nhi* 兒

17* Nguyên văn : *ngự* 馭 , không có nghĩa, đoán là *nô* 奴

18* Nguyên văn : *đán* 旦 , không có nghĩa, đoán là *thả* 且

19* Nguyên văn : *hề* 兮 , không có nghĩa, đoán là *công* 公

20* Nguyên văn *húy* 諱 , không có nghĩa, đoán là *hàn* 韓

CHÚ THÍCH :

(1) *Tướng quốc Thái sư* : bia không ghi rõ họ, tên nhưng xét trong các pho sử lớn : ĐVS KTT, VSTGCM, trong khoảng hai triều vua Trần Thái Tông (1226 — 1258) và Trần Thánh Tông (1258 — 1278) chỉ có Trần Thủ Độ được phong Thái sư Thống quốc, cũng thường gọi là Tướng quốc Thái sư. Ngoài ra, năm 1264 Trần Nhật Hạo 陳日昊 (anh ruột Thái Tông) cũng được phong Tướng quốc Thái sư, nhưng ông cố từ chối, chỉ giữ chức Thái úy. Mãi đến năm 1268, Nhật Hạo chết, Thánh Tông mới truy tặng chức Thái sư. Như vậy Tướng quốc Thái sư ở đây có phần chắc là Trần Thủ Độ. Xét về tuổi tác, Thủ Độ sinh năm 1194, công chúa Phụng Dương sinh năm 1244 (tính theo tư liệu ghi trên bia), như vậy lúc này ông 50 tuổi. Đàn ông ở tuổi đó sinh con là bình thường. Và có thể đoán tương đối chắc chắn rằng công chúa Phụng Dương là con gái Trần Thủ Độ.

(2) *Phu nhân Tuệ Chân* : chưa rõ tiểu sử.

3) *Vua Thái Tông* : tức Trần Thái Tông, xem tiểu sử Trần Cảnh, trong cùng tập.

(4) *Thượng tướng Thái sư* : tức Trần Quang Khải, năm 1282 ông được phong Thượng tướng Thái sư, xem thêm tiểu sử, trong cùng tập.

(5) *Lựa chọn, khen thưởng...* : nguyên văn là *thuyên* 銓, *phẩm* 品, nghĩa là chọn người để bổ làm quan và xét khen thưởng.

(6) *Tù nô* : nguyên văn là *tang hoạch* 臧獲, nghĩa là tù nhân bắt được trong khi đánh nhau. Những tù nhân này thường được chia cho các quan to làm gia nô nhưng phải đảm đương những việc khó nhọc, khác với nô tì chỉ sai bảo việc nhà. Tạm dịch là tù nô để phân biệt.

(7) *Tâm và tính* : cũng như *đại giác*, thuật ngữ đạo Phật, chỉ sự giác ngộ của các Phật tử.

(8) *Giặc Nguyên sang cướp* : chỉ việc quân Nguyên Mông đánh sang nước ta lần thứ hai mùa đông năm Giáp thân (1284). Tháng Chạp ÂL (7-I đến 5-II năm 1285) chúng bắt đầu tràn qua cửa ải nước ta. Lúc đầu nhà Trần rút khỏi kinh thành Thăng-long. Sự kiện nói ở đây có lẽ xảy ra trong lần rút quân đó.

(9) *Phùng Phụ* : người nước Tấn thời xưa có tài bắt hổ. Ở đây tác giả dẫn để khen sự dũng cảm của Phụng Dương.

(10) *Quan nội hầu quốc công* : không rõ tiểu sử.

(11) *Văn túc vương Đạo Tái* : tức Trần Đạo Tái, xem tiểu sử trong cùng tập,

(12) *Tĩnh quốc đại vương* : tức Trần Quốc Khang 陳國康, con của Trần Liễu 陳柳 và công chúa Thuận Thiên 順天. Khi Thuận Thiên được đưa vào cung làm hoàng hậu thay thế Chiêu Thánh 昭聖 lâu chưa có con, bà đã có mang Quốc Khang được ba tháng. Tuy vậy Thái Tông vẫn coi Quốc Khang là con mình.

(13) *Kiểm hiệu thái úy* : dưới ba đời vua Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông 仁宗, sử ghi một người được phong Kiểm hiệu thái úy là Tả thiên vương Đức Việp, con thứ Trần Thái Tông. Không rõ có phải người này lại làm rể Trần Quang Khải không.

(14) *282 ngày giáp tí* : theo cách tính âm lịch thì cứ 60 ngày có một ngày giáp tí. Như vậy 282 ngày giáp tí có nghĩa là 282 × 60 = 16.920 ngày. Năm ÂL có 360 ngày, tính ra thành 16.920 : 360 = 47 năm. Công chúa Phụng Dương sống được 47 năm. Công chúa mất năm Tân mão (1291) do đó sinh vào năm 1244.

(15) *Thôn Độc lập, phủ Thiên trường* : nay là xã Mỹ-thành, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Hà-nam-ninh.

(16) *Hàn quân* : tức Hàn Dũ. Xem Cht. 24, bài *Phổ khuyến phát bồ-đề tâm*, số 7, của Trần Cảnh.

(17) *Nguyên lão bốn triều* : vị quan to, cao tuổi làm quan trải bốn triều vua. Trần Quang Khải sinh năm 1240, con thứ ba Trần Thái Tông được phong Chiêu minh đại vương. Ông làm Thái úy (1261) đời Trần Thánh Tông, làm Tướng quốc Thái úy (1281) đời Trần Nhân Tông (1279 — 1293). mất năm 1294 đời Trần Anh Tông (1293 — 1314). Vì thế gọi là Tứ triều nguyên lão.

*

TRẦN KHÂM
陳 昑
NHÂN TÔNG
仁 宗
(1258 — 1308)

Trần Khâm là con đầu Trần Thánh Tông 陳聖宗, sinh ngày 11 tháng Mười một năm Mậu ngọ (7-XII-1258), lên làm vua từ năm Kỷ mão (1279), niên hiệu là Thiệu Bảo 紹寶 (1279—1284) và Trùng Hưng 重興 (1285—1293).

Lúc trẻ có nhiều tên gọi: Khâm, Phật Kim 佛金 và Nhật Tôn 日尊 Sau khi mất thụy hiệu là Nhân Tông.

Trong lịch sử chế độ phong kiến Việt-nam, Trần Nhân Tông là một trong những ông vua yêu nước và anh hùng. Lên nối ngôi vua giữa tình thế đất nước đang đứng trước một cuộc xâm lăng không tránh khỏi của đế quốc Nguyên Mông, ông đã cùng vua cha lãnh đạo triều đình và dân chúng khẩn trương chuẩn bị về mọi mặt, nâng sức chiến đấu của quân và dân lên vượt bực và nhờ đó đã giành thắng lợi rực rỡ trong hai lần đọ sức với 50 vạn quân giặc (1285 và 1288), lập nên chiến công lừng lẫy trên trang sử của dân tộc và của cả thế giới trong thời đại đó. Ông còn giành những thắng lợi quan trọng trong các cuộc hành binh về phía Tây và phía Nam, củng cố vững vàng biên giới của Tổ quốc. Là người nổi tiếng khoan hòa và nhân ái, ông đã xây dựng một chính sách đoàn kết từ trong hoàng tộc đến ngoài muôn dân, thực hiện chủ trương «nới sức dân», đề bạt và tuyển dụng người có tài bằng thi cử để bổ sung cho chế độ thế tập, nới rộng tinh thần dân chủ. Dưới triều đại ông, hai cuộc hội nghị nổi tiếng được ghi vào sử sách là hội nghị các tướng lĩnh ở Bình-than 平灘 và hội nghị những người già cả trong cả nước ở Diên-hồng 延洪 để bàn mưu kế, tỏ quyết tâm chống giặc. Có thể nói ông là một vị vua có tinh thần «thân dân» nhất đời Trần.

Trần Nhân Tông còn là một nhà văn hóa, nhà thơ xuất sắc ở thế kỷ XIII. Ông đã sáng lập ra dòng Thiền Trúc lâm 竹林 ở Việt-nam, đáp ứng một nhu cầu sinh hoạt tinh thần của người Việt đương thời, mặt khác cũng nhằm góp phần vào việc xây dựng một nước Đại-việt 大越 có quy mô lớ

thế, có văn hóa văn minh độc lập, chống lại những ảnh hưởng ngoại lai, phi dân tộc. Riêng trong lĩnh vực thơ văn, ông là một nhà thơ có phong cách. Thơ ông có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cảm quan triết học và cảm quan thế sự, có tinh thần lạc quan, yêu đời, tấm lòng vị tha của một nhân cách cỡ lớn và sự rung động tinh tế, lòng yêu tự do thích thảng của một nhà nghệ sĩ. Ở đấy cũng thể hiện sự hòa hợp khó chia tách giữa một ngòi bút vừa cung đình vừa bình dị, dân dã, có cả những kiến thức sách vở uyên bác lẫn với sự từng trải lịch lãm.

Vào năm 1293, Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con và nhận tước vị Thái thượng hoàng. Từ đây ông bắt đầu đi sâu vào Phật học. Nhưng mãi đến 1298 ông mới thật khoác áo nhà sư đi thuyết pháp các nơi, chu du khắp đất nước, vào đến tận kinh đô nước Chiêm-thành 占城 rồi mới trở về lên tu ở núi Yên-tử 安子, lấy pháp hiệu là Hương Vân Đại đầu đà 香雲大頭陀, hoặc còn gọi là Trúc lâm đại đầu đà 竹林大頭陀, được người đương thời tôn xưng là Giác hoàng Điều ngự 覺皇調御. Ông mất ngày 3 tháng Mười một năm Mậu thân (16-XI-1308) tại am Ngọa-vân 臥雲 trên núi Yên-tử.

Tác phẩm: theo các sách TĐNL, TVTL, *Đại-việt thông sử* 大越通史, LTHCLC, Trần Nhân Tông đã có các tác phẩm sau: *Trần Nhân Tông thi tập* 陳仁宗詩集, *Đại hương hải ấn thi tập* 大香海印詩集, *Tăng già toái sự* 僧伽碎事, *Thạch thất mỵ ngữ* 石室寐語 và bộ *Trung hưng thực lục* 中興實錄 do ông sai văn thần biên soạn. Tuy nhiên, hiện chỉ còn tìm thấy 31 bài thơ, hai cặp câu thơ lẻ, một bài minh và một bài tán. Ngoài ra, trong sách TTBH còn có hai bài văn Nôm biền ngẫu ghi tên ông là tác giả. Chúng tôi sưu tập lại dưới đây tất cả những tác phẩm có xuất xứ khác nhau đó, đồng thời còn chọn trích thêm một đoạn văn ngữ lục trong TĐNL và một lời phát biểu của ông với sứ giả Trương Lập Đạo 張立道 do chính vị sứ này ghi lại.

*

172

春日謁昭陵

貔虎千門肅
衣冠七品通
白頭軍士在
往往說元豐。

XUÂN NHẬT[1*] **YẾT CHIÊU LĂNG**[2*]

Tì hổ thiên môn túc,
Y quan thất phẩm thông.
Bạch đầu quân sĩ tại,
Vãng vãng thuyết Nguyên Phong.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY XUÂN THĂM CHIÊU-LĂNG (1)

Quân thị vệ như hùm gấu, trước nghìn cửa đứng nghiêm túc,
Áo mũ các quan đủ cả bảy phẩm.
Người lính già đầu bạc còn đến ngày nay,
Thường kể lại chuyện đời Nguyên Phong.

DỊCH THƠ :

Nghìn cửa, nghiêm tì hổ,
Bảy phẩm, đủ cân đai.
Lính bạc đầu còn đó,
Chuyện Nguyên Phong, kể hoài.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL2, TVTL3, HVTT

1* TVTL2 : *nguyên đán* 元旦. HVTT : *nguyên nhật* 元日
2* TVTL2 : chỉ chép có đầu bài.

CHÚ THÍCH :

(1) *Chiêu-lăng :* lăng vua Trần Thái Tông 陳太宗

173

春曉
睡起啟窗扉
不知春已歸
一雙白蝴蝶
拍拍趁花飛。

XUÂN HIỂU 1*

Thụy khởi khải song phi,
Bất tri xuân dĩ quy.
Nhất song bạch hồ điệp,
Phách phách sấn hoa phi.

DỊCH NGHĨA :

BUỔI SỚM MÙA XUÂN

Ngủ dậy mở cánh cửa sổ,
Không ngờ mùa xuân đã về.
Một đôi bướm trắng,
Phần phật cánh, bay đến với hoa.

DỊCH THƠ:

Ngủ dậy, mở cửa sổ,
À, xuân về rồi đây!
Kìa một đôi bướm trắng,
Nhằm hoa, phơi phới bay.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐÍNH:

CÁC DỊ BẢN: VATT, TVTL2, TVTL3, HVTT

1* VATT: *vãn* 晚 nhưng dưới chữ *vãn* lại viết thêm chữ *hiểu* 曉. TVTL2, TVTL3, HVTT: *vãn* 晚.

*

174

題古州鄉村寺 **ĐỀ CỔ-CHÂU HƯƠNG THÔN TỰ**

世數一索莫
時情兩海銀
魔宮渾管甚
佛國不勝春。

Thế số nhất sách mạc 1*,
Thời tình lưỡng hải ngân.
Ma cung hồn quản thậm 2*,
Phật quốc bất thăng xuân.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ CHÙA LÀNG HƯƠNG CỔ-CHÂU (1)

Số đời hoàn toàn mờ mịt,
Tình người đổi thay qua đôi mắt (2).
Khi cung ma bị quản chặt,
Thì cõi Phật tràn ngập màu xuân.

DỊCH THƠ:

Số đời mờ mịt cả,
Tình trong đôi mắt trong.
Cung ma nếu quản chặt,
Cõi Phật xuân không cùng.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐÍNH:

CÁC DỊ BẢN: TĐNL, TLTCNT, TTTPHT

1* TĐNL, TTTPHT: *tức mặc* 鄎墨

2* TTTPHT: *quản thậm sự* 管甚事

CHÚ THÍCH:

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo TĐNL thì tháng Mười năm Mậu thân (1308) Trần Nhân Tông được tin công chúa Thiên Thụy 天瑞 ốm nặng bèn từ Yên-tử về thăm. Đến ngày 15 tháng Mười ÂL sau khi dặn dò xong, Nhân Tông lại trở về Yên-tử. Giữa đường ông nghỉ lại trong một ngôi chùa làng ở hương Cổ-châu, sáng hôm sau trước khi lên đường ông đề bài kệ này lên vách chùa để ngỏ ý mình. Sự việc Nhân Tông từ Yên-tử về thăm công chúa Thiên Thụy lúc bà sắp mất, ĐVSKTT cũng có chép.

(2) *Đôi mắt* (hải ngân). Trong thơ của Tô Thức 蘇軾 có câu: 凍合玉楼寒起慄; 光交銀海眩生花. *Đống hợp ngọc lâu hàn khởi lật; Quang giao ngân hải huyễn sinh hoa.* Các nhà chú giải giảng rằng: Kinh của Đạo giáo gọi xương vai là ngọc lâu và mắt là ngân hải. Ở đây có lẽ chính là *ngân hải* nhưng vì niêm vận, tác giả phải đổi ngược lại thành *hải ngân* chăng?

*

175

洞天湖上

洞天湖上景
花草減春容
上帝憐岑寂
太清時一鍾。

ĐỘNG-THIÊN HỒ THƯỢNG

Động-thiên hồ thượng cảnh,
Hoa thảo giảm xuân dung.
Thượng đế liên sầm tịch,
Thái[1*] thanh thì nhất chung.

DỊCH NGHĨA:

TRÊN HỒ ĐỘNG-THIÊN (1)

Quang cảnh hồ Động-thiên,
Hoa cỏ kém vẻ xuân tươi.
Thượng đế thương hiu quạnh,
Thỉnh thoảng điểm một tiếng chuông giữa tầng biếc.

DỊCH THƠ:

Cảnh hồ Động-thiên nọ,
Hoa cỏ giảm màu xuân.
Thượng đế thương hiu quạnh,
Tầng xanh chuông bỗng ngân.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3

1* TVTL3 : *đại* 大.

CHÚ THÍCH :

(1) *Hồ Động-thiên* : chưa rõ ở đâu.

*

176

登寶臺山

地僻臺逾古
時來春未深
雲山相遠近
花徑半晴陰
萬事水流水
百年心語心
倚欄橫玉笛
明月滿胸襟。

ĐĂNG BẢO-ĐÀI SƠN [1*]

Địa tịch đài du [2*] cổ,
Thời lai xuân vị [3*] thâm.
Vân sơn tương viễn cận,
Hoa kính bán tình [4*] âm.
Vạn sự thủy lưu thủy,
Bách niên tâm ngữ tâm.
Ỷ lan hoành ngọc địch,
Minh nguyệt mãn hung [5*] khâm.

DỊCH NGHĨA :

LÊN NÚI BẢO-ĐÀI (1)

Đất hẻo lánh, đài thêm cổ kính,
Theo thời tiết, mùa xuân về chưa lâu.
Núi mây như xa, như gần,
Ngõ hoa nửa rợp, nửa nắng.
Muôn việc như nước tuôn nước,
Trăm năm lòng lại nhủ lòng.
Tựa lan can nâng ngang chiếc sáo ngọc,
Ánh trăng sáng chan hòa trước ngực.

DỊCH THƠ :

Đất vắng, đài thêm cổ,
Ngày qua, xuân chửa nồng.
Gần xa, mây núi ngất,
Nắng rợp, ngõ hoa lồng.

Muôn việc nước trôi nước,
Trăm năm lòng nhủ lòng.
Tựa hiên, nâng sáo ngọc,
Đầy ngực, ánh trăng trong.

Theo *NGÔ TẤT TỐ*
(VHĐT)

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT, TTTPHT

1* VATT, TTTPHT *Đăng Bảo-đài sơn họa vận* 登寶臺山和韻
2* VATT chú : *nhất tác do* 一作猶 . TTTPHT : *do* 猶
3* TTTPHT : *vĩnh* 永
4* TTTPHT : *u* 幽
5* TTTPHT : *hoài* 懷

CHÚ THÍCH :

(1) *Núi Bảo-đài :* VATT chú : Bảo-đài còn có tên khác là Long-đại 龍岱 thuộc châu Ái 愛州 , ở Bảo-lộc 保祿 cũng có, HVTT chú : núi Bảo-đài ở xã Động-mạc 洞漠 , huyện Vọng-doanh 望瀛 . Huyện Đông-triều 東潮 , Hải-dương cũng có.

Như vậy là có nhiều ngọn núi mang tên Bảo-đài nhưng theo chúng tôi, có lẽ ngọn núi mà tác giả nói ở đây là ngọn núi thuộc dẫy Yên-tử 安子 , huyện Đông-triều, nay thuộc tỉnh Quảng-ninh.

*

177

饋張顯卿春餅

柘枝舞罷試春衫
況值今朝三月三
紅玉堆盤春菜餅
從來風俗舊安南。

QUỸ TRƯƠNG HIỂN KHANH XUÂN BÍNH 1*

Giá chi vũ 2* bãi thí xuân sam,
Huống trị kim 3* triêu tam nguyệt tam.
Hồng ngọc đôi 4* bàn xuân thái 5* bính,
Tòng lai phong tục cựu An-nam.

DỊCH NGHĨA :

TẶNG BÁNH NGÀY XUÂN CHO TRƯƠNG HIỂN KHANH (1)

Múa giá chi (2) xong, thử tấm áo ngày xuân (3),
Huống nữa hôm nay lại gặp tiết mồng ba tháng Ba (4).
Bánh rau (5) mùa xuân, như ngọc hồng bầy đầy mâm,
Đó là phong tục của nước An-nam xưa nay.

DỊCH THƠ:

Múa giá chi rồi, thử áo xuân,
Hôm nay, hàn thực, buổi thanh thần.
Bánh rau đầy đặn như hồng ngọc,
Nước Việt, tục này theo cổ nhân.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐÍNH:

CÁC DỊ BẢN: ANCL, VATT, TVTL2, TVTL3, TTTPHT

1* VATT, TVTL2, TVTL3, TTTPHT: *tức sự* 即事 ANCL thêm chữ: *thiên sứ* 天使 trước chữ *Trương* 張, chúng tôi lược bớt.

2* ANCL: *thuấn* 舜

3* TVTL2, TVTL3: *xuân* 春

4* ANCL: *tuyết điêu* 雪彫

5* TVTL2, TVTL3: *thái* 採

CHÚ THÍCH:

(1) *Trương Hiển Khanh*: xem Cht. 1, bài *Tống Bắc sứ Trương Hiển Khanh*, số 2, của Trần Cảnh.

(2) *Múa giá chi*: VATT chú: *giá chi vũ* vốn là *thác bạt vũ*, người ta chép lầm thành quen. Có thể *giá chi vũ* Nhân Tông nói ở đây là một điệu múa cổ của dân tộc ta chăng?

(3) *Thử tấm áo xuân*: có lẽ cũng là tên một điệu múa.

(4) *Mồng ba tháng Ba* là tiết thanh minh, trong ngày đó nhân dân ta thường đi tảo mộ và ăn tết bằng các loại bánh, phổ biến nhất là bánh trôi, bánh chay...

(5) *Bánh rau* (thái bính): ở đây có thể là bánh khúc.

*

178

送北使李仲賓
蕭方崖

坎坎靈池煖餞筵
春風無計駐歸鞭
不知兩點軺星福
幾夜光芒照越天。

TỐNG BẮC[1*] SỨ LÝ TRỌNG TÂN[2*], TIÊU PHƯƠNG NHAI

Khảm khảm[3*] Linh[4*] trì noãn[5*] tiễn[6*] diên,
Xuân phong vô kế[7*] trụ quy[8*] tiên[9*].
Bất tri lưỡng điểm thiều tinh phúc,
Kỷ dạ quang mang chiếu Việt thiên.

DỊCH NGHĨA :

TIỄN SỨ BẮC LÝ TRỌNG TÂN, TIÊU PHƯƠNG NHAI (1).

Ao Linh-trì (2) thăm thẳm, bữa tiệc tiễn đưa ấm áp,
Gió xuân không cách nào giữ lại ngọn roi trên đường về.
Chẳng hay phúc lành của hai ngôi sao sứ thần (3),
Còn vằng vặc soi trời Việt được mấy đêm nữa!

DỊCH THƠ :

Sâu thẳm Linh-trì, nồng rượu tiễn,
Gió xuân không giữ được người về.
Nào hay sao sứ hai ngôi phúc,
Còn chiếu trời Nam mấy khắc khuya.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : ANCL, VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, TTTPHT

1* ANCL : *thiên* 天

2* TVTL1 : *lai* 賚

3* VATT : *xuy xuy* 吹吹 và chú : *nhất tác khảm khảm*, 一作坎坎 nghĩa là : có bản chép : *khảm khảm*. TTTPHT : *xuy xuy* 吹吹

4* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : *hư* 虛

5* TVTL2, TVTL3 : *áo* 懊

6* TTTPHT : *tống* 送

7* TVTL1, TVTL2 : *ngữ* 語

8* TTTPHT : *chinh* 征

9* TVTL1, TVTL2 : *an* 鞍

CHÚ THÍCH :

(1) Năm 1293, nhà Nguyên lấy cớ vua Trần không đích thân sang chầu, chuẩn bị đem quân đánh Việt-nam lần thứ 4. Nhưng năm sau (1294) Hốt Tất Liệt (Qubilai) tức Nguyên Thế Tổ 元世祖 chết, cháu là Thiết-mộc-nhi 鐵木兒 tức Nguyên Thành Tông 元成宗 lên nối ngôi liền xuống chiếu bãi binh. Lý Trọng Tân và Tiêu Phương Nhai được cử sang Đại-việt tuyên bố tờ chiếu đó. Trong chuyến đi này Tiêu Phương Nhai đã viết cuốn *Sứ giao lục* 使交錄.

(2) *Linh-trì* : có lẽ là tên một cái ao cảnh nào đó của nhà vua trong hoàng thành.

(3) *VATT chú* 軺即輕車，恐無軺星 *Thiều tức khinh xa, khủng vô thiều tinh* : nghĩa là thiều là một loại xe nhẹ, e rằng không có sao Thiều.

*

179

春景	XUÂN CẢNH
楊柳花深鳥語遲	Dương liễu hoa thâm điểu ngữ trì,
畫堂簷影暮雲飛	Họa đường thiềm ảnh mộ vân phi.
客來不問人間事	Khách lai bất vấn nhân gian sự,
共倚欄杆看翠微。	Cộng [1*] ỷ [2*] lan can khán thủy vi.

DỊCH NGHĨA :

CẢNH XUÂN

Trong khóm hoa dương liễu rậm, chim hót chậm rãi,
Dưới bóng thềm ngôi nhà chạm vẽ, mây chiều lướt bay.
Khách đến chơi không hỏi việc đời,
Cùng đứng tựa lan can ngắm màu xanh mờ mịt ở chân trời.

DỊCH THƠ :

Chim nhẫn nha kêu, liễu trổ dày,
Thềm hoa chiều rợp bóng mây bay.
Khách vào chẳng hỏi chuyện nhân thế,
Cùng tựa lan can nhìn núi mây.

HUỆ CHI

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3

1* TVTL : *chỉ* 只
2* TVTL : *bạng* 傍

*

180

二月十一日夜	NHỊ NGUYỆT THẬP NHẤT NHẬT DẠ
歡伯澆愁風味長	Hoan bá kiêu sầu phong vị trường,
桃笙竹簟穩龍床	Đào sinh, trúc đạm ổn long sàng.
一天如水月如晝	Nhất thiên như thủy, nguyệt như trú,
花影滿窗春夢長。	Hoa ảnh mãn song, xuân mộng trường.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM MƯỜI MỘT THÁNG HAI

Chén rượu [1] rửa sầu có phong vị đậm đà,
Chiếc chiếu đào sinh [1] yên ổn trên giường rồng.
Trời trong như nước, trăng sáng như ban ngày,
Bóng hoa tràn ngập cửa sổ, giấc mộng đêm xuân triền miên.

DỊCH THƠ :

Rửa sầu có rượu nhiều phong vị,
Chiếu trúc, giường rồng mọi vẻ càn.
Nước ấy vầng xanh, trăng ấy ngọc,
Đầy song hoa quyện giấc mơ xuân.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

Rượu tưới sầu tan, vị đậm đà,
Giường rồng, chiếu trúc trải bày ra.
Trời trong như nước, trăng vằng vặc,
Giấc mộng xuân dài dưới bóng hoa.

TRẦN LÊ VĂN

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : VATT, TVTL2, TVTL3

(1) *Chén rượu* (hoan bá): theo sách *Dịch lâm* 易林 rượu được gọi là « bác vui », vì nó tiêu trừ nỗi lo, đưa lại niềm vui.

(2) *Chiếu đào sinh:* theo *Từ hải* 辭海, ở Tứ-xuyên 四川 có loại đào sinh trúc đốt dài, vỏ mềm có thể làm chiếu nên người ta gọi thứ chiếu đan bằng trúc Tứ-xuyên là « đào sinh ».

*

181

閨怨	KHUÊ OÁN [1*]
睡起鉤簾看墜紅	Thụy khởi câu liêm khán trụy [2*] hồng,
黃鸝不語怨東風	Hoàng li bất ngữ oán Đông phong.
無端落日西樓外	Vô đoan lạc nhật tây lâu ngoại,
花影枝頭盡向東	Hoa ảnh chi đầu tận hướng Đông.

DỊCH NGHĨA :

NIỀM OÁN HẬN CỦA NGƯỜI KHUÊ PHỤ

Ngủ dậy, cuốn mành xem cánh hồng rụng,
Chim oanh vàng bặt tiếng, oán gió Đông (1).
Không dưng mặt trời lặn phía ngoài lầu Tây,
Đầu cành bóng hoa đều hướng về phía Đông.

DỊCH THƠ :

Tỉnh giấc, rèm nâng, ngó rụng hồng,
Hoàng anh im tiếng, giận Đông phong.
Lầu Tây vô cớ, vầng dương lặn,
Cả bóng hoa cành ngả hướng Đông.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3

1* VATT : *sầu* 愁
2* VATT : *đọa* 墮

CHÚ THÍCH :

(1) *Gió đông :* tức gió xuân. Trời đã sang hè, chim hoàng oanh không hót vì oán mùa xuân đã qua, gió xuân không tới nữa.

*

182

梅

鐵膽石肝凌曉雲
縞裙練帨迓東風
人間儉素漢文帝
天下英雄唐太宗

MAI

Thiết đảm, thạch can lăng hiểu 1* tuyết,
Cảo 2* quần, luyện thuế nhạ 3* đông phong.
Nhân gian kiệm tố 4* Hán Văn Đế,
Thiên hạ anh hùng Đường Thái Tông.

DỊCH NGHĨA :

CÂY MAI

Gan dạ sắt đá vượt lên tuyết buổi sáng,
Quần lụa mộc, khăn lụa trắng đón gió đông (1).
[Như] Hán Văn Đế là người tiết kiệm, mộc mạc trong nhân gian,
[Và] Đường Thái Tông là bậc anh hùng trong thiên hạ.

DỊCH THƠ :

Gan lì sắt đá nhờn sương tuyết,
Mộc mạc khăn xiêm đón gió đông.
Như Hán Văn xưa, danh tiết kiệm,
Thái Tông, Đường nọ, tiếng anh hùng.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL2, TVTL3, TTTPHT

1* VATT ; *bắc* 北 và ghi chú *bắc nhất tác hiểu* 北 一作 曉 , nghĩa là chữ *bắc* có bản viết là *hiểu*. TTTPHT : *địa* 地 .
2* TVTL2, TVTL3, TTTPHT : *tố* 素 .
3* VATT, TVTL2, TVTL3 : *bội* 背 .
4* TTTPHT : *ước* 約 .

CHÚ THÍCH :

(1) *Gió đông* (đông phong) : xem Cht. 1, bài *Khuê oán*, số 181, cùng tác giả.
(2) *Hán Văn Đế :* con thứ Hán Cao Tổ 漢 高 祖 tên là Hằng 恒 là vua thứ ba nhà Hán (179 — 156 trước CN), được sử sách khen là nhân từ, kiệm ước.
(3) *Đường Thái Tông :* tên là Lý Thế Dân 李 世 民 (627 — 649), người sáng lập ra nhà Đường ở Trung-quốc, được người xưa khen là ông vua thông minh, anh hùng của nhà Đường.

*

183

春 晩

年 少 何 曾 了 色 空
一 春 心 在 百 花 中
如 今 勘 破 東 皇 面
禪 板 蒲 團 看 墜 紅。

XUÂN VÃN

Niên thiếu hà tằng liễu sắc không,
Nhất xuân tâm tại bách hoa trung.
Như kim kham phá đông hoàng 1* diện,
Thiền bản bồ đoàn khán trụy 2* hồng.

DỊCH NGHĨA :

XUÂN MUỘN

Thuở trẻ chưa từng hiểu rõ « sắc » với « không »,
Mỗi khi xuân đến vẫn gửi lòng trong trăm hoa.
Ngày nay đã khám phá được bộ mặt chúa xuân (1),
Ngồi trên nệm cỏ (2) giữa tấm phản nhà chùa ngắm cánh hoa rụng.

DỊCH THƠ:

Tuổi trẻ chưa tường lẽ sắc không,
Xuân sang, hoa nở, rộn tơ lòng.
Chúa xuân nay đã thành quen mặt,
Nệm cỏ ngồi yên, ngó rụng hồng.

Theo NGÔ TẤT TỐ
(VHĐT)

KHẢO ĐÍNH:

CÁC DỊ BẢN: VATT, TVTL2, TVTL3

1* VATT, TVTL2, TVTL3: *phong* 風. Trong *VHĐT* của Ngô Tất Tố là: *hoàng* 皇, chúng tôi theo bản này.

2* VATT: *đọa* 墮.

CHÚ THÍCH:

(1) *Chúa xuân* (đông hoàng): tức đông quân là thần mùa xuân. Bài *Lập xuân hậu thi* 立春後詩 của Vương Sơ 王初 có câu: 東君珂佩響珊珊，青馭多時下九關. *Đông quân kha bội hưởng san san, Thanh ngự đa thì hạ cửu quan*: Chúa xuân đeo ngọc kêu lanh canh. Cưỡi ngựa xanh nhiều lúc đi xuống chín cửa quan.

(2) *Nệm cỏ* (bồ đoàn): tấm nệm bằng cỏ bồ, hình tròn, nhà sư thường dùng trong lúc ngồi thiền định hay lễ bái. VATT chú: 禪家語。禪家之禪板蒲團即人家木板蒲席也. *Thiền gia ngữ. Thiền gia chi thiền bản bồ đoàn tức nhân gia mộc bản bồ tịch dã.* Nghĩa là: Thiền bản bồ đoàn, thuật ngữ nhà Thiền, là loại chiếu bằng cỏ bồ, cũng như chiếu cói của nhà dân.

*

184

天長晚望

村後村前淡似烟
半無半有夕陽边
牧童笛裡歸牛盡
白鷺雙雙飛下田

THIÊN-TRƯỜNG VÃN VỌNG

Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên,
Bán vô bán hữu tịch dương biên.
Mục đồng địch lý quy ngưu tận,
Bạch lộ song song 1* phi hạ điền.

DỊCH NGHĨA:

NGẮM CẢNH CHIỀU Ở THIÊN-TRƯỜNG (1)

Trước thôn, sau thôn đều mờ mờ như khói phủ,
Bên bóng chiều [cảnh vật] nửa như có, nửa như không.
Trong tiếng sáo, mục đồng lùa trâu về hết,
Từng đôi cò trắng hạ cánh xuống đồng.

DỊCH THƠ :

Trước xóm sau thôn tựa khói lồng,
Bóng chiều dường có lại dường không.
Mục đồng sáo vẳng, trâu về hết,
Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.

Theo *NGÔ TẤT TỐ*
(VHĐT)

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT

1* VATT : *nhất song* 一 雙

CHÚ THÍCH :

(1) *Thiên-trường :* xem Cht. 1. tiểu sử Trần Cảnh, trong cùng tập.

*

185

月

半窗燈影滿床書
露滴秋庭夜氣虛
睡起砧聲無覓處
木樨花上月来初。

NGUYỆT

Bán song đăng[1*] ảnh mãn sàng thư
Lộ[2*] trích thu đình dạ khí hư.
Thụy khởi châm thanh vô mịch xứ,
Mộc tê hoa thượng nguyệt lai sơ.

DỊCH NGHĨA :

TRĂNG

Bóng đèn soi nửa cửa sổ, sách đầy giường,
Móc rơi trên sân thu, hơi đêm thoáng mát.
Tỉnh giấc không biết tiếng chầy nện vải ở nơi nào,
Trên chùm hoa quế trăng vừa mọc.

DỊCH THƠ :

Đèn song chếch bóng, sách đầy giường,
Đêm vắng sân thu lác đác sương.
Thức dậy tiếng chày đâu chẳng biết,
Trên cành hoa quế nguyệt lồng gương.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT

1* TVTL3 : *kế* 計
2* TVTL1 : *sương* 霜

186

題普明寺水榭

薰盡千頭滿座香
水流初起不多涼
老榕影裡僧關閉
第一蟬聲秋思長。

ĐỀ PHỔ-MINH TỰ THỦY TẠ 1*

Huân tận thiên đầu mãn tọa hương,
Thủy lưu sơ khởi bất đa lương.
Lão dung ảnh lý tăng quan 2* bế,
Đệ nhất thiền thanh thu 3* tứ trường 4*.

DỊCH NGHĨA :

ĐỀ NHÀ THỦY TẠ CHÙA PHỔ-MINH (1)

Xông hết nghìn nén hương, khắp nhà thủy tạ thơm ngào ngạt,
Dòng nước mới dâng không lạnh lắm.
Dưới bóng đa già, cổng chùa đóng im ỉm,
Một tiếng ve đầu tiên, tứ thu man mác.

DỊCH THƠ :

Nghìn hương thắp hết ngát đầy nhà,
Làn nước hiu hiu gió lạnh qua.
Dưới bóng đa già chùa vắng vẻ,
Tiếng ve khơi động tứ thu xa.

Theo *NGÔ TẤT TỐ*
(VHĐT)

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTT1, TVL3, TTTPHT

1* Bài này TTTPHT chép vào thơ Trần Minh Tông.
2* TVTL1, TVTL3, *khai* 開
3* TTTPHT : *sầu* 愁
4* VATT chú ; *nhất tác tống tịch dương* 一作送夕陽 ; nghĩa là ; có bản chép : *tống tịch dương.*

CHÚ THÍCH :

(1) *Chùa Phổ-minh* : VATT chú Trần Thái Tông về chơi hương Tức-mặc 即墨 xây dựng cung Trùng-hoa 重華 , lại xây ở phía Tây cung một ngôi chùa gọi tên là chùa Phổ-minh. Về sau ngôi chùa này trở thành một nơi du ngoạn và nghỉ ngơi của các vua nhà Trần.

Thời Trần, Tức-mặc thuộc lộ Thiên-trường 天長 . Hiện nay làng Tức-mặc, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Hà-nam-ninh còn tháp Phổ-minh và chùa.

187

武林秋晚

VŨ-LÂM THU VÃN

畫橋倒影蘸溪橫
一抹斜陽水外明
寂寂千山紅葉落
濕雲如夢遠鐘聲。

Họa kiều đảo ảnh trám khê hoành,
Nhất mạt tà dương thủy ngoại minh.
Tịch tịch thiên sơn hồng diệp lạc,
Thấp vân như mộng 1* viễn 2* chung thanh.

DỊCH NGHĨA :

CHIỀU THU Ở VŨ-LÂM (1)

Chiếc cầu chạm vẽ đảo bóng vắt ngang dòng suối,
Một vệt nắng chiều rực sáng bên ngoài ngấn nước.
Nghìn núi lặng tờ, lá đỏ rơi,
Mây ướt giăng như mộng, tiếng chuông xa vẳng.

DỊCH THƠ :

Lòng khe in ngược bóng cầu hoa,
Hắt sáng bờ khe, vệt nắng tà.
Lặng lẽ nghìn non, rơi lá đỏ,
Mây giăng như mộng, tiếng chuông xa.

BĂNG THANH

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3

1* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : *hòa mộng* 和夢 . Trong VHĐT Ngô Tất Tố thay chữ *mộng* bằng chữ *lộ* 露 . Ở đây, theo VATT.
2* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : *tống* 送.

CHÚ THÍCH :

(1) *Vũ-lâm :* VATT chú : Vũ-lâm là tên động. Theo Bd. ĐVSKTT thì động này ở xã Vũ-lâm, nay thuộc huyện Yên-khánh, tỉnh Hà-nam-ninh.

188

諒州晚景

LẠNG-CHÂU VÃN CẢNH

古寺凄凉秋靄外
漁船蕭瑟暮鍾初
水明山靜白鷗過
風定雲閑紅樹疏。

Cổ tự thê lương thu ái ngoại,
Ngư thuyền tiêu sắt mộ chung sơ.
Thủy minh, sơn tĩnh 1* bạch âu 2* quá,
Phong định, vân nhàn, hồng thụ sơ.

DỊCH NGHĨA :

CẢNH CHIỀU Ở CHÂU LẠNG (1)

Ngôi chùa cổ lạnh lẽo sau lớp khói mùa thu,
Thuyền câu hiu quạnh, chuông chiều bắt đầu điểm.
Nước trong, núi lặng, chim âu trắng bay qua,
Gió im, mây nhởn nhơ, cây lơ thơ lá đỏ.

DỊCH THƠ :

Chùa cổ đìu hiu, cách khói thu,
Chuông chiều giọng giả, quạnh thuyền câu.
Mây thanh, gió lặng, thưa cây đỏ,
Nước sáng, non yên, trắng bóng âu.

HUỆ CHI

Chùa xưa lạnh lẽo khói thu mờ,
Chiều quạnh thuyền câu, chuông vẳng đưa.
Núi lặng, nước quang, âu trắng lượn,
Tạnh mây, im gió, đỏ cây thưa.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, TTTPHT

1* VATT, TVTL1, TTTPHT : *tịnh* 淨
2* TVTL1, TVTL3 : *điểu* 鳥

CHÚ THÍCH :

(1) *Châu Lạng* : đời Trần thuộc lộ Lạng-giang 諒江, gồm các huyện Yên-thế 安勢, Yên-ninh 安寧, Cổ-lũng 古隴, Bảo-lộc 保祿, tức là một phần tỉnh Hà-bắc ngày nay.

*

189-190

山房漫興 — SƠN-PHÒNG MẠN HỨNG

一

誰縛更將求解脫
不凡何必覓神仙
猿閑馬倦人應老
依舊雲庄一榻禪。

二

是非念逐朝花落
名利心隨夜雨寒
花盡雨晴山寂寂
一聲啼鳥又春殘。

I

Thùy phọc cánh tương cầu giải thoát,
Bất phàm, hà tất mịch thần tiên.
Viên nhàn mã quyện nhân ưng lão,
Y cựu vân trang nhất tháp thiền.

II

Thị phi niệm trục triêu hoa lạc,
Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn.
Hoa tận vũ tình sơn tịch tịch,
Nhất thanh đề điểu hựu xuân tàn.

DỊCH NGHĨA :

MẠN HỨNG Ở SƠN PHÒNG

I

Ai trói buộc mà phải tìm phương giải thoát,
[Phẩm cách] chẳng phàm tục cần gì tìm thần tiên.
Vượn nhàn, ngựa mỏi, người cũng đã già,
Vẫn một chiếc giường thiền ở am mây cũ.

II

Niềm thị phi rụng theo hoa buổi sớm,
Lòng danh lợi lạnh theo trận mưa đêm.
Hoa rụng hết, mưa đã tạnh, núi non tịch mịch,
Một tiếng chim kêu, lại cảnh xuân tàn.

DỊCH THƠ :

I

Ai trói buộc chi, tìm giải thoát?
Khác phàm đâu phải kiếm thần tiên.
Vượn nhàn, ngựa mỏi, ta già lão,
Như trước, am mây chốn tọa thiền.

II

Phải trái rụng theo hoa buổi sớm,
Lợi danh lạnh với trận mưa đêm.
Hoa tàn, mưa tạnh, non im lặng,
Xuân cỗi còn dư một tiếng chim.

ĐỖ VĂN HỶ

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : NÔML

191 - 192

早梅

一

五出圓葩金撚鬚
珊瑚沉影海鱗浮
箇三冬白枝前面
些一辨香春上頭
甘露流芳癡蝶醒
夜光如水渴禽愁
姮娥若識花佳處
桂冷蟾寒只麼休。

二

五日驚寒懶出門
東風先已到孤根
影横水面氷初泮
花壓枝頭暖未分
翠羽歌沉山店月
畫龍吹濕玉關雲
一枝迷入故人夢
覺後不堪持贈君。

TẢO MAI

I

Ngũ xuất viên ba 1* kim niễn tu,
San hô trầm ảnh hải lân 2* phù.
Cá tam đông bạch chi tiền diện,
Tá 3* nhất biện 4* hương xuân thượng đầu.
Cam lộ lưu phương 5* si điệp tỉnh,
Dạ quang như thủy khát cầm sầu.
Hằng 6* Nga nhược thức hoa giai xứ 7*
Quế lãnh thiềm hàn 8* chỉ má hưu !

II

Ngũ nhật kinh hàn lãn xuất môn,
Đông phong tiên dĩ đáo cô côn (căn).
Ảnh hoành thủy diện băng sơ bạn,
Hoa áp chi đầu noãn vị phân.
Thúy vũ ca trầm sơn điếm 9* nguyệt,
Họa long xuy 10* thấp Ngọc-quan vân.
Nhất chi mê nhập cố nhân mộng,
Giác hậu bất kham trì tặng quân.

DỊCH NGHĨA:

HOA MAI SỚM

I

Năm cánh hoa tròn nhị điểm vàng,
[Như] bóng san hô chìm, [như] vảy cá biển nổi.
Cành hoa trắng xóa suốt trong ba tháng đông,
Sang đầu xuân chỉ còn loáng thoáng một vài cánh thơm nhẹ.
Móc ngọt chảy mùi thơm làm chú bướm si ngây tỉnh giấc,
Ánh sáng ban đêm như nước khiến con chim khát buồn rầu.
Nếu Hằng Nga (1) biết được vẻ đẹp thanh nhã của hoa mai,
Thì có ưa gì cây quế với cung thiềm (2) lạnh lẽo.

II

Chỉ năm ngày sợ rét lười ra khỏi cửa,
Mà gió xuân đã sớm đến với gốc cây cô đơn.
Bóng ngả trên mặt nước, băng giá bắt đầu tan,
Hoa trĩu nặng đầu cành, hơi ấm chưa định rõ.
Giọng ca Thúy vũ (3) lắng chìm mặt trăng xóm núi,
Tiếng sáo Họa long (4) ẩm ướt đám mây Ngọc quan (5).
Một cành hoa lạc vào giấc mộng cố nhân,
Tỉnh dậy, không thể đem tặng anh được (6).

DỊCH THƠ :

I

Năm cánh hoa tròn, vàng nhị phô,
Nổi nênh vảy cá, chìm san hô.
Đông ba tháng trải, cành khoe trắng,
Xuân một làn thơm, nhánh nhẹ đưa.
Đêm ngỡ nước trong, chim cháy cổ,
Sương lừng hương ngát, bướm tan mơ.
Hằng Nga như biết đây hoa đẹp,
Quế lạnh cung Thiềm, há mến ưa ?

II

Năm ngày ngại rét, lười ra cửa,
Gốc lẻ nào ngờ đã gió xuân.
Mặt nước băng tan, cây bóng ngả,
Đầu cành hoa trĩu, ấm chưa phân.
Trăng chìm xóm núi, lời ca bổng,
Mây ướt quan hà, tiếng sáo ngân.
Lạc tới chiêm bao, hoa một nhánh,
Muốn đem tặng bạn, khó vô ngần !

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN :

Bài I : NÔML, VATT, TVTL2, TVTL3.
Bài II : VATT, TTTPHT.

1* TVTL2 : *hoa* 花
2* TVTL2, TVTL3 : *vân* 雲
3* NÔML : *thử* 此
4* TVTL3 : *biện* 辮
5* NÔML : *dục ngưng* 欲 凝
6* TVTL3 : *thường* 嫦

7* VATT, TVTL2, TVTL3 : *vị* 味
8* TVTL2 : *cung* 宮
9* TTTPHT : thiếu chữ *điếm* 店
10* TTTPHT : *cải* 改

CHÚ THÍCH :

(1) *Hằng Nga :* theo sách *Hậu Hán thư* 後漢書 , vợ Hậu Nghệ 后羿 là Hằng Nga (còn có tên là Thường Nga 嫦娥) lấy trộm thuốc trường sinh của chồng rồi bay lên cung trăng, bị hóa thành con cóc (thiềm thừ). Do đó mặt trăng có tên là cung thiềm.

(2) *Cây quế :* sách *Dậu dương tạp trở* 酉陽雜俎 chép : trong trăng có cây quế, cao 500 trượng. Vì thế cung quế cũng là tên gọi mặt trăng.

(3) *Thúy vũ :* tức thúy vũ ngâm, tên một từ khúc. Cung điệu của khúc ngâm này còn thấy ở bài *Trúc sơn từ* 竹山祠 của Tưởng Tiệp 蔣捷 . Lời đề tựa của ông nói : Vương Quân Bản 王均本 trao cho ta một khúc hát theo Việt điệu tên là *Tiểu mai hoa dẫn* 小梅花引 , bảo ta lấy ý bay lên tiên, bước trong cõi hư không mà làm lời cho khúc hát...

(4) *Họa long :* có lẽ là một loại sáo hay tù và có vẽ hình con rồng. *Từ hải* 辭海 dẫn lời của Thẩm Ước 沈約 , Từ Quảng 徐廣 nói rằng tù và của người Hồ chỗ tay cầm vẽ con giao long có chân năm sắc.

(5) *Ngọc-quan :* tên một cửa ải trên đường đi sang Tây-vực 西域 thuộc tỉnh Cam-túc 甘肅 , Trung-quốc. Ở đây tác giả mượn để miêu tả tiếng sáo Họa-long làm ẩm ướt cả đám mây trên cửa ải.

(6) Hai câu cuối lấy ý trong điển *Nhất chi xuân* 一枝春 , rút từ câu thơ của Lục Khải 陸啟 tặng Phạm Việp 范曄 : 折梅逢驛使 . 寄與隴頭人 . 江南何所有 . 聊贈一枝春 . *Chiết mai phùng dịch sứ, Ký dữ lũng đầu nhân. Giang-nam hà sở hữu. Liêu tặng nhất chi xuân ;* nghĩa là ; bẻ cành hoa mai, gặp được người đưa thư trạm, gửi cho người ở Lũng-đầu. Đất Giang-nam có gì đâu, hãy tặng anh một cành xuân.

Nhưng ở đây tác giả chỉ có cành mai trong giấc mộng nên không thể đem tặng bạn được.

*

193

天長府

綠暗紅稀倍寂寥
霽雲吞雨土花韜
齋堂講後僧歸院
江舘更初月上橋

THIÊN-TRƯỜNG PHỦ 1*

Lục ám hồng hi bội tịch liêu,
Tễ 2* vân thôn vũ thổ 3* hoa tiêu.
Trai đường giảng 4* hậu tăng quy 5* viện,
Giang quán canh sơ nguyệt thượng 6* kiều.

三十仙宮橫夜榻	Tam thập tiên cung hoành dạ tháp,
八千香刹動春潮	Bát thiên hương sát động xuân triều.
普明風景渾如昨	Phổ-minh phong[7*] cảnh hồn như tạc,
彷彿羹墻入夢饒。	Phảng phất canh tường nhập mộng nhiêu[8*].

DỊCH NGHĨA :

PHỦ THIÊN-TRƯỜNG (1)

Màu xanh sẫm, màu đỏ thưa, cảnh thêm vắng vẻ,
Mây quang, mưa tạnh ngấn bùn đất cũng mất sạch.
Trên trai đường, giảng kinh xong, các sư về viện,
Quán bên sông, mới canh đầu trăng đã lên cầu.
Ba mươi cung tiên đặt giường ngủ la liệt,
Tám nghìn ngọn tháp thơm khua động nước triều mùa xuân.
Phong cảnh chùa Phổ-minh (2) vẫn như trước,
Phảng phất trong chiêm bao hình dáng vua cha như trông tường thấy bóng, ăn canh thấy hình (3).

DỊCH THƠ :

Lục rậm, hồng thưa cảnh quạnh hiu,
Mây quang, mưa tạnh đất tan rêu.
Phòng trai giảng đoạn, sư về viện,
Cầu bến canh đầu, bóng nguyệt treo.
Ba chục cung tiên, giường ngủ đặt,
Tám nghìn bóng tháp, nước triều reo.
Phổ-minh phong cảnh, chùa như cũ,
Trong giấc mơ màng Thuấn thấy Nghiêu.

Theo *NGÔ TẤT TỐ*
(VHĐT)

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT, TTTPHT

1* VATT : *thiên trường*, 天長 TTTPHT : *Thiên-trường cung vịnh* 天長宮詠 .
2* TVTL1, HVTT : *vụ* 霧
3* TTTPHT : *ngọc* 玉 .
4* VATT : *chúc* 粥
5* VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, TTTPHT : *lai* 來
6* TTTPHT : *độ* 渡
7* TTTPHT : thiếu chữ *phong* 風
8* TVTL3 : *thiêu* 燒

CHÚ THÍCH :

(1) *Thiên-trường :* xem Ch.1, tiểu sử Trần Cảnh, trong cùng tập.

(2) *Chùa Phổ-minh :* chùa do Trần Thái Tông xây dựng, xem thêm Cht. 1, bài *Đề Phổ-minh tự thủy tạ*, số 186, cùng tác giả.

(3) *Canh tường :* theo sách *Hậu Hán thư* 後漢書 vua Nghiêu mất, vua Thuấn tưởng nhớ luôn trong ba năm, vì thế lúc ngồi thấy hình dáng vua Nghiêu ở mặt tường, lúc ăn thấy hình bóng ở bát canh. Ở đây tác-giả mượn điển ấy để miêu tả lòng nhớ vua cha (tức Thánh Tông).

194

贈北使李思衍

雨露汪洋普漢恩
鳳啣丹詔出紅雲
拓開地角皆和氣
凈挾天河洗戰塵
盡道璽書十行下
勝如琴殿五絃薰
乾坤兼愛無南北
何患雲雷復有屯。

TẶNG BẮC SỨ LÝ TƯ DIỄN

Vũ lộ uông[1*] dương phổ Hán ân,
Phượng hàm đan chiếu xuất hồng vân.
Thác khai địa giác giai hòa khí,
Tịnh hiệp thiên hà tẩy chiến trần.
Tận đạo tỉ thư thập hàng hạ,
Thắng như cầm điện ngũ huyền huân.
Càn khôn kiêm ái vô Nam Bắc,
Hà hoạn vân[2*] lôi phục hữu truân.

DỊCH NGHĨA :

TẶNG SỨ BẮC LÝ TƯ DIỄN (1)

Ơn nhà Hán như mưa móc tràn trề khắp nơi,
Chim phượng ngậm tờ chiếu đỏ (2) xuất hiện nơi đám mây hồng.
Mảnh đất mới mở rộng cũng có hòa khí,
Kéo sông Thiên-hà rửa sạch bụi chiến tranh.
Mọi người đều bảo tờ chiếu ban xuống chỉ có mười hàng,
Nhưng hơn hẳn tiếng hòa ấm của chiếc đàn cầm năm dây (3).
Trời đất vốn một lòng yêu thương không phân biệt Nam, Bắc,
Còn lo gì gặp bước gian truân gió mưa sấm sét.

DỊCH THƠ :

Ơn tuôn mưa móc khắp nơi nơi,
Chiếu phượng, tầng mây ban xuống rồi.
Hòa khí lạn đều trên nẻo đất,
Can qua rửa sạch dưới sông trời.
Chỉ là tờ ngọc lời thưa thớt,
So với đàn cầm giá mấy mươi.
Trời đất thương yêu Nam với Bắc,
Gió mưa cũng đỡ nỗi lo đời.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐÍNH :

XUẤT XỨ : ANCL

1* ANCL : *chú* 注, chắc là chữ *uông* 汪 in lầm ; tạm chữa lại.

2* Bản in bỏ trống, chúng tôi theo hiệu đính của cụ Phan Duy Tiếp (bản dịch ANCL ; bản in rô-nê-ô của Trường Đại học Tổng hợp Hà-nội).

CHÚ THÍCH :

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Năm 1288 quân Nguyên bị ta đánh bại, Thoát Hoan phải theo đường tắt chạy trốn. Ô Mã Nhi 烏馬兒, Tích Lệ Cơ 昔戾機 bị bắt. Nhưng sau đó theo chính sách ngoại giao mềm mỏng của ta, Trần Nhân Tông 陳仁宗 lại sai sứ sang cống và dâng biểu « xin lỗi ». Vì vậy năm 1289 Lý Tư Diễn được cử sang Việt-nam tuyên dụ chiếu của vua Nguyên « tha tội » và phong tước cho vua nhà Trần như cũ ; đồng thời bọn này cũng có nhiệm vụ đòi ta trao trả các tướng tá bị bắt. Trong bữa tiệc họp mặt, Lý Tư Diễn làm thơ, Trần Nhân Tông họa và làm bài thơ tặng trên đây.

(2) *Phượng ngậm tờ chiếu đỏ* : tức chiếu nhà vua; xem thêm Cht. 1, bài *Tặng Bắc sứ Sài Trang Khanh, Lý Chấn Văn đẳng*, số 163, của Trần Quang Khải.

(3) *Đàn cầm năm dây* (cầm điện ngũ huyền) : sách *Lễ nhạc ký* 礼樂記 chép : ngày xưa vua Thuấn làm đàn cầm năm dây để ca bài ca *Nam phong* 南風. Trong bài ca có câu : gió Nam hòa ấm có thể giải được sự oán giận của dân ta, gió Nam hợp thời có thể làm giàu của cải của dân ta.

*

195

西征道中	TÂY CHINH ĐẠO TRUNG
錦帆輕趂浪花開	Cẩm phàm khinh sấn lãng hoa khai,
蓬底厭厭首不抬	Bồng để yêm yêm thủ bất đài.
三峽暮雲無雁到	Tam-giáp mộ vân vô nhạn đáo,
九灘明月有龍來	Cửu-than minh nguyệt hữu long lai.
淒涼行色添宮夢	Thê lương hành sắc thiêm cung mộng,
撩亂閑愁到酒杯	Liêu loạn nhàn sầu đáo tửu bôi.
漢武翻招窮黷謗	Hán Vũ phiên chiêu cùng độc báng,
男兒汲汲若為哉。	Nam nhi cấp cấp 1* nhược vi tai.

DỊCH NGHĨA :

TRÊN ĐƯỜNG TÂY CHINH (1)

Buồm gấm nhẹ nhàng lướt tới, hoa sóng nổ tung,
Dưới mui thuyền, uể oải không muốn ngẩng đầu.
Núi Tam-giáp (2) lơ lửng mây chiều, không nhạn tới,
Chốn Cửu-than (3) trăng sáng vằng vặc, có rồng bơi lại.
Cảnh đi đường lạnh lẽo lại thêm giấc mộng cung đình vấn vương.
Mối sầu vơ vẩn đến với chén rượu.
Hán Vũ Đế lại chuốc lấy lời chê « cùng binh độc vũ » (4),
Thế thì nam nhi lật đật về việc chinh chiến làm gì ?

DỊCH THƠ :

Buồm gấm vèo bay, hoa sóng tung,
Đầu nghe mệt mỏi dưới mui bồng.
Mây chiều Tam-giáp trông không nhạn,
Trăng sáng Cửu-than thấy có rồng.
Quạnh quẽ dặm xa mơ điện cũ,
Vấn vương sầu lắng thấm ly nồng.
Hán hoàng mang tiếng say chinh chiến,
Lật đật nam nhi có uổng công ?

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL, TTTPHT

1* VATT, TTTPHT : *đắc đắc* 得得 .

CHÚ THÍCH :

(1) Năm Trùng Hưng 重興 thứ 6 (1290), Trần Nhân Tông đem quân đánh biên giới phía Tây. Bài thơ này làm trên đường hành quân.

(2) *Tam-giáp :* ba dãy núi lớn ở vào khoảng giữa Tứ-xuyên 四川 và Hồ-bắc 湖北, Trung-quốc. Ở đây có lẽ tác giả mượn để tả cảnh rừng núi hiểm trở trên đường hành quân.

(3) *Cửu-than :* chín ngọn thác lớn ở tỉnh Phúc-kiến 福建 là những thác rất dữ của Trung-quốc. Cũng như trên, tác giả chỉ mượn để tả cảnh rừng núi hiểm trở dọc đường.

(4) *Cùng binh độc vũ :* lời chê của người đời sau đối với Hán Vũ Đế 漢武帝, vì ông là một ông vua hiếu chiến của nhà Hán, thường hay đem quân đánh Hung-nô 匈奴 và Tây-vực.

*

196

和喬元朗韻

飄飄行李嶺雲南
春入梅花只兩三
一視同仁天子德
生無補世丈夫慙
馬頭風雪重回首
眼底江山少駐驂
明日瀘江烟水闊
葡萄嫩綠洗心惔。

HỌA KIỀU NGUYÊN LANG VẬN [1*]

Phiêu phiêu hành lý lĩnh vân [*2] nam,
Xuân nhập mai hoa chỉ lưỡng tam.
Nhất thị đồng nhân thiên tử đức,
Sinh vô bổ [3*] thế trượng phu tàm.
Mã đầu phong tuyết trùng hồi thủ,
Nhãn để giang san thiểu trụ tham [4*].
Minh nhật [5*] Lô giang yên [6*] thủy khoát,
Bồ đào nộn lục tẩy tâm đàm.

DỊCH NGHĨA :

HỌA THƠ KIỀU NGUYÊN LÃNG (1)

Bước chân sứ giả phơi phới như áng mây ngàn bay về phương Nam,
Mùa xuân vừa đến, hoa mai chỉ lác đác vài ba nụ.
Thương yêu mọi người như nhau là ân đức của thiên tử,
Sống mà không giúp gì cho đời là điều đáng thẹn của kẻ trượng phu.
Gió tuyết trước đầu ngựa, người lại trở về,
Non sông đầy trong đáy mắt, hãy dừng ngựa lại chốc lát.
Ngày mai đã qua sông Lô(2) mênh mông khói nước,
Xin cạn chén rượu bồ đào non tươi để rưới mát tấm lòng.

DỊCH THƠ :

Non Nam hành lý nhẹ như không,
Xuân đến cành mai mới điểm bông.
Lòng chúa không riêng ơn vũ lộ,
Chí trai quyết trả nợ tang bồng.
Ngựa pha sương tuyết quay đầu lại,
Mắt ngắm giang sơn ngẩng mặt trông.
Mai sáng sông Lô mây nước thẳm,
Bồ đào ngọt giọng rưới khuây lòng.

Nhóm *LÊ QUÝ ĐÔN*
(Bd. *HVTVT*)

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : ANCL, VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, HVTT.

1* TVTL1 : *Đáp Kiều Nguyên Lãng vận* 答喬元郎韻 ; TVTL2, TVTL3, không có chữ *vận*, HVTT : *Đáp Bắc sứ Kiều Nguyên Lãng* 答北使喬元郎

2* TVTL2 : *sơn* 山

3* VATT chú : *nhất tác : phụ* 一作輔 ; nghĩa là : có bản là chữ *phụ* ; TVTL2 : phụ 輔

4* VATT chú : *nhất tác : Quách để giang Nam nhất trụ tham* 一作廓底江南一駐驂 ; nghĩa là : có bản chép : *Quách để giang Nam nhất trụ tham.*

5* TVTL2, TVTL3 : *nguyệt* 月

6* TVTL2 : *yên* 燕

CHÚ THÍCH :

(1) *Kiều Nguyên Lãng* : tên là Tông Lượng 宋諒, Thị lang bộ Lễ, cùng đi trong đoàn sứ nhà Nguyên sang Việt-nam năm 1301 (xem thêm Cht. 1, bài *Tống Bắc sứ Ma Hợp, Kiều Nguyên Lãng*, số 197, cùng tác giả). Bài này có lẽ Trần Nhân Tông làm trong buổi tiệc chiêu đãi trước khi sứ bộ về nước.

(2) *Sông Lô* : tên cũ của sông Hồng.

*

197

送北使麻合喬元朗

軺星两點照天南
光引台躔夜繞三
上國恩深情易感
小邦俗薄禮多慚

TỐNG BẮC[1*] SỨ MA HỢP, KIỀU NGUYÊN LÃNG

Thiều tinh lưỡng điểm chiếu[2*] thiên Nam,
Quang dẫn[3*] thai triền[4*] dạ nhiễu tam.
Thượng quốc ân thâm tình dị cảm,
Tiểu[5*] bang tục bạc[6*] lễ đa tàm.

節夌瘴霧身無恙，
鞭拂春風馬有驂
鼎語願温中統詔
免教憂國每如惔。

Tiết lăng chướng vụ thân vô dạng,
Tiên phất xuân phong 7* mã hữu tham.
Đỉnh ngữ nguyện ôn 8* Trung Thống chiếu,
Miễn giao ưu 9* quốc mỗi như đàm.

DỊCH NGHĨA :

TIỄN SỨ BẮC MA HỢP, KIỀU NGUYÊN LÃNG (1)

Hai ngôi sao sứ thần chiếu xuống trời Nam,
Ánh sáng dẫn theo cung độ (2) mỗi đêm diễu quanh ba vòng.
Ơn thượng quốc sâu sắc dễ cảm tình người,
Phong tục nước nhỏ đơn giản thẹn lễ nghi sơ suất.
Cờ tiết mao vượt qua lam chướng, ngài vẫn bình an (3),
Ngọn roi quất trong gió xuân, ngựa có ngựa kèm (4).
Xin hãy ôn lại lời nói «chuông vạc» (5) trong tờ chiếu năm Trung Thống (6),
Để tránh cho nhau khỏi mối phiền «lo nước» luôn luôn nung đốt trong lòng.

DỊCH THƠ

Trời Nam, sao sứ chiếu hai ngôi.
Dẫn lối ba vòng, đêm sáng soi.
Bên ấy, ơn sâu tình cảm động,
Nơi đây, lễ bạc thẹn sơ sài.
Gió xuân vi vút, vui kèm ngựa.
Cờ tiết xông pha, mừng khỏe người.
Trung Thống, chiếu xưa, lời hãy nhớ,
Nỗi lo đất nước, dịu lòng tôi.

TRẦN LÊ VĂN

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : ANCL, VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, TTTPHT

1* ANCL : *thiên* 天
2* TTTPHT : *chiếu* 照
3* ANCL, TVTL1, TVTL2, TVTL3 : *lạc* 落
4* TVTL1, TVTL2, TVTL3 : *tiền* 前
5* VATT chú : *nhất tác hạ* 一作下
6* TVTL2 : *bạc tục* 薄俗
7* TTTPHT thiếu chữ : *phong* 風
8* TVTL2 : *ngôn* 言
9* TVTL3 : *ái* 愛

CHÚ THÍCH :

(1) Theo ANCL năm 1301 vua nhà Nguyên sai Thượng thư Ma-cáp-ma 麻恰麻 (tức Ma Hợp) và Thị lang bộ Lễ Kiều Tông Lượng 喬宗諒 (tức Kiều Nguyên Lãng) mang chiếu sang dụ vua nhà Trần cứ theo lệ cũ ba năm vào cống một lần, nhà Nguyên sẽ không sai sứ sang nữa. Bài thơ này Trần Nhân Tông làm trong dịp thù tiếp đó.

(2) *Cung độ* (triền) : tức triền thứ, cung độ mà mặt trời, mặt trăng và các vì sao phải đi qua.

(3) *Bình an* (vô dạng) : theo sách *Phong tục thông* 風俗通 thì dạng là một loại trùng cắn người, nhất là hay cắn tim người. Do đó người đời xưa thường lo lắng khổ sở về loại trùng này. Sau người ta dùng từ vô dạng với hai nghĩa : không có điều gì lo lắng và bình yên.

(4) *Ngựa kèm* (tham) : trong cỗ xe có ba ngựa kéo, hai con hai bên gọi là ngựa tham. Theo quan chế đời xưa chỉ có các quan to mới dùng xe có ngựa tham.

(5) *Lời nói «chuông vạc»* : dịch thoát hai chữ «đỉnh ngữ». Đỉnh là một loại vạc lớn, tương truyền vua Vũ 禹 nhà Hạ 夏 lấy kim loại chín châu đúc chín cái vạc lớn. Về sau đỉnh trở thành vật tượng trưng cho quốc gia phong kiến. Lời chuông vạc là lời hệ trọng của quốc gia, đáng được tin cậy và tuân theo.

(6) *Trung Thống* : niên hiệu của Hốt Tất Liệt (Qubilai) : từ năm 1260 đến năm 1263. Theo ĐVSKTT, tháng 6 năm Trung Thống thứ 2 (1261) nhà Nguyên sai sứ mang thư sang dụ Việt-nam, đại ý nói : Các phong tục và quy chế về mũ áo cho các quan, Việt-nam được theo lệ cũ của mình mà sử dụng. Nhà Nguyên đã răn bảo các viên tướng ở Vân-nam không được đem binh lấn cướp vùng biên giới và quấy nhiễu nhân dân nước ta.

Trong bài thơ trên Trần Nhân Tông có ý nhắc lại nội dung tờ chiếu đó.

*

198

大覽神光寺

神光寺杳與偏幽
撐兔飛烏天上游
十二樓臺開畫軸
三千世界入詩眸
俗多變態雲蒼狗
松不知年僧白頭
除却炷香參佛事
些餘念了總休休。

ĐẠI-LÃM THẦN-QUANG TỰ [1*]

Thần-quang tự[2*] liễu[3*] hứng thiên[4*] u.
Sanh thố[5*] phi ô[6*] thiên thượng du.
Thập nhị lâu đài khai họa trục.
Tam thiên thế giới nhập thi mâu[7*].
Tục[8*] đa biến thái vân thương cẩu,
Tung bất tri niên tăng bạch đầu.
Trừ khước trụ hương tham Phật sự[9*],
Tá dư niệm[10*] liễu tổng hưu hưu.

DỊCH NGHĨA :

CHÙA THẦN-QUANG TRÊN NÚI ĐẠI-LÃM (1)

Chùa Thần-quang vắng lặng, hứng thú có nét u nhã riêng,
Chở ngọc thỏ, cưỡi kim ô du ngoạn trên bầu trời (2).
Mười hai tòa lâu đài (3) mở ra bức vẽ,
Ba nghìn thế giới (4) thu vào mắt thơ.
Thói đời nhiều thay đổi như mây trắng hóa chó xanh (5),
Cây thông chẳng biết đến năm tháng, nhà sư đầu đã bạc.
Ngoài việc thắp hương tham thiền ra,
Mọi điều suy nghĩ đều cho qua đi hết.

DỊCH THƠ :

Chùa vắng Thần-quang, hầu nhã hứng,
Chơi mây, thỏ ngọc, quạ vàng đưa.
Lâu đài chín cõi bày tranh vẽ,
Thế giới ba ngàn lọt mắt thơ.
Biến hóa thành dâu buồn thói tục,
Tùng không biết tuổi bạc đầu sư.
Ngoài câu cúng Phật, tuần nhang thắp,
Lo nghĩ bao điều, mấy cũng ngơ!

KHƯƠNG HỮU DỤNG

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, TVTL1, TVTL2, TVTL3, TTTPHT

1* TTTPHT: *Đề Đại-lãm Thần-quang tự* 題大覽神光寺 và xếp vào thơ Trần Minh Tông. TVTL2, TVTL3: *Đại-giác Thần-quang tự* 大覚神光寺

2* TVTL2: *hương* 香

3* TTTPHT: chép nhầm là *hương* 香

4* TVTL2: *thanh* 清

5* TTTPHT: thiếu hai chữ *sanh thỏ* 撐兎

6* VATT, TTTPHT: *phi* 飛

7* VATT, TTTPHT: *hoảng tiên châu* 恍仙洲 và chú : *nhất tác : nhập thi mâu* : 一作入詩眸 nghĩa là có bản chép *nhập thi mâu*. 入詩眸

8* TTTPHT : *tháp* 塔

9* TVTL2 : *trụ vân hương thảm Phật* 炷雲香慘佛

10* TVTL2, TVTL3 : *vong* 忘

CHÚ THÍCH :

(1) *Chùa Thần-quang :* VATT chú : chùa ở huyện Quế-dương 桂陽, xây dựng dưới triều vua Lý Nhân Tông 李仁宗. Trong LTHCLC Phan Huy Chú 潘輝注 cũng nói : núi Lãm ở huyện Quế-dương, có rất nhiều chùa cổ..., chùa Thần-quang cũng ở trên núi ấy.

Ngày nay còn di tích chùa Dạm, tên Nôm của chùa Thần-quang ở xã Nam-sơn, huyện Quế-võ, tỉnh Hà-bắc.

(2) Câu này tác giả dùng phương pháp khoa trương, coi cuộc đi chơi lên núi Lãm như cưỡi mặt trăng, mặt trời đi du ngoạn trên trời.

(3) *Mười hai tòa lâu đài* (thập nhị lâu đài) ; nơi ở của thần tiên. Theo thiên *Giao tự chí* 郊祀志 trong *Hán thư* 漢書 thì có một phương sĩ nói thời Hoàng Đế 黄帝 có làm năm thành và mười hai tòa lâu đài để đợi một vị thần tên là Nghinh Niên 迎年.

(4) *Ba nghìn thế giới* (tam thiên thế giới) : tức tam thiên đại thiên thế giới, những thế giới hằng hà sa số mà kinh Phật hay nói đến. Ở đây tác giả mượn để miêu tả cảnh bát ngát khi đứng ở một tầm cao mà nhìn ra xa.

(5) *Mây trắng chó xanh* (vân thương cẩu) : lấy ý từ câu « bạch vân thương cẩu » 白雲蒼狗 nói hình dạng những đám mây trắng trên trời luôn thay đổi, lúc thì như hình con chó rồi lại tan rất nhanh. Người ta hay mượn điển này để nói sự biến đổi của cuộc đời. Thơ Đỗ Phủ 杜甫 cũng có câu : 天上浮雲如白衣。斯須変幻為蒼狗 *Thiên thượng phù vân như bạch y, Tư tu biến ảo vi thương cẩu :* mây nổi trên trời như chiếc áo trắng, trong chốc lát biến thành chó xanh.

*

199

君須記

QUÂN TU KÝ

會稽舊事君須記 Cối-kê cựu sự quân tu ký,
驩愛猶存十萬兵。 Hoan, Ái do tồn thập vạn binh.

DỊCH NGHĨA :

NGƯƠI NÊN NHỚ (1)

Việc cũ ở Cối-kê (2) ngươi nên nhớ,
Châu Hoan, châu Ái (3) đang còn hàng chục vạn quân.

DỊCH THƠ :

Cối-kê việc cũ ngươi nên nhớ,
Hoan, Ái đang còn chục vạn quân.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT tháng Chạp năm Giáp thân (7-I đến 5-II-1285) Trần Hưng Đạo 陳興道 hội quân ở Hải-đông 海東, Vân-trà 雲荼, Ba-điểm 巴点 (khoảng vùng Đông-triều, tỉnh Quảng-ninh và Kim-thành tỉnh Hải-hưng ngày nay) để chọn người mạnh khoẻ làm quân tiên phong vượt biển vào Nam. Lúc đó quân ta khá mạnh, các quân đều tụ họp đông đủ, Nhân Tông làm hai câu thơ này viết ở đuôi thuyền ngự để động viên tướng sĩ.

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng có lẽ ĐVSKTT nhầm, câu này phải viết vào lúc quân ta đang rút, quân địch đang tiến mạnh mới đúng. Chúng tôi dẫn để bạn đọc tham khảo.

(2) *Việc cũ ở Cối-kê :* vào thời Xuân thu, vua nước Việt 越 là Câu Tiễn 勾踐, bị vua nước Ngô 吳 là Phù Sai 夫差 đánh bại. Trải qua những ngày âm thầm chuẩn bị hết sức gian khổ và phải nhịn nhục, cuối cùng hàng ngàn quân do Câu Tiễn dấy lên ở Cối-kê đã diệt được Phù Sai, rửa sạch mối thù.

(3) *Châu Hoan, châu Ái :* theo ĐNVNQCĐ, châu Hoan gồm phần đất các huyện Nam-đàn Thanh-chương, Anh-sơn, Nghi-xuân (Nghệ-tĩnh) ngày nay, và châu Ái là các huyện Hà-trung, Hậu-lộc, Nga-sơn (Thanh-hóa) ngày nay. Nhưng trong văn cảnh câu thơ này, ý Trần Nhân Tông muốn chỉ chung vùng đất Thanh, Nghệ lúc ấy.

*

200

卽事 — TỨC SỰ

社稷兩回劳石馬
山河千古奠金甌。

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện kim âu.

DỊCH NGHĨA :

TỨC SỰ (1)

Trên nền xã tắc hai lần ngựa đá phải mệt nhọc,
Nhưng núi sông nghìn đời được đặt vững như âu vàng.

DỊCH THƠ :

Xã tắc hai phen chồn ngựa đá,
Non sông nghìn thuở vững âu vàng.

Theo *TRẦN TRỌNG KIM*
(Việt-nam sử lược)

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : ĐVSKTT

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. Theo ĐVSKTT, ngày 17 tháng Ba năm Mậu tý (18-IV-1288) sau trận chiến thắng quyết định trên sông Bạch-đằng 白藤 triều đình đem các tướng giặc bị bắt là Tích Lệ Cơ 昔戾機 nguyên soái Ô Mã Nhi 烏馬兒, tham chính Sầm Đoạn 岑段, Phàn Tiếp 樊接, Điền Nguyên soái 佃元帥 và nhiều tướng tá khác làm lễ dâng thắng trận ở Chiêu-lăng (lăng vua Trần Thái Tông). Trần Nhân Tông thấy chân mấy con ngựa đá đều lấm bùn (vì trước đó quân Nguyên tràn qua đây đã đào Chiêu-lăng định phá đi mà chưa kịp) nên tức cảnh ngâm hai câu thơ trên.

*

201

竹奴銘

TRÚC NÔ MINH 1*

傲雪心虛
凌霜節勁
假尒爲奴
恐非天性。

Ngạo tuyết tâm hư,
Lăng sương tiết kính.
Giả nhĩ vi nô,
Khủng phi thiên tính.

DỊCH NGHĨA :

BÀI MINH ĐỀ TRÚC NÔ (1)

Trải tuyết lạnh mà tâm thông suốt,
Dầu giãi trong sương mà đốt cứng cỏi.
Mượn ngươi làm tôi đòi,
Sợ rằng trái với tính tự nhiên của nhà ngươi.

DỊCH THƠ :

Tâm không rãi tuyết,
Đốt cứng phơi sương.
Mượn ngươi làm nô,
Sợ trái tính thường.

CAO XUÂN HUY

KHẢO ĐÍNH :

CÁC DỊ BẢN : VATT, NÔML

1* VATT : *Nhân Tông ngự chế trúc nô minh* 仁宗御製竹奴銘 Căn cứ vào nội dung chúng tôi đoán đầu bài chỉ là ba chữ *Trúc nô minh,* vì thế lược bỏ phần người sau chép thêm.

CHÚ THÍCH :

(1) Bài này có trong cả VATT và NÔML, nhưng VATT chép ở phần *Bổ di* và ghi rõ là tác phẩm của Trần Nhân Tông, còn NÔML lại chép là của Trần Nghệ Tông 陳藝宗. Chúng tôi chưa có điều kiện xác định sai đúng. Tuy nhiên, căn cứ vào hành trạng thì Trần Nhân Tông là người có tinh thần dân chủ, biết nhìn ra trong hàng ngũ nô tỳ những phẩm cách cao quý, và tôn trọng họ. Vì vậy, tạm xếp vào tác phẩm của ông, chờ tra cứu thêm. *Trúc nô* : theo *Từ hải* 辭海 và *Hán Pháp từ điển* 漢法辭典 thì *trúc nô* còn có tên gọi khác là *thanh nô* 清奴, hay *trúc phu nhân* 竹夫人 là một loại gối tựa hoặc gối kê tay đan bằng sậy hoặc bằng trúc, dùng trong mùa nực cho mát.

*

202

贊慧忠上士 — TÁN TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ

望之彌高
鑽之彌堅
忽然在後
瞻之在前
夫是之謂
上士之禪。

Vọng chi di cao,
Toàn chi di kiên.
Hốt nhiên tại hậu,
Chiêm chi tại tiền.
Phù thị chi vị,
Thượng sĩ chi Thiền.

DỊCH NGHĨA :

CA NGỢI THƯỢNG SĨ TUỆ TRUNG (1)

Nhìn lên càng thấy cao,
Khoan vào càng thấy cứng.
Bỗng nhiên ở phía sau,
Nhìn lại thấy ở phía trước (2).
Cái đó gọi là :
Đạo Thiền của Thượng Sĩ (3).

DỊCH THƠ :

Càng nhìn càng cao,
Càng khoan càng bền.
Chợt phía sau đó,
Ngắm, phía trước liền.
Cái này tên gọi,
Là Thượng sĩ Thiền.

ĐỖ VĂN HỶ

CHÚ THÍCH:

XUẤT XỨ: TSNL

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm.

(2) Bài này Trần Nhân Tông lấy ý từ một câu trong sách *Luận ngữ*, thiên *Tử Hãn* 子罕, là lời Khổng Tử ca ngợi cái «*đạo*». Nguyên văn như sau: 仰之弥高, 鑽之弥堅, 占之在前, 忽焉在後. *Ngưỡng chi di cao, Toàn chi di kiên, Chiêm chi tại tiền, Hốt yên tại hậu.* Nghĩa là: Nhìn lên càng thấy cao, dùi vào càng thấy cứng. Bỗng nhiên vừa ở phía trước, nhìn lại đã thấy ở phía sau.

(3) Dưới bài này có dòng lạc khoản như sau: 嗣法弟子竹林大頭陀謹讚 *Tự pháp đệ tử Trúc lâm Đại đầu đà cẩn tán.* Nghĩa là: Học trò nối pháp là Trúc lâm Đại đầu đà kính cẩn xưng tụng.

*

203

有句無句

HỮU CÚ VÔ CÚ

有句無句
藤枯樹倒
幾個衲僧
撞頭磕腦。

Hữu cú vô cú,
Đằng khô thụ đảo.
Kỷ cá nạp tăng,
Chàng đầu hạp não,

●

有句無句
體露金風
殑伽沙数
犯刃傷鋒。

Hữu cú vô cú,
Thể lộ kim phong.
Căng già sa số.
Phạm nhẫn thương phong.

●

有句無句
立宗立旨
打瓦鑽龜
登山涉水。

Hữu cú vô cú,
Lập tông lập chỉ.
Đả ngõa toản quy,
Đăng sơn thiệp thủy.

●

有句無句	Hữu cú vô cú,
非有非無	Phi hữu phi vô.
刻舟求劍	Khắc chu cầu kiếm,
索驥按圖。	Sách ký án đồ.

●

有句無句	Hữu cú vô cú,
互不回互	Hỗ bất hồi hỗ.
笠雪鞋花	Lạp tuyết hài hoa,
守株待兔。	Thủ chu đãi thố.

●

有句無句	Hữu cú vô cú,
自古自今	Tự cổ tự kim.
執指忘月	Chấp chỉ vong nguyệt,
平地陸沉。	Bình địa lục trầm.

●

有句無句	Hữu cú vô cú,
如是如是	Như thị như thị.
八字打開	Bát tự đả khai,
全無巴鼻。	Toàn vô ba tị.

●

有句無句	Hữu cú vô cú,
顧左顧右	Cố tả cố hữu.
阿剌剌地	A thích thích địa,
鬧聒聒地。	Náo quát quát địa.

●

有句無句	Hữu cú vô cú,
忉忉怛怛	Điêu điêu đát đát.
截斷葛藤	Tiệt đoạn cát đằng,
彼此快活。	Bỉ thử khoái hoạt.

DỊCH NGHĨA :

CÂU HỮU CÂU VÔ (1)

Câu hữu câu vô,
Như cây đổ, dây leo héo khô.
Mấy gã thầy tăng,
Đập đầu mẻ trán.

❁

Câu hữu câu vô,
Như thân thể lộ ra trước gió thu.
Vô số cát sông Hằng,
Phạm vào kiếm, bị thương vì mũi nhọn.

❁

Câu hữu câu vô,
Lập tông phái, ý chỉ.
Cũng là dùi rùa, đập ngói (2),
Trèo núi lội sông.

❁

Câu hữu câu vô,
Chẳng phải hữu, chẳng phải vô.
Khác nào anh chàng khắc mạn thuyền mò gươm (3),
Theo tranh vẽ đi tìm ngựa ký (4).

❁

Câu hữu câu vô,
Tác động qua lại, chẳng tác động qua lại.
Chóng tan như tuyết làm nón, như hoa làm hài (5).
Uổng công ôm gốc cây đợi thỏ (6)

❁

Câu hữu câu vô,
Từ xưa đến nay.
Chỉ «chấp» ngón tay mà quên vầng trăng (7),
Thế là chết đuối trên đất bằng.

❁

Câu hữu câu vô,
Như thế như thế!
Tám chữ (8) mở ra rồi,
Hoàn toàn không còn điều gì lớn nữa (9).

Câu hữu câu vô,
Quay bên phải, ngoái bên trái.
Thuyết lý ầm ĩ,
Ồn ào tranh cãi.

Câu hữu câu vô.
Khiến người rầu rĩ.
Cắt đứt mọi duyên quấn quít như dây leo,
Thì hữu và vô đều hoàn toàn thông suốt.

DỊCH THƠ:

Câu hữu câu vô,
Dây khó cây đổ.
Mấy gã thày tăng,
Dập đầu trán vỡ.

❁

Câu hữu câu vô,
Gió vàng thể lộ.
Vô số cát sông,
Kiếm đâm dao bổ.

❁

Câu hữu câu vô,
Lập chỉ lập tông.
Dùi rùa đập ngói,
Trèo núi lội sông.

❁

Câu hữu câu vô,
Chẳng vô chẳng hữu.
Khắc thuyền tìm gươm,
So tranh tìm ngựa.

•

Câu hữu câu vô,
Tác động lại qua.
Ôm cây đợi thỏ,
Nón tuyết hài hoa.

•

Câu hữu câu vô,
Dù nay dù xưa.
Quên trăng ngắm ngón,
Chết đuối trên bờ.

•

Câu hữu câu vô,
Là thế là thế.
Tám chữ mở ra,
Không còn khó nghĩ.

•

Câu hữu câu vô,
Ngó phải ngó trái.
Thuyết lý ồn ào,
Liền lâu tranh cãi.

•

Câu hữu câu vô,
Rầu rầu rĩ rĩ.
Cắt đứt sắn bìm,
Đó đây vui vẻ.

BĂNG THANH

CHÚ THÍCH :

XUẤT XỨ : TĐNL

(1) Đầu đề do chúng tôi thêm. *Câu hữu câu vô* (Hữu cú vô cú) : hai câu diễn giải về mối quan hệ giữa *hữu* và *vô*. Nguyên văn : 有而非無，無而非有. *Hữu nhi phi vô, vô nhi phi hữu*. Nghĩa là có mà chẳng phải là không ; không mà chẳng phải là có. Cũng có thể tác giả xuất phát từ luận thuyết *Tứ cú*, của sư Long Thọ 龍樹 trong *Trung quán luận* 中觀論 Nguyên văn là : 有無 ; 非有非無 ; 亦有亦無，非非有非非無. *Hữu vô ; phi hữu phi vô ; diệc hữu diệc vô ; phi phi hữu phi phi vô*. Nghĩa là : có, không ; chẳng phải có, chẳng phải không ; cũng là có, cũng là không ; chẳng phải là chẳng phải có, chẳng phải là chẳng phải không. *Tứ cú* này nhằm giảng về sự «phá chấp», nghĩa là phá bỏ mọi định kiến để đi đến chân lý.

(2) *Dùi rùa đập ngói* : xuất phát từ một ví dụ của Lâm Tế, ý nói người tu hành đã sai lầm ngay từ phương pháp thì không thể tìm ra chân lý. Ví như người nấu cơm đã thay việc dùi cây lấy lửa bằng dùi mai rùa, thay việc xát thóc bằng đập ngói đập sỏi ; cuối cùng sẽ chẳng có cơm vì mai rùa không phát lửa và ngói không thành gạo. Cũng còn cách hiểu khác, xem thêm Cht. 2, bài *Đọc Đại Tuệ ngữ lục hữu cảm*, số **147 — 148**, của Trần Hoảng.

(3) *Khắc thuyền tìm gươm* : (khắc chu cầu kiếm) : sách *Lã thị Xuân thu* 呂氏春秋 ghi : Có một người nước Sở đi đò qua sông. Giữa chừng đánh rơi kiếm xuống nước. Anh ta vội đánh dấu vào mạn thuyền, khi thuyền đến bến anh ta nhảy xuống, theo dấu ở mạn thuyền mò kiếm.

(4) *So tranh tìm ngựa* (sách ký án đồ) : Bá Nhạc 伯樂 là một người giỏi xem tướng ngựa, ông viết quyển *Tướng mã kinh* 相馬經. Con ông theo quyển sách đó đi mua ngựa, nhưng cuối cùng chỉ mua được một con ngựa tồi, không cưỡi được. Bá Nhạc bảo : sở dĩ như vậy là vì con ông đã *án đồ sách tuấn* 按圖索駿 ; còn gọi là *án đồ sách ký* 按圖索驥. Điển cố này cũng như điển trên thường để nói về những người máy móc, câu nệ, không linh hoạt.

(5) *Ôm cây đợi thỏ* (Thủ thù đãi thố) : Sách *Hàn Phi Tử* 韓非子 ghi : nước Tống có một người cày ruộng. Một hôm anh ta đang cày thì một chú thỏ con từ trong bụi nhảy ra, va phải gốc cây mà chết. Từ đó anh ta bỏ cày, ôm gốc cây ngồi chờ. Nhưng chờ mãi chẳng được con thỏ nào lại bị người nước Tống chê cười.

(6) *Nón tuyết hài hoa* (Lạp tuyết hài hoa) : làm nón bằng tuyết, làm hài bằng hoa, tuyết chóng tan, hoa chóng tàn. Câu này có lẽ cũng để chỉ những việc làm vô ích.

(7) *Quên trăng ngắm ngón* (chấp chỉ vong nguyệt) : xem Cht. 10, bài *Sinh tử nhàn nhi dĩ*, số **105**, của Trần Tung.

(8) *Tám chữ* (bát tự) : xem Cht. 14, bài *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*, số **8**, của Trần Cảnh. Cũng có thể tám chữ ở đây là chỉ hai câu liền ngay phía trên : *Hữu cú vô cú, Như thị như thị*.

(9) Nguyên văn : *Toàn vô ba tị, ba tị* nghĩa đen là cái mũi lớn, ý nói những vấn đề nổi bật, quan trọng. Đại ý là đã hiểu rõ rồi thì hoàn toàn không còn vấn đề gì quan trọng, không còn đối tượng nữa.

*

204

師弟問答

問。

昔僧問瑯琊和尚。清淨本然。云何忽生山河大地。意旨是如何。

曰。

大似漁船出海。

進云。

此意如何。

曰。

誰知遠煙浪別有好商量。

問。

如何是過去佛家風。

曰。

園林寂寞無人管。
李白桃紅自在華。

問。

如何是現在佛家風。

曰。

白水家風迷曉燕。
紅桃僊苑醉春風。

進曰。

如何是未來佛家風。

曰。

海浦待潮天欲月。
漁村聞笛客思家。

進云。

如何是和尚家風。